

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Mỹ Hải Lộc

**HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẨM ĐỘ
TẠI KHU VỰC ẨM ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG
(2007 - 2024)**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUAN HỆ QUỐC TẾ

Hà Nội – 2025

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Trần Mỹ Hải Lộc

HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẤN ĐỘ
TẠI KHU VỰC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG
(2007 - 2024)

Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

Mã số: 9310601.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ QUỐC TẾ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

- PGS. TS. Trần Thiện Thanh
- TS. Phạm Thị Yên

XÁC NHẬN NCS ĐÃ CHỈNH SỬA THEO QUYẾT NGHỊ
CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ LUẬN ÁN

Chủ tịch hội đồng đánh giá
Luận án Tiến sĩ

Cán bộ hướng dẫn khoa học

PGS. TS. Bùi Thành Nam

PGS. TS. Trần Thiện Thanh

Hà Nội - 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận án tiến sĩ “*Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (2007-2024)*” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Tất cả các số liệu, dữ liệu và nội dung được đề cập trong luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đầy đủ theo quy định. Những đánh giá, kết luận của luận án là kết quả nghiên cứu của riêng tác giả.

Tác giả luận án

Trần Mỹ Hải Lộc

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên, tôi xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Trần Thiện Thanh và TS. Phạm Thị Yên đã dành thời gian và công sức quý báu để hướng dẫn và chỉ đạo tôi trong suốt quá trình thực hiện luận án tiến sĩ. Từ những bước đầu tiên, tôi luôn nhận được sự hỗ trợ tận tình từ Cô Thanh và Cô Yên, không chỉ qua những lời động viên mà còn qua việc góp ý, chỉnh sửa chi tiết từng phần của luận án. Nhờ đó, tôi đã học được cách tiếp cận vấn đề một cách đa chiều và có hệ thống, đồng thời hạn chế những nhận định chủ quan và biết cách tôn trọng mọi quan điểm khi nghiên cứu các vấn đề quan hệ quốc tế. Những bài học quý giá này sẽ luôn là kim chỉ nam cho tôi trong suốt chặng đường nghiên cứu tiếp theo. Những sự chỉnh sửa và góp ý cần trọng từ Cô Thanh đã giúp luận án của tôi trở nên hoàn thiện hơn, đồng thời nâng cao giá trị khoa học của nghiên cứu.

Lòng biết ơn chân thành của tôi cũng xin được gửi đến GS.TS. Hoàng Khắc Nam, PGS.TS. Phạm Văn Thủy, TS. Vũ Anh Thư, TS. Ngô Tuấn Thắng, TS. Lê Lena, TS. Vũ Văn Anh đã giảng dạy và cung cấp cho tôi nhiều kiến thức quan trọng trong các học phần NCS. Các Thầy và Cô luôn động viên, chia sẻ, góp ý và luôn chia sẻ thêm nhiều góc nhìn khoa học để tôi có thể đi đúng hướng khi nghiên cứu về quốc phòng của Ấn Độ. Tôi nhận thấy sự thay đổi trong tư duy nghiên cứu của bản thân đã thay đổi đáng kể từ khi trở thành nghiên cứu sinh của Khoa Quốc tế học, Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Hà Nội.

Ngoài ra, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các nguyên cán bộ của Tổng lãnh sự quán Ấn Độ tại Tp. Hồ Chí Minh, và các chuyên gia hàng đầu về quốc phòng Ấn Độ như TS. Ananta S.B. De Gurung (Centre for Indo-Pacific Studies, Jawaharlal Nehru University), PGS. TS. Dhananjay Tripathi (Dean, Department of International Relations, South Asian University) và GS. Amit Kumar Mishra (Dean, School of Global Affairs, Dr. B. R. Ambedkar University Delhi) đã nhiệt tình tiếp đón trong quá trình tôi khảo sát thực tế tại Ấn Độ trong tháng 8/2024. Đồng thời, tôi cũng xin cảm ơn đến 18 nhà khoa học từ các Viện nghiên cứu chính sách từ Đức, Mỹ, Australia, Nhật Bản, Philippines, Ấn Độ, Phó Tổng lãnh sự của Lãnh sự quán Campuchia tại Tp. HCM, Bà Tatiya của Thượng viện Vương quốc Thái Lan,

Nguyên Đại tá R Srinivasan của Lực lượng Không quân Ấn Độ đã đồng ý tham gia khảo sát trực tuyến ẩn danh để giúp tôi hình thành một khung đánh giá cơ bản cho luận án.

Tôi cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến Ban thư ký ASEAN, Bộ Ngoại giao Ấn Độ, Viện RIS (Ấn Độ) và Viện ISEAS - Yusof Ishak (Singapore) đã cho tôi cơ hội được tham dự Hội nghị bàn tròn lần thứ 8 của Mạng lưới các nhóm nghiên cứu ASEAN-Ấn Độ được tổ chức tại Singapore vào tháng 11/2024 với tư cách đại diện Việt Nam để cùng trao đổi với các chính khách của các nước và có cơ hội trao đổi về luận án của tôi. Đây là cơ hội quý giá mà một NCS như tôi được trải nghiệm trong quá trình học tập.

Tôi cũng muốn gửi lời cảm ơn đến Chị Trần Thị Thủy và Chị Nguyễn Thị Thanh Hoa của lớp NCS Khóa 2022, ba chúng tôi đã kề vai sát cánh, trò chuyện thâu đêm vào những giai đoạn quan trọng nhất để cùng phản biện lẫn nhau, hỗ trợ nhau học tập và nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin tri ân sâu sắc nhất đến Bố, Mẹ đã đồng hành, tin tưởng và động viên tôi trong những lúc khó khăn nhất của cuộc đời. Tôi hy vọng rằng với việc hoàn thành bậc học tiến sĩ sẽ là động lực lớn đến em trai không ngừng nỗ lực và cố gắng để có thể cùng tôi chăm sóc gia đình sau này. Luận án này không thể hoàn thành được nếu như không có sự thầm lặng của người bạn tâm giao của tôi Q.T đã động viên và sát cánh cùng tôi trong suốt thời gian tôi làm luận án từ Tp. HCM cho đến Hà Nội và những chuyến đi đáng nhớ ở Ấn Độ.

Xin thứ lỗi vì còn nhiều Thầy/ Cô và đồng nghiệp khác nhưng tôi không thể kể hết tên của họ ở đây. Từ tận đáy lòng, tôi xin cảm ơn tất cả những mối quan hệ quan trọng mà tôi đã có được trong suốt hành trình học tập NCS và trong cuộc sống.

Xin trân trọng cảm ơn.

Tác giả luận án

Trần Mỹ Hải Lộc

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	
LỜI CẢM ƠN	
MỤC LỤC	1
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ HÌNH	6
MỞ ĐẦU	7
1. Lý do chọn đề tài	7
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	9
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	9
4. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu	13
5. Đóng góp của Luận án	16
6. Bố cục của Luận án	16
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU	18
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	18
<i>1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận, thực tiễn hợp tác quốc phòng nói chung</i>	<i>18</i>
<i>1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chính sách đối ngoại và chính sách quốc phòng của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024</i>	<i>25</i>
<i>1.1.3. Các công trình nghiên cứu thực tiễn hợp tác quốc phòng đa phương và song phương của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024</i>	<i>30</i>
1.2. Nhận xét chung và hướng phát triển của đề tài	51
<i>1.2.1. Những kết quả nghiên cứu mà Luận án sẽ kế thừa và tiếp thu</i>	<i>51</i>
<i>1.2.2. Những khoảng trống của các nghiên cứu đi trước</i>	<i>52</i>
<i>1.2.3. Hướng phát triển của đề tài</i>	<i>53</i>
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẤN ĐỘ TẠI ẤN ĐỘ DƯƠNG – THÁI BÌNH DƯƠNG TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2024	55
2.1. Cơ sở lý luận	55
<i>2.1.1. Khái niệm về hợp tác và hợp tác quốc phòng</i>	<i>55</i>

2.1.2. Hợp tác quốc phòng dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế ...	61
2.1.3. Khung phân tích	69
2.1.4. Hệ tiêu chí đánh giá	71
2.2. Các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ	73
2.2.1. Cấp độ hệ thống	73
2.2.2 Cấp độ quốc gia	87
2.2.3. Cấp độ cá nhân	95
Tiểu kết chương 2	100
Chương 3. THỰC TRẠNG HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẤN ĐỘ TẠI	
 ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2024.....	102
3.1. Hợp tác quốc phòng song phương của Ấn Độ.....	102
3.1.1. Với Mỹ	103
3.1.2. Với Nga.....	108
3.1.3. Với Nhật Bản	115
3.1.4. Với Australia	119
3.1.5. Với Trung Quốc.....	124
3.1.6. Với Việt Nam	128
3.2. Hợp tác quốc phòng đa phương của Ấn Độ.....	133
3.2.1. Quad	133
3.2.2. ASEAN.....	137
3.2.3. Trong các khuôn khổ hợp tác khác	145
Tiểu kết chương 3	154
Chương 4. NHẬN XÉT THỰC TRẠNG VÀ DỰ BÁO HỢP TÁC QUỐC	
 PHÒNG TRONG NHIỆM KỲ 3 CỦA THỦ TƯỚNG ẤN ĐỘ.....	156
4.1. Nhận xét hợp tác quốc phòng của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024.....	156
4.1.1. Đặc điểm về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.....	156
4.1.2. Kết quả đạt được về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.....	161
4.1.3. Hạn chế và rủi ro về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.....	165
4.2. Tác động của hợp tác quốc phòng Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương -	
Thái Bình Dương	168

4.3. Xu hướng hợp tác quốc phòng Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong nhiệm kỳ 3 của Thủ tướng Modi.....	174
4.4. Kiến nghị về hợp tác quốc phòng cho Việt Nam.....	182
<i>Tiểu kết chương 4</i>	<i>189</i>
KẾT LUẬN	191
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ	
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	195
TÀI LIỆU THAM KHẢO	196
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Tên tiếng Anh	Tên tiếng Việt
1	AĐD	Indo Pacific	Ấn Độ Dương
2	AĐD-TBD	Indo - Pacific	Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
3	ADMM+	ASEAN Defense Ministers' Meeting Plus	Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN+
4	AiIB	Asian Infrastructure Investment Bank	Ngân hàng Đầu tư Cơ sở hạ tầng châu Á
5	AIME	ASEAN India Maritime Exercise	Diễn tập Hàng hải đa phương giữa ASEAN-Ấn Độ
6	ARF	ASEAN Regional Forum	Diễn đàn khu vực ASEAN
7	ASEAN	The Association of Southeast Asian Nations	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
8	BDN	Blue Dot Network	Mạng lưới Điểm Xanh
9	BIMSTEC	Bay of Bengal Initiative for MultiSectoral Technical and Economic Cooperation	Sáng kiến vùng Vịnh Bengal về hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật đa khu vực
10	BRI	Belt and Road Initiative	Sáng kiến Vành đai và Con đường
11	CA-TBD	Asia - Pacific	Châu Á - Thái Bình Dương
12	CGAE	Coast Guard Air Enclave	Khu vực Không quân của Cảnh sát biển
13	CGAS	Coast Guard Air Station	Trạm Không quân của Cảnh sát biển
14	DPSU	Defence Public Sector Undertakings	Các doanh nghiệp quốc phòng công
15	DRDO	Defence Research and Development Organisation	Cơ quan Nghiên cứu - Phát triển Quốc phòng
16	EAMF	Expanded ASEAN Maritime Forum	Diễn đàn Hàng hải ASEAN mở rộng

17	EAS	East Asia Summit	Hội nghị Cấp cao Đông Á
18	EU	European Union	Liên minh Châu Âu
19	FOIP	Free and Open Indo-Pacific	Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
20	GGHB	Peacekeeping	Gìn giữ hòa bình
21	UNSC	United Nations Security Council Resolution	Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc
22	IONS	Indian Ocean Naval Symposium	Hội nghị Hải quân Ấn Độ Dương
23	INR	Indian Rupee	Đồng rupee của Ấn Độ
24	IPOI	Indo-Pacific Oceans Initiative	Sáng kiến Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương
25	ITEC	Indian Technical and Economic Cooperation	Chương trình hợp tác kinh tế kỹ thuật Ấn Độ
26	LHQ	United Nations	Liên Hiệp Quốc
27	MOD	Ministry of Defense	Bộ Quốc phòng Ấn Độ
28	PLA	People's Liberation Army	Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc
29	Quad	Quadrilateral Security Dialogue	Đối thoại Tứ giác An ninh
30	SAARC	South Asian Association for Regional Cooperation	Hiệp hội Nam Á vì sự Hợp tác Khu vực
31	SCO	Shanghai Cooperation Organization	Tổ chức Hợp tác Thượng Hải
32	SIPRI	Stockholm International Peace Research Institute	Viện Nghiên cứu Hòa bình Quốc tế Stockholm
33	UNSC	United Nations Security Council	Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc
34	USD	United States Dollar	Đồng Đô-la Mỹ

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ HÌNH

Bảng 2.1: Hình thức hợp tác quốc phòng phổ biến hiện nay.....	60
Bảng 2.2: Xếp hạng các chỉ số của Ấn Độ từ năm 2016 đến năm 2024.....	88
Bảng 3.1: Số lượng quân nhân Ấn Độ tham gia đào tạo tại Mỹ (2016-2021).....	105
Bảng 3.2: Số lượng vũ khí Ấn Độ nhập khẩu từ Nga (2000-2020)	114
Bảng 3.3: Các mặt hàng quốc phòng Ấn Độ nhập từ Trung Quốc (2012-2022)	128
Bảng 3.4: Các đối thoại chính thức của Quad từ năm 2017 đến năm 2024	134
Bảng 3.5: Các đối thoại quan trọng trong hợp tác quốc phòng Ấn Độ - ASEAN	138
Bảng 3.6: Số lần tàu hải quân Ấn Độ thăm các quốc gia ASEAN (2007 - 2023).....	140
Bảng 3.7: Danh mục các cuộc tập trận quân sự của Ấn Độ và các nước ASEAN	142
Bảng 3.8: Các đối thoại quan trọng trong hợp tác Ấn Độ - BIMSTEC	146
Hình 2.1: Khung phân tích hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.....	69
Hình 2.2: Sự hội tụ chiến lược của Mỹ, Australia, Nhật và Ấn Độ tại AĐĐ-TBD... ..	77
Hình 2.3: Mạng lưới kết nối trên bộ và đất liền của Trung Quốc tại AĐĐ	81
Hình 3.1: Tuổi thọ ước tính các hệ thống vũ khí của Ấn Độ do Nga cung cấp	111
Hình 4.1: Nhận xét về mức độ hợp tác quốc phòng của Ấn Độ	156

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Khu vực ADD-TBD đang ngày càng nổi lên như một không gian chiến lược trung tâm trong cấu trúc chính trị – an ninh toàn cầu. Với vị trí trọng yếu kết nối các tuyến hàng hải quan trọng nhất thế giới, giàu tài nguyên thiên nhiên, đồng thời là nơi tập trung các thị trường kinh tế năng động, khu vực này trở thành điểm hội tụ lợi ích của các cường quốc. Sự cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng giữa các trung tâm quyền lực lớn, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc, đã đặt các quốc gia trong khu vực vào tình thế phải điều chỉnh chiến lược đối ngoại, tái định hình vai trò quốc gia trong bối cảnh môi trường an ninh ngày càng phức tạp và đa chiều.

Trong bối cảnh tái cấu trúc trật tự khu vực ADD–TBD dưới tác động của cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc, Ấn Độ nổi lên như một nhân tố trung tâm với ảnh hưởng ngày càng rõ nét. Nằm tại điểm giao cắt giữa Nam Á, Đông Nam Á và Ấn Độ Dương - nơi kiểm soát nhiều tuyến hàng hải chiến lược, Ấn Độ sở hữu lợi thế địa chiến lược nổi bật, cho phép nước này đóng vai trò then chốt trong các sáng kiến an ninh khu vực. Vai trò đó được củng cố thông qua việc tăng cường hiện diện hải quân, mở rộng hợp tác quốc phòng song phương và đa phương, cũng như tham gia chủ động vào các cơ chế an ninh như Quad, IORA và BIMSTEC. Trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gay gắt, Ấn Độ không chỉ được xem là đối tác có khả năng cân bằng quyền lực mà còn là một lực lượng kiến tạo an ninh khu vực dựa trên luật lệ, minh bạch và đa phương.

Truyền thống đối ngoại của Ấn Độ vốn gắn liền với chính sách trung lập và vai trò đồng sáng lập phong trào Không liên kết. Tuy nhiên, trong hơn hai thập kỷ qua, Ấn Độ đã từng bước điều chỉnh tư duy chiến lược, chuyển từ thế phòng thủ sang thế chủ động, dựa trên mô hình “*tự chủ chiến lược*” và “*đa liên kết*”. Sự hình thành của Quad vào năm 2007 là một bước ngoặt quan trọng, phản ánh cách tiếp cận mới của Ấn Độ trong lĩnh vực an ninh khu vực, trong đó hợp tác quốc phòng được xem là công cụ cốt lõi để vừa mở rộng ảnh hưởng, vừa tạo thế cân bằng trước sự trỗi dậy và gia tăng hiện diện của Trung Quốc qua BRI và chiến lược “*Chuỗi ngọc trai*” tại ADD.

Nếu như giai đoạn dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh (2004–2014) chủ yếu phản ánh giai đoạn hình thành nhận thức chiến lược của Ấn Độ về khu vực AĐD-TBD, thì dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi (2014–2024), chiến lược quốc phòng đã có sự chuyển hướng sâu rộng, mang tính chủ động và thực dụng hơn. Ấn Độ tập trung nâng cao năng lực phòng thủ, củng cố sức mạnh và xây dựng một vị thế chiến lược mới, hướng đến mục tiêu trở thành quốc gia phát triển có tiềm lực quốc phòng toàn diện vào năm 2047. Trọng tâm của chiến lược này là thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các đối tác then chốt như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Nga và các nước ASEAN, nhằm góp phần kiến tạo một cấu trúc an ninh khu vực dựa trên luật lệ. Ưu tiên hàng đầu được dành cho việc bảo đảm tự do hàng hải, phát huy vai trò gìn giữ hòa bình của Hải quân Ấn Độ trong bối cảnh tình hình chính trị – an ninh khu vực có nhiều diễn biến phức tạp (Indian Navy, 2015, tr.2). Hợp tác quốc phòng không chỉ nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia, mà còn định hình vai trò của Ấn Độ như một “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*”, hình ảnh mà Mỹ kỳ vọng ở Ấn Độ trong cấu trúc an ninh khu vực (Colin Geraghaty, 2012, tr.2).

Trên cơ sở đó, việc nghiên cứu hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024 không chỉ làm rõ thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, mà còn mang lại những giá trị tham khảo thiết thực cho Việt Nam trong hoạch định chính sách hợp tác quốc tế về quốc phòng và an ninh trong bối cảnh chính trị khu vực đang ngày càng biến động. Từ thực tiễn của Ấn Độ, có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm về cách tiếp cận linh hoạt nhưng kiên định trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia, nâng cao vị thế chiến lược và thích ứng với cạnh tranh giữa các cường quốc. Xuất phát từ những cơ sở đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài “***Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (2007–2024)***” để thực hiện luận án Tiến sĩ ngành Quan hệ quốc tế, tập trung làm rõ ba câu hỏi trọng tâm: (1) Những nhân tố nào ảnh hưởng đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại AĐD–TBD trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024? (2) Hợp tác này có đặc điểm gì và tác động như thế nào đến an ninh khu vực? (3) Trong nhiệm kỳ thứ ba của Thủ tướng Modi, xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ sẽ tiếp tục phát triển theo hướng nào?

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận án là làm rõ thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD trong giai đoạn từ 2007 đến 2024, qua đó nhận xét và đưa ra một số kiến nghị cho hợp tác quốc phòng của Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, Luận án đề ra các nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, hệ thống lại nguồn tư liệu nghiên cứu về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực AĐD-TBD.

Thứ hai, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.

Thứ ba, phân tích thực trạng triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác an ninh chủ chốt đa phương và song phương trong khu vực AĐD-TBD.

Thứ tư, rút ra một số nhận xét, đánh giá tác động và xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ ở nhiệm kỳ 3 của Thủ tướng Modi

Thứ năm, đưa ra một số kiến nghị cho hợp tác quốc phòng của Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Về đối tượng nghiên cứu

Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, bao gồm hợp tác song phương và đa phương.

3.2. Về phạm vi nghiên cứu

❖ *Phạm vi không gian*: Khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Việc diễn giải thuật ngữ “AĐD-TBD” là nơi hợp lưu của hai đại dương và các quốc gia xung quanh là điều đương nhiên theo không gian địa lý. Mỹ, Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh, EU và ASEAN đều coi khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương là một phần quan trọng trong chính sách đối ngoại, nhưng mức độ ưu tiên và cách tiếp cận của từng quốc gia có thể khác nhau. Mỗi quốc gia xác định phạm vi địa lý theo cách riêng và hướng tới việc thiết lập một trật tự đa cực dựa trên luật lệ, với mục tiêu chính là duy trì sự cân bằng chiến lược trước các mối đe dọa trong khu vực.

Trong luận án, khu vực AĐD-TBD được xác định dựa theo góc nhìn của Ấn Độ bao gồm *không gian địa lý và chiến lược*. Năm 2018, tại Đối thoại

Shangri-La, Thủ tướng Narendra Modi đã nêu rõ quan điểm của Ấn Độ về khu vực AĐD-TBD là từ bờ biển Châu Phi đến bờ biển Châu Mỹ (Ministry of External Affairs, 2018), bao gồm toàn bộ AĐD, Thái Bình Dương và hầu hết các đối tác của Ấn Độ như ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ, Australia, New Zealand, các quốc đảo Thái Bình Dương và một phần của Châu Phi (*xem phụ lục 2*) và cả Nga (Wada Haruko, 2020, tr.11). Tuy không nằm trong phạm vi địa lý của khu vực AĐD-TBD, Nga vẫn được xem là một đối tác chiến lược quan trọng trong cách tiếp cận của Ấn Độ đối với khu vực này. Từ góc nhìn của Ấn Độ, phạm vi khu vực AĐD-TBD không chỉ giới hạn ở yếu tố địa lý mà còn bao hàm cả những nhân tố chiến lược, trong đó Nga đóng vai trò đáng kể trong việc định hình trật tự địa chính trị tại đây.

Mặc dù còn một số quốc gia bên ngoài có sự hiện diện chiến lược trong khu vực, trọng tâm của luận án sẽ phân tích thực trạng hợp tác quốc phòng song phương của Ấn Độ với **sáu** đối tác an ninh chủ chốt, bao gồm Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Trung Quốc và Việt Nam. Sự lựa chọn này không chỉ dựa trên mức độ hợp tác mà còn phản ánh vai trò quan trọng của các quốc gia này trong cấu trúc an ninh khu vực AĐD-TBD, tác động trực tiếp đến các sáng kiến và chiến lược an ninh của Ấn Độ: **Mỹ** là đối tác chiến lược và toàn cầu toàn diện (*Comprehensive Global and Strategic Partnership*), còn **Nhật Bản** là đối tác chiến lược đặc biệt và toàn cầu (*Special Strategic and Global Partnership*). Cả hai quốc gia này đều đóng vai trò trung tâm trong các sáng kiến an ninh khu vực và có hợp tác sâu rộng với Ấn Độ trong các cơ chế như Quad. **Trung Quốc** dù được xem là một “*mối đe dọa an ninh*” đối với Ấn Độ, nhưng với vị trí địa lý liền kề và lợi ích chiến lược đan xen, hai nước vẫn duy trì hợp tác quốc phòng nhằm kiểm soát căng thẳng và định hình môi trường an ninh khu vực. Quan hệ hai nước được xác lập là đối tác chiến lược và hợp tác vì hòa bình và thịnh vượng (*Strategic and Cooperative Partnership for Peace and Prosperity*) từ năm 2005. **Nga** vừa là một đối tác an ninh truyền thống có ảnh hưởng sâu sắc đến chiến lược quốc phòng của Ấn Độ, vừa là đối tác chiến lược đặc biệt và đặc quyền (*Special and Privileged Strategic Partnership*) từ năm 2010. Sự hợp tác quốc phòng với Nga có tác động không nhỏ đến sự cân bằng quyền lực

trong khu vực. *Australia* và *Việt Nam* đều là đối tác chiến lược toàn diện, có vai trò quan trọng trong sáng kiến AĐD-TBD của Ấn Độ, và có những hợp tác thực chất trong lĩnh vực quốc phòng.

Luận án lựa chọn Việt Nam làm đối tác an ninh điển hình của Ấn Độ bởi vị thế trung tâm trong cấu trúc cân bằng đa cực khu vực giữa sáu cường quốc: Mỹ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Australia và cả Ấn Độ. Việt Nam là quốc gia hiếm hoi trong khu vực thiết lập quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với đối tác an ninh lớn của Ấn Độ (Mỹ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc, Australia), cho thấy vai trò linh hoạt và trọng yếu trong chiến lược an ninh khu vực. Đồng thời, Việt Nam giữ vai trò trụ cột trong chính sách “*Hành động Hướng Đông*” và là đối tác chủ chốt trong việc triển khai Tầm nhìn AĐD-TBD của Ấn Độ. Theo đánh giá của Brig Vinod Anand (2019, tr. 22), quan hệ quốc phòng với Việt Nam là quan hệ song phương mạnh nhất của Ấn Độ trong ASEAN. Do đó, phân tích tác động của hợp tác quốc phòng giữa hai nước không chỉ giúp làm rõ chiến lược khu vực của Ấn Độ, mà còn là cơ sở để đưa ra một số kiến nghị chính sách thiết thực cho Việt Nam.

Bên cạnh hợp tác song phương, luận án cũng xem xét hợp tác đa phương của Ấn Độ với Quad, ASEAN và các khuôn khổ khác như BIMSTEC, SAARC, IORA và SCO. Những cơ chế này phản ánh vai trò ngày càng gia tăng của Ấn Độ trong việc định hình cấu trúc an ninh khu vực, cũng như cách nước này phối hợp với các đối tác nhằm duy trì ổn định và cân bằng chiến lược trong khu vực.

❖ *Phạm vi thời gian*: Từ năm 2007 đến năm 2024.

Luận án bắt đầu từ mốc thời gian năm 2007, với ba lý do chính như sau:

Thứ nhất, thuật ngữ AĐD-TBD đã đi vào diễn ngôn trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ khi cựu Đại tá Hải quân Gurpreet Khurana giới thiệu khái niệm vào năm 2007, tập trung vào việc bảo đảm các tuyến thông thương biển cũng như mở rộng hợp tác hàng hải với Nhật Bản.

Thứ hai, Quad được thành lập vào năm 2007 với mục tiêu bảo vệ trật tự quốc tế dựa trên luật lệ và đối phó với mối đe dọa đang ngày càng gia tăng từ Trung Quốc. Đây là bước ngoặt quan trọng trong hợp tác quốc phòng và quan hệ đối tác giữa Ấn Độ và các quốc gia thành viên.

Thứ ba, cũng trong năm 2007, Ấn Độ đã công bố “*Tự do sử dụng biển: Chiến lược quân sự hàng hải của Ấn Độ*” nhằm đảm bảo ổn định và hòa bình trong khu vực biển AĐD. Chiến lược này đã thiết lập cơ sở và định hướng cho các hoạt động hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực này, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của an ninh hàng hải đối với Ấn Độ.

Đồng thời, năm 2024 cũng là giai đoạn kết thúc nhiệm kỳ thứ hai và bắt đầu nhiệm kỳ thứ 3 của Thủ tướng Narendra Modi. Đây là mốc thời gian mang tính bước ngoặt, tạo cơ sở để luận án nhận xét, đánh giá tác động và dự báo xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn tiếp theo.

❖ *Phạm vi nội dung:*

Ấn Độ thúc đẩy hợp tác quốc phòng để đạt ba mục tiêu: (1) cân bằng quyền lực với các mối đe dọa trong khu vực, (2) nâng cao năng lực quốc phòng và (3) sử dụng AĐD-TBD để thúc đẩy các lợi ích chiến lược. Những mục tiêu này gắn liền với ba vấn đề trong chính sách đối ngoại do Ngoại trưởng Shivshankar Menon (2010-2014) đề ra: (1) đảm bảo vùng ngoại vi hòa bình, tăng cường hiện diện quân sự và hợp tác quốc phòng tại AĐD-TBD nhằm duy trì ổn định, đồng thời kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc; (2) quan hệ với các cường quốc giúp Ấn Độ củng cố liên minh chiến lược, bảo vệ lợi ích quốc gia trước các thách thức an ninh. (3) giải quyết với các vấn đề tương lai như an ninh năng lượng, nước và môi trường... đòi hỏi Ấn Độ phải giữ vai trò chủ động trong cấu trúc an ninh khu vực để đảm bảo nguồn lực và ổn định chiến lược (Shivshankar Menon, 2007, tr.1). Vì vậy, hợp tác quốc phòng giúp Ấn Độ bảo vệ lợi ích và củng cố vị thế trong trật tự khu vực.

Trong khuôn khổ Luận án, các hoạt động hợp tác quốc phòng sẽ được phân tích bao gồm: *các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng; đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung (bao gồm Không quân/ Lục quân/ Hải quân); Hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng với các đối tác an ninh.* Những hoạt động này là một phần của chiến lược quyền lực mềm của Ấn Độ, nhằm tạo dựng một bản sắc riêng trong hợp tác quốc phòng. Thông qua đó, Ấn Độ muốn xây dựng hình quốc gia thiện chí, đối tác an ninh đáng tin cậy, đồng thời khẳng định rằng hợp tác quốc phòng không nhằm đe dọa bất kỳ quốc gia nào mà chỉ hướng tới sự ổn định và hòa bình trong khu vực.

4. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý thuyết

Luận án được nghiên cứu dựa trên các quan điểm lý thuyết trong quan hệ quốc tế của *chủ nghĩa hiện thực*, *chủ nghĩa tự do* và *chủ nghĩa kiến tạo* để xây dựng khung phân tích nhằm làm rõ hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.

Chủ nghĩa hiện thực được áp dụng trong luận án nhằm làm rõ việc Ấn Độ tập trung vào an ninh quốc phòng với nhu cầu phòng thủ trước những đe dọa lợi ích quốc gia của mình. Luận án sử dụng lý thuyết cân bằng quyền lực để phân tích rõ hơn mục tiêu mà Ấn Độ đang theo đuổi nhằm đảm bảo hòa bình và ổn định trong khu vực thông qua cân bằng bên trong (xây dựng sức mạnh bằng chính năng lực quốc gia) và cân bằng bên ngoài (thông qua việc kết hợp sức mạnh của mình với các đối tác an ninh đa phương và song phương). **Chủ nghĩa tự do** được luận án áp dụng để làm rõ quá trình triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực ADD - TBD. Trên cơ sở những luận điểm chính yếu về hợp tác của chủ nghĩa tự do, Luận án vận dụng lý luận về *quyền lực mềm* của Joshep Nye để lý giải vì sao hình ảnh Ấn Độ trong dư luận quốc tế là thiện chí và tích cực hơn so với Trung Quốc. Trên thực tế, mặc dù hợp tác quốc phòng luôn được xem là nhân tố cấu thành của quyền lực cứng, nhưng trên quan điểm của Ấn Độ, quốc gia này luôn hướng đến phương thức mềm để xây dựng hình ảnh Ấn Độ đối với các quốc gia trong khu vực ADD-TBD trên phương diện hòa bình thay vì đối đầu. Còn **chủ nghĩa kiến tạo** dùng để nhấn mạnh vai trò của các chuẩn mực, bản sắc và tương tác xã hội trong việc định hình chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng. Bằng cách thể hiện mình là một chủ thể không đe dọa, Ấn Độ đã xây dựng lòng tin và sự tín nhiệm, vốn rất quan trọng để thúc đẩy hợp tác quốc phòng sâu sắc hơn.

4.2. Cách tiếp cận

Luận án sử dụng ba cách tiếp cận chính nhằm xây dựng nền tảng lý luận phù hợp với đặc điểm của đề tài: (1) *các cấp độ phân tích* trong quan hệ quốc tế để hạn chế các nhận định mang tính chất cảm tính, phiến diện khi xem xét hợp tác quốc phòng Ấn Độ. Trong đó, cấp độ hệ thống tập trung vào việc phân tích bối cảnh thế

giới và khu vực, nghiên cứu ở cấp độ này giúp đánh giá sự ảnh hưởng của chính sách và quyết định khu vực đối với hợp tác quốc phòng và xác định tiềm năng hợp tác quốc tế. Cấp độ quốc gia tập trung vào sự tương tác của các nhóm lợi ích và chính sách đối với hướng đi và mục tiêu hợp tác quốc phòng của Ấn Độ. Cấp độ cá nhân tập trung vào định hướng của các nhà lãnh đạo Ấn Độ và cách họ định hướng và thúc đẩy hợp tác quốc phòng.

(2) cách **tiếp cận địa chiến lược** để làm rõ thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ và cách nước này định hình vị thế trong bối cảnh cạnh tranh quyền lực gia tăng tại khu vực AĐD-TBD. Việc đảm bảo an ninh khu vực không chỉ quan trọng với an ninh quốc gia mà còn giúp Ấn Độ nâng cao vị thế chiến lược và khẳng định tiếng nói trong các vấn đề an ninh toàn cầu. (3) cách **tiếp cận lịch sử** cũng được Luận án áp dụng nhằm phân tích quá trình hình thành và biến đổi trong chiến lược hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, qua từng giai đoạn khác nhau từ năm 2007 đến năm 2024, qua đó làm rõ bối cảnh, động lực và các yếu tố tác động đến sự điều chỉnh chiến lược của Ấn Độ.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Luận án sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, dựa trên các nguồn tài liệu báo cáo của Chính phủ Ấn Độ và các quốc gia liên quan, tài liệu chính thức từ các cơ quan nghiên cứu quốc tế uy tín. Ngoài ra, một số sách, tạp chí chuyên ngành, kỷ yếu hội thảo trong và ngoài nước, báo chính thống cũng được tham khảo có chọn lọc để đảm bảo tính khoa học.

Là đề tài về quan hệ quốc tế nên phương pháp nghiên cứu chủ yếu là các phương pháp nghiên cứu quan hệ quốc tế nhằm xem xét sự hình thành, đánh giá những chính sách và triển khai hoạt động hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác an ninh chủ chốt tại khu vực AĐD-TBD. Để đạt hiệu quả nghiên cứu, luận án đã vận dụng các phương pháp nghiên cứu như sau:

Thứ nhất, sự phát triển trong hoạt động hợp tác quốc phòng của Ấn Độ có một quá trình vận động lâu dài nên đề tài sử dụng **phương pháp nghiên cứu lịch sử** để tìm hiểu về bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước của Ấn Độ khi triển khai hoạt động hợp tác quốc phòng.

Thứ hai, Luận án sử dụng **phương pháp chuyên gia** theo hai dạng: (1) phương pháp Delphi để khảo sát trực tuyến 18 chuyên gia hàng đầu trong và ngoài nước để xây dựng hệ tiêu chí đánh giá hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong chương 4. Quá trình khảo sát diễn ra trên nền tảng Google Form, với một vòng khảo sát duy nhất; (2) phương pháp phỏng vấn trực tiếp ba chuyên gia Ấn Độ đến từ Jawaharlal Nehru University, South Asian University, và Dr. B. R. Ambedkar University nhằm làm cơ sở tham khảo, so sánh và đối chiếu với các nhận định trong luận án.

Thứ ba, **phương pháp phân tích chính sách** được sử dụng nhằm đánh giá chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong hợp tác quốc phòng tại khu vực ADD-TBD, xác định sự nhất quán giữa các hoạt động và đường lối đối ngoại của quốc gia, từ đó nhận xét, đánh giá tác động và dự báo xu hướng hợp tác trong giai đoạn tiếp theo.

Thứ tư, **phương pháp phân tích diễn ngôn** được Luận án sử dụng để nghiên cứu cách diễn ngôn và từ ngữ được các nhà lãnh đạo của Ấn Độ sử dụng có liên quan đến các nội dung trong chính sách đối ngoại của quốc gia, nhưng không được thể hiện trong các văn bản chính thống.

Thứ năm, **phương pháp phân tích và tổng hợp** nhằm phân tích các nội dung thể hiện hoặc tiềm ẩn trong các văn bản ngoại giao, báo cáo chính thức, số liệu từ các cơ quan/ bài nghiên cứu nhận định của học giả, giới hoạch định chính sách và hợp tác quốc phòng của Ấn Độ có liên quan đến đề tài nghiên cứu.

Thứ sáu, **phương pháp nghiên cứu trường hợp** (case study) được áp dụng để phân tích chi tiết các trường hợp cụ thể, trong Luận án thì các trường hợp điển hình này là hoạt động hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia Mỹ, Nhật, Australia, Nga, Trung Quốc, Việt Nam và đa phương đối với ASEAN, Quad cũng như một số khuôn khổ khác trong khu vực.

Cuối cùng, **phương pháp dự báo** được sử dụng để luận án đưa ra các xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong nhiệm kỳ thứ ba của Thủ tướng Modi. Cách tiếp cận này dựa trên hai yếu tố chính để hình thành cơ sở của dự báo: (1) những thành tựu, rủi ro hợp tác quốc phòng của Ấn Độ từ năm 2007 đến 2024 và (2) sự thay đổi của các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.

5. Đóng góp của Luận án

Luận án có thể coi là công trình nghiên cứu hệ thống đầu tiên về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong giai đoạn 2007-2024. Sau khi hoàn thành, luận án sẽ đóng góp những giá trị mới như sau:

5.1. Về khoa học

Thứ nhất, Luận án góp phần bổ sung khái niệm và khung phân tích về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ.

Thứ hai, Luận án cung cấp bức tranh có hệ thống và tính khoa học về thực trạng triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại ADD-TBD trong việc duy trì an ninh và hòa bình khu vực.

Thứ ba, Luận án sử dụng hệ thống phương pháp luận trong quan hệ quốc tế để đánh giá và hệ thống hóa hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, đặc biệt dưới góc nhìn quyền lực mềm. Đây cũng chính là điểm mới của Luận án nhằm lý giải vì sao hình ảnh của Ấn Độ trên lĩnh vực hợp tác quốc phòng trong dư luận quốc tế luôn được xem là thiện chí và tích cực.

5.2. Về thực tiễn

Luận án là một nguồn tư liệu tham khảo mang tính hệ thống hóa hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD từ 2007-2024, phân tích các yếu tố tác động, phương thức triển khai, thành công và hạn chế, đồng thời dự báo xu hướng hợp tác trong tương lai. Đây sẽ là tư liệu nghiên cứu cho những ai quan tâm đến Ấn Độ hoặc nghiên cứu về quan hệ song phương và đa phương của quốc gia này.

Mặc dù trọng tâm của Luận án là hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại ADD-TBD, nhưng Luận án cũng đưa ra các kiến nghị cho Việt Nam. Kết quả từ Luận án có thể được sử dụng để phục vụ cho công tác giảng dạy cho chuyên ngành Quan hệ quốc tế và nghiên cứu về hợp tác quốc phòng hoặc chính sách đối ngoại Ấn Độ.

6. Bộ cục của Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục công trình khoa học của tác giả liên quan đến luận án và tài liệu tham khảo, luận án có 4 chương trọng tâm như sau:

Chương 1: Tổng quan về tình hình nghiên cứu

Luận án sẽ nghiên cứu, làm rõ các công trình liên quan đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại ADD-TBD trong giai đoạn nghiên cứu từ năm 2007 đến năm 2024 để xác định khoảng trống nghiên cứu và đưa ra hướng phát triển của đề tài.

Chương 2: Cơ sở lý luận và các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương từ năm 2007 đến năm 2024

Cơ sở lý luận gồm ba phần: (1) Giải thích khái niệm về hợp tác quốc phòng để hiểu rõ hơn bản chất, mục tiêu của hợp tác quốc phòng trong chiến lược của Ấn Độ; (2) Đề cập đến các quan điểm lý thuyết quan hệ quốc tế, tập trung vào các lý thuyết có liên quan đến đề tài bao gồm chủ nghĩa hiện thực; chủ nghĩa tự do; chủ nghĩa kiến tạo và (3) hình thành nên khung phân tích cho Luận án.

Các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương sẽ áp dụng các cấp độ phân tích trong quan hệ quốc tế để làm rõ các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực từ năm 2007 đến năm 2024.

Chương 3: Thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương từ năm 2007 đến năm 2024

Luận án tập trung phân tích hoạt động hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trên hai phương diện song phương và đa phương với các đối tác an ninh chủ chốt, trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024.

Chương 4: Nhận xét thực trạng và dự báo hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong nhiệm kỳ 3 của Thủ tướng Ấn Độ

Dựa vào kết quả của các chương trước, Luận án sẽ nhận xét đặc điểm và tác động của hợp tác quốc phòng Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD. Bên cạnh đó, Luận án sẽ trình bày các xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong nhiệm kỳ thứ 3 của Thủ tướng Modi và kiến nghị về hợp tác quốc phòng cho Việt Nam.

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Trong phần lịch sử nghiên cứu vấn đề, luận án “*Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (2007-2024)*” thực hiện hệ thống hóa các công trình nghiên cứu về lý luận hợp tác quốc phòng, những công trình liên quan đến thực tiễn hợp tác quốc phòng song phương, đa phương của Ấn Độ từ các học giả trong và ngoài nước kể từ năm 2007 đến nay. Thông qua phân tích các công trình điển hình này, luận án sẽ rút ra những mặt đóng góp chủ yếu, những điểm mạnh có thể kế thừa, đồng thời làm rõ những khoảng trống nghiên cứu cần được tiếp tục phát triển.

1.1.1. Các công trình nghiên cứu liên quan đến lý luận, thực tiễn hợp tác quốc phòng nói chung

Hợp tác quốc phòng được xem là công cụ lý tưởng để thúc đẩy các mục tiêu trong chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia thông qua việc ngăn chặn xung đột, xây dựng lòng tin lẫn nhau và năng lực quốc phòng trên phạm vi toàn cầu. Quan điểm này đã được tác giả Arvind Dutta (2009) đề cập trong bài viết “*Role of India's Defence Cooperation Initiatives in Meeting the Foreign Policy Goals*” (tạm dịch: Vai trò của các sáng kiến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong việc đạt được các mục tiêu chính sách đối ngoại), lần đầu tiên khái niệm hợp tác quốc phòng đã được làm rõ dưới góc nhìn của học giả Ấn Độ. Tác giả khẳng định rằng khi Ấn Độ ngày càng phát triển, chính phủ cần tận dụng ngoại giao quốc phòng để tăng cường lợi ích quốc gia của mình thông qua nhiều hoạt động khác nhau của hợp tác quốc phòng, chẳng hạn như đối thoại an ninh chiến lược, các chuyến thăm, trao đổi chuyên gia, huấn luyện quân sự, diễn tập phối hợp, hỗ trợ nhân đạo và Hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, hoạt động mua bán thiết bị quân sự và công nghệ quốc phòng. Tương tự, tác giả KA Muthana (2011) lại làm sáng tỏ sự nhập nhằng của khái niệm “*quân sự*” và “*quốc phòng*”, sự nhầm lẫn này có thể khiến cách tiếp cận lĩnh vực này trở nên khác biệt. Sau khi phân tích toàn diện cả về lý luận và thực tiễn của ngoại giao quân sự trong công tác đối ngoại trong bài viết “*Military*

Diplomacy” (Ngoại giao quân sự), tác giả nhận định rằng cụm từ “*quân sự*” và “*quốc phòng*” có thể hoán đổi cho nhau mà không làm thay đổi bản chất của hợp tác. Tương tự Muthana, tác giả Roby Thomas (2021), đã đưa ra góc nhìn về ngoại giao quốc phòng dưới góc nhìn của Ấn Độ trong bài viết “*Indian Defence Diplomacy: A Handbook*” (tạm dịch: Cẩm nang ngoại giao quốc phòng Ấn Độ), tác giả cho rằng từ “*quốc phòng*” và “*quân sự*” dường như có thể thay thế được, nhưng thuật ngữ “*quốc phòng*” có một số điểm nổi bật nhất định trong bối cảnh hiện tại. Điều này được coi là phù hợp vì lĩnh vực quốc phòng được bao trùm một phạm vi rộng, bao gồm “*hợp tác quân sự thuần túy như tập trận quân sự, trao đổi nhân viên quân sự, huấn luyện quân sự, đàm phán có cấu trúc, v.v. và hơn cả hợp tác quân sự thuần túy như ký kết Thỏa thuận/Biên bản ghi nhớ, đối thoại quốc phòng, cung cấp thiết bị quân sự từ khu vực công hoặc khu vực tư nhân, chia sẻ thông tin tình báo*” (tr.20).

Tuy có nhiều điểm chung về nhận định hợp tác quốc phòng, thế nhưng, bài viết “*The Shangri-La Dialogue and the institutionalization of defense diplomacy in Asia*” (Đối thoại Shangri-La và sự thể chế hóa ngoại giao quốc phòng ở châu Á) của hai tác giả David Capie & Brendan Taylor (2010) cho rằng hợp tác quốc phòng đa phương ở châu Á vốn bị nghi ngờ do yếu tố lịch sử nhằm mục đích thống trị, cạnh tranh với quốc gia đang chiếm ưu thế trong khu vực. Tương tự, bài viết “*Structures, Shocks and Norm Change: Explaining the Late Rise of Asia’s Defense Diplomacy*” (tạm dịch: Cấu trúc, Cú sốc và Sự thay đổi Chuẩn mực: Giải thích sự trỗi dậy muộn của ngoại giao quốc phòng châu Á) của tác giả David Capie (2013) nhận định rằng, khái niệm hợp tác đa phương được bắt nguồn từ Báo cáo Chiến lược Quốc phòng của Anh và được các quốc gia châu Á tiếp nhận và phát triển trong chính sách quốc phòng quốc gia. Tuy nhiên các cơ chế hoạt động của ngoại giao quốc phòng, kể cả đa phương chưa được mở rộng và triển khai sâu như hoạt động song phương.

Lech Drab (2018) nhận định rằng ngoại giao quốc phòng là một thuật ngữ mới trong thời kỳ hậu Chiến tranh Lạnh, mô tả nhiệm vụ của lực lượng vũ trang trong việc bảo vệ an ninh quốc gia trong bài viết “*Defence diplomacy - an important tool for the implementation of foreign policy and security of the state*” (Ngoại giao

quốc phòng - công cụ quan trọng để thực hiện chính sách đối ngoại và bảo đảm an ninh quốc gia). Trong đó, tư duy ngoại giao quốc phòng không chỉ là sự kết hợp truyền thống giữa quân sự và ngoại giao, mà nó là công cụ quan trọng trong việc xây dựng và thực hiện chính sách an ninh của quốc gia. Ngoại giao quốc phòng giúp thiết lập các mối quan hệ quốc tế ổn định và lâu dài trong lĩnh vực quốc phòng và góp phần vào mục tiêu an ninh tổng thể của quốc gia. Tác giả Arvind Yadav (2018) đã sử dụng nhận định của Bộ Quốc phòng Ấn Độ về khái niệm ngoại giao quân sự rằng “là những hành động được thực hiện thông qua trao đổi các chuyến thăm và đối thoại quân sự cấp cao liên quan đến các thách thức an ninh và các chuyến thăm cảng và hợp tác quân sự là những hoạt động bao gồm trao đổi đào tạo, diễn tập kết hợp, tìm nguồn cung ứng, phát triển, sản xuất và tiếp thị thiết bị quân sự và các hình thức hợp tác khác” (tr.64). Đây là nền tảng để thúc đẩy hợp tác với các đối tác an ninh trên thế giới và mỗi một đối tác sẽ khác nhau tùy theo từng bối cảnh và mục tiêu cụ thể.

Tiếp theo, quyển sách "*European Defence Cooperation in EU Law and IR Theory*" (Hợp tác quốc phòng châu Âu trong luật Liên minh châu Âu và lý thuyết quan hệ quốc tế) của Tom Dyson và Theodore Konstadinides (2013) đã sử dụng nhiều trường phái lý thuyết khác nhau như chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa thể chế, và chủ nghĩa hiện thực cổ điển để phân tích và giải thích sự phức tạp của hợp tác quốc phòng trong khu vực châu Âu. Nhưng tựu chung chủ nghĩa kiến tạo có sức chi phối và “tác động đáng kể cho quản trị và hợp tác quốc phòng của châu Âu” (tr.113) thông qua văn hóa chiến lược. Trong đó, mục tiêu chính của hợp tác quốc phòng là giảm thiểu một loạt các mối đe dọa an ninh không chắc chắn và phổ biến, bao gồm an ninh môi trường, tội phạm xuyên quốc gia, đại dịch toàn cầu, khủng bố quốc tế, các quốc gia thất bại và phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt. Quan điểm này giống Priya Chacko (2014), tác giả tin rằng chính sách đối ngoại của Ấn Độ luôn làm nổi bật các giá trị phi vật chất của chủ nghĩa kiến tạo để nâng cao hình ảnh tích cực đối với cộng đồng quốc tế. Nhìn vào bài nghiên cứu "*Explaining Defense Cooperation with Process-tracing: the Brazilian Proposal for the Creation of UNASUR South American Defense Council*" (Giải thích hợp tác quốc phòng bằng phương pháp tiếp

cận theo quy trình: Đề xuất của Brazil về việc thành lập Hội đồng Quốc phòng Nam Mỹ UNASUR) của Augusto W. M. Teixeira Júnior và Antonio Henrique Lucena Silva (2017), tác giả áp dụng các lý thuyết như hợp tác tự lực (*cooperation as self-help*), cân bằng quyền lực và cộng đồng an ninh (*security community*) để lý giải về hợp tác quốc phòng là một công cụ không thể thiếu trong chính sách đối ngoại. Nhìn chung, bài viết đưa ra một khung lý thuyết kết hợp để luận án so sánh và lựa chọn và hình thành khung phân tích phù hợp cho trường hợp của Ấn Độ.

Các tác giả Winger (2014), Muniruzzaman (2020) và Jaswinder Singh (2021) đều nhấn mạnh “ngoại giao quốc phòng” là công cụ không thể thiếu trong chính sách đối ngoại của các quốc gia trong quan hệ quốc tế hiện đại. Trong đó, Jaswinder Singh phân biệt rằng “ngoại giao quốc phòng” bao gồm tất cả các bộ phận của Bộ Quốc phòng, trong khi “ngoại giao quân sự” chỉ tập trung vào cơ quan quân sự cụ thể. Hai tác giả Muniruzzaman và Winger đề cập đến ngoại giao quốc phòng như một hình thức của quyền lực mềm, thông qua việc dùng lực lượng quân sự hòa bình để thúc đẩy quan hệ ngoại giao và chính sách đối ngoại. Bài viết “*Defense Diplomacy: A Powerful Tool of Statecraft*” (Ngoại giao quốc phòng: Công cụ quyền lực trong quản lý quốc gia) của Muniruzzaman (2020) giải thích rằng các hoạt động như trao đổi sĩ quan, chương trình đào tạo kết hợp và tập trận chung có thể định hình hiệu quả hành động của quốc gia khác mà không cần dùng vũ lực hoặc ép buộc. Ngoại giao quốc phòng cũng đóng vai trò trong việc giải quyết các thách thức an ninh phức tạp của thế kỷ 21. Trong bài viết “*The Velvet Gauntlet: A Theory of Defense Diplomacy, In: What Do Ideas Do?*” (tạm dịch: Lý thuyết về ngoại giao quốc phòng: Những ý tưởng có tác động gì?) tác giả Winger (2014) sử dụng quyền lực mềm để đánh giá hoạt động quốc phòng của các quốc gia, cho thấy sự kế thừa với khái niệm “ngoại giao quốc phòng” của Muniruzzaman. Còn lại, bài viết “*Military Diplomacy: An Appraisal in the Indian Context*” (Ngoại giao quân sự: Đánh giá trong bối cảnh Ấn Độ) của tác giả Jaswinder Singh (2021) đã chứng minh vai trò của ngoại giao quốc phòng trong việc nâng tầm Ấn Độ thành cường quốc mới nổi, phù hợp với khung lý thuyết “quyền lực mềm” mà hai tác giả Muniruzzaman và Winger đã nghiên cứu.

Gần đây nhất, bài viết “*The Art of Defense Diplomacy: How New Forms of Diplomacy are Shaping International Relations*” (Nghệ thuật ngoại giao quốc phòng: Cách các hình thức ngoại giao mới định hình quan hệ quốc tế) của tác giả Bintang Ramadhan Yusuf Khadafi và cộng sự (2023) đã diễn giải ngoại giao quốc phòng là một phương pháp tăng cường và bảo vệ an ninh quốc gia thông qua hợp tác với các quốc gia khác trong lĩnh vực quốc phòng hoặc an ninh. Các tác giả đã phân tích 244 bài báo khoa học để xem xét xu hướng hợp tác quốc phòng toàn cầu, cho thấy ngoại giao quốc phòng không chỉ ảnh hưởng đến tiêu chuẩn, bản sắc và lợi ích quốc tế, mà cũng là một phần của chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia. Các tác giả nhận định “*Ngoại giao quốc phòng là một chiến lược hiệu quả để thúc đẩy hợp tác và ổn định trong các vấn đề an ninh và quốc phòng. Bằng cách củng cố mối quan hệ bền chặt giữa các lực lượng vũ trang và các tổ chức quốc phòng từ các quốc gia khác nhau, ngoại giao quốc phòng sẽ nuôi dưỡng lòng tin và giảm bớt căng thẳng phát sinh từ sự khác biệt về chính trị hoặc ý thức hệ*” (tr.67). Tuy nhiên, ngoại giao quốc phòng cũng mang lại nhiều thách thức trong bối cảnh chính trị toàn cầu ngày càng phức tạp.

Dưới góc nhìn của lý thuyết quan hệ quốc tế, hợp tác quốc phòng đã trở thành chủ đề nổi bật trong nhiều công trình nghiên cứu đáng chú ý. Đầu tiên, ta có thể thấy diễn hình trong công trình “*Defense Diplomacy and International Military Cooperation*” (Ngoại giao quốc phòng và hợp tác quân sự quốc tế) của Trung tướng Vinod Bhatia, Chuẩn đô đốc Vijai S Chaudhari, Chuẩn tướng Ranjit Singh (2016). Các tác giả đã hình thành và áp dụng các lý thuyết quan hệ quốc tế khác nhau, từ chủ nghĩa hiện thực, tự do đến kiến tạo để giải thích các cơ chế hợp tác và quan hệ quốc phòng vì lợi ích an ninh chung trong một thế giới bất ổn. Các tác giả nhận định các quốc gia thường áp dụng lý thuyết hiện thực bằng cách tiếp cận “tự lực (*self-help*)” để đảm bảo an ninh và cân bằng quyền lực. Các quốc gia đều tin nguyên tắc “trò chơi có tổng bằng không (*Zero-sum game*)”, trong đó lợi ích của một quốc gia dẫn đến tổn thất của những quốc gia khác. Vì vậy, ngoại giao quốc phòng phải đối mặt với những thách thức do các lợi ích quốc gia xung đột và theo cách thể hiện thì “*quyền lực mềm là hình thức quyền lực tinh vi nhất nhưng có ảnh hưởng nhất*”

(tr.23) trong thế giới tự lực này. Cách tiếp cận này khá tương đồng với tác giả Aditi Malhotra (2022), ông sử dụng lý thuyết cân bằng quyền lực (chủ nghĩa Tân Hiện thực), chủ nghĩa kiến tạo và lý thuyết vai trò để hình thành khung phân tích. Tác giả nhận định “*lý thuyết vai trò có thể giải quyết những thiếu sót của chủ nghĩa kiến tạo do không có khả năng giải thích sự khác biệt giữa lý thuyết và hành vi trong chính sách đối ngoại*” (tr.60)

Nhưng không chỉ ở nước ngoài, trong nước cũng có những nghiên cứu về lý thuyết quan hệ quốc tế và hợp tác quốc phòng, trong Luận án tiến sĩ “*Đối ngoại quốc phòng Việt Nam đầu thế kỷ XXI*” của tác giả Hoàng Đình Nhân (2017) đã hoàn thiện khung lý thuyết về đối ngoại quốc phòng. Không chỉ đề cập khái niệm, tác giả đã phân tích chi tiết hoạt động đối ngoại quốc phòng trên bình diện song phương và đa phương với các quốc gia/ tổ chức trong khu vực trong bối cảnh đặc thù của Việt Nam. Cũng giống như quan điểm của các học giả quốc tế, tác giả Hoàng Đình Nhân cũng khẳng định đối ngoại quốc phòng là lực lượng nòng cốt để thực thi các mục tiêu trong chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia và “*đối ngoại quốc phòng còn nhằm thể hiện tinh thần trách nhiệm với khu vực và cộng đồng quốc tế*” thông qua lăng kính chủ nghĩa kiến tạo (tr.71). Ngoài ra, Luận án “*Hợp tác quốc phòng đa phương ở Châu Á - Thái Bình Dương từ năm 1994 đến nay*” của tác giả Nguyễn Văn Khu (2020), đã đi sâu vào nội hàm của hợp tác quốc phòng đa phương, phân tích cả mặt lợi và nhược điểm, cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của hợp tác này. Khi đề cập đến nhận thức của các nước lớn về hợp tác quốc phòng, tác giả đã nhắc đến Ấn Độ với tư cách là một nước lớn và dần quan tâm đến lợi ích tại khu vực AĐD-TBD. Chính sự trỗi dậy và hoạt động của quân đội của Trung Quốc trong khu vực AĐD, Ấn Độ không chỉ xây dựng mạng lưới hợp tác song phương, mà còn đẩy mạnh hợp tác đa phương với các quốc gia trong khu vực AĐD-TBD và “*tạo ra mạng lưới đa tầng nấc*” (tr.80). Hợp tác quốc phòng đa phương của Ấn Độ được thể hiện xuyên suốt từ thời của Thủ tướng Narasimha Rao năm 1992 để tăng cường sự can dự vào khu vực. Điểm nổi bật của cả hai luận án này là những công trình nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam đưa ra một khái niệm tổng quan về hợp tác quốc phòng. Mặc dù cả hai luận án đều tập trung vào hợp tác thông cơ chế đa

phương, kết quả nghiên cứu có thể được kế thừa và mở rộng để làm rõ nội hàm cho trường hợp của các quốc gia khác trong khu vực, chẳng hạn như Ấn Độ. Hai luận án tiến sĩ này đều sử dụng một phương pháp kết hợp giữa chủ nghĩa tự do, hiện thực và kiến tạo để luận giải về lĩnh vực quốc phòng, và kết luận rằng đối ngoại quốc phòng hay hợp tác quốc phòng đa phương đều là hình thức sử dụng các nguồn lực quân sự một cách hòa bình và không tạo ra những xung đột giữa các quốc gia có liên quan.

Quyển sách "*Quyền lực trong quan hệ quốc tế: Lịch sử và vấn đề*" của tác giả Hoàng Khắc Nam (2011) đã tập trung vào việc giải thích và phân chia các khái niệm về quyền lực dựa trên sự phát triển và mở rộng mục tiêu của quyền lực và bước đầu hình thành lý luận về quyền lực trong quan hệ quốc tế ở Việt Nam. Tác giả Hoàng Khắc Nam (2017), trong quyển sách "*Hợp tác và hội nhập quốc tế: Lý luận và thực tiễn*" đã tiếp cận hợp tác quốc phòng - an ninh dưới góc nhìn của chủ nghĩa tự do, tạo ra một sự kết hợp giữa lý thuyết và thực tế. Trong đó, Chương 3, tác giả tập trung bàn luận về vấn đề hợp tác trong lý thuyết quan hệ quốc tế, bao gồm hợp tác quốc phòng - an ninh. Trong đó, nguyên tắc của chủ nghĩa tự do để giải thích sự phát triển hợp tác quốc tế ngày càng gia tăng ở khu vực châu Á - TBD, bao gồm việc hình thành các cơ chế quốc tế. Tác giả kết luận rằng trong môi trường "vô chính phủ", hợp tác quốc tế "sẽ ngày càng tăng, thay thế cho xung đột và trở thành xu thế lớn của quan hệ quốc tế" (tr.117). Tác giả cũng đề cập đến nhiều trường phái khác nhau như chủ nghĩa hiện thực, chủ nghĩa kiến tạo, chủ nghĩa Mác và các quan điểm lý thuyết khác để giải thích hợp tác quốc tế. Kế thừa những nội dung chính về các lý thuyết quan hệ quốc tế, trong quyển sách chuyên khảo "*Ấn Độ trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*" của tác giả Nguyễn Xuân Trung (2022), đã áp dụng hình thành khung lý thuyết dựa trên chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa hiện thực, lý thuyết vai trò, lý thuyết thiết chế và các quan điểm về hệ thống quốc tế, chủ thể và lợi ích, lý thuyết về cân bằng quyền lực trong quan hệ quốc tế để làm rõ tác động của Ấn Độ trong quá trình hình thành cấu trúc an ninh khu vực ADD-TBD. Chính sự đa dạng về khung lý thuyết đã giúp cho công trình làm rõ được sự hợp tác chiến lược của Ấn Độ với các đối tác truyền thống chủ chốt như Nhật Bản, Australia, Mỹ nhằm đảm bảo

được lợi ích quốc gia trong khu vực. Từng công trình nghiên cứu đều góp một phần quan trọng vào việc hiểu biết về hợp tác quốc phòng dưới góc nhìn lý thuyết quan hệ quốc tế, từ đó mở rộng và sâu hơn cho luận án khi hình thành khung phân tích cho hợp tác quốc phòng Ấn Độ.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan đến chính sách đối ngoại và chính sách quốc phòng của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024

Trong bối cảnh thế giới đang ngày càng phức tạp và biến động, hợp tác quốc phòng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, xuyên suốt trong các chính sách, chiến lược mà Ấn Độ triển khai từ trước đến nay. Nhận định này được tác giả Arvind Dutta (2009), giải thích đầy đủ bằng cách cung cấp quy trình hợp tác giữa các cơ quan khác nhau như Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng và các cơ quan chuyên ngành khác trong việc xây dựng kế hoạch hợp tác dài hạn và ngắn hạn để triển khai hợp tác quốc phòng suôn sẻ trong chính sách đối ngoại của quốc gia. Tác giả đã nhấn mạnh chính sách đối ngoại liên quan đến quốc phòng của Ấn Độ đã trải qua sự phát triển đa dạng và đa phương sau Chiến tranh Lạnh. Ấn Độ đã tăng cường lĩnh vực quốc phòng thông qua quan hệ với các nước lớn như Mỹ, EU, Nga, Nhật Bản và Trung Quốc, cũng như theo đuổi chính sách “Hướng Đông” với các nước thành viên của ASEAN. Tương tự như bài viết của Arvind Dutta, công trình *“Challenge and Strategy: Rethinking India's Foreign Policy”* (Thách thức và chiến lược: Tư duy lại chính sách đối ngoại của Ấn Độ) của tác giả Rajiv Sikri (2009) cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đánh giá vị trí và vai trò của các nước láng giềng chiến lược trong chính sách đối ngoại Ấn Độ. Bên cạnh an ninh năng lượng, ngoại giao kinh tế, và sự tương tác quốc phòng giữa các nước là những mục tiêu quan trọng trong các chính sách và chiến lược của Ấn Độ.

Trong phạm vi của nghiên cứu về chính sách đối ngoại của Ấn Độ, bài viết *“The rise of the Indo-Pacific: understanding ideational change and continuity in India's foreign policy”* (Sự trỗi dậy của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Hiểu về sự thay đổi và tính liên tục trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ) của Priya Chacko (2014) trở thành một nguồn tư liệu quan trọng, đưa ra một cái nhìn chi tiết về sự thay đổi và liên tục trong chính sách của quốc gia này. Trong bài viết, Priya Chacko tập

trung vào khái niệm “AĐD-TBD”, một khái niệm tương đối mới trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Tác giả đã nhận định khái niệm khu vực này không chỉ đơn thuần là một khái niệm mới, mà còn thể hiện sự kết hợp giữa sự điều chỉnh và kế thừa trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, từ các chính sách đối ngoại trước đây của Ấn Độ như “*Chính sách Hướng Đông*” và “*Khu vực lân cận mở rộng*”, đồng thời phù hợp với các tư tưởng chiến lược lâu đời khác như “*không liên kết*”. Điều này đặc biệt quan trọng để hiểu rõ hơn về hướng đi của chính sách quốc phòng của Ấn Độ, đặc biệt trong bối cảnh thách thức an ninh gia tăng trong khu vực đang ngày càng phức tạp. Kể từ những năm 1990, như một phần của chính sách “*Hướng Đông*” (nay được đổi tên thành chính sách “*Hành động hướng Đông*”), Ấn Độ đã tập trung đáng kể về kinh tế, chính trị và chiến lược vào Đông Á. Điều này bao gồm việc phát triển các mối quan hệ an ninh được cải thiện với các đối tác quan trọng như Việt Nam và Singapore. Mối quan hệ của Ấn Độ với Mỹ cũng đã được cải thiện đều đặn trong khoảng một thập kỷ qua, đặc biệt là sau khi Washington công nhận Ấn Độ trên thực tế là một quốc gia có vũ khí hạt nhân, mở đường cho việc mở rộng đáng kể các cam kết quân sự và an ninh. Mối quan hệ an ninh của Ấn Độ với Nhật Bản cũng đang trên đà phát triển, đặc biệt kể từ năm 2007, với việc hai nước ngày càng coi nhau là hai cực trong một trục mới nổi tập trung vào việc cân bằng với Trung Quốc. Từ bài viết của Priya Chacko, luận án nhận thấy rằng việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, xuyên suốt trong các chính sách và chiến lược mà quốc gia này đã và đang triển khai từ trước đến nay trong việc đối mặt và ứng phó với biến đổi phức tạp trong bối cảnh thế giới hiện nay.

Ngoài việc cùng quan điểm với các nhận định của các học giả đã được đề cập, quyển sách “*The Oxford Handbook of Indian Foreign Policy*” (Cẩm nang Oxford về chính sách đối ngoại của Ấn Độ) của tác giả David M. Malone, C. Raja Mohan và Srinath Raghavan (2015) là một tác phẩm nghiên cứu đáng chú ý, mang đến một phân tích chi tiết về nguồn gốc chính sách đối ngoại của Ấn Độ, chính sách an ninh quốc gia và quyền lực mềm của quốc gia này. Tác phẩm phân tích sự điều chỉnh chính sách đối ngoại của Ấn Độ qua từng giai đoạn lãnh đạo, nhấn mạnh vai trò của hợp tác đa phương, quan hệ song phương và đặc biệt là hợp tác quốc phòng trong

việc củng cố vị thế quốc tế của quốc gia này trong cộng đồng quốc tế. Trong bối cảnh thế giới đang ngày càng phức tạp và biến động, tác giả khẳng định rằng hợp tác quốc phòng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, xuyên suốt trong các chính sách và chiến lược mà Ấn Độ triển khai từ trước đến nay.

Điểm chung của các bài viết tiếp theo đều nhấn mạnh vai trò ngày càng tăng của Ấn Độ trong vấn đề quốc tế và tham vọng trở thành một cường quốc trong thế kỷ 21. Các tác giả đều cho thấy tầm quan trọng của hợp tác quốc phòng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ và thấy rằng điều này nằm trong các chính sách an ninh - quốc phòng mà Ấn Độ đã triển khai từ trước đến nay. Bài viết “*Modi’s foreign policy fundamentals: a trajectory unchanged*” (Những nguyên tắc nền tảng trong chính sách đối ngoại của Modi: Quỹ đạo không đổi) tác giả Rajesh Basrur (2017) giải thích lý do Modi được kỳ vọng sẽ tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ trong chính sách đối ngoại, bởi vì những thay đổi trong chính sách đối ngoại dưới chính quyền Modi là chậm và tăng dần, được xây dựng và kế thừa các chính sách trong quá khứ và ít có thay đổi cơ bản. Tác giả đưa ra cái nhìn chi tiết về mối quan hệ giữa Ấn Độ và các đối tác chiến lược chính, đặc biệt là Mỹ, Nga và Trung Quốc và mức độ ảnh hưởng đến lĩnh vực quốc phòng. Theo Basrur, cách tiếp cận này giúp Ấn Độ cân nhắc giữa việc duy trì sự tự chủ chiến lược và đảm bảo an ninh quốc gia. Đây là một bài nghiên cứu thiết thực về chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Modi, mang đến cái nhìn sâu rộng về cách mà Ấn Độ điều chỉnh khi đối mặt với các thách thức và cơ hội trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh. Tiếp đến, bài viết “*Making arms in India? Examining New Delhi’s renewed drive for defence-industrial indigenization*” (Sản xuất vũ khí ở Ấn Độ? Xem xét nỗ lực đổi mới của New Delhi trong việc nội địa hóa công nghiệp quốc phòng) tác giả Rossiter và Cannon (2019) cho rằng những nỗ lực của Ấn Độ trong việc tự sản xuất vũ khí và tăng cường hợp tác quốc phòng là cần thiết và nằm trong chiến dịch “*Make in India*” là hình thái của việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng trong chính sách đối ngoại quốc gia. Tác giả A. Kupriianov (2019) cũng đồng tình với quan điểm rằng trong bối cảnh thế giới đang ngày càng phức tạp và biến động, hợp tác quốc phòng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ thông qua bài viết “*Russian and Indian*

Cooperation in the Indo-Pacific Region in the Context of Sanction” (Hợp tác Nga - Ấn Độ ở khu vực AĐD-TBD trong bối cảnh trừng phạt). Tác giả minh chứng bằng cách thảo luận về tiềm năng hợp tác giữa Nga và Ấn Độ trong khu vực AĐD-TBD, và nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác chức năng như công nghiệp quốc phòng và năng lượng hạt nhân. Như vậy, việc hợp tác quốc phòng mà Ấn Độ đã và đang triển khai trong các chính sách và chiến lược từ trước đến nay, là một cơ hội quan trọng giúp nâng cao vai trò và vị thế của Ấn Độ trong cộng đồng quốc tế. Tuy cùng quan điểm, nhưng tác giả Menon Shivshankar (2020) trong bài viết “*India’s Foreign Affairs Strategy*” (Chiến lược đối ngoại của Ấn Độ) tập trung vào khái niệm tự chủ chiến lược và nhấn mạnh sự tham gia của Ấn Độ trong việc giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia. Quyền tự chủ chiến lược đòi hỏi Ấn Độ phải duy trì quyền tự đưa mọi quyết định dựa trên lợi ích quốc gia, không xây dựng liên minh chống lại nước khác hay chính sách biệt lập, đây chính là nền tảng định hướng cho hoạt động hợp tác quốc phòng mà Ấn Độ đang triển khai. Tác giả cũng nêu bật tình hình địa chính trị đang thay đổi ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, với sự trỗi dậy của Trung Quốc và cạnh tranh chiến lược từ các cường quốc khác, dẫn đến những bất ổn và chạy đua vũ trang có thể xảy ra trong khu vực. Điểm sáng của bài viết là nhận định các chính sách về quốc phòng được Chính phủ Ấn Độ hoạch định chi tiết theo từng giai đoạn cụ thể nhằm giải quyết các vấn đề an ninh quốc gia cả trong và ngoài nước. Tác giả Lunev và Shavlay (2021) trong bài viết “*India as a Global Power: The Strategic Culture Problems*” (Ấn Độ với tư cách là cường quốc toàn cầu: Những vấn đề về văn hóa chiến lược) thảo luận về văn hóa chiến lược của Ấn Độ và cách mà Ấn Độ áp dụng để hình thành chính sách đối ngoại và an ninh của Ấn Độ bao gồm lĩnh vực quốc phòng. Bằng cách xây dựng và thực hiện một chính sách đối ngoại và chiến lược kinh tế nhất quán, cùng với sự thay đổi trong tư duy chiến lược của Ấn Độ. Những nỗ lực phối hợp này của chính phủ sẽ giúp thúc đẩy vai trò và vị thế hiện có của Ấn Độ và gia tăng sự ảnh hưởng của nước này trong hệ thống chính trị toàn cầu.

Tại Việt Nam, hai sách chuyên khảo, bao gồm “*Ấn Độ trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*” của tác giả Nguyễn Xuân

Trung (2022) và “*Sức mạnh tổng hợp của Ấn Độ: Hiện trạng và triển vọng*” của tác giả Trần Hoàng Long (2021), đã cung cấp các phân tích chi tiết về nguồn gốc, chiến lược và quá trình triển khai chính sách của Ấn Độ trong khu vực. Đặc biệt, cả hai công trình đều đồng nhất rằng hợp tác quốc phòng là một yếu tố cần thiết và tập trung trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Những nghiên cứu này đóng góp quý giá để hiểu rõ hơn về vai trò và tầm ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực và trên trường quốc tế, cũng như những cơ hội và thách thức trong việc xây dựng quan hệ hợp tác với các quốc gia khác. Trong đó, tác giả Nguyễn Xuân Trung đã làm rõ sự điều chỉnh chính sách đối ngoại và các chiến lược của Ấn Độ trong việc quá trình thúc đẩy hợp tác an ninh hàng hải và hợp tác quốc phòng, được thể hiện rõ từ “*Hành động hướng Đông*” đến “*Kết nối phía Tây*” hướng đến hành động AĐD-TBD: tự do, rộng mở và bao trùm. Những lập luận của bài viết vô cùng quý giá với đề tài, giúp luận án định hình những quan điểm các định hướng của chính phủ Ấn Độ có liên quan đến hợp tác quốc phòng thông qua từng chiến lược, sáng kiến. Riêng tác giả Trần Hoàng Long phân tích hiện trạng sức mạnh của Ấn Độ thông qua việc tập trung vào các yếu tố cấu thành nên sức mạnh tổng hợp quốc, trong đó có yếu tố quốc phòng. Việc đẩy hợp tác quốc phòng là một yếu tố quan trọng trong việc xây dựng và củng cố quan hệ hợp tác giữa các quốc gia và nâng cao vị thế quốc gia. Tác giả đã tiến hành so sánh tương quan sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ với hai cường quốc châu Á khác là Trung Quốc và Nhật Bản. Bằng cách so sánh này, tác giả đưa ra cái nhìn tổng quan về vị thế của Ấn Độ trong khu vực và thế giới. Sau khi phân tích hiện trạng, tác giả cũng dự đoán triển vọng sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ đến năm 2030. Những dự báo này sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho các quyết định chính sách trong tương lai

Ấn Độ đã và đang đối mặt với nhiều thách thức từ khu vực, sự thay đổi nhận thức trong nước và vai trò của lãnh đạo đã dẫn đến sự điều chỉnh đường lối đối ngoại và thay đổi cách thức hợp tác quốc phòng với các nước lớn trong khu vực để trở thành một “cường quốc toàn cầu” thay vì duy trì sức mạnh quốc phòng để tạo ra sự ảnh hưởng ở khu vực. Quan điểm này được đề cập trong các luận án “*Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh (2004-2014)*” của tác

giả Đặng Đình Tiên (2021), luận án “*Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014-2019)*” của tác giả Nguyễn Thị Oanh (2022) và luận án “*Chính sách hành động Hướng Đông của Ấn Độ (2014-2020)*” của tác giả Nguyễn Văn Thăng (2023).

1.1.3. Các công trình nghiên cứu thực tiễn hợp tác quốc phòng đa phương và song phương của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024

Ấn Độ thường nhấn mạnh vào việc xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt với đối tác có khả năng hoặc tiềm năng quốc phòng mạnh. Điều này giúp Ấn Độ nâng cao khả năng tự vệ, giữ vững an ninh quốc gia và thực hiện các mục tiêu đối ngoại. Trong một số trường hợp, hợp tác quốc phòng cũng giúp Ấn Độ gia tăng sức ảnh hưởng của mình trong khu vực và trên thế giới.

Các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Mỹ

Hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Mỹ có mục tiêu cân bằng quyền lực trong khu vực ADD-TBD, nhằm đối phó với sự gia tăng quyền lực của Trung Quốc và đảm bảo an ninh và ổn định khu vực. Tác giả Ashok Sharma (2008) cho rằng Ấn Độ mong muốn ngăn chặn vùng biển ADD trở thành một khu vực bất ổn và đấu tranh giữa các lực lượng hải quân của nhiều quốc gia, đặc biệt là với sự hiện diện của Trung Quốc trên khu vực này trong bài viết “*Indo-US Strategic Convergence: An Overview of Defence and Military Cooperation*” (Sự hội tụ chiến lược Ấn Độ - Mỹ: Tổng quan về hợp tác quốc phòng và quân sự). Ấn Độ cũng phải đối mặt với các mối đe dọa xuyên quốc gia như buôn bán ma túy, khủng bố và chủ nghĩa cực đoan Hồi giáo, mà các thực thể nhà nước hoặc phi nhà nước sử dụng để đe dọa hoặc gây bất ổn cho Ấn Độ và khu vực. Do đó, hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Mỹ được coi là có thể hỗ trợ gián tiếp và là mục tiêu dài hạn để giải quyết vấn đề này. Bài viết “*Defence Diplomacy in US-India Strategic Relationship*” (Ngoại giao quốc phòng trong quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn) của tác giả Saroj Bishoy (2011) nêu rõ sự phát triển quan hệ ngoại giao Ấn Độ và Mỹ kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh và nhấn mạnh hợp tác quốc phòng là biểu hiện rõ ràng của quan hệ đối tác giữa hai bên. Cả thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh và tổng thống Mỹ Barack Obama đều đồng ý rằng các lợi ích an ninh và giá

trị chung của Mỹ và Ấn Độ khiến hai nước trở thành đối tác tự nhiên. Trong khuôn khổ hợp tác quốc phòng, ngoại giao quốc phòng Mỹ-Ấn bao gồm nhiều hoạt động như các cuộc tập trận quân sự, trao đổi nhân sự, mua bán công nghệ quốc phòng, các chuyến thăm cấp cao, chuyển giao công nghệ lưỡng dụng, nghiên cứu và phát triển chung, hợp tác chống khủng bố, huấn luyện quân sự, và hỗ trợ của Mỹ cho việc Ấn Độ trở thành thành viên của Hội đồng Bảo an LHQ và Lực lượng gìn giữ hòa bình của LHQ. Tác giả nhận định rằng “*hợp tác quốc phòng Mỹ-Ấn đã phát triển từ các liên kết quân sự-quân sự đơn thuần thành một mối quan hệ đối tác trưởng thành bao gồm các cuộc đối thoại, tập trận, mua bán quốc phòng, trao đổi giáo dục quân sự chuyên nghiệp và hợp tác thực tế*” (tr.67). Trong khung lý thuyết, tác giả nghiên cứu về ngoại giao quốc phòng, tức việc sử dụng lực lượng vũ trang và hạ tầng quân sự trong chính sách đối ngoại và an ninh, bao gồm cả hợp tác và hỗ trợ quân sự.

Bài viết “*Hợp tác an ninh quốc phòng giữa Ấn Độ và Mỹ từ năm 1991 đến nay*” của hai tác giả Triệu Hồng Quang và Lê Thị Hằng Nga (2016) cũng khẳng định lĩnh vực an ninh quốc phòng chính là trụ cột của quan hệ song phương Ấn Độ - Mỹ, “*một trong những mối quan hệ quốc phòng lớn nhất và phát triển nhanh nhất trên thế giới*” (tr.24) và Mỹ cũng dần trao cho Ấn Độ những đặc quyền như các đồng minh trong khối quân sự NATO của mình để cùng nhau chia sẻ những lợi ích chung trong khu vực. Đây là những tài liệu quan trọng cho việc nghiên cứu hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Mỹ. Tương tự, báo cáo “*The U.S.-India Defense Relationship: Putting the Foundational Agreements in Perspective*” (Quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn: Đánh giá các thỏa thuận nền tảng) của Trung tâm phân tích Hải quân do nhóm tác giả Mark Rosen, JD, LLM, và Douglas Jackson (2017) nghiên cứu cũng bao hàm những nhận định trên và đi sâu hơn vào các hợp tác quốc phòng dựa trên ba thỏa thuận mà hai quốc gia đã ký kết. Trong 20 năm qua, Ấn Độ đã phát triển quan hệ gần gũi hơn với Mỹ do Chiến tranh Lạnh kết thúc và sự trỗi dậy của Trung Quốc. Điều này đã dẫn đến điều mà cả hai bên coi nhau là quan hệ đối tác chiến lược, bằng chứng là thương mại và đầu tư song phương lớn hơn đáng kể và “*tuyên bố năm 2016 về việc Ấn Độ là “Đối tác quốc phòng chính” của Mỹ*” (tr.2).

Bài viết “*Indo-US Convergence of Agenda in the New Indo-Pacific Regional Security Architecture*” (tạm dịch: Chương trình nghị sự Ấn Độ - Mỹ trong cấu trúc an ninh mới tại khu vực AĐD-TBD) của nhóm tác giả Shiv Kumar, Sudheer Singh Verma và Shahbaz Hussain Shah (2020) khẳng định mối quan hệ song phương giữa Ấn Độ và Mỹ trong hai thập kỷ qua ngày càng được tăng cường vì lợi ích của hai nước trong kiến trúc an ninh khu vực AĐD-TBD. Từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh, mối quan hệ giữa Ấn Độ và Mỹ đã trải qua sự biến đổi đáng kể do nhiều yếu tố quan trọng. Trước đây, hai quốc gia thường xuyên có những bất đồng và hiểu lầm, nhưng hiện nay, quan hệ giữa họ đã trở nên phức tạp hơn và quan trọng hơn. Điều này được giải thích bởi cả Ấn Độ và Mỹ đều đối diện với những thách thức an ninh và quốc phòng chung, chẳng hạn như chiến tranh chống khủng bố, gia tăng quyền lực của Trung Quốc trong khu vực, và ảnh hưởng của các vấn đề chính trị và quân sự khu vực. Điều này đã thúc đẩy hai quốc gia hợp tác và đối thoại để đối phó với những thách thức này và tạo ra một khu vực vững mạnh và ổn định hơn. Bài viết “*Prospects of India-US Defence Cooperation*” (Triển vọng hợp tác quốc phòng Ấn Độ - Mỹ) của tác giả Anil Ahuja (2021) cũng xác định rằng “*Đối với Mỹ, Ấn Độ là một trụ cột quan trọng của sự ổn định và là một sự thay thế tiềm năng trong khu vực đối với Trung Quốc hiếu chiến và bá quyền*” (tr.126). Các tác giả cho thấy sự hội tụ của các lợi ích về chiến lược địa chính trị, kinh tế, an ninh và quốc phòng giữa Ấn Độ và Mỹ, đồng thời đề cập đến những rủi ro tiềm ẩn trong tương lai nhưng “*hợp tác quốc phòng Mỹ-Ấn Độ đã được thể chế hóa tốt hơn trong các cơ sở an ninh quốc gia của hai nước*” (Richard Weitz, 2017, tr.39).

Sách tham khảo “*Hợp tác an ninh của Mỹ với Ấn Độ trong bối cảnh mới*” của tác giả Nguyễn Lan Hương (2022) đã đưa ra kết luận như trên khi tập trung phân tích hợp tác an ninh - quốc phòng giữa Mỹ và Ấn Độ. Nguyên nhân chính khiến hai quốc gia này hợp tác bao gồm: thay đổi cân bằng quyền lực toàn cầu, cạnh tranh khu vực tăng cao, và quan điểm về tầm quan trọng của nhau trong chính sách đối ngoại. Tác giả cũng phân tích chi tiết hợp tác an ninh và quốc phòng của hai quốc gia trong bối cảnh song phương và đa phương để làm rõ được sự hợp tác chiến lược và toàn diện giữa hai nước. Sau đó, tác giả đánh giá thành tựu và hạn chế của

hợp tác, đồng thời nêu triển vọng để thúc đẩy hợp tác giữa Mỹ và Ấn Độ, góp phần tạo môi trường an ninh và hòa bình cho khu vực ADD-TBD. Bổ sung cho luận điểm trên, công trình “*India-U.S. Relations: Priorities in the Next Decade*” (Quan hệ Ấn Độ - Mỹ: Các ưu tiên trong thập kỷ tới) của nhóm nghiên cứu của tác giả Dustin Carmack (2022) đã nghiên cứu được từ năm 2016 đến năm 2020, Ấn Độ và Mỹ đã bắt đầu đối thoại cấp bộ trưởng quốc phòng và ngoại giao “2+2” mới và ký ba thỏa thuận quân sự nền tảng quan trọng. Sự phát triển trong hợp tác quốc phòng Ấn Độ - Mỹ cũng dẫn đến tăng cường hợp tác tác chiến. Khi một cuộc khủng hoảng nổ ra ở biên giới Trung Quốc-Ấn Độ vào năm 2020, chính quyền Trump đã cung cấp cho Ấn Độ hai máy bay không người lái giám sát tiên tiến và thiết bị thời tiết lạnh cho binh lính Ấn Độ. “*Sự hợp tác quốc phòng và hội tụ chiến lược của Mỹ với Ấn Độ hiện vượt xa sự hợp tác của một số đồng minh hiệp ước chính thức*” (tr.11). Không chỉ cùng quan điểm với các công trình trên, bài viết “*U.S.–India defense cooperation: progress, motivation and constraints*” (Hợp tác quốc phòng Mỹ-Ấn Độ: tiến triển, động lực và hạn chế) của tác giả Lou C (2020, tr. 306) nhận định rằng sự cân bằng trong quan hệ giữa Ấn Độ và Mỹ có thể được xem như một “*quasi-alliance*” (liên minh bán chính thức), thay vì một liên minh quân sự đầy đủ vì hai bên có sự khác biệt về giá trị, văn hóa chiến lược, yếu tố Pakistan và Nga.

Các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Nga

Hầu hết các công trình đều nhận định rằng Nga đã đóng một vai trò quan trọng trong việc củng cố khả năng quốc phòng của Ấn Độ, hỗ trợ nỗ lực hiện đại hóa của nước này thông qua việc cung cấp thiết bị quân sự tiên tiến, chuyển giao công nghệ, và khả năng sản xuất chung. Nhận định này được hầu hết các học giả nhận định trong quyển sách “*India-Russia Strategic Partnership: Common Perspectives*” (Quan hệ đối tác chiến lược Ấn Độ - Nga: Những quan điểm chung) của tác giả P. Stobdan (2010). Mỗi quan hệ lịch sử, những giá trị chung về tư tưởng đã thúc đẩy hợp tác về quốc phòng giữa Ấn Độ và Nga và thiết lập một quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng. Nói một cách cụ thể, “*lợi thế chiến lược mà Ấn Độ có được từ mối quan hệ với Nga nằm trong các lĩnh vực quan trọng đối với lợi ích của Ấn Độ như Kashmir, an ninh năng lượng và trong quan hệ với Trung Quốc và Trung Á*” (tr.135).

Tương tự, bài viết “*India-Russia Relations: Beyond Energy and Defence*” (Quan hệ Ấn Độ - Nga: Vượt ra ngoài năng lượng và quốc phòng) của tác giả Nivedita Kapoor (2019) lại chỉ ra điểm yếu trong quan hệ hai nước có thể bắt đầu vào năm 2014, “*Mỹ nổi lên trở thành nhà cung cấp vũ khí hàng đầu cho Ấn Độ, đẩy Nga xuống vị trí thứ hai*” (tr.10) và dần được củng cố sau khi tổ chức Hội nghị Sochi năm 2018 và Hội nghị thượng đỉnh Ấn-Nga năm 2019. Hai nước đạt được nhiều thỏa thuận vũ khí với tổng giá trị ước tính 14,5 tỷ USD. Quan hệ quốc phòng giữa hai nước vẫn đóng vai trò quan trọng, mặc dù cổ phần của Nga trong thị trường Ấn Độ đã có xu hướng giảm trong thời gian gần đây. Bài viết nhấn mạnh rằng duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Nga là quan trọng để Ấn Độ duy trì linh hoạt chiến lược đối với Trung Quốc, nhận định này giống với kết quả nghiên cứu trong các bài viết “*Indo-Russia Defence Cooperation*” (Hợp tác quốc phòng Ấn Độ - Nga) của Rajan Kumar (2008), “*India-Russia defence ties to deepen as both diversify*” (Sự đa dạng hóa trong quan hệ quốc phòng Ấn Độ - Nga) của Oxford Analytica (2015) và bài viết “*India-Russia Military Cooperation: Which Way Forward*” (Hợp tác quân sự Ấn Độ - Nga: Hướng đi nào trong tương lai?) của tác giả Rod Thornton (2012). Trong đó, Nivedita Kapoor phân tích các thành tựu mà cả hai bên đạt được trong tất cả các lĩnh vực, dựa trên các dữ liệu và số liệu tin cậy và nhận định sự khó khăn trong việc đa dạng hóa mối quan hệ của Ấn Độ và Nga ngoài lĩnh vực quốc phòng và năng lượng đã trở thành trở ngại lớn đối với việc củng cố quan hệ chiến lược. Do đó, sự tập trung vào quan hệ thương mại từ năm 2019 đã giúp cả hai quốc gia vượt qua các trở ngại hiện nay và tiến bước vững chắc hơn trong quan hệ hai nước. Còn tác giả Rod Thornton cho rằng “*Nga vẫn là đối tác chiến lược số một của Ấn Độ và trong nhiều khía cạnh, không có lựa chọn thay thế nào cho việc hợp tác với Nga trong tương lai gần*” (tr.110). Tác giả Rajan Kumar cũng đồng tình rằng hai nước việc tách hoàn toàn nhau ra có thể không mang lại lợi ích như mong đợi, nên dù Ấn Độ có tham gia vào nhiều hợp tác đa phương có Mỹ, nhưng quan hệ quốc phòng Ấn Độ - Nga vẫn được duy trì và phát triển.

Bài viết “*The Changing Geopolitical Landscape of India-Russia Relations*” (Sự thay đổi địa chính trị trong quan hệ Ấn Độ - Nga) của tác giả P.S. Raghavan

(2020), mối quan hệ chiến lược giữa Ấn Độ và Nga có vai trò quan trọng trong hợp tác quốc phòng của Ấn Độ. Cụ thể, Ấn Độ vẫn dựa nhiều vào vũ khí Liên Xô/Nga, điều này cho thấy rằng mối quan hệ chiến lược giữa hai quốc gia này vẫn chưa thể thay thế được. Tuy nhiên, Nga đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gia tăng trên thị trường vũ khí của Ấn Độ. Tham vọng của Ấn Độ muốn đa dạng hóa các nguồn cung cấp vũ khí và phát triển công nghiệp quốc phòng nội địa đã khiến cho lượng vũ khí mà Nga xuất khẩu đến Ấn Độ giảm trong thời gian gần đây. Điểm khác ở báo cáo đặt ra câu hỏi về cách Trung Quốc sẽ phản ứng với việc Nga bán vũ khí cho Ấn Độ, và Nga sẽ làm gì nếu Trung Quốc yêu cầu hạn chế những giao dịch này. Việc cân nhắc quyền lực trong tình hình hiện tại có thể giúp Ấn Độ và Nga vượt qua các thách thức và cạnh tranh từ các nước lớn để thúc đẩy quan hệ đi vào chiều sâu. Nhận định này giống bài viết “*Russia and India: A New Chapter*” (Chương mới trong quan hệ Nga và Ấn Độ) của tác giả Rajan Menon và Eugene Rumer (2022) làm rõ sự biến đổi lớn trong quan hệ giữa Nga và Ấn Độ có nguồn gốc từ nhiều yếu tố quốc tế quan trọng. Một trong những yếu tố quan trọng nhất là sự tan rã của Liên Xô vào những năm 1990. Khi Liên Xô tan rã, Nga đã mở rộng quan hệ đối ngoại của mình và tìm kiếm các đối tác mới trong đó có Ấn Độ. Sự biến đổi này đã tạo ra cơ hội mới để cải thiện và mở rộng quan hệ giữa hai quốc gia. Sự gia tăng quyền lực của Ấn Độ và Trung Quốc đã thúc đẩy Nga tìm kiếm cách tăng cường quan hệ với hai nước này để cân bằng lợi ích và đối phó với sự gia tăng quyền lực của các nước khác trong khu vực. Mối bất đồng giữa Mỹ và Trung Quốc, quan hệ Mỹ-Ấn Độ ngày càng mạnh mẽ và mối quan hệ Nga-Trung sâu rộng. Những yếu tố này đã tác động tích cực đến việc thúc đẩy sự cần thiết và ý nghĩa của hợp tác quốc phòng giữa hai quốc gia, nhằm đối phó với những thách thức và đảm bảo lợi ích quốc gia mỗi bên trong bối cảnh biến đổi và môi trường an ninh phức tạp trong khu vực. Trong ba trụ cột quan hệ trước đây giữa Nga và Ấn Độ, hiện chỉ còn lại một: thương mại vũ khí. “*Nga vẫn là nguồn cung cấp vũ khí hàng đầu cho Ấn Độ, và quân trang của Nga vẫn chiếm một phần lớn trong hệ thống lực lượng của quân đội Ấn Độ*” (tr.9).

Các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Nhật Bản

Trong hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Nhật Bản, cả hai quốc gia đã thể hiện cam kết vững chắc đối với an ninh khu vực và toàn cầu thông qua việc tăng cường các hoạt động hợp tác quốc phòng trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Điều này có nguồn gốc từ những động lực và lợi ích chung mà cả hai quốc gia nhận thấy trong việc quá trình triển khai hợp tác quốc phòng, bao gồm tầm nhìn chung về an ninh khu vực, mong muốn đảm bảo quyền tự chủ chiến lược, tiềm năng hợp tác kinh tế và công nghiệp quốc phòng, sự hỗ trợ từ các đối tác lớn và khai thác tiềm năng chưa được khai thác. Đây là điểm chung mà các công trình của các học giả trong và ngoài nước nhận định khi nghiên cứu về hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Nhật Bản. Tác giả Arvind Dutta (2009) đã làm sáng tỏ quan điểm của Ấn Độ về hợp tác quốc phòng, nhấn mạnh nhu cầu xây dựng lòng tin và tăng cường khả năng trên quy mô toàn cầu. Tác giả thừa nhận bối cảnh chiến lược đang phát triển và ủng hộ cách tiếp cận toàn diện đối với kế hoạch an ninh bên ngoài. Trong bối cảnh địa chính trị luôn thay đổi, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với Nhật Bản là một “*kim chỉ nam*” chiến lược phục vụ hiệu quả lợi ích của cả hai quốc gia. Điều này tương tự nhận định trong cuốn sách “*India-Japan Relations: Drivers, Trends, and Prospects*” (Quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản: Động lực, xu hướng và triển vọng) của tác giả Arpita Mathur (2012). Tác giả làm rõ các mối quan hệ lịch sử và văn hóa ràng buộc Ấn Độ và Nhật Bản, những cơ hội và thách thức bị bỏ lỡ mà các quốc gia phải vượt qua. Trong bối cảnh chính trị khu vực hiện nay, hợp tác quốc phòng nổi lên như một khía cạnh quan trọng cần được quan tâm nhiều hơn để giải quyết các vấn đề an ninh chung.

Tác giả Satoru Nagao (2018) cũng khẳng định Nhật Bản cần Ấn Độ như một đối tác quốc phòng trong bài viết “*Why Japan Needs India as a Defence Partner*” (Vi sao Nhật Bản cần Ấn Độ làm đối tác quốc phòng?). Bên cạnh đó, tác giả cũng xem xét các mặt tích cực và tiêu cực của sự nổi lên của Trung Quốc và đề xuất rằng Ấn Độ và Nhật Bản nên hợp tác trong một khuôn khổ giải quyết các mối quan ngại chung của họ - cho dù đó là tranh chấp biên giới Ấn Độ-Trung Quốc hay các hành động của Trung Quốc ở Biển Đông. Tác giả kết luận Nhật Bản và Ấn Độ chia sẻ trách nhiệm đảm bảo sự ổn định ở khu vực ADD và cùng nhau củng cố khả năng

quốc phòng của các quốc gia ở Biển Đông vì những lợi ích chung. Bài viết “*Relations between Japan and India in the Indo-Pacific Age —Transcending the Quad Framework*” (Quan hệ Nhật Bản - Ấn Độ trong kỷ nguyên Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Vượt ra ngoài khuôn khổ Bộ tứ) của tác giả Takenori Horimoto (2019) lạc quan cho rằng dù hai bên có nhiều điểm khác biệt trong chiến lược của mình, nhưng giá trị văn hóa, đặc biệt là sự lan tỏa của Phật giáo, đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ thân thiết giữa hai nước. Tác giả đề cập đến sự phát triển đáng kể trong mối quan hệ giữa Nhật Bản và Ấn Độ từ năm 2010, khi hai nước tăng cường hợp tác quốc phòng và hình thành khối Quad với sự tham gia của Mỹ và Australia. Điều này cho thấy mối quan hệ giữa Nhật Bản và Ấn Độ đã di chuyển từ một mối quan hệ song phương hạn chế sang mối quan hệ song phương với sự hợp tác xuyên khu vực.

Tuy nhiên, bài viết “*India’s Foreign Policy towards Japan: Special Partnership amid Regional Transformation*” (Chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Nhật Bản: Quan hệ đối tác đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi khu vực) của Astha Chadha (2020) đã đi sâu vào chính sách đối ngoại của Ấn Độ đối với Nhật Bản, với tư duy của chủ nghĩa hiện thực và cân bằng quyền lực trong bối cảnh Trung Quốc trỗi dậy. Tác giả khẳng định hợp tác kinh tế, an ninh và quốc phòng đã mối liên hệ với nhau, “*mặc dù hợp tác để cùng giải quyết các vấn đề an ninh trong khu vực, hợp tác kinh tế vẫn là mục tiêu quan trọng để hai bên thúc đẩy nhằm bảo đảm lợi ích quốc gia*”. Ấn Độ cũng đối mặt với các thách thức như duy trì quyền tự chủ chiến lược và đảm bảo sự ủng hộ vững chắc của Nhật Bản đối với các vấn đề cụ thể, và đưa ra lập luận thuyết phục để xây dựng mối quan hệ đối tác mạnh mẽ giữa Ấn Độ và Nhật Bản, nâng cao tầm vóc của Ấn Độ trên phạm vi toàn cầu.

Bài viết “*Emerging Pillars of India-Japan Relations in the Indo-Pacific*” (Những trụ cột mới nổi trong quan hệ Ấn Độ - Nhật Bản tại khu vực AĐD-TBD) của tác giả Pooja Bhatt (2021) tập trung vào tầm nhìn chung về khu vực AĐD-TBD giữa Ấn Độ và Nhật Bản. Tầm nhìn chung này đã tạo ra một mối quan hệ đối tác chiến lược chắc chắn, trong đó cả hai quốc gia cam kết đối với an ninh khu vực và toàn cầu. Hai nước đã thể hiện cam kết này thông qua việc thực hiện các hoạt động

hợp tác quốc phòng, chuyển giao công nghệ và tập trận quân sự chung. Không chỉ cùng quan điểm với tác giả Pooja Bhatt, bài viết “*Hợp tác chiến lược Nhật Bản - Ấn Độ*” của tác giả Phan Cao Nhật Anh (2022) đã phân tích các động lực thúc đẩy quan hệ giữa Ấn Độ và Nhật Bản, bao gồm nhu cầu phát triển của hai quốc gia, nhân tố Mỹ, và sự trỗi dậy của Trung Quốc. Kể từ năm 2014, hợp tác quốc phòng của hai nước được tăng cường toàn diện nhằm trên tất cả các lĩnh vực để đảm bảo an ninh khu vực AĐD-TBD. Điều này đã đặt nền móng cho mối quan hệ hợp tác quốc phòng giữa hai bên.

Gần nhất, bài viết “*India, Japan and the Indo-Pacific: Evolution, Consolidation and Limitations of the Strategic Partnership*” (Ấn Độ, Nhật Bản và Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương: Sự phát triển, củng cố và hạn chế của quan hệ đối tác chiến lược) của tác giả Jojin V. John (2024) đã chia tiến trình quan hệ giữa hai quốc gia thành bốn giai đoạn: hình thành, hiện thực hóa, củng cố và thích ứng, nhằm làm rõ cách quan hệ song phương được định hình và phát triển theo thời gian. Tác giả nhận định rằng trọng tâm hàng hải và nhu cầu bảo đảm an ninh trên biển đã định hình chiến lược của cả Ấn Độ và Nhật Bản, đồng thời sự hội tụ lợi ích chiến lược tại khu vực AĐD-TBD là yếu tố then chốt đưa quan hệ giữa hai nước vượt lên khỏi giới hạn của một hợp tác song phương thông thường. Điều này không chỉ mở ra những cơ hội hợp tác mới mà còn đặt ra nhiều thách thức trong bối cảnh cạnh tranh chiến lược ngày càng gia tăng giữa các nước lớn.

Các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Australia

Các tài liệu nghiên cứu và báo cáo chính thức liên quan đến những lợi ích chung và tầm quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ quốc phòng giữa Ấn Độ và Australia trong khu vực AĐD-TBD. Những tài liệu này đều nhấn mạnh sự quan trọng của việc tăng cường hợp tác quốc phòng và an ninh, đặc biệt trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng gia tăng sức ảnh hưởng và làm thay đổi cán cân quyền lực khu vực.

Bài viết “*The Australia-India Framework for Security Cooperation - Another Step Towards an Indo-Pacific Security Partnership*” (Khuôn khổ hợp tác an ninh Australia - Ấn Độ: Bước tiến mới hướng tới quan hệ đối tác an ninh AĐD-TBD) của David Brewster (2015) thêm vào việc sử dụng phân tích các sự kiện và xu hướng

hiện tại để đưa ra dự đoán về tương lai. Tác giả đánh giá các phát triển gần đây trong quan hệ chiến lược giữa Australia và Ấn Độ và tập trung vào các lĩnh vực hợp tác mới, như xây dựng kế hoạch và chính sách quốc phòng, công nghệ quốc phòng và hợp tác đa phương. Khuôn khổ Hợp tác An ninh giữa Ấn Độ và Australia “*thể hiện ý định của cả hai quốc gia tăng cường các cam kết đã phát triển trong thập kỷ qua hoặc lâu hơn, cho thấy sự quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ quốc phòng và an ninh*” (tr.47). Có thể thấy, khuôn khổ này đã phản ánh mong muốn của Chính phủ Modi vượt qua những hạn chế trước đây trong mối quan hệ quốc phòng với Australia. Điều này cho thấy nỗ lực của Ấn Độ trong việc xây dựng mối quan hệ quốc phòng đáng tin cậy và tăng cường sự hợp tác với Australianhằm đạt được lợi ích an ninh chung và đối mặt với thách thức đang diễn ra trong khu vực.

Trong khi đó, bài nghiên cứu “*Australia, India and the Indo-Pacific Concept*” (Australia, Ấn Độ và khái niệm AĐD-TBD) của tác giả Marie Izuyama và Yusuke Ishihara (2019) phân tích sự thay đổi trong cán cân quyền lực giữa Ấn Độ và Australia. Hai tác giả luận giải đến những quan điểm chung giữa hai quốc gia, bao gồm việc coi AĐD là tuyến đường thương mại và nguyên tắc “*trật tự dựa trên luật lệ*”. Đồng thời, nghiên cứu chỉ ra khác biệt giữa hai nước trong cách nhìn nhận vai trò của Mỹ, đặc biệt về sự hiện diện quân sự và quan hệ đồng minh Mỹ - Australia. Cuối cùng, tài liệu đề xuất giải pháp hợp tác nhằm giảm rủi ro an ninh và tăng cường lợi ích quốc gia.

Bài viết “*Securing Two Oceans: Bolstering India-Australia Defence Cooperation in the Indo-Pacific*” (tạm dịch: Củng cố hợp tác quốc phòng Ấn Độ - Australia trong khu vực AĐD-TBD để đảm bảo an ninh hai đại dương) của hai tác giả Premesha Saha và Angad Singh (2022) nhận định rằng cả hai quốc gia đều đối diện với các thách thức chung trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Việc tăng cường quan hệ quốc phòng giữa hai nước mang lại lợi ích bảo vệ chung, tạo ra một mạng lưới đáng tin cậy để chống lại các mối đe dọa an ninh. Ấn Độ và Australia đều quan ngại về sự gia tăng quy mô và quyền lực của Trung Quốc trong khu vực. Hợp tác quốc phòng giữa hai quốc gia này đồng nghĩa với việc tăng cường phòng thủ và tăng cường khả năng phản ứng chung trước sự gia tăng này. Sự hợp tác giữa

hai quốc gia được thúc đẩy thông qua việc tăng cường đối thoại song phương và đa phương, cũng như cơ chế tham vấn; cải thiện khả năng tương tác trong các lĩnh vực hải quân, không quân, lục quân và mạng lưới không gian mạng; và sâu sắc hóa hợp tác quốc phòng và hợp tác công nghệ.

Các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Trung Quốc

Hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Trung Quốc đang diễn ra dưới dạng một mối quan hệ phức tạp, kết hợp giữa sự cạnh tranh và hợp tác để cân bằng quyền lực và đảm bảo lợi ích quốc gia của cả hai bên. Trong quá khứ, Trung Quốc và Ấn Độ từng tranh chấp về biên giới và ảnh hưởng chính trị, tạo ra cạnh tranh trong khu vực AĐD-TBD. Tuy nhiên, cả hai quốc gia cũng nhận thấy rằng hợp tác quốc phòng có thể mang lại lợi ích cho cả hai bên. Hợp tác trong các lĩnh vực như quân sự, phòng vệ biên giới, chia sẻ thông tin tình báo và tập trận chung có thể giúp cải thiện khả năng đối phó với các thách thức an ninh chung như khủng bố, tội phạm trực tuyến và khủng hoảng nhân đạo. Điều này đã được bài viết “*China-India Maritime Rivalry*” (Cạnh tranh hàng hải Trung Quốc - Ấn Độ) của tác giả Gurpreet S.Khurana (2009) - người đưa ra khái niệm AĐD-TBD, nhận định trong khu vực AĐD, chiến lược của Trung Quốc được thúc đẩy mạnh mẽ bởi những yếu tố chiến lược quan trọng, điều này đòi hỏi Trung Quốc triển khai khả năng thể hiện quyền lực quân sự vào AĐD trong những thập kỷ sắp tới. Tuy nhiên, do mối quan hệ cạnh tranh và thậm chí thù địch giữa Trung Quốc và Ấn Độ, Trung Quốc kỳ vọng sẽ phải đối đầu với khả năng hải quân mạnh mẽ của Ấn Độ, có thể thậm chí cùng với Mỹ. Điều quan trọng là Ấn Độ phải cân bằng quyền lực với Trung Quốc, nếu không vai trò cường quốc khu vực của Ấn Độ sẽ bị thu hẹp. Do đó, hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Trung Quốc đang diễn ra dưới dạng một mối quan hệ phức tạp, kết hợp giữa sự cạnh tranh và hợp tác để cân bằng quyền lực và đảm bảo lợi ích quốc gia của cả hai bên. Sách chuyên khảo “*Cạnh tranh Trung - Ấn tại Đông Nam Á*” của tác giả Vũ Đức Liêm và Ninh Xuân Thao (2021) làm rõ bối cảnh lịch sử của tranh chấp giữa Trung Quốc và Ấn Độ, cũng như cách Ấn Độ triển khai chính sách đối ngoại đối với Trung Quốc. Công trình không chỉ đề cập về các khía cạnh kinh tế, thể chế, chính sách và chính trị giữa hai quốc gia, mà còn bàn về sự cạnh tranh trong lĩnh

vực an ninh và quân sự. Để thúc đẩy các cơ chế hoà bình và an ninh cho khu vực, tác giả cho rằng điều cấp thiết hiện nay là Ấn Độ phải thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các quốc gia lớn và chủ chốt trong khu vực. Hợp tác này giúp Ấn Độ tăng cường đoàn kết và sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các quốc gia, đồng thời đảm bảo an ninh và ổn định trong khu vực Đông Nam Á. Dù có cạnh tranh, hai bên vẫn cần thúc đẩy hợp tác vì lợi ích chung của mỗi quốc gia trên tất cả mọi lĩnh vực. Hợp tác và tôn trọng lẫn nhau giữa hai nước có thể tạo ra sự cân bằng và ổn định trong khu vực, góp phần thúc đẩy sự phát triển và hoà bình của Đông Nam Á. Trong luận án “*Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014 - 2019)*” của tác giả Nguyễn Thị Oanh (2022), bên cạnh việc sử dụng cách tiếp cận dựa trên lý thuyết chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa kiến tạo, tác giả đã làm rõ quá trình triển khai chính sách đối ngoại của Ấn Độ với Trung Quốc trong nhiệm kỳ của Thủ tướng Narendra Modi, trong đó có lĩnh vực an ninh - quốc phòng. Tác giả chứng minh chính sách đối ngoại của Ấn Độ có sự xuyên suốt qua các giai đoạn bởi sự ổn định quan hệ chính trị để phát triển kinh tế, gia tăng sức ảnh hưởng ở khu vực châu Á và, giải quyết vấn đề xung đột biên giới. Ấn Độ xem Trung Quốc là đối thủ ngang hàng và thực hiện chính sách cân bằng để kiềm chế sự trỗi dậy của nước này. Điều này thúc đẩy Ấn Độ tăng cường hợp tác quốc phòng với các đối tác để bảo vệ lợi ích chung của các bên liên quan.

Bên cạnh đó, công trình “*Indo in the Indo-Pacific: Understanding India’s Security Orientation towards Southeast and East Asia*” (Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD: Hiểu về định hướng an ninh của Ấn Độ đối với Đông Nam Á và Đông Á) của tác giả Aditi Malhotra (2022) và bài viết “*India-China Defence Cooperation and Military Engagement*” (Hợp tác quốc phòng và giao lưu quân sự Ấn Độ - Trung Quốc) của tác giả Rup Narayan Das (2010) mặc dù vẫn đồng tình với các nhận định trên, nhưng nhấn mạnh thêm hợp tác quốc phòng và sự tương tác quân sự giữa Ấn Độ và Trung Quốc là một khía cạnh trong mối quan hệ phức tạp giữa hai quốc gia lớn châu Á. Mối quan hệ này dựa trên giả định rằng có một bài toán an ninh giữa hai quốc gia. Việc Trung Quốc chấp nhận hợp tác quốc phòng và quân sự với Ấn Độ là một khía cạnh khác của chiến lược tổng thể của Trung Quốc về việc “hòa

bình và hài hòa phát triển" (Rup Narayan Das, 2010, tr.121), mục tiêu là tạo ra hình ảnh Trung Quốc như một quốc gia thân thiện, nhưng thực tế là để củng cố sức mạnh kinh tế và sử dụng nó như một đòn bẩy để gia tăng ảnh hưởng của mình. Đặc biệt là khi mối tương quan kinh tế giữa Trung Quốc và Ấn Độ ngày càng tăng. Bất chấp những căng thẳng, hai nước đã cùng nhau tăng cường hợp tác quốc phòng thông qua "tầm nhìn chung cho thế kỷ XXI" và cam kết "*giải quyết những khác biệt tồn tại và vấn đề biên giới"* (Aditi Malhotra, 2022, tr.180)

Các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Việt Nam

Hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Việt Nam đang tăng cường và mang tính chiến lược. Đây là mối quan hệ đáng tin cậy, giúp cả hai nước đối phó với thách thức an ninh và đóng góp vào ổn định khu vực. Những hành động, hợp tác từ hai quốc gia đã chứng minh quan điểm này trong thực tiễn. Tác giả Sadhavi Chauhan (2013) đánh giá sự bổ sung cho nhau về lợi ích an ninh giữa Ấn Độ và Việt Nam, việc tăng cường hợp tác quốc phòng giữa hai bên là phù hợp với bối cảnh chính trị thực tế trong bài viết "*India-Vietnam Defence Cooperation: Slow but Steady Progress*" (tạm dịch: Hợp tác quốc phòng Ấn Độ - Việt Nam: Tiến triển chậm nhưng vững chắc). Với việc Trung Quốc thường xuyên gây căng thẳng dọc theo Đường kiểm soát thực tế đang tranh chấp với Ấn Độ và ảnh hưởng ngày càng tăng của nước này ở khu vực Nam Á, Ấn Độ buộc phải xích lại gần Việt Nam để tăng cường hợp tác quốc phòng hơn nữa. Quan điểm này cũng được tìm thấy trong bài viết "*Hợp tác hải quân Việt Nam - Ấn Độ*" của tác giả Trần Hoàng Long và Nguyễn Đắc Tùng (2019, tr. 4), Ấn Độ đã gia tăng các hoạt động hợp tác hải quân và năng lực quốc phòng cho Việt Nam trước những yêu sách và áp lực an ninh từ Trung Quốc. Bài viết "*India and Vietnam: A "strategic partnership" in the making*" (Ấn Độ và Việt Nam: Một "quan hệ đối tác chiến lược" đang hình thành) của tác giả Harsh V. Pant (2018) thì lại cho rằng Việt Nam và Ấn Độ sử dụng cùng các nền tảng của Nga và Liên Xô trước đây, nên có "*sự hội tụ đáng kể giữa hai bên trong lĩnh vực quốc phòng*" (tr.9). Dựa trên những thành tựu trong quan hệ song phương, Việt Nam đã tích cực tìm kiếm sự hỗ trợ từ Ấn Độ trong quá trình hiện đại hóa khí tài quân sự. Trên cơ sở đó, hợp tác quốc phòng trở thành một trong những trụ cột

quan trọng trong quan hệ đối tác giữa hai nước, thể hiện qua các thỏa thuận về cung cấp máy bay trực thăng quân sự, thiết bị sửa chữa máy bay cho Việt Nam, cũng như các chương trình đào tạo dành cho lực lượng quân sự Việt Nam.

Quyển sách “*India - Vietnam and the Indo-Pacific: Expanding Horizons*” (tạm dịch: Cơ hội hợp tác giữa Ấn Độ và Việt Nam trong khu vực AĐD-TBD) của hai tác giả Pankaj K. Jha và Võ Xuân Vinh (2020), chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ được nâng cấp từ Chính sách Hướng Đông - một trong những động lực chính thúc đẩy sự hiện diện ngày càng tăng của Ấn Độ ở khu vực và hợp tác quốc phòng với Việt Nam là một trong những giải pháp để giúp Ấn Độ cạnh tranh với sự trỗi dậy và quyết đoán ngày càng tăng của Trung Quốc, sự tăng trưởng chậm lại của Mỹ, sự trỗi dậy của Nhật Bản và vai trò dao động của ASEAN với tư cách là một tổ chức đa phương. Quan điểm này cũng được tìm thấy trong bài viết “*India-Vietnam Defence and Security Cooperation*” (Hợp tác quốc phòng và an ninh Ấn Độ - Việt Nam) của Viraj Solanki (2021) nhận định hợp tác này ngày càng trở thành lĩnh vực quan trọng trong “*quan hệ đối tác chiến lược toàn diện*” giữa hai nước, bao gồm các cuộc đối thoại chính phủ đến chính phủ, các thỏa thuận song phương, dòng tín dụng quốc phòng, các dự án mua sắm quốc phòng tiềm năng, hợp tác hàng hải và đa phương. Đặc biệt, hợp tác hàng hải giữa hải quân Ấn Độ và Việt Nam đã phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là trong khu vực AĐD-TBD, khi Ấn Độ tăng cường liên kết với các quốc gia Đông Nam Á thông qua chính sách “*Hành động Hướng Đông*”. Tác giả nhấn mạnh rằng hai quốc gia đã công khai thống nhất quan điểm về việc giải quyết các tranh chấp tại Biển Đông, ủng hộ hòa bình, ổn định, an ninh và tự do đi lại, và giải quyết các tranh chấp này theo luật pháp quốc tế mà không dùng đến đe dọa hoặc sử dụng lực lượng. Điểm sáng của bài viết là việc đánh giá kỹ lưỡng những nội dung hợp tác quốc phòng giữa hai nước cũng như cơ hội để củng cố thêm mối quan hệ quốc phòng và an ninh giữa Ấn Độ - Việt Nam, cả song phương và với các quốc gia thứ ba.

Tại Việt Nam, tác giả Võ Xuân Vinh (2019), đã luận giải nhiều minh chứng cho luận điểm Ấn Độ đã “*nổi lên như một trong những đối tác đáng tin cậy nhất của Việt Nam trong lĩnh vực quốc phòng*” (tr.3). Các ưu tiên trong quan hệ Việt

Nam-Ấn Độ trong những năm tới có thể sẽ là hợp tác quốc phòng, hàng hải, năng lượng và an ninh mạng dựa theo Tầm nhìn chung Tuyên bố về Hợp tác Quốc phòng Việt Nam-Ấn Độ giai đoạn 2015-2020. Tuy nhiên, nhân tố Trung Quốc vẫn là thách thức lớn đối với quan hệ Việt Nam - Ấn Độ, nhất là trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng, quân sự, hàng hải. Quyển sách “*Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới*” của tác giả Lê Văn Toan (2017) đã được xuất bản với sự đóng góp học thuật của các học giả Việt Nam và Ấn Độ liên quan đến các chính sách hành động phía Đông của Ấn Độ, sự trỗi dậy của Ấn Độ trong khu vực và đánh giá quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam và Ấn Độ trong lĩnh vực quan hệ quốc phòng. Trong số các bài viết, quan điểm của tác giả Nguyễn Hồng Quân là kết luận quan trọng liên quan đến hợp tác quốc phòng và khẳng định quốc phòng vào một trong những trụ cột chính của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện. Điều này thể hiện sự quan trọng và tiềm năng của mối quan hệ quốc phòng giữa hai quốc gia, đồng thời nhấn mạnh tầm nhìn mới trong việc xây dựng và phát triển quan hệ hai nước. Như vậy, quyển sách này đã cung cấp cái nhìn tổng quan về quan hệ Việt Nam - Ấn Độ và sự phát triển mạnh mẽ của hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Các tác giả nhận định rằng việc chọn Việt Nam làm trọng tâm trong hợp tác quốc phòng thể hiện sự ưu tiên và cam kết của Ấn Độ đối với việc củng cố quan hệ với Việt Nam và ASEAN. Các tác giả Trần Hoàng Long (2021) và Nguyễn Xuân Trung (2022) đều đưa ra một số hàm ý cho Việt Nam và đánh giá mối quan hệ hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Kế thừa từ những nhận định của các học giả trong nước, bài viết “*Ngoại giao quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương từ năm 2016 đến nay*” của tác giả luận án Trần Mỹ Hải Lộc (2023) đã nhận định “*kể từ khi thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược năm 2007, ngoại giao quốc phòng giữa hai nước đã mở ra trên nhiều lĩnh vực bao gồm đối thoại quốc phòng - an ninh, thỏa thuận quốc phòng song phương, các gói tín dụng quốc phòng, huấn luyện và diễn tập quân sự, mua sắm quốc phòng, hợp tác hàng hải và hợp tác đa phương*” (tr.2). Những thành tựu mà hai quốc gia đã đạt được trong lĩnh vực quốc phòng cũng góp phần thúc đẩy các chính sách và tầm nhìn của Thủ tướng Ấn Độ trong việc đưa Ấn Độ trở thành quốc gia tự lực tự cường.

Các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Quad

Hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Quad nhằm cân bằng quyền lực trong khu vực AĐD-TBD. Đối mặt với sự gia tăng quyền lực của Trung Quốc, việc tăng cường hợp tác quốc phòng là một đáp ứng chiến lược. Bằng việc đồng hành nhau trong hợp tác quân sự, giám sát và đối phó với các thách thức an ninh chung, các quốc gia trong Quad hy vọng tạo ra một lực lượng đáng kể để bảo đảm an ninh và ổn định khu vực, trong khi cũng tăng cường khả năng đối đầu với các tình huống khẩn cấp và tạo lòng tin và sự ổn định trong khu vực AĐD-TBD. Đây là luận điểm chung mà tất cả các công trình điển hình đều nhất quán khi phân tích hợp tác quốc phòng Ấn Độ và Quad. Trong đó, tác giả Abhijnan Rej (2018) nhận định sau một thập kỷ, các quan chức Ấn Độ, Nhật Bản, Australia và Mỹ đã họp tại Manila vào tháng 11 năm 2017 để đặt nền móng cho mục tiêu chung là ứng phó với sự gia tăng quyền lực của Trung Quốc trong bài viết *“Reclaiming the Indo-Pacific: A Political-Military Strategy for Quad 2.0”* (tạm dịch: Giành lại AĐD-TBD: Chiến lược chính trị - quân sự cho Bộ tứ 2.0). Tập trung vào lĩnh vực quốc phòng, các thành viên trong khối Quad đã cam kết hợp tác để giảm bớt sự đe dọa và răn đe trước những hoạt động của Trung Quốc. Họ đặt mục tiêu bảo vệ lĩnh vực chính trị và quân sự thông qua mô hình mục tiêu - phương tiện - phương pháp. Điều này được thực hiện thông qua việc tạo ra một mạng lưới hậu cần chung và khả năng tương tác quân sự đồng thuận nhằm đạt được những mục tiêu này. Bổ sung vào minh chứng luận điểm của Abhijnan Rej, bài viết *“Quad 4.0? To Securitize or Not to Securitize”* (Bộ tứ 4.0? An ninh hóa hay không an ninh hóa?) của tác giả Mahima Duggal (2022) khẳng định *“năm 2017, những lo ngại về kinh tế và an ninh đối với Trung Quốc đã lên một tầm cao mới, thúc đẩy các cường quốc từng do dự như Ấn Độ và Australia hướng tới khu vực AĐD-TBD tích hợp trong các chính sách đối ngoại và an ninh của từng quốc gia”* (tr.3).

Bài viết *“The Quadrilateral Security Dialogue: Towards an Indo-Pacific Order?”* (Đối thoại An ninh Bộ tứ: Hướng tới trật tự AĐD-TBD?) của David Envall (2019) đi sâu vào việc tái thiết “Quad” năm 2017 nhằm đảm bảo trật tự dựa trên quy tắc tại khu vực AĐD-TBD. Tác giả giải thích về sự không đồng nhất trong

các cuộc đối thoại giữa Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ và Australia, cũng như những thách thức chính đối với khả năng duy trì Quad. Quad cần tìm cách tối đa hóa cơ hội hợp tác mà không để các cuộc cạnh tranh địa chính trị ảnh hưởng đến lợi ích chung liên minh. Ở mặt quốc phòng, Ấn Độ có cơ hội đẩy mạnh sự hợp tác với Quad thông qua việc tham gia các cuộc tập trận quân sự chung như Malabar, cùng với việc chia sẻ công nghệ quốc phòng và thông tin tình báo. Điểm nổi bật khác của bài viết là việc nhấn mạnh tầm quan trọng của sự gia tăng quyết đoán của Trung Quốc, thúc đẩy các quốc gia thành viên Quad tiến tới một mức độ hợp tác sâu rộng hơn. Bài viết *“The Role of US-Japan-Australia-India Cooperation, or the ‘Quad,’ in FOIP: A Policy Coordination Mechanism for a Rules-Based Order”* (Vai trò của hợp tác Mỹ - Nhật - Australia - Ấn Độ, hay “Bộ tứ,” trong chiến lược AĐD-TBD tự do và rộng mở: Cơ chế phối hợp chính sách cho một trật tự dựa trên luật lệ) của tác giả Hanada, R (2019), cũng cùng nhận định trước bối cảnh Trung Quốc gia tăng quyền lực, việc tăng cường hợp tác quốc phòng là một phản ứng chiến lược cần thiết. Tác giả chỉ rõ ba lĩnh vực chính cho hợp tác quân sự trong Quad: (1) tăng cường khả năng tương tác và phối hợp quân sự, (2) chuyển giao công nghệ quốc phòng và trang thiết bị quốc phòng giữa các nước thành viên Quad, và (3) xây dựng khả năng quốc phòng cho các quốc gia trong khu vực AĐD-TBD. Kết hợp những biện pháp này, *“Quad sẽ góp phần ngăn chặn một khoảng trống quyền lực trong khu vực và bảo vệ các tuyến đường biển quan trọng”* (tr.13).

Bài viết *“India, the Blue Dot Network, and the ‘Quad Plus’ Calculus”* (Ấn Độ, Mạng lưới Điểm Xanh và Quad+) của tác giả Jagannath P. Panda (2020) đã xem xét liệu Ấn Độ có cần gia nhập BDN hay không. BDN là một sáng kiến chung của Mỹ, Nhật Bản và Australia, nhằm thúc đẩy tiêu chuẩn đầu tư vào hạ tầng và tạo ra chuỗi cung ứng toàn cầu thay thế, là đối trọng với BRI của Trung Quốc. Gia nhập BDN cho phép Ấn Độ tiếp cận các chuỗi cung ứng toàn cầu thay thế và củng cố các cam kết quốc phòng với các quốc gia không thân thiện với Trung Quốc như Nhật Bản, Australia, và Mỹ. Ấn Độ có thể sử dụng BDN như một công cụ để hỗ trợ quốc phòng, tăng cường hợp tác quân sự, phát triển các dự án hạ tầng quốc phòng cùng với các đối tác Quad, tăng cường “kết nối lực địa” thông qua mạng lưới “Quad+” để tự

chủ hơn và ít phụ thuộc vào các chuỗi cung ứng toàn cầu do Trung Quốc dẫn đầu. Tham gia BDN là một bước đi đúng hướng tới việc tạo ra các cơ chế giá trị và chuỗi cung ứng thay thế, thúc đẩy đầu tư cơ sở hạ tầng và bảo vệ lợi ích quốc gia trước sự trỗi dậy của một Trung Quốc cực kỳ hiếu chiến. Liên quan đến Quad+, bài viết “*The Quad Plus and India’s pointed alignment strategy*” (Quad+ và chiến lược liên kết có trọng điểm của Ấn Độ) của tác giả Jagannath P. Panda (2021) cho rằng khái niệm “*Quad+*” đánh dấu một bước phát triển quan trọng trong quá trình tiến hóa của Quad. Trong tư duy chiến lược của Ấn Độ, “*Quad+*” được xem như là khuôn khổ hợp tác tiềm năng, dựa trên các giá trị dân chủ và cam kết chung nhằm duy trì một trật tự khu vực tự do, rộng mở, dựa trên luật lệ và mang tính đa cực. Đồng thời, những năm gần đây, chính sách đối ngoại của Ấn Độ đã có sự điều chỉnh từ cách tiếp cận đa hướng sang tập trung hơn, ưu tiên củng cố quan hệ với các đối tác trọng yếu.

Các bài viết “*Concerts as a mode of ordering in world politics: An ideal-type approach*” (tạm dịch: Mô hình thiết lập trật tự trong chính trị thế giới: Cách tiếp cận kiểu mẫu lý tưởng) của Humphreys (2017), “*Evasive balancing: India’s unviable Indo-Pacific strategy*” (Cân bằng né tránh: Chiến lược AĐD-TBD thiếu bền vững của Ấn Độ) của tác giả Rajagopalan (2020), “*The Quad as a security actor*” (Bộ tứ với vai trò một chủ thể an ninh) của tác giả Madan (2022) và “*India and order transition in the Indo-Pacific: resisting the Quad as a ‘security community’*” (tạm dịch: Ấn Độ và quá trình chuyển đổi trật tự ở AĐD-TBD: Không đồng tình Quad một “cộng đồng an ninh”) của tác giả Kate Sullivan de Estrada (2023) đều cùng chung nhận định là Ấn Độ có một quan điểm rõ ràng về việc hợp tác quốc phòng trong khu vực AĐD-TBD, tin rằng hợp tác quốc phòng giữa các quốc gia trong khu vực là một công cụ quan trọng để giảm thiểu ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Thế nhưng, Ấn Độ cũng đối mặt với thận trọng với sự gia tăng sức mạnh và ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực. Sự cạnh tranh gay gắt giữa Mỹ và Trung Quốc cũng đang diễn ra, và Ấn Độ nhận thức rõ ràng về vai trò quan trọng của mình trong việc cân bằng thể chế trong khu vực này thông qua các hoạt động quốc phòng. Vì vậy, Thay vì tham gia toàn diện vào một liên minh quân sự không chính thức như Quad, Ấn Độ ưu tiên cách tiếp cận linh hoạt hơn, thúc đẩy hợp tác giữa các

cường quốc để xây dựng một trật tự quốc tế cân bằng, nơi các nước lớn cùng hợp tác thay vì đối đầu. Ấn Độ mong muốn tham gia vào một cơ chế toàn cầu, nơi các cường quốc nhận thức sự phụ thuộc lẫn nhau và hợp tác để duy trì ổn định, tránh xung đột. Với mục tiêu xây dựng một thế giới đa cực dựa trên hợp tác, Ấn Độ sẵn sàng hợp tác quốc phòng nhưng không nhằm đối đầu với bất kỳ quốc gia nào.

Các công trình điển hình liên quan hợp tác quốc phòng Ấn Độ và ASEAN

Hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và ASEAN là một mối quan hệ đa chiều và đa phương có mục tiêu tăng cường an ninh và ổn định trong khu vực Đông Nam Á. Hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia trong khu vực nhằm đảm bảo an ninh chung và tăng cường khả năng đối đầu với các thách thức an ninh, đặc biệt là sự gia tăng quy mô và quyền lực của Trung Quốc trong khu vực.

Quan điểm này được thể hiện rõ trong các bài viết “**India-ASEAN Defense Relations**” của tác giả Ajaya Kumar Das (2013) kết luận hai mục tiêu chiến lược chính hình thành các mối quan hệ của Ấn Độ trong khu vực: mục tiêu đầu tiên là Ấn Độ nhận thức được vai trò của mình như một cường quốc chiếm ưu thế ở phía đông bắc ADD. Điều này phản ánh sự quan tâm của Ấn Độ trong việc đảm bảo lợi ích hàng hải của mình và đảm bảo sự ổn định trong khu vực. Ấn Độ công nhận tầm quan trọng chiến lược của ADD và tìm cách tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của mình để bảo vệ an ninh hàng hải và lợi ích kinh tế của mình. Mục tiêu thứ hai là mục đích của Ấn Độ nhằm đảm nhận vai trò chiến lược lớn hơn ở Đông Nam Á và khu vực Thái Bình Dương rộng lớn hơn. Ấn Độ tìm cách mở rộng sự can dự của mình ra ngoài khu vực lân cận và khẳng định mình là một nhân tố chủ chốt trong việc định hình các động lực an ninh khu vực. Điều này bao gồm tăng cường hợp tác quốc phòng, thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược và đóng góp tích cực cho các sáng kiến an ninh khu vực. Mong muốn của Ấn Độ tăng cường sự hiện diện quốc phòng ở Đông Nam Á phù hợp với quan điểm của nhiều quốc gia ASEAN. Các nước ASEAN coi Ấn Độ là một nhân tố tích cực trong việc duy trì cấu trúc quyền lực cân bằng trong khu vực. Điểm sáng của công trình là phân tích chi tiết hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong bối cảnh Đông Nam Á thông qua góc nhìn của các động lực phát triển trong khu vực.

Để lý giải cho lý do Ấn Độ phải tăng cường quan hệ với ASEAN, bài viết “*India’s Defense Strategy and the India-ASEAN Relationship*” (Chiến lược quốc phòng của Ấn Độ và quan hệ Ấn Độ - ASEAN) của David Brewster (2013) và “*ASEAN-India Political Cooperation: How to Reinforce a Much-Needed Pillar?*” (Hợp tác chính trị ASEAN - Ấn Độ: Cùng cố một trụ cột cần thiết như thế nào?) của Sophie Boisseau du Rocher (2013) đều cùng chung quan điểm thừa nhận quan hệ lịch sử và văn hóa giữa Ấn Độ và Đông Nam Á đã được hồi sinh thông qua “*Chính sách Hướng Đông*” của Ấn Độ từ những năm 1990. Mỗi quan hệ đã mở rộng sang các lĩnh vực kinh tế và an ninh, nhưng nghiên cứu cho thấy rằng các liên kết chính trị vẫn còn yếu do thiếu tầm nhìn rõ ràng. Trong khi đó, bài viết của David Brewster làm rõ mục tiêu chiến lược của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á là tăng cường hợp tác để mở rộng tầm ảnh hưởng sang Thái Bình Dương. Hợp tác quốc phòng chính là công cụ để Ấn Độ xích lại gần với ASEAN nhằm đảm bảo an ninh và ổn định chung trong khu vực. Tác giả Sophie Boisseau du Rocher lại nhấn mạnh vấn đề chính trị trong quan hệ Ấn Độ-ASEAN. Dù có mối quan hệ lịch sử và văn hóa, tuy nhiên các mối liên kết chính trị vẫn còn yếu và cần được củng cố. Đối thoại chính trị hiệu quả giữa Ấn Độ và ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo mối quan hệ đối tác cùng có lợi trong lĩnh vực an ninh và quốc phòng. Tác giả nhấn mạnh rằng trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng với Trung Quốc, cả Ấn Độ và ASEAN cần đẩy mạnh hợp tác chính trị để tăng cường độ bền của mối quan hệ.

Trong khi đó, bài viết “*India-ASEAN Relations: Riding and Transcending the 'Indo-Pacific' Wave*” (tạm dịch: Quan hệ Ấn Độ - ASEAN: Cùng vượt sóng ADD-TBD) tác giả Karthik Nachiappan (2021) nhấn mạnh vào sự phát triển của quan hệ Ấn Độ-ASEAN từ những năm 1990 đến nay. Trong thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Ấn Độ thường tập trung vào quan hệ song phương với các nước Đông Nam Á, chứ không tập trung trực tiếp với ASEAN. Tuy nhiên, sau năm 2000, tình hình an ninh khu vực bắt đầu thay đổi và đặt Ấn Độ trước những thách thức mới, đặc biệt là an ninh tại khu vực ADD. Trung Quốc đã “*gia tăng quyền lực và ảnh hưởng trong khu vực, tạo ra lo ngại về an ninh và ổn định*” (tr.2). Đồng thời, khu vực

Đông Nam Á trở thành một trong những khu vực kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, tạo ra nhu cầu cao hơn về an ninh và ổn định. Vị trí địa lý chiến lược của Đông Nam Á cũng làm cho khu vực này trở thành một điểm tập trung quan trọng về chính trị và kinh tế. Sự can dự của Ấn Độ với ASEAN và các quốc gia thành viên đã tăng lên, đặc biệt là trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng để giải quyết các thách thức chung như an ninh mạng và chống khủng bố. Bài viết của Nachiappan làm rõ các yếu tố thúc đẩy Ấn Độ tăng cường hợp tác với ASEAN và các quốc gia Đông Nam Á hơn. Việc tập trung vào can dự chặt chẽ và hợp tác quốc phòng đã trở thành mục tiêu hàng đầu của Ấn Độ nhằm củng cố an ninh chung trong khu vực và đổi mới hiệu quả với các thách thức an ninh đang nổi lên. Điều này chắc chắn sẽ góp phần tạo nên một khu vực AĐD-TBD an toàn và ổn định, đồng thời đảm bảo lợi ích quốc gia của Ấn Độ và các quốc gia trong khu vực.

Trong bài viết “*India emerging as a credible maritime player in Southeast Asia*” (Ấn Độ nổi lên như một cường quốc hàng hải đáng tin cậy ở Đông Nam Á) của tác giả Premesha Saha (2023). Diễn hình trong hợp tác quốc phòng đa phương của Ấn Độ và ASEAN tập trung chủ chốt thông qua cuộc tập trận hàng hải để tăng cường hợp tác hàng hải và tin tưởng lẫn nhau giữa hai bên. Tập trận này bao gồm các hoạt động tại cảng và biển, nhằm thúc đẩy lòng tin và ngăn ngừa tai nạn trong khu vực. Sự tham gia của chín tàu, sáu máy bay và hơn 1.800 nhân viên từ các quốc gia ASEAN và Ấn Độ cho thấy mức độ cam kết cao và quan trọng của cuộc tập trận này trong việc củng cố hợp tác quốc phòng giữa hai bên.

Tại Việt Nam, tác giả Tôn Sinh Thành (2018) đã nghiên cứu sâu về quá trình hình thành và hoạt động của cơ chế hợp tác khu vực châu Á, tập trung vào vai trò của ASEAN và Ấn Độ trong quyển sách “*Hợp tác khu vực châu Á: Nhân tố ASEAN và Ấn Độ*”. Tác giả phân tích toàn diện và liên tục bản chất của quá trình hợp tác khu vực thông qua việc nghiên cứu lịch sử và lý thuyết hợp tác khu vực. Thông qua các tác động của nhân tố kinh tế, chính trị, an ninh, bản sắc văn hóa và thể chế đối với quá trình hợp tác khu vực, cũng như sự phát triển và mở rộng của các cơ chế hợp tác, Ấn Độ và ASEAN đã thúc đẩy quan hệ trên mọi lĩnh vực bao gồm cả quốc phòng và tiến đến việc nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện.

1.2. Nhận xét chung và hướng phát triển của đề tài

1.2.1. Những kết quả nghiên cứu mà Luận án sẽ kế thừa và tiếp thu

Nhìn chung, tất cả những công trình vừa phân tích đã cung cấp cách nhìn tổng quan về lý luận và thực tiễn triển khai các hoạt động hợp tác quốc phòng nói riêng giữa Ấn Độ và một số đối tác an ninh chủ chốt trong thời gian qua, là những nguồn thông tin tư liệu hết sức quý giá phục vụ cho công tác nghiên cứu về lĩnh vực này. Tuy nhiên, khi đặt các công trình vào trong một bối cảnh chung thì chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách hoàn chỉnh và đầy đủ về “*Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (2007 - 2024)*”. Trên cơ sở nghiên cứu hệ thống các tư liệu liên quan đến đề tài, đặc biệt là những công trình đã phân tích ở trên, luận án có thể rút ra những điểm quan trọng kế thừa như sau:

Thứ nhất, hợp tác quốc phòng là công cụ không thể thiếu trong chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia, kể cả Ấn Độ. Hợp tác quốc phòng không chỉ là một hình thức của ngoại giao quốc phòng, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc thể hiện quyền lực mềm của quốc gia nhằm tăng cường lòng tin, tạo ra sự đồng thuận và củng cố mối quan hệ với các đối tác an ninh trong khu vực. Việc thể hiện quyền lực mềm này đóng góp vào việc định hình hình ảnh tích cực về quốc gia và thúc đẩy sự hợp tác chung với các đối tác quốc tế. Đây chính là tiền đề để luận án hình thành khung lý thuyết chi tiết về hợp tác quốc phòng và lý giải vì sao lý thuyết “*quyền lực mềm*” là phù hợp khi áp dụng phân tích về quốc phòng.

Thứ hai, phần lớn các công trình cũng áp dụng chủ nghĩa hiện thực, tự do và kiến tạo để phân tích về chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong lĩnh vực quốc phòng. Một số công trình có điểm tương đồng khi phân tích thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các hoạt động chính như tổ chức các chuyến thăm cấp nhà nước, đào tạo và huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung của ba quân chủng, cũng như các hoạt động viện trợ và mua bán thiết bị quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia khác trong khu vực.

Thứ ba, các nghiên cứu về Ấn Độ thường không có sự khác biệt lớn do sự nhất quán và thận trọng trong chính sách của quốc gia này. Vì vậy, những luận điểm và kết luận từ lịch sử nghiên cứu đã giúp luận án xác định mục tiêu và chiến lược

hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực AĐD-TBD với các đối tác an ninh chủ chốt. Trong bối cảnh thế giới ngày càng phức tạp, việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng trở thành yếu tố then chốt trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, xuyên suốt các chiến lược mà quốc gia này đã và đang triển khai để ứng phó với những thay đổi toàn cầu.

Thứ tư, các công trình nghiên cứu về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các quốc gia cung cấp những dữ liệu và thông tin quan trọng, từ đó luận án có thể kế thừa và phân tích một cách khách quan và chi tiết để hiểu rõ hơn lý do Ấn Độ thúc đẩy hợp tác quốc phòng trong khu vực. Mặc dù các số liệu có thể có sự khác biệt nhỏ do phạm vi thời gian nghiên cứu, luận án sẽ đối chiếu và kiểm chứng chúng với các tài liệu chính thức từ chính phủ Ấn Độ, đảm bảo tính khách quan và độ chính xác cao trong việc đưa ra các kết luận.

1.2.2. Những khoảng trống của các nghiên cứu đi trước

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, sau khi đánh giá kỹ lưỡng các công trình nghiên cứu, luận án này đã xác định một số khía cạnh mà các tác giả trước đây chưa tiếp cận, như sau:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu trước đây, dù đề cập đến hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia khác nhưng chủ yếu tập trung vào từng giai đoạn cụ thể trong quan hệ song phương, với nhiều lý thuyết và quan điểm nghiên cứu khác nhau. Chưa có sự thống nhất trong việc lý giải cách tiếp cận của Ấn Độ, do mỗi quốc gia có mục tiêu và lợi ích riêng biệt. Đồng thời, hầu hết các nghiên cứu hiện tại chủ yếu tập trung vào quan hệ ngoại giao giữa Ấn Độ với các quốc gia lớn có tầm ảnh hưởng toàn cầu trên tất cả các lĩnh vực, và hợp tác quốc phòng chỉ được đề cập sơ lược hoặc tổng quát những thông tin chính. Các công trình chuyên sâu về quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia khác chủ yếu chỉ đánh giá thực trạng và triển vọng hợp tác, thiếu một cái nhìn tổng thể và chiến lược về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực AĐD-TBD. Điều này dẫn đến việc bức tranh chiến lược hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực này chưa được làm rõ và khái quát đầy đủ.

Thứ hai, một vấn đề phổ biến trong các công trình nghiên cứu là sự mơ hồ giữa các khái niệm “quốc phòng” và “quân sự”, cũng như giữa “hợp tác” và “ngoại giao”, khiến người đọc dễ nhầm lẫn. Trong nhiều công trình, các tác giả không đưa

định nghĩa rõ ràng hoặc dùng đan xen cả hai thuật ngữ này, dẫn đến sự không nhất quán trong áp dụng chúng. Do đó, để có cái nhìn toàn diện về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, cần phải xác định rõ khái niệm “*hợp tác quốc phòng*” và cách tiếp cận của Ấn Độ trong việc hợp tác song phương và đa phương với các đối tác an ninh chủ chốt trong khu vực.

Thứ ba, quốc phòng vốn là một lĩnh vực phức tạp và nhạy cảm, dễ nhập nhằng giữa “*quyền lực cứng*” và “*quyền lực mềm*”. Hầu hết các bài viết đều cho rằng mục tiêu trong hợp tác quốc phòng của Ấn Độ là tạo ra sự đối trọng với Trung Quốc hay đề phòng rủi ro từ Pakistan. Tuy nhiên, để Ấn Độ thực hiện được mục tiêu chiến lược của mình thì hợp tác quốc phòng cần được xem xét dưới góc nhìn quyền lực mềm để thấy sự “trỗi dậy” của Ấn Độ mang tính thiện chí, duy trì sự ổn định và tránh sự ngờ vực từ các quốc gia trong khu vực.

Thứ tư, các nghiên cứu về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các tổ chức đa phương như SCO, SAARC, BIMSTEC và IONS chưa được chú trọng. Thay vào đó, phần lớn các hợp tác trong những khuôn khổ này phần lớn đề cập đến quan hệ song phương giữa Ấn Độ và các quốc gia thành viên. Ngay cả Quad và ASEAN, các nghiên cứu cũng tập trung chủ yếu vào chiến lược chung giữa các bên. Mặc dù lĩnh vực quốc phòng có được đề cập, song chủ yếu xoay quanh các hoạt động tập trận chung nhằm đảm bảo an ninh khu vực hoặc các hình thức hợp tác nhằm đối trọng với sự trỗi dậy của Trung Quốc trong khu vực chứ không làm rõ được nỗ lực hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các tổ chức này.

1.2.3. Hướng phát triển của đề tài

Để giải quyết những khoảng trống đã đề cập, luận án sẽ:

Thứ nhất, luận án sẽ hình thành khái niệm và khung phân tích về “*hợp tác quốc phòng*” theo cách tiếp cận của Ấn Độ dựa trên ba chủ nghĩa là hiện thực, tự do và kiến tạo.

Thứ hai, luận án sẽ làm rõ các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024. Giai đoạn này là thời kỳ quan trọng đánh dấu những thay đổi đáng kể trong các chính sách, định hướng và hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, đặc biệt là trong bối cảnh các mối quan hệ quốc tế có nhiều biến động phức tạp.

Thứ ba, luận án sẽ tiến hành phân tích thực trạng triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác song phương chủ chốt và đa phương (bao gồm cả SCO, SAARC, BIMSTEC và IONS) trong khu vực ADD-TBD, làm cơ sở nhận xét đặc điểm hợp tác quốc phòng hiện nay của Ấn Độ như thế nào.

Thứ tư, từ thực trạng triển khai, luận án sẽ nhận xét và đánh giá tác động, dự báo xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD trong nhiệm kỳ thứ ba của Thủ tướng Narendra Modi. Ngoài ra, luận án cũng sẽ đưa ra một số hàm ý chính sách cho Việt Nam, giúp tận dụng cơ hội và tăng cường hợp tác quốc phòng với Ấn Độ trong bối cảnh khu vực.

Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA AN ĐỘ TẠI AN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2024

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm về hợp tác và hợp tác quốc phòng

2.1.1.1. Các khái niệm liên quan

Hiện nay, trên thế giới tồn tại nhiều cách tiếp cận khác nhau về định nghĩa hợp tác quốc phòng. Tuy nhiên, định nghĩa hợp lý nhất có thể được phát triển từ khái niệm “*hợp tác*” và “*hợp tác quốc tế*” trong lĩnh vực quốc phòng.

Đầu tiên, trong từ điển Webster’s New World Dictionary, hợp tác là những hành động hay nỗ lực cùng nhau hoặc sự kết hợp của một số người vì lợi ích chung hay lợi nhuận chung (David B. Guralnik, 1972, tr.312). Hai học giả Robert Axelrod và Robert O. Keohane cho rằng “*hợp tác*” được sử dụng khi “*các chủ thể điều chỉnh hành vi của họ trước các mong muốn thực tế hoặc dự đoán về mong muốn của những chủ thể khác*” (Axelrod R, Keohane RO, 1985, tr.226). Hợp tác còn được hiểu là sự liên kết tự nguyện về lợi ích và tổng hợp nguồn lực giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế để giải quyết các thách thức chung, thúc đẩy lợi ích chung và theo đuổi các mục tiêu chung, bao gồm cả chủ thể quốc gia và phi quốc gia (Xinyuan Dai, 2017).

Tiếp đến, khái niệm “*hợp tác quốc tế*” được xác định dựa trên bốn đặc trưng cấu thành: Thứ nhất, hợp tác giữa các bên có cùng lợi ích chung giống nhau để có thể chia sẻ cùng nhau. Thứ hai, sự tương tác giữa các bên phải được thực hiện trên phương diện hòa bình, có tính phối hợp hành động. Thứ ba, kết quả đạt được phải thỏa mãn lợi ích của các bên hoặc “*các bên cảm thấy cuối cùng (hợp tác) tốt hơn là làm theo cách khác*” (Helen Milner, 1992, tr.468). Thứ tư, các đối tượng tham gia phải là chủ thể của quan hệ quốc tế. Từ những đặc trưng nêu trên, nhà nghiên cứu Hoàng Khắc Nam (2017, tr.7) đã đưa ra khái niệm chung về hợp tác quốc tế là “*sự phối hợp hòa bình giữa các chủ thể quan hệ quốc tế nhằm thực hiện các mục đích chung*”.

Tương tự, trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng, các quốc gia thường sử dụng song song hai thuật ngữ “*quốc phòng*” và “*quân sự*”. Ở Việt Nam, Điều 2 của Luật Quốc phòng năm 2018 đã chỉ rõ thuật ngữ “quốc phòng” có nghĩa là “*công cuộc giữ nước bằng sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc, trong đó sức mạnh quân sự là đặc trưng, lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt*”, còn “quân sự” là “*là hoạt động đặc biệt của xã hội về xây dựng lực lượng vũ trang, đấu tranh vũ trang, trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt*” (Luật Quốc phòng, 2018, tr.1).

Ở Ấn Độ, học giả KA Muthana (2011) đã chứng minh rằng cụm từ “*quân sự*” và “*quốc phòng*” có thể hoán đổi cho nhau mà không làm thay đổi bản chất của hợp tác. Điều này phản ánh thực tế rằng quốc phòng là mục tiêu, trong khi quân sự là phương tiện thực hiện, nhưng cả hai đều gắn bó chặt chẽ và bổ trợ lẫn nhau. Ấn Độ vừa theo đuổi các mục tiêu chiến lược dài hạn nhằm bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia, vừa đầu tư mạnh vào hiện đại hóa quân đội và hợp tác quốc phòng. Nhưng thuật ngữ “*quốc phòng*” có một điểm nổi bật nhất định trong bối cảnh hiện tại, phù hợp trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng vì phạm vi rộng và bao gồm

“hợp tác quân sự thuần túy như tập trận quân sự, trao đổi nhân viên quân sự, huấn luyện quân sự, đàm phán có cấu trúc, v.v. và hơn cả hợp tác quân sự thuần túy như ký kết Thỏa thuận/Biên bản ghi nhớ, đối thoại quốc phòng, cung cấp thiết bị quân sự từ khu vực công hoặc khu vực tư nhân, chia sẻ thông tin tình báo” (Roby Thomas, 2021, tr. 20).

Đồng thời, hầu hết các quốc gia đều xem quốc phòng là công cụ để duy trì và thúc đẩy sự ổn định nhằm thúc đẩy các mối quan hệ song phương và đa phương để giải quyết các mối quan ngại an ninh chung (Jaswinder Singh, 2021, tr.114).

Như vậy, khái niệm “*hợp tác quốc tế*” trong lĩnh vực quốc phòng có thể được hiểu là sự tương tác quân sự hòa bình giữa các quốc gia, nhằm bảo đảm ổn định, phát triển bền vững và giải quyết các mối quan ngại an ninh chung. Mặc dù các nước trên thế giới với đặc điểm và bối cảnh riêng, nhưng đều nhận thức được tầm quan trọng của hợp tác quốc phòng đối với sự ổn định và phát triển quốc gia. Chẳng hạn, tại Việt Nam, hợp tác quốc phòng cũng được xem “*là một trong những yếu tố quan trọng để duy trì hoà bình, ổn định trong khu vực và trên thế*

giới đồng thời cũng là một yếu tố quan trọng để thực hiện các mục tiêu quốc phòng của Việt Nam” (Bộ Quốc phòng, n.d). Nhật Bản đã nhận định “hợp tác quốc phòng là nỗ lực của Chính phủ Nhật Bản nhằm tăng cường quan hệ quốc phòng song phương và đa phương, thông qua việc sử dụng nhiều công cụ khác nhau, nhằm đảm bảo hòa bình và ổn định không chỉ cho quốc gia mà còn cho cộng đồng quốc tế” (Japan Ministry of Defense, 2020, tr.2). Bộ trưởng Quốc phòng Hà Lan Jeanine Hennis-Plasschaert cho rằng “hợp tác quốc phòng là con đường duy nhất để duy trì năng lực quân sự, đặc biệt là năng lực quân sự cao cấp. Nó đòi hỏi sự theo đuổi liên tục, sự tham gia tích cực và tư duy bền bỉ để được mục đích” (European Defence Agency, 2016).

Dưới lăng kính học thuật, Camille Morel và Friederike Richter (2021, tr. 33) cho rằng hợp tác quốc phòng chỉ được coi là hợp pháp khi được thiết lập với một hoặc nhiều đối tác được quốc tế công nhận; hoặc khi hợp tác chính đáng vì những mục tiêu chung của các bên liên quan. Đồng thời, sự hợp tác này có hiệu quả nếu nó cho phép các quốc gia tham gia đạt được các mục tiêu chính trị của họ và/hoặc nếu lợi ích thu được từ quan hệ đối tác lớn hơn so với việc quốc gia đó tiến hành đơn phương. A. Cottey và A. Forster (2004, tr. 6) lần lượt mô tả hợp tác quốc phòng là “*một cách thức hợp tác (phi bạo lực) trong việc sử dụng lực lượng vũ trang và cơ sở hạ tầng liên quan - chủ yếu là của Bộ Quốc phòng - như một công cụ của chính sách đối ngoại và an ninh*” nhằm thực thi các mục tiêu chính sách đối ngoại của mỗi quốc gia, và có tính chất không chiến đấu (không bạo lực). Tương tự, Arvind Dutta (2009, tr. 34) nhấn mạnh rằng hợp tác quốc phòng giữa các quốc gia nhằm thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực cũng như toàn cầu thông qua đối thoại và hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh giúp các quốc gia giải quyết các thách thức an ninh chung, nâng cao sự hiểu biết lẫn nhau, đồng thời tăng cường tính minh bạch và cởi mở giữa các bên tham gia.

Do đó, hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng khác hoàn toàn với khái niệm liên minh quân sự. Liên minh quân sự là một thỏa thuận chính thức giữa hai hoặc nhiều quốc gia có chủ quyền nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong các tình huống xung đột quân sự hoặc phối hợp để đạt được các mục tiêu quân sự chung. Liên minh quân sự có thể tổ

chức thành khối quân sự hoặc chỉ là đơn vị chiến đấu chung. Tùy thuộc vào mục đích chính trị, liên minh quân sự có thể là tiến bộ hay phản động, tự vệ hay xâm lược (Bộ Quốc phòng, 2004, tr. 610). Trong trường hợp của Ấn Độ, hợp tác quốc phòng không có nghĩa là tham gia vào một liên minh quân sự. Ấn Độ tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ hợp tác quốc phòng dựa trên nguyên tắc tự chủ, tăng cường an ninh và năng lực phòng thủ, không cam kết tham gia vào các liên minh quân sự chính thức, không ràng buộc với các nghĩa vụ bảo vệ lẫn nhau trong trường hợp xung đột quân sự.

Tuy nhiên, ngoài khái niệm “*hợp tác quốc phòng*” thì “*hợp tác quân sự*” vẫn thường được sử dụng trong các nghiên cứu quan hệ quốc tế giữa các quốc gia bởi tính phổ quát của hoạt động. “*Hợp tác quân sự*” tập trung vào các hoạt động quân sự, bao gồm cả việc sử dụng vũ khí và lực lượng quân đội nhằm đạt được những mục tiêu chung, mà không nhấn mạnh yếu tố hoà bình trong quá trình triển khai. Trong khi đó, “*hợp tác quốc phòng*” nhấn mạnh các biện pháp tập thể được các quốc gia thực hiện để đảm bảo an ninh và lợi ích quốc gia. Hợp tác này là nền tảng để thúc đẩy lòng tin, giải quyết xung đột và tạo điều kiện cho các cuộc đối thoại và hợp tác cởi mở ở cả cấp độ song phương và đa phương trong các tổ chức quốc tế (A. Cottey và A. Forster, 2004, tr.27). Bên cạnh đó, một hệ thống phòng thủ hiệu quả không chỉ nâng cao vị thế quốc tế mà còn ổn định các mối quan hệ toàn cầu, giảm khả năng xảy ra đối đầu vũ trang. Thông qua hợp tác quốc phòng, các quốc gia có thể phát triển quan hệ hợp tác, thúc đẩy sự minh bạch quân sự và giảm bớt những hiểu lầm, nâng cao nhận thức về lợi ích chung và xã hội hóa quân đội hướng tới hợp tác vì mục tiêu chung.

Trong phạm vi của luận án, khái niệm *hợp tác quốc phòng* sẽ được tiếp cận theo góc nhìn và quan điểm của Ấn Độ, là sự kết hợp lực lượng quốc phòng của các chủ thể quan hệ quốc tế trong đó các lực lượng vũ trang phối hợp với nhau để giải quyết các mối quan ngại chung và đảm bảo an ninh - quốc phòng của các bên (Centre for Land Warfare Studies, 2008). Hợp tác quốc phòng giúp Ấn Độ đạt được nhận thức về lĩnh vực trong các lĩnh vực có lợi ích địa chiến lược, đây là một yêu cầu quan trọng về an ninh quốc gia (Gurpreet S Khurana, 2008, tr. 12).

2.1.1.2. Các lĩnh vực hoạt động hợp tác quốc phòng

Trong quan hệ quốc tế hiện nay, có 4 cách phân loại điển hình về hợp tác quốc phòng: Hans-Joachim Morgenthau (1960) phân loại dựa trên tính tương hỗ, thời gian, năng lực hoạt động, phân bổ lợi ích và phạm vi lợi ích. Kalevi J. Holsti (1967) thì phân loại dựa trên các cam kết hoạt động, các loại cam kết đã thống nhất, mức độ hợp tác và hội nhập quân sự và phạm vi địa lý của các thỏa thuận. Edwin H. Fedder (1968, tr. 65-66) đề xuất phân loại dựa trên số lượng quốc gia liên quan, giới hạn địa lý, thời hạn, phân bổ quyền lực, quan điểm chủ động hoặc thụ động, cam kết đơn phương hoặc chung và các cơ chế an ninh. Cuối cùng, Bruce M. Russett (1971, tr. 262-263) phân loại hợp tác quốc phòng dựa trên các yếu tố như mối quan hệ của liên minh với hệ thống quốc tế, bản chất cam kết, thời gian dự kiến, cũng như mối quan hệ hiện tại giữa các thành viên và những liên kết đã tồn tại trước khi hợp tác.

Trong thế kỷ 21, hợp tác quốc phòng có thể mang tính tạm thời hoặc lâu dài, chính thức hoặc không chính thức, được thể chế hóa hoặc không; có thể được thiết lập trong hoặc ngoài bất kỳ khuôn khổ chính thức nào (Pannier A. & Schmitt O., 2014, tr. 271-272), hoặc cũng có thể tồn tại trong thời bình hoặc một thời kỳ khủng hoảng nhất định một loạt mục tiêu đa dạng liên quan đến các hoạt động an ninh - quốc phòng (Andrew Cottey & Anthony Forster, 2004, tr. 27).

Bảng 2.1 dưới đây sẽ hệ thống hóa các hình thức hợp tác quốc phòng phổ biến hiện nay, giúp đánh giá mức độ và quy mô hợp tác khi áp dụng vào bất kỳ quốc gia nào. Nếu xét theo mức độ hợp tác, hiện nay có 3 hình thức phổ biến trong hợp tác quốc phòng là song phương, tiểu đa phương và đa phương. Hợp tác tiểu đa phương và đa phương khác nhau chủ yếu về quy mô và phạm vi. Trong đó, tiểu đa phương (minilateral) bao gồm một nhóm nhỏ các quốc gia được chọn lọc được giới hạn từ 3-7 quốc gia, tập trung vào giải quyết các vấn đề cụ thể hoặc lợi ích chung, “*dựa trên cơ sở tự nguyện và không bị ràng buộc về mặt pháp lý*” và “*cho phép các quốc gia có cùng chí hướng hợp tác với nhau trong các lĩnh vực thường bị cản trở bởi các cơ chế đa phương hoặc các nhóm quốc gia lớn hơn*” (Husain Haqqani & Narayanappa Janardhan, 2023). Ngược lại, hợp tác đa phương liên quan đến nhiều

quốc gia, thông thường trên 8 quốc gia và trải rộng trên các khu vực khác nhau và nhằm giải quyết các vấn đề toàn cầu, rộng lớn đòi hỏi sự đồng thuận và phối hợp rộng rãi. Sự phức tạp của hợp tác đa phương xuất phát từ lợi ích và quan điểm đa dạng của nhiều bên tham gia, đòi hỏi phải có đàm phán sâu rộng và một cơ cấu chính thức hơn. Do đó, việc phân chia hợp tác tiểu đa phương hay đa phương sẽ phụ thuộc vào mục tiêu của từng chủ thể nhằm tập trung vào lợi ích về tính linh hoạt và tính cụ thể hay tính bao trùm rộng rãi và sự ổn định về thể chế. Khi triển khai thì các chủ thể sẽ cụ thể hóa mục tiêu của mình thông qua hình thức hợp tác song phương tập trung chính vào mục tiêu chung của 2 bên hoặc gọi chung là đa phương (bao gồm tiểu đa phương và đa phương) tầm trung vào các mục tiêu/ mối quan ngại an ninh chung của tất cả các bên có liên quan. Thời hạn hợp tác này có thể là tạm thời trong một bối cảnh an ninh nhất định hoặc lâu dài/ vĩnh viễn tùy theo sự cam kết của các bên. Cuối cùng, khuôn khổ hợp tác, dù được thể chế hóa hay phi thể chế hóa, đều ảnh hưởng đến cơ cấu tổ chức và quản trị.

Bảng 2.1: Hình thức hợp tác quốc phòng phổ biến hiện nay

Hình thức	Mục tiêu	Thời gian	Khuôn khổ
Song phương (2 quốc gia)	Cụ thể		
Tiểu đa phương (từ 3-7 quốc gia)	(giữa hai bên)	Tạm thời	Được thể chế hóa
Đa phương (trên 8 quốc gia)	Mục tiêu chung (giữa các bên có liên quan)	Vĩnh viễn	Không được thể chế hóa

Nguồn: Camille Morel and Friederike Richter (2021, tr.31)

Từ các hình thức hợp tác quốc phòng đã đề cập, khi triển khai vào thực tế, các nghiên cứu của Lech Drab (2018, tr. 67-68) và A. Cottey và A. Forster (2004, tr. 8) đều xác định rằng các hoạt động chủ chốt của hợp tác quốc phòng có thể được thực hiện thông qua:

- Các cuộc tiếp xúc song phương và đa phương giữa các đại diện dân sự và quân sự cao nhất của các bộ quốc phòng ở mức độ cao;
- Bổ nhiệm tùy viên quốc phòng ở nước ngoài;
- Ký kết các hiệp định hợp tác quốc phòng song phương;

- Thực hiện các cuộc tập trận quân sự song phương hoặc đa phương nhằm mục đích huấn luyện;
- Huấn luyện, bồi dưỡng, đào tạo quân sự và hỗ trợ cho lực lượng vũ trang của các nước khác;
- Cung cấp trang thiết bị, vũ khí, vật tư quân sự và chuyên gia công nghiệp quốc phòng khác;

Đối chiếu với phạm vi nội dung của Luận án, các hoạt động chủ chốt này có thể được chia thành ba lĩnh vực chính. *Thứ nhất*, các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng đóng vai trò thúc đẩy quan hệ song phương, tạo tiền đề cho bổ nhiệm tùy viên quốc phòng và ký kết các hiệp định hợp tác. *Thứ hai*, đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung giúp nâng cao khả năng phối hợp tác chiến thông qua các cuộc tập trận quân sự và chương trình đào tạo, bồi dưỡng lực lượng vũ trang. *Thứ ba*, hoạt động viện trợ và mua bán trang thiết bị quốc phòng góp phần củng cố năng lực phòng thủ thông qua cung cấp vũ khí, trang thiết bị quân sự và chuyên gia công nghệ quốc phòng.

Như vậy, dù phân loại theo bất kỳ hình thức nào, mục tiêu chính của hợp tác quốc phòng là định hình và thực hiện chính sách quốc phòng của một quốc gia. Đồng thời, nó tạo ra các mối quan hệ ổn định, lâu dài nhằm thúc đẩy minh bạch trong lĩnh vực quốc phòng, củng cố lòng tin và đạt được các mục tiêu chung. Kết quả của hợp tác quốc phòng giúp xây dựng hình ảnh quốc gia như một bên có trách nhiệm và đáng tin cậy, đồng thời mang lại lợi thế trong việc tránh xung đột quy mô nhỏ ở cấp khu vực nhờ quan hệ được cải thiện với các quốc gia liên quan (Mohak Gambhir, 2021).

2.1.2. Hợp tác quốc phòng dưới góc nhìn của các lý thuyết quan hệ quốc tế

2.1.2.1. Chủ nghĩa hiện thực

Thực tế, trường phái chủ nghĩa hiện thực có ảnh hưởng lớn khi nghiên cứu hoạt động hợp tác quốc phòng của các quốc gia trong xu hướng cạnh tranh quyền lực để giành vai trò lãnh đạo trong cấu trúc an ninh khu vực.

Luận điểm thứ nhất, “*các quốc gia sống trong môi trường vô chính phủ và tồn tại nhiều mối đe dọa an ninh từ bên ngoài nên buộc họ phải cạnh tranh với nhau*” (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr.37). Thứ hai, chính vì các quốc gia sống trong

môi trường vô chính phủ nên các quốc gia phải tự lực (*self-help*) chứ không thể phụ thuộc vào sự giúp đỡ của bất kì nước lớn nào trong khu vực. Thứ ba, để tự lực được thì “*các quốc gia cần phải có quyền lực*” (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr.38). Quyền lực được định nghĩa cả tĩnh và động: tĩnh, là tổng các khả năng của một quốc gia, hoặc là các khả năng tương đối so với các khả năng của các quốc gia khác; và động tập trung xét về mức độ sẵn sàng sử dụng những khả năng này để gây ảnh hưởng đối với các quốc gia khác (Viotti & Kauppi, 1987, tr.44). Hans J. Morgenthau đã nhấn mạnh quyền lực là lợi ích cơ bản của quốc gia, lợi ích quyền lực là chuẩn mực khách quan và nó có thể thay đổi phương cách tùy theo hoàn cảnh của từng quốc gia, tuy nhiên, mọi quốc gia vẫn theo đuổi lợi ích quyền lực (1948, tr. 73-79). Thực tế, quyền lực là thuộc tính vốn có của mỗi quốc gia, là nguồn lực sẵn có dựa trên năng lực quốc phòng, quân sự, kinh tế, khoa học - kỹ thuật... đồng thời là công cụ thể hiện và thực thi quyền lực của họ. Do mọi quốc gia đều theo đuổi quyền lực, cạnh tranh và đấu tranh quyền lực trở thành điều không thể tránh khỏi trong quan hệ quốc tế, là nguyên nhân chính dẫn đến những cuộc đối đầu không ngừng giữa các quốc gia. Dù mục đích cuối cùng của chính trị thế giới có thể khác nhau, quyền lực luôn là mục tiêu trước mắt và quan trọng nhất.

Bên cạnh đó, quyền lực, lợi ích hay hành vi của quốc gia cũng bị tác động bởi hệ thống quốc tế. Những lý giải theo chủ nghĩa hiện thực về chính trị thế giới thường nói về một hệ thống quốc tế hình thành từ chiến lược cân bằng của các quốc gia, “*các quốc gia yếu hơn sẽ lo lắng về hành vi trong tương lai của mình. Đối mặt với tình trạng mất cân bằng quyền lực, các quốc gia cố gắng tăng cường sức mạnh của chính mình hoặc liên minh với các quốc gia khác để đưa sự phân bố quyền lực quốc tế về trạng thái cân bằng*” (Waltz K. N, 1997, tr.915). Do đó, tình trạng xung đột, căng thẳng vì cạnh tranh quyền lực có thể được hạn chế thông qua việc cân bằng quyền lực giữa các quốc gia thay vì luật pháp hay các thể chế quốc tế (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr. 41).

Các chủ thể nhà nước và phi nhà nước luôn sử dụng quyền lực để đạt được lợi ích của mình. Nếu nhìn một cách tổng quát thì năng lực quân sự, chính trị, kinh tế là phương tiện để phô trương sức mạnh. Thế kỷ 18 được gọi là thời kỳ hoàng kim

của cán cân quyền lực (Michael Sheehan, 1996, tr. 98). Cùng với sự thay đổi của thời đại, khái niệm về cân bằng quyền lực đã có sự điều chỉnh, và Morgenthau cho rằng những nỗ lực nhằm cân bằng quyền lực thường được một quốc gia thực hiện do tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh và lo sợ về các mối đe dọa sắp xảy ra. Trong giai đoạn tiếp theo, những hậu quả nêu trên tiếp tục tạo ra tình thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh hơn nữa cho các quốc gia khác và khiến họ phải thực hiện những nỗ lực tương tự. Đây là cách mà chu kỳ cân bằng quyền lực này đã diễn ra từ lâu, những nỗ lực cân bằng quyền lực sẽ luôn tồn tại như mối quan hệ nhân quả (Morgenthau, 1948, tr. 172). Như vậy, sức mạnh quân sự hay quốc phòng vẫn là mối quan tâm hàng đầu của quốc gia và vẫn là thước đo quan trọng của cân bằng quyền lực để tạo ra sự cân bằng trong quan hệ quốc tế. Chính sự áp dụng của lý thuyết cân bằng quyền lực vào các tình huống thực tế trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng, và từ cơ sở lý thuyết này, các bên liên quan có thể nhận thức và đương đầu với các nguy cơ đối với an ninh quốc gia, là những lý do làm cho lý thuyết cân bằng quyền lực trở thành một phần quan trọng trong nghiên cứu về quan hệ quốc tế (Robert O. Keohane, 1986, tr. 7).

Dưới lăng kính chủ nghĩa hiện thực, hợp tác quốc phòng không chỉ là công cụ để đối phó với các đe dọa lợi ích riêng mà còn để duy trì và củng cố quyền lực quốc gia. Điều này tương đồng với quan điểm của chủ nghĩa hiện thực phòng thủ *“khi phòng thủ có lợi thế, các quốc gia giữ nguyên trạng có thể tự đảm bảo an toàn mà không gây nguy hiểm nghiêm trọng cho các quốc gia khác”* (Jervis, 1978, tr.187). Khi các quốc gia tăng cường an ninh của mình mà không đe dọa các quốc gia khác, sẽ thúc đẩy sự cân bằng quyền lực ổn định, vì các quốc gia ít có khả năng tham gia vào các chính sách gây hấn hoặc chạy đua vũ trang. Vì vậy, phòng thủ hiệu quả và tập trung vào an ninh sẽ giúp duy trì một hệ thống quốc tế ổn định và cân bằng. Các quốc gia tham gia hợp tác quốc phòng có thể thực hiện nhằm đối trọng hoặc ngăn chặn các *“mối đe dọa an ninh”*, duy trì phạm vi ảnh hưởng, hoặc thúc đẩy lợi ích thương mại chẳng hạn như bán vũ khí hoặc chuyển giao công nghệ quốc phòng. Cottey và Forster (2004, tr. 8) cũng cho rằng sự thay đổi quan

trọng trong thập kỷ qua là hợp tác quốc phòng không chỉ được sử dụng để bảo vệ quốc gia, đối phó với các mối đe dọa quân sự mà còn như một phương tiện để xây dựng liên minh, thúc đẩy quan hệ quốc tế, ảnh hưởng đến các quốc gia khác. Các nước có thể sử dụng hợp tác quốc phòng như một công cụ chiến lược để xây dựng mối quan hệ hợp tác với “*kẻ thù cũ*” hoặc “*kẻ thù tiềm năng*”. Trong trường hợp của Ấn Độ, thông qua hợp tác quốc phòng, cân nhắc kỹ lưỡng lợi ích và rủi ro, quốc gia này có thể tạo ra một sự đối trọng quyền lực với các quốc gia khác trong khu vực.

Đối với những đe dọa lợi ích quốc gia của Ấn Độ, lý thuyết cân bằng quyền lực (*balance of power*) được xem là phù hợp để phân tích nhu cầu cân bằng về sức mạnh của Ấn Độ thông qua hợp tác quốc phòng nhằm “*ngăn chặn sự thống trị hay sự vượt trội quyền lực của một quốc gia nào đó*” (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr. 42). Cân bằng quyền lực là “*thuật ngữ xương sống*” và là lý thuyết cơ bản về hành vi của các quốc gia, thường đề cập đến sự mô tả về sự cân bằng quân sự tương đối của các chủ thể trong quan hệ quốc tế, các định nghĩa được chấp nhận phổ biến nhất đều đề cập đến sự cân bằng quyền lực giữa các quốc gia nhằm duy trì sự ổn định, hòa bình và ngăn chặn sự bá quyền.

Sự phân bổ quyền lực được xác định là đa cực với ba cường quốc trở lên; lưỡng cực với hai cường quốc; và đơn cực với quyền lực tập trung vào một cường quốc. Như vậy, khi một quốc gia gia tăng quyền lực hoặc áp dụng quyền lực một cách mạnh mẽ khiến các quốc gia bị đe dọa sẽ tăng cường sức mạnh của mình để đáp lại, thường bằng cách hình thành một liên minh đối trọng (Lobell. S, 2016). Bên cạnh đó, một quốc gia cũng có thể tự mình đóng vai trò cân bằng hệ thống bằng cách thay đổi liên minh khi cần thiết. Do đó, dưới góc nhìn của chủ nghĩa hiện thực, “*sống trong môi trường vô chính phủ, quốc gia buộc phải ưu tìm quyền lực để cạnh tranh nhằm đảo bảo an ninh cho mình*” (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr.44), vì thế xung đột sẽ luôn xảy ra, nên “*cân bằng quyền lực*” sẽ là công cụ để quốc gia duy trì một trạng thái cân bằng có lợi cho mình hoặc một nhóm quốc gia thông qua các đường lối và chính sách cụ thể.

Các tác giả Aditi Malhotra (2022), Astha Chadha (2020) và Nguyễn Thị Oanh (2022) cũng áp dụng lý thuyết cân bằng quyền lực khi chứng minh những hành động của Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD. Ấn Độ buộc phải cân bằng quyền lực trước sức ép “trỗi dậy” của Trung Quốc đang gia tăng. Nếu không vai trò và sức ảnh hưởng của Ấn Độ sẽ bị thu hẹp và “co cụm” lại trong khu vực Nam Á. Do đó, thông qua lăng kính của cân bằng quyền lực, luận án sẽ lý giải được mục đích tăng cường hợp tác quốc phòng kết hợp giữa sự cạnh tranh và hợp tác để cân bằng quyền lực và đảm bảo lợi ích quốc gia của cả hai bên.

2.1.2.2. Chủ nghĩa tự do

Trong chủ nghĩa tự do, có một số luận điểm chính giải thích được tính hợp tác trong quan hệ quốc tế. Thứ nhất, hợp tác được sử dụng để diễn tả sự liên kết tự nguyện về lợi ích và tổng hợp nguồn lực giữa các chủ thể trong quan hệ quốc tế để giải quyết các thách thức chung, thúc đẩy lợi ích chung và theo đuổi các mục tiêu chung, bao gồm cả chủ thể quốc gia và phi quốc gia (Xinyuan Dai, 2017). Cách tiếp cận hợp tác này bao gồm các cuộc đàm phán ngoại giao, các sáng kiến chung và thiết lập các khuôn khổ quốc tế để thúc đẩy đối thoại, xây dựng lòng tin và đạt được các giải pháp chung. Khi đó, quan hệ quốc tế không còn bị chi phối bởi lợi ích hay toan tính của bất kỳ quốc gia nào. Ngoài ra, hai học giả Robert Axelrod và Robert O. Keohane (1985, tr. 226) cho rằng hợp tác chỉ xuất hiện khi các chủ thể quan hệ quốc tế điều chỉnh hành vi tương tác với nhau vì lợi ích quốc gia ngay cả khi các bên vẫn còn nhiều mâu thuẫn. Điều này có thể luận giải lý do vì sao Ấn Độ vẫn thúc đẩy hợp tác quốc phòng với Trung Quốc, mặc dù Trung Quốc được xem là “mối đe dọa trực tiếp” an ninh quốc gia của mình.

Thứ hai, chủ nghĩa tự do cho rằng “quan hệ quốc tế chịu tác động đáng kể của nhiều yếu tố đối nội. Các yếu tố đối nội cũng có thể tạo động lực thúc giục hay kiềm chế ý chí của các nhà lãnh đạo và từ đó là đến chính sách đối ngoại” (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr. 68-69). Luận điểm này được dùng để giải thích các yếu tố đối nội, sự tính toán lý trí hay vai trò lãnh đạo của các cá nhân cũng tác động đáng kể đến chính sách đối ngoại và hình thức triển khai hoạt động hợp tác bên ngoài. Trên thực tế, hợp tác quốc phòng có thể giảm thiểu các động lực cạnh tranh, tập trung

vào các hoạt động hợp tác nhằm tạo ra sự hiểu biết, tin cậy lẫn nhau (Jun Yan Chang & Nicole Jenne, 2020), để thiết lập hoặc duy trì quyền lực và ảnh hưởng thông qua hợp tác. Các mạng lưới hợp tác đa phương dần trở nên quan trọng và nắm giữ vị trí chiến lược trong mạng lưới quốc tế hiện nay là một nguồn sức mạnh quan trọng (Joshep Nye, 2011, tr.17).

Thứ ba, hợp tác dần thay thế cho xung đột và trở thành xu thế chính trong chính trị quốc tế, các quốc gia ngày càng chọn theo đuổi lợi ích tuyệt đối (*absolute gain*) hơn là lợi ích tương đối (*relative gain*), và hợp tác sẽ đem lại hòa bình (Hoàng Khắc Nam, 2017a, tr. 72). Khi hợp tác, các quốc gia sẽ kết hợp cùng nhau vào một trạng thái chính thể mới trên cơ sở đảm bảo lợi ích cơ bản của quốc gia (Hoàng Khắc Nam, 2002, tr. 17-18) và từ đây hội nhập quốc tế sẽ được hình thành. Ngoài ra, khi tham gia vào các thể chế quốc tế, các quốc gia sẽ có nhiều cơ hội để thúc đẩy hợp tác, “*làm giảm tính vô chính phủ của môi trường quốc tế*” bằng cách buộc các thành viên không được phép thực hiện các hành động đi ngược lại tôn chỉ của các thể chế, từ đó xây dựng lòng tin và ngăn ngừa xung đột trên quy mô toàn cầu (Hoàng Khắc Nam, 2017a, tr.76). Trong lĩnh vực quốc phòng, hội nhập quốc tế được thể hiện thông qua hình thức hợp tác song phương và đa phương nhằm mục tiêu thúc đẩy và duy trì hòa bình, độc lập và chủ quyền (Phạm Quốc Trụ, 2011, tr. 84-85).

Thứ tư, chủ nghĩa tự do cũng nhấn mạnh vai trò của sự phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế trong việc thúc đẩy hòa bình và hợp tác giữa các quốc gia (Hoàng Khắc Nam, 2017, tr. 74). Hợp tác quốc phòng có thể gắn liền với hợp tác kinh tế thông qua buôn bán khí tài quân sự, tập trận chung hoặc các dự án phát triển quốc phòng chung, tạo ra động lực cho việc giải quyết tranh chấp một cách hòa bình vì xung đột có thể làm gián đoạn dòng chảy thương mại và đầu tư.

Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ mang bản chất giảm thiểu xung đột và nâng cao năng lực quốc gia thông qua việc thúc đẩy sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau với các đối tác, kể cả những quốc gia có mâu thuẫn như Trung Quốc. Điều này phản ánh chủ nghĩa lý tưởng của Ấn Độ trong chính sách đối ngoại, khi nước này không chỉ tập trung vào bảo vệ lợi ích quốc gia mà còn hướng tới xây dựng hòa bình khu vực và toàn cầu. Ấn Độ khuyến khích hợp tác đa phương và đối thoại để giải quyết

các thách thức an ninh chung, đồng thời khẳng định cam kết duy trì ổn định và hòa bình toàn cầu, phù hợp với các nguyên tắc của chủ nghĩa tự do và hợp tác quốc tế.

Trên cơ sở những luận điểm chính yếu về hợp tác của chủ nghĩa tự do, Luận án cũng vận dụng một trường phái khác là lý luận về quyền lực mềm của Joshep Nye để lý giải vì sao cũng là hợp tác quốc phòng nhưng hình ảnh Ấn Độ trong dư luận quốc tế là thiện chí và tích cực hơn so với Trung Quốc. Theo Joshep Nye (2008, tr.95), *“quyền lực mềm là một loại năng lực, có thể giúp đạt được mục đích thông qua sức hấp dẫn chứ không phải ép bức hoặc dụ dỗ. Sức hấp dẫn này đến từ quan điểm giá trị về văn hóa, chính trị và chính sách ngoại giao của một nước”*. Mặc dù quốc phòng luôn được xem là nhân tố cấu thành của quyền lực cứng, nhưng phương thức thực hiện hoạt động hợp tác có thể được xem là *“mềm”* để duy trì trạng thái hòa bình thay vì đối đầu. Các nhà nghiên cứu Jaswinder Singh (2021), Muniruzzaman (2020), Winger (2014), Ranjit Singh (2016, tr. 23), David M. Malone, C. Raja Mohan và Srinath Raghavan (2015) đều sử dụng quyền lực mềm để đánh giá hoạt động hợp tác quốc phòng của các quốc gia, cho thấy sự kế thừa với khái niệm *“ngoại giao quốc phòng”*. Bằng cách ưu tiên hợp tác và chia sẻ các giá trị, các quốc gia có thể xây dựng mạng lưới hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, thúc đẩy một môi trường nơi xung đột được khuếch tán thông qua đối thoại thay vì đối đầu. Cách tiếp cận này không chỉ giảm thiểu nguy cơ xung đột mà còn định vị quốc gia là một chủ thể toàn cầu mang tính xây dựng, góp phần tạo nên một *“trật tự thế giới đa cực”* và liên kết hơn.

Trong khuôn khổ của hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, các chuyến thăm, đối thoại quốc phòng; các chương trình huấn luyện, diễn tập quân sự chung, tàu chiến thăm viếng lẫn nhau và mua bán khí tài cũng là phương thức mềm để Ấn Độ tạo ra hình ảnh và vị thế trong khu vực. Dựa theo lý thuyết này, không thể phủ nhận hợp tác quốc phòng dưới góc nhìn của quyền lực mềm có thể tạo ra sức ảnh hưởng lớn hơn sự ép buộc của quyền lực cứng. Khi các quốc gia tham gia tập trận chung, hợp tác về công nghệ quốc phòng, họ thể hiện sự sẵn sàng hợp tác hướng tới các mục tiêu an ninh chung, cho phép các quốc gia điều chỉnh lợi ích của mình, củng cố vị thế chung của họ trong cộng đồng quốc tế.

2.1.2.3. Chủ nghĩa kiến tạo

Chủ nghĩa kiến tạo trong quan hệ quốc tế thường được áp dụng để giải thích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi của các quốc gia. Đồng thời, nhấn mạnh đến sự tương tác giữa bản sắc và lợi ích quốc gia (Yang Lu, 2013, tr.15). Ba luận điểm chính của chủ nghĩa kiến tạo là: Thứ nhất, “*hệ thống các niềm tin hay giá trị và tư tưởng chung cũng có những tác động to lớn đến hành vi của chủ thể*” (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr.98). Thứ hai, các cấu trúc phi vật chất đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành nên bản sắc của mỗi quốc gia. Quan điểm “*cấu trúc phi vật chất quy định nên bản sắc của chủ thể như thế nào rất là quan trọng. Bản sắc định hình nên lợi ích, lợi ích quy định hành động của chủ thể*” (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr.98) đã chứng minh vai trò của các chuẩn mực, bản sắc và tương tác xã hội trong việc định hình hành vi của quốc gia trong quan hệ quốc tế. Dù ít hay nhiều thì các yếu tố phi vật chất vẫn đang chi phối và tác động lớn đến tình hình chính trị toàn cầu. Các nước lớn thông qua quyền lực mềm đều muốn xây dựng cấu trúc phi vật chất khu vực có lợi cho mình (Hoàng Khắc Nam, 2020, tr. 270), đặc biệt là cường quốc hoặc các nước lớn trong khu vực. Thứ ba, các cấu trúc phi vật chất sẽ không thể tồn tại nếu như không có hành động của chủ thể (Hoàng Khắc Nam, 2017b, tr.98-99).

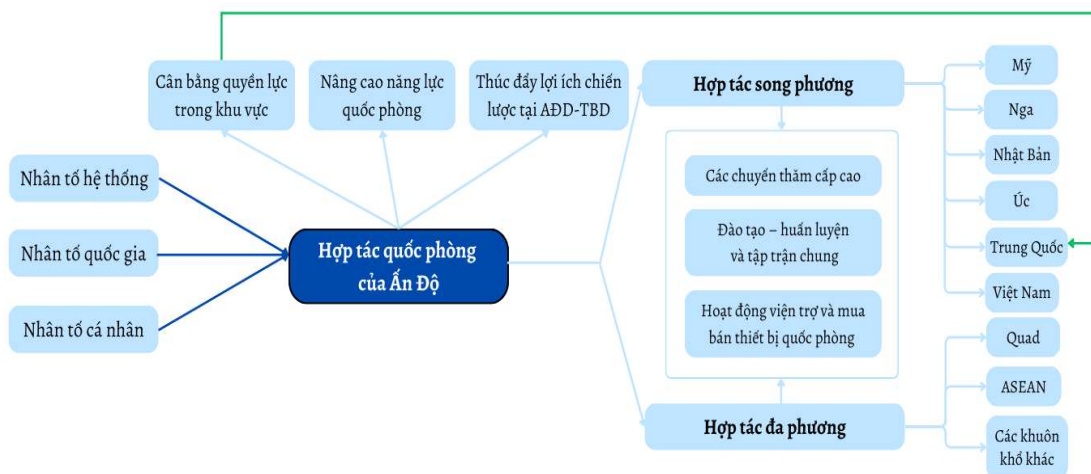
Sau đó, thông qua tương tác và triển khai chiến lược đối ngoại, các quốc gia có thể phát triển lợi ích bằng cách ban hành, duy trì hoặc phát triển một bản sắc cụ thể trong các mối quan hệ quốc tế (Peter J. Katzenstein, 1996, tr.22). Học giả Geppert cũng cho rằng, quá trình xây dựng bản sắc dân tộc không thể tách rời khỏi bối cảnh chính trị xã hội nơi nó diễn ra (Geppert, 2011, tr.347) cũng như tầm quan trọng của bản sắc dân tộc không bao giờ giảm sút trong chính sách đối ngoại (Barnett, 1998, tr.91).

Khi xét đến yếu tố bản sắc quốc gia của Ấn Độ, tư tưởng “*bất bạo động*” và chính sách “*không liên kết*” là hai yếu tố phi vật chất quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, dù chúng không tồn tại ở dạng tuyệt đối mà có sự điều chỉnh linh hoạt theo bối cảnh. Trên thực tế, dù từng tham gia các cuộc xung đột biên giới, tư tưởng bất bạo động vẫn ảnh hưởng đến cách tiếp cận của Ấn Độ trong đối ngoại, thể hiện qua việc hạn chế sử dụng vũ lực, duy trì chính sách “*Không sử dụng vũ khí hạt nhân trước*” (*No First Use*) và thúc đẩy giải quyết tranh chấp thông qua đối thoại

(Thorsten Wojczewski, 2019, tr.180-181). Bên cạnh đó, nguyên tắc không liên kết, vốn được duy trì từ thời kỳ Chiến tranh Lạnh, không có nghĩa là Ấn Độ đứng ngoài mọi hợp tác quốc tế, mà thể hiện sự tự chủ trong lựa chọn đối tác và tránh phụ thuộc vào một khối quyền lực cụ thể. Ngày nay, chính sách này đã phát triển thành cách tiếp cận “đa liên kết” (multi-alignment), trong đó Ấn Độ mở rộng hợp tác với nhiều quốc gia nhưng vẫn bảo vệ lợi ích chiến lược của mình mà không tham gia vào các liên minh quân sự chính thức (Vipin Narang & Paul Staniland, 2012, tr.90). Do đó, thay vì là một sự thay đổi hoàn toàn, đa liên kết là sự tiếp nối của tư duy không liên kết trong một trật tự thế giới đa cực (Sreeram Chaulia, 2020). Việc kết hợp hai nguyên tắc này giúp Ấn Độ duy trì hình ảnh một quốc gia có trách nhiệm, không đe dọa và tạo dựng lòng tin với các đối tác khu vực cũng như cộng đồng quốc tế (Priya Chacko, 2014). Đây là nền tảng mà Ấn Độ đang theo đuổi để tạo nên “*sức mạnh quy tắc*” nhằm định hình các giá trị chuẩn mực mà các quốc gia đều chấp nhận được trong chính trị toàn cầu (Trần Hoàng Long, 2021, tr. 189). Bằng cách thể hiện mình là một chủ thể không đe dọa, Ấn Độ sẽ xây dựng lòng tin và sự tín nhiệm, vốn rất quan trọng để thúc đẩy hợp tác quốc phòng sâu sắc hơn trong khu vực.

2.1.3. Khung phân tích

Từ khái niệm và lý luận của đề tài, khung phân tích hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD được hình thành theo *Hình 2.1* và chịu sự tác động của bốn nhân tố sau đây:



Hình 2.1: Khung phân tích hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

Nguồn: Tác giả xây dựng dựa trên cơ sở lý luận của luận án

Thứ nhất, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ chịu sự chi phối của ba nhóm nhân tố chính: hệ thống, quốc gia và cá nhân, trong đó các yếu tố này không chỉ tác động trực tiếp đến hợp tác quốc phòng mà còn có sự ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Ở cấp độ hệ thống, các yếu tố như xu thế trật tự đa cực ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, sự dịch chuyển trọng tâm chiến lược toàn cầu về phía Đông, sự thay đổi chiến lược của Mỹ, Nhật Bản và Australia, sự trỗi dậy của Trung Quốc, vai trò trung tâm của ASEAN trong hợp tác khu vực, cũng như xung đột dai dẳng với Pakistan, đều tạo ra áp lực và cơ hội định hình chính sách quốc phòng của Ấn Độ. Ở cấp độ quốc gia, sức mạnh tổng hợp quốc gia, sự điều chỉnh chiến lược trong lĩnh vực quốc phòng, tình hình chính trị nội bộ và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu không chỉ bị ảnh hưởng bởi bối cảnh quốc tế mà còn có thể tác động ngược lại đến cách Ấn Độ ứng phó với các thách thức bên ngoài. Trong khi đó, ở cấp độ cá nhân, xuất thân, tính cách, sự nghiệp và quan điểm chính trị của các nhà lãnh đạo, đặc biệt là Thủ tướng M. Singh và N. Modi, có thể quyết định đường hướng chiến lược quốc phòng, nhưng đồng thời cũng chịu sự chi phối từ các yếu tố hệ thống và quốc gia. Chỉ cần một trong các biến số này thay đổi, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ sẽ phải điều chỉnh tương ứng nhằm đảm bảo lợi ích chiến lược và thích nghi với môi trường an ninh đang biến động.

Thứ hai, Ấn Độ thúc đẩy hợp tác quốc phòng theo cả hai hình thức song phương và đa phương với các đối tác quan trọng trong khu vực AĐD-TBD nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược của mình. Về song phương, Ấn Độ duy trì quan hệ hợp tác chặt chẽ với Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Trung Quốc và Việt Nam - những quốc gia có ảnh hưởng lớn đến môi trường an ninh khu vực và lợi ích chiến lược của Ấn Độ tại khu vực. Về đa phương, Ấn Độ tham gia vào các cơ chế như Quad, ASEAN, cùng các tổ chức khu vực khác như BIMSTEC, SAARC, IORA và SCO. Thông qua các khuôn khổ này, Ấn Độ không chỉ mở rộng hợp tác an ninh mà còn gia tăng phạm vi ảnh hưởng, củng cố vai trò trong các vấn đề chiến lược của khu vực, qua đó tiến gần hơn đến mục tiêu của mình.

Thứ ba, dựa theo khái niệm, hợp tác quốc phòng được xem là sự tương tác hòa bình giữa các quốc gia để bảo đảm hòa bình, ổn định và phát triển bền vững cho quốc gia cũng như giải quyết các mối quan ngại an ninh chung do đó luận án sẽ xem xét hợp tác quốc phòng của Ấn Độ dưới lăng kính quyền lực mềm, để thấy sự

chủ động của quốc gia này trong gánh vác trách nhiệm toàn cầu, gia tăng sự ảnh hưởng nhưng không tạo ra mối đe dọa an ninh cho bất kỳ quốc gia nào trong khu vực. Để đạt được mục tiêu đó, Ấn Độ đã triển khai với hai cấp độ hợp tác quốc phòng phổ biến là song phương và đa phương, các quốc gia có thể lựa chọn phương thức hợp tác phù hợp với mục tiêu chiến lược và bối cảnh quan hệ quốc tế của mình. Trên phương diện song phương, hợp tác quốc phòng được tập trung làm rõ trên ba trụ cột chính: *Thứ nhất*, mức độ các cuộc gặp và giao lưu cấp nhà nước hoặc giữa các tham mưu trưởng quân đội và các Bộ trưởng Quốc phòng của các nước. *Thứ hai*, hợp tác trong lĩnh vực huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung. Điều này không chỉ nâng cao khả năng tương tác của các lực lượng vũ trang mà còn thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và phát triển kỹ năng giữa các quân nhân. *Thứ ba*, liên quan đến việc mua bán vũ khí, chuyển giao công nghệ cho ngành công nghệ sản xuất vũ khí giữa hai nước. Trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng đa phương, cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương; các hoạt động đào tạo, diễn tập quân sự và thương mại vũ khí nói chung là hai lĩnh vực chính để triển khai hoạt động nhằm tránh sự trùng lặp trong các hợp tác song phương giữa Ấn Độ với các thành viên trong các khuôn khổ tiểu đa phương hay đa phương

Thứ tư, mục tiêu cốt lõi của hợp tác quốc phòng Ấn Độ là nâng cao năng lực quốc phòng, cân bằng chiến lược trong khu vực, và sử dụng AĐD-TBD để thúc đẩy lợi ích chiến lược. Thông qua hợp tác quốc phòng, Ấn Độ đối trọng với sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, đồng thời ngăn chặn các mối đe dọa tiềm tàng đối với an ninh quốc gia. Bên cạnh đó, Ấn Độ tận dụng quan hệ với các đối tác an ninh lớn nhằm nâng cao năng lực quốc phòng trong nước, nâng cao vị thế, dần trở thành một đối tác an ninh tin cậy và chủ thể cung cấp an ninh thuần trong khu vực AĐD-TBD.

2.1.4. Hệ tiêu chí đánh giá

Để đảm bảo tính khách quan trong phân tích Chương 4, luận án đã tiến hành khảo sát theo phương pháp Delphi nhằm xây dựng hệ tiêu chí đánh giá mức độ triển khai hoạt động hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác an ninh chủ chốt tại khu vực AĐD-TBD. Việc khảo sát được thực hiện trực tuyến dưới dạng ẩn danh và có sự tham gia của 18 chuyên gia qua nền tảng Google Form. Tất cả các phiếu khảo sát đều được thu về đầy đủ, đạt tỷ lệ phản hồi 100%. Luận án cam kết bảo mật

thông tin và không tiết lộ danh tính của các chuyên gia, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu. Kết quả khảo sát được trình bày như sau:

Tiêu chí	Mức độ
<i>Trong các cuộc viếng thăm, tiếp xúc cấp Nhà nước, Bộ Quốc phòng</i>	
Tần suất chuyến thăm giữa Ấn Độ với các đối tác diễn ra liên tục và xuyên suốt từ năm 2007 - 2024 để tạo ra lòng tin lẫn nhau.	Cao
Cùng trong 1 năm, các chuyến thăm bao gồm cả nguyên thủ quốc gia, bộ trưởng quốc phòng, hoặc các quan chức cấp cao khác.	Cao
Tần suất tổ chức các hội nghị, đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương giữa Ấn Độ với các quốc gia thành viên.	Trung bình
Ấn Độ và các nước ký kết biên bản, hiệp định hoặc thỏa thuận liên quan đến quốc phòng sau chuyến thăm (bao gồm song phương và đa phương).	Cao
Trong những lần thăm viếng nhau, hai bên thực hiện nâng cấp mối quan hệ lên mức độ cao nhất.	Trung bình
<i>Trong hoạt động đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung</i>	
Tần suất tổ chức (liên tục hoặc theo quy định) giữa Ấn Độ với các nước về việc tổ chức các cuộc tập trận chung có liên quan đến việc huấn luyện năng lực quốc phòng giữa hai nước nhằm mục tiêu đảm bảo an ninh quốc gia và sự ổn định của khu vực	Trung bình
Hoạt động tập trận chung của Ấn Độ với các nước (song phương) được thực hiện trên cả 3 lực lượng: Không quân, Hải quân và Lục quân	Cao
Mức độ ảnh hưởng của các chương trình đào tạo - huấn luyện quốc phòng và tập trận chung có thể tạo ra sự ổn định về an ninh khu vực.	Trung bình
<i>Trong hoạt động mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước</i>	
Quy mô và giá trị các giao dịch mua bán trang thiết bị quốc phòng giữa Ấn Độ với các nước (song phương)	Cao
Giữa Ấn Độ và các nước (song phương) phối hợp chuyên giao hoặc hợp tác phát triển công nghiệp quốc phòng	Cao
Giữa Ấn Độ và các nước có thành lập các nhóm/ tổ chức để nghiên cứu công nghệ quốc phòng.	Trung bình
Giữa Ấn Độ và các bên hoàn thành việc đàm phán trong việc mua bán các khí tài quốc phòng (chỉ hoàn thành đàm phán, chưa hoàn thành)	Thấp
Các bên có tổ chức hỗ trợ kỹ thuật và huấn luyện sử dụng các trang thiết bị quốc phòng sau khi mua bán.	Trung bình

Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa theo kết quả khảo sát

2.2. Các nhân tố tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

2.2.1. Cấp độ hệ thống

2.2.1.1. Xu thế trật tự đa cực ở Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Từ đầu thế kỷ 21, nhiều chuyên gia nhận định rằng đây sẽ là thế kỷ của Châu Á, đặc biệt là khu vực CA-TBD (Kishore Mahbubani, 2008). Điều này xuất phát từ sự phát triển mạnh mẽ của các quốc gia Đông Á, trong đó Trung Quốc nổi bật như trung tâm quyền lực mới với sự vươn lên về kinh tế, quân sự và chính trị, không chỉ trong khu vực mà còn trên thế giới. Sự trỗi dậy của Trung Quốc “*đã tạo ra sự thay đổi nhanh chóng và lớn nhất trong cán cân quyền lực ở Đông Á, hạn chế ảnh hưởng của nhiều nước lớn, trước hết là Mỹ và Nhật Bản*” (Nguyễn Hoàng Giáp, 2012).

Bên cạnh đó, theo báo cáo của Hải quân Ấn Độ (Indian Navy, 2015, tr.5), sự chuyển dịch quyền lực địa chiến lược từ Châu Âu - Đại Tây Dương sang AĐD-TBD đã khiến khu vực này trở thành tâm điểm trong chiến lược của các cường quốc. Khoảng 65% dân số thế giới, 63% GDP toàn cầu và 46% thương mại hàng hóa diễn ra tại đây, trong đó hơn 50% hoạt động thương mại tập trung tại khu vực này (Soumya Bhowmick, 2021). AĐD-TBD còn là nơi tập trung của bảy lực lượng quân sự lớn nhất thế giới và bốn nền kinh tế hàng đầu gồm Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và Ấn Độ.

Sự trỗi dậy của khu vực này được thể hiện qua sự phát triển mạnh mẽ của bảy nền kinh tế chủ chốt, bao gồm Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan và Malaysia. Từ 2010 đến 2050, các nền kinh tế này chiếm 91% tổng tăng trưởng GDP của châu Á và gần 53% tăng trưởng GDP toàn cầu (Asian Development Bank, 2011, tr.5), đã thúc đẩy dòng chảy thương mại, đổi mới và đầu tư trong khu vực, thúc đẩy sự liên kết và phụ thuộc lẫn nhau về kinh tế trong khu vực châu Á nói riêng và AĐD-TBD nói chung. Ngoài sự phát triển kinh tế, chi tiêu quân sự của khu vực AĐD-TBD cũng gia tăng mạnh mẽ, chiếm khoảng 15% tổng chi tiêu toàn cầu vào năm 2007 (SIPRI, 2008, tr.176) và đạt kỷ lục 510 tỷ USD vào năm 2023 (Karl Dewey, 2024). Trong năm 2007, bốn nước chi tiêu lớn trong khu vực là Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản và Hàn Quốc, với mức chi tiêu năm 2007 là

66 tỷ USD, 28 tỷ USD, 40 tỷ USD và 26 tỷ USD, chiếm 80% tổng chi tiêu quân sự của khu vực (SIPRI, 2008, tr.194).

Sự gia tăng quyền lực và ảnh hưởng của các quốc gia thông qua kinh tế và quân sự chính là nhân tố dẫn đến sự hình thành trật tự đa cực ở khu vực. Xu hướng này được minh chứng rõ ràng qua việc hình thành nhiều thể chế đa phương và các liên minh đa dạng, tạo nhiều dư địa cho các quốc gia để tập hợp lực lượng và hợp tác đa phương. Bên cạnh vai trò điều phối của ASEAN trong các sáng kiến như ASEAN+1, ASEAN+3, ARF, EAS và ADMM+, nhấn mạnh tầm quan trọng của khu vực đối với đối thoại và hợp tác toàn diện, các nền tảng đa phương rộng hơn như APEC, ASEM, RCEP và CPTPP cũng cho thấy sự kết nối giữa hợp tác kinh tế với chính trị, thúc đẩy sự hợp tác vượt ra ngoài giới hạn khu vực. Hơn nữa, các “nhóm tiểu đa phương” ngày càng trở nên quan trọng và đóng vai trò quan trọng để các “cường quốc tập trung” hình thành các trật tự thế giới đa liên kết, chẳng hạn như Quad và AUKUS, các quan hệ đối tác ba bên (Mỹ-Ấn Độ-Nhật Bản, Ấn Độ-Nhật Bản- Australia, Australia -Ấn Độ-Indonesia), được hình thành nhằm đối phó với những thách thức an ninh và cân bằng ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc. Điều này thể hiện sự đa dạng và phức tạp của cấu trúc quyền lực khu vực. Ấn Độ, với vai trò là thành viên của khối BRICS và sự tham gia tích cực vào các khuôn khổ kinh tế và an ninh do Mỹ dẫn dắt, đóng vai trò năng động và quan trọng trong việc định hình cấu trúc an ninh và kinh tế khu vực. Sự tham gia này cho thấy nỗ lực của Ấn Độ trong việc duy trì cân bằng quyền lực và thúc đẩy hợp tác quốc tế đa phương, phản ánh rõ xu hướng đa cực đang ngày càng rõ nét trong khu vực. Các nước lớn đang hình thành luật chơi, tạo ra các cực và hình thành các “trung tâm quyền lực” đan xen lẫn nhau để thiết lập những quy tắc cho các quốc gia tham gia vào, từ đó tác động đến cấu trúc an ninh khu vực ADD-TBD.

Như vậy, khu vực ADD-TBD đang hình thành xu hướng đa cực, trong đó tình hình an ninh chung của khu vực, dù trật tự hay hỗn loạn đều bị tác động bởi lợi ích chiến lược của các nước lớn có liên quan, chứ không phụ thuộc vào quyết định của một hoặc hai nước lớn như Mỹ hay Trung Quốc. Đây cũng được xem là cơ hội để Ấn Độ triển khai và thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc phòng của mình.

2.2.1.2. Trọng tâm chiến lược toàn cầu chuyển dịch dần về phía Đông

Sự trỗi dậy về kinh tế lẫn ưu thế địa chính trị đã khiến các nước châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng của mình trong các vấn đề toàn cầu, dẫn đến sự chuyển dịch quyền lực từ Tây sang Đông. “Đông hóa” được xem là xu hướng làm thay đổi cán cân quyền lực toàn cầu (G. Rachman, 2017, tr. 32-47).

Thứ nhất, Trung Quốc đang củng cố vị thế là một cường quốc toàn cầu và bá chủ khu vực, Mỹ và các nước phương Tây bắt đầu có sự dịch chuyển chiến lược từ Đông sang Tây, bởi tầm quan trọng về nhân khẩu học của châu Á, nơi chiếm 60% dân số thế giới (Andrew Erskine, 2021).

Thứ hai, sự tăng trưởng kinh tế và sức mạnh tăng của các cường quốc tầm trung như Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia, Singapore và Ấn Độ (Richard Javad Heydarian, 2018) và các thể chế an ninh - kinh tế riêng như SCO và AIIB đã thách thức trật tự quốc tế với các thể chế do phương Tây thành lập như WB hay IMF (Nguyen Hoang Tien et al, 2019, tr.66). Điều này khiến “*Phương Đông*” trở thành một trọng tâm quan trọng trong hệ thống quốc tế.

Thứ ba, phương Tây đang đối mặt với nhiều thách thức nội bộ và quốc tế, bao gồm các cuộc xung đột như nội chiến Kosovo, chiến tranh Nam Ossetia 2008, xung đột Nga - Ukraine từ 2014 dẫn đến chiến tranh vào năm 2022, vấn đề di cư bất hợp pháp, và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân túy tại các quốc gia như Anh, Pháp, Đức, Ý, Tây Ban Nha. Để tận dụng các cơ hội thuận lợi cho việc đầu tư và mở rộng kinh doanh lẫn ứng phó với các thách thức đang tồn tại, các quốc gia lớn từ phương Tây đang chuyển đổi chiến lược của họ từ phía Tây sang phía Đông để tập trung vào khu vực đầy tiềm năng này.

Thứ tư, khi các nước lớn nhận diện Trung Quốc là “*mối đe dọa tiềm tàng*” thì chủ nghĩa khu vực được thể hiện rõ nét, thúc đẩy các quốc gia cùng hợp tác với nhau (Hoàng Khắc Nam, 2009, tr.44) không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn trong lĩnh vực quốc phòng nhằm đạt được những mục đích chung. Các quốc gia sẽ hợp tác riêng lẻ hoặc thông qua hình thức đa phương, nhằm tạo ra một khu vực ổn định và hòa bình

2.2.1.3. Sự thay đổi chiến lược của Mỹ, Nhật Bản và Australia

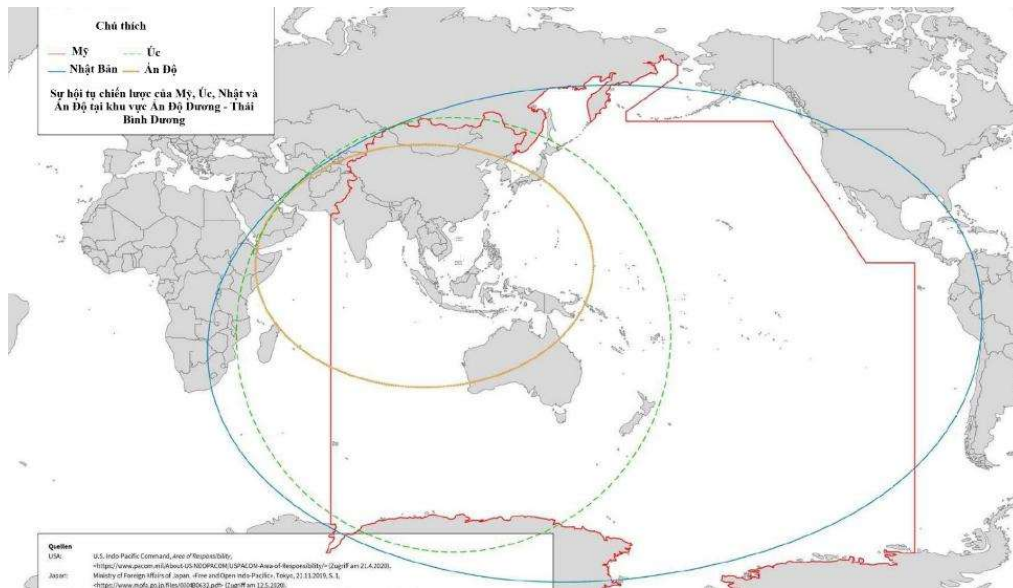
Khi cán cân quyền lực chuyển dịch từ Tây sang Đông thì khu vực ADD-TBD đã trở thành “*địa bàn chính*” trong cạnh tranh chiến lược của nước lớn. Mỹ, Australia, Nhật Bản, Ấn Độ, Pháp, Vương quốc Anh, Indonesia và ASEAN đã sử dụng thuật ngữ “ADD-TBD” như một biểu tượng chính sách của sự can dự trong khu vực nhằm “*đáp lại sự trỗi dậy của Trung Quốc và Ấn Độ được coi là nước cân bằng chiến lược*” (Robert G. Patman et al, 2022, tr.8). ADD-TBD đóng vai trò then chốt trong việc định hình chính trị toàn cầu trong thời điểm hiện tại và Ấn Độ được coi là một nước đóng vai trò then chốt trong khu vực này (Premesha Saha, 2023).

Nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì sự ổn định và ảnh hưởng trong khu vực ADD-TBD, các nước lớn đã phát triển các chiến lược nhằm thúc đẩy lợi ích tương ứng của mình và duy trì hòa bình và thịnh vượng trong khu vực. Chính vì sự chông lán chiến lược của các nước lớn (*xem Hình 2.1*), đã khiến khu vực ADD-TBD trở thành “*địa bàn cạnh tranh chiến lược*” quan trọng nhất thế giới, phạm vi chiến lược cũng thu hẹp dần tùy thuộc theo lợi ích của từng nước. Mỹ xác định rằng Trung Quốc đang tìm cách thay thế vị thế của mình ở khu vực ADD-TBD để đạt được ưu thế toàn cầu (Tellis, 2020, tr. 124). Chiến lược của Mỹ nhằm củng cố các liên minh và đồng minh lâu đời tại khu vực bao gồm Australia, Nhật Bản, Hàn Quốc, Philippines và Thái Lan để đối trọng với “*sự trỗi dậy*” của Trung Quốc. Đồng thời, nỗ lực tăng cường quan hệ với các đối tác nổi bật trong khu vực như Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Mông Cổ, New Zealand, Singapore, Đài Loan, Việt Nam và các đảo Thái Bình Dương. Hơn nữa, chiến lược này nhằm mục đích trao quyền cho các đồng minh và đối tác để đảm nhận vai trò lãnh đạo lớn hơn trong khu vực, thành lập các “*mạng lưới liên minh*” như Quad để cùng nhau giải quyết các thách thức cấp bách trong khu vực và toàn cầu (White House, 2022, tr.9). Thông qua hợp tác, Mỹ cùng các đồng minh và đối tác trong khu vực nỗ lực thúc đẩy và bảo vệ một ADD-TBD tự do và rộng mở.

“*Chiến lược ADD-TBD tự do và rộng mở*” của Nhật Bản lại tập trung vào việc thúc đẩy sự ổn định, thịnh vượng và kết nối trên toàn khu vực dựa trên sự tôn trọng luật pháp quốc tế, tự do hàng hải. Nhật Bản ưu tiên tăng cường hợp tác an ninh với các đối tác có cùng mục tiêu chung, bao gồm Mỹ, Australia, Ấn Độ và các

quốc gia ASEAN..., để bảo vệ hòa bình và ổn định trong khu vực (Ministry of Foreign Affairs of Japan, 2023b, tr.6). Chiến lược của Nhật Bản bao gồm tăng cường quan hệ đối tác an ninh, nỗ lực xây dựng năng lực và chia sẻ thông tin tình báo với các đồng minh và các nước đang phát triển để giải quyết các thách thức an ninh chung như các mối đe dọa an ninh hàng hải, khủng bố và cả tác động từ BRI của Trung Quốc (Kondoh Hisahiro, 2024, tr.5).

Tương tự, khu vực AĐD-TBD rất quan trọng đối với Australia do vị trí chiến lược, cả về cơ hội kinh tế lẫn mục tiêu chính trị (Matthew Parry, 2022). Bốn mục tiêu chính trong chiến lược của Australia là (1) sử dụng “AĐD-TBD” như một cấu trúc địa chính trị để duy trì sự tham gia khu vực, (2) củng cố sức mạnh cứng, (3) gắn kết chặt chẽ với liên minh song phương với Mỹ, và (4) tham gia đầy đủ vào các tổ chức đa phương khu vực (Thomas S. Wilkins, 2019, tr.3). Hơn nữa, các nền kinh tế lớn tập trung chủ yếu ở khu vực này, Australia có thể tận dụng để thúc đẩy phát triển thịnh vượng kinh tế thông qua các quan hệ đối tác hay các cơ thể đa phương đang hình thành. Lợi ích an ninh của Australia gắn liền với việc duy trì sự ổn định trong khu vực, điều này rất quan trọng để Australia bảo vệ an ninh quốc gia, giải quyết các thách thức chung, biến AĐD-TBD trở thành trọng tâm trong chính sách đối ngoại và các ưu tiên chiến lược của Australia.



Hình 2.2: Sự hội tụ chiến lược của Mỹ, Australia, Nhật và Ấn Độ tại AĐD-TBD

Nguồn: Hình vẽ được biên tập từ Stiftung Wissenschaft und Politik (2020, tr.10)

Ngoài ra, EU, Anh hay Pháp cũng sử dụng AĐD-TBD thay vì “*Châu Á-Thái Bình Dương*” để can dự vào khu vực nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế cũng như chính trị của mình. Sự thay đổi này được hình thành bởi ba lý do chính: *thứ nhất*, EU và các quốc gia thành viên cũng chịu sức ép từ Mỹ trong việc ủng hộ trực tiếp hay gián tiếp vào khu vực AĐD-TBD với mục đích chống Trung Quốc (Hosseini Ebrahim Khani, 2021); *thứ hai*, EU đã xác định Trung Quốc là mối đe dọa tiềm tàng đối với các giá trị châu Âu (Frederick Kliem, 2022, tr.59); *thứ ba*, các nước phương Tây và EU mong muốn bảo vệ lợi ích kinh tế và an ninh của mình trước các mối đe dọa truyền thống và phi truyền thống đang leo thang trong khu vực.

Như vậy, khi các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Australia hay các nước phương Tây tập trung nỗ lực nhằm cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc ở AĐD-TBD, Ấn Độ buộc phải tự mình giải quyết các thách thức đa lĩnh vực do Trung Quốc đặt ra, đặc biệt là ở Nam Á và vùng biển AĐD. Nhận thức được sự cần thiết phải khẳng định quyền tự chủ chiến lược của mình và tăng cường ổn định khu vực, Ấn Độ đã nêu rõ “*Tầm nhìn AĐD-TBD*” vào năm 2018, nhấn mạnh đến một khu vực tự do, rộng mở. Sự thay đổi chiến lược của các nước lớn đã tác động đến các chính sách an ninh - quốc phòng của Ấn Độ, khiến nước này tăng cường hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh chủ chốt khác để đảm bảo an ninh hàng hải và lợi ích quốc gia của mình.

2.2.1.4. Sự trỗi dậy của Trung Quốc

Để thực hiện thực hóa “*giấc mộng Trung Hoa*”, với mức tăng bình quân 10% GDP trong hơn bốn thập kỷ qua, nền kinh tế Trung Quốc đã trỗi dậy nhanh chóng, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế của châu Á và thế giới (Alexander L. Vuving, 2012, tr. 405). Song song với tăng trưởng kinh tế, Trung Quốc đã đầu tư mạnh mẽ vào việc nâng cao năng lực quốc phòng của mình thông qua “*Chiến lược phát triển và hiện đại hóa quân đội và công nghiệp quốc phòng Trung Quốc*”. Các nhà lãnh đạo đã đặt ra mục tiêu hiện đại hóa quốc gia nói chung của quốc gia để đến cuối năm 2049, Trung Quốc sẽ có được một quân đội “*đẳng cấp thế giới*” (Office of The Secretary of Defense, 2020, tr.6). Để thực hiện mục tiêu này, Trung Quốc đã đầu tư sức mạnh của quân đội và tăng ngân sách quốc phòng hơn 10 lần kể từ năm 2000

đến năm 2020 để cạnh tranh với Mỹ và các quốc gia khác trong khu vực như Ấn Độ (Vũ Đức Liêm, Ninh Xuân Thao, 2021, tr. 60). Chi tiêu quốc phòng tăng vọt từ 106,05 tỷ USD lên 154,32 tỷ USD trong giai đoạn 2012 - 2017 (State Council of China, 2019, tr. 27) và nhảy lên hàng thứ hai thế giới với mức chi tiêu 231,36 tỷ USD trong năm 2024, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm 2023 (Chen Zhuo, 2024) để hiện đại hóa quân đội, triển khai sức mạnh trong khu vực và toàn cầu, đồng thời đảm bảo các tuyến đường thương mại và năng lượng quan trọng.

Trung Quốc cũng mua sắm các loại vũ khí và khí tài hiện đại từ Nga để tăng cường sức mạnh quân sự. Các hệ thống vũ khí đáng chú ý bao gồm hệ thống tên lửa S-400 và máy bay tiêm kích Su-35, giúp nâng cao khả năng phòng không và tấn công của quân đội Trung Quốc (Sakshi Tiwari, 2023). Ngoài ra, Trung Quốc còn phát triển các loại vũ khí tiên tiến của riêng mình, như máy bay tiêm kích thế hệ thứ 5 J-20, các tàu sân bay Liêu Ninh, Phúc Kiến và Sơn Đông, cùng với hệ thống vệ tinh Bắc Đẩu giúp nâng cao năng lực giám sát và định vị toàn cầu. Thêm vào đó, sự phát triển mạnh mẽ của lực lượng tàu ngầm nguyên tử Type 095 củng cố khả năng răn đe hạt nhân của Trung Quốc (Trần Hoàng Long, Nguyễn Đắc Tùng, 2019, tr. 1), đặt Ấn Độ vào thế nguy hiểm khi phải đối phó với một đối thủ có năng lực quân sự ngày càng mạnh mẽ. Điều đáng chú ý là Nga, trong khi cung cấp các vũ khí cho Trung Quốc, cũng là nhà cung cấp chính cho Ấn Độ, tạo ra một tình huống phức tạp cho Ấn Độ, khi phải đối mặt với mối đe dọa từ cả hai quốc gia lớn cùng sử dụng vũ khí hiện đại, gia tăng áp lực quân sự và chiến lược trong khu vực.

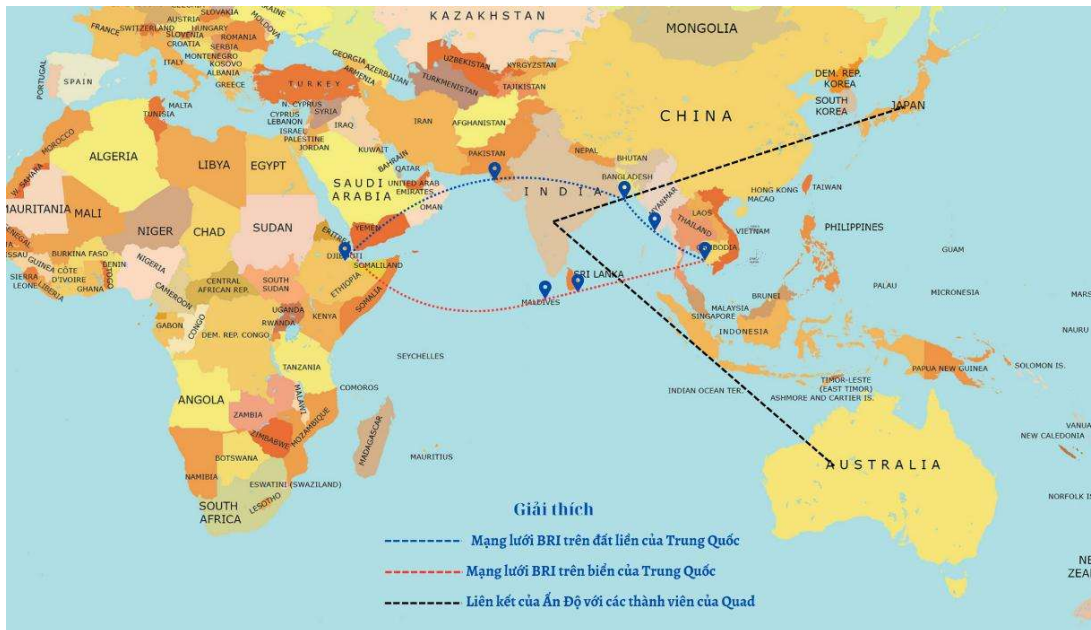
Ở góc độ chiến lược, nhằm mở rộng ảnh hưởng chính trị bằng “*kết nối chính sách*”, BRI do Chủ tịch Tập Cận Bình đưa ra vào năm 2013, là minh chứng cho sự trỗi dậy vượt bậc của Trung Quốc trong nền kinh tế toàn cầu. Với 147 quốc gia, chiếm 2/3 dân số thế giới và 40% GDP toàn cầu, tham gia hoặc bày tỏ sự quan tâm đến các dự án BRI, ảnh hưởng kinh tế và quan hệ đối tác của Trung Quốc đã đạt đến quy mô toàn cầu (James McBride et al, 2023), Chủ tịch Tập Cận Bình đặt mục tiêu phá vỡ nút thắt trong kết nối châu Á và mở rộng việc sử dụng đồng nhân dân tệ của Trung Quốc trên phạm vi quốc tế, kết nối Trung Quốc với lục địa châu Á, châu Phi và châu Âu. Ngoài ra, Trung Quốc đã gia tăng sức ảnh hưởng và hình ảnh quốc gia

bằng BRI để phục vụ cho những mục tiêu kinh tế và chiến lược của mình trên khắp lục địa Á-Âu và khu vực ADD. Các cuộc khảo sát của các trung tâm nghiên cứu hàng đầu thế giới nhận định rằng công chúng và giới tinh hoa ở phần lớn khu vực ADD-TBD tin rằng Trung Quốc hùng mạnh hoặc mạnh hơn Mỹ (Michael Green, 2024).

Trung Quốc đã và đang thực hiện những chiến lược lớn để làm chủ an ninh hàng hải, đặc biệt tập trung vào Biển Đông và ADD như một chiến lược chuyển đổi từ cường quốc lục địa sang cường quốc hàng hải, bao gồm việc tăng cường khả năng ngăn chặn ở các vùng biển gần và xây dựng khả năng chiến tranh trên biển xa (Cooper & Shearer, 2017, tr. 305). Năm 2009, Trung Quốc lộ rõ tham vọng kiểm soát Biển Đông thông qua việc đệ trình lên LHQ bản đồ “*đường 9 đoạn*”, bất chấp sự phản đối của các nước láng giềng và cộng đồng quốc tế. Động thái này thể hiện rõ tham vọng bành trướng của Trung Quốc nhằm kiểm soát toàn bộ vùng Biển Đông và từ đó kiểm soát các tuyến đường thương mại quan trọng của Ấn Độ ở ADD. Một trong những chiến lược nổi bật là “*Chuỗi ngọc trai*” nhằm mở rộng sự hiện diện hải quân của mình thông qua cơ sở hạ tầng hàng hải dân sự có mục đích sử dụng kép từ châu Á qua châu Phi (Ulrich Jochheim & Rita Barbosa Lobo, 2023, tr.4). Chiến lược này là một phần trong chương trình hiện đại hóa quân đội, giúp Trung Quốc xây dựng một lực lượng hải quân mạnh mẽ để đảm bảo an ninh cho các tuyến đường cung cấp năng lượng từ ADD, nơi mà nước lo ngại có thể bị các lực lượng hải quân thù địch làm gián đoạn.

Từ quan điểm của Trung Quốc, PLA phải hoạt động ở ADD là cần thiết chứ không phải lựa chọn (Daljit Singh, 2020). Chương trình này được thực hiện theo nhiều giai đoạn nhằm mục đích biến Hải quân Trung Quốc từ Chiến lược Hải quân nước lục (*Green Waters*) sang Biển Xanh (*Blue Waters*). Thực tế, đây là một mạng lưới các cơ sở quân sự và thương mại của Trung Quốc (mặc dù Trung Quốc gọi nó là thuần túy thương mại) và các mối quan hệ dọc theo các tuyến đường biển liên lạc bắt đầu từ Biển Đông (Đảo Hải Nam) đến Cảng Sudan ở phía Đông Bắc của Lục địa Châu Phi. Tuy nhiên, điều này chắc chắn sẽ dẫn đến sự cạnh tranh chiến lược với Ấn Độ, thúc đẩy New Delhi hợp tác quân sự chặt chẽ hơn với Australia, Nhật Bản và Mỹ.

Thông qua BRI, Trung Quốc đã triển khai chiến lược và đang thiết lập một mạng lưới kiểm soát các cảng biển hoặc cảng quân sự quan trọng của các quốc gia như Pakistan (Gwadar), Srilanka (Hambantota), Bangladesh (Chittagong), Myanmar (Sittwe), Maldives (Marao), Djibouti và Cambodia (*xem hình 2.2 và phụ lục 3*). Từ minh họa này, chuỗi ngọc trai được xem như là chiến lược mà Trung Quốc đang “bao vây” Ấn Độ, làm gián đoạn các mối liên kết giữa Ấn Độ với Nhật Bản trong chính sách Hành động hướng Đông và giữa Ấn Độ với Australia trong chiến lược tiếp cận khu vực Nam Thái Bình Dương, tạo thành một kế hoạch bao vây kép: vừa tác động đến Ấn Độ, vừa làm suy yếu sự hợp tác giữa các thành viên trong Quad. Mặc dù Trung Quốc đã nhiều lần cố gắng xoa dịu hoài nghi về mục đích hòa bình trong chính sách hải quân của mình, chiến lược chuỗi ngọc trai vẫn tạo ra lo ngại về an ninh và chiến lược, đặc biệt là đối với Ấn Độ và các nước lớn khác.



Hình 2.3: Mạng lưới kết nối trên bộ và đất liền của Trung Quốc tại ADD

Nguồn: Hình vẽ được tác giả biên tập từ GIS Geography

Mong muốn của Bắc Kinh đối với Ấn Độ có thể gói gọn trong cái có thể gọi là “Năm chữ Không” (Mohan Malik, 2004, tr. 2): **thứ nhất**, Ấn Độ không nên rao giảng về “mối đe dọa Trung Quốc”; **thứ hai**, hạn chế ủng hộ các phong trào độc lập ở Tây Tạng và Đài Loan; **thứ ba**, không phản đối quan hệ đối tác chiến lược Trung

Quốc-Pakistan; *thứ tư*, không liên kết với Mỹ và/hoặc Nhật Bản để kiềm chế Trung Quốc; và *thứ năm*, Ấn Độ không nên coi hoặc tự coi mình là ngang hàng hoặc đối trọng với Trung Quốc về năng lực hạt nhân và kinh tế ở châu Á. Những kỳ vọng này phản ánh mong muốn của Trung Quốc duy trì vị thế thống trị trong khu vực mà không gặp thách thức đáng kể từ Ấn Độ.

Như vậy, trong hai thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, với sự phát triển về kinh tế và quốc phòng của Trung Quốc đã định hình lại cấu trúc an ninh toàn cầu, tạo nên những đối đầu mới và ảnh hưởng sâu rộng đến quan hệ quốc tế. Với chủ trương “*hòa bình*” nhưng không nhượng bộ trước các “*lợi ích cốt lõi*”, Trung Quốc đã đẩy mạnh hiện đại hóa quân sự, không chỉ nhằm củng cố vị thế khu vực mà còn tạo ra sự chú ý và quan ngại từ các cường quốc toàn cầu, đặc biệt là trong khu vực Nam Á. Sự trỗi dậy này không chỉ thể hiện qua quân sự mà còn qua việc gia tăng ảnh hưởng kinh tế tại các quốc gia Nam Á thông qua BRI, bao gồm việc cung cấp viện trợ tài chính cho các quốc gia như Pakistan, Bangladesh, Nepal, Sri Lanka và Maldives. Ảnh hưởng gia tăng của Trung Quốc trong khu vực đã trở thành một mối quan ngại lớn cho Ấn Độ, vốn xem xét sự cạnh tranh địa chiến lược này từ góc độ an ninh quốc gia và ổn định khu vực. Điều này khiến Ấn Độ phải xem thúc đẩy hợp tác quốc phòng của mình, nhằm đối phó với những thách thức mới phát sinh từ sự trỗi dậy của Trung Quốc. Việc ứng phó trước sự trỗi dậy của Trung Quốc không đồng nghĩa với việc Ấn Độ phải chống lại một cách cực đoan như tập hợp lực lượng, tăng cường năng lực vũ trang để chiến đấu, vì nếu Trung Quốc bất ổn sẽ kéo theo sự sụp đổ hàng loạt hệ thống sản xuất và tài chính, dẫn đến khủng hoảng toàn cầu (Nguyễn Xuân Trung, 2022, tr.81). Vì vậy, Ấn Độ đã chú trọng vào việc mở rộng và củng cố hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh chủ chốt khác, nhằm đảm bảo an ninh quốc gia và cân bằng lại ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực. Điều này không chỉ bao gồm việc tăng cường khả năng quân sự mà còn nhấn mạnh vào sự cần thiết của hợp tác quốc phòng đa phương, qua đó Ấn Độ nỗ lực định hình lại bản đồ an ninh khu vực theo hướng có lợi hơn cho lợi ích quốc gia và ổn định khu vực.

2.2.1.5. Vai trò trung tâm của ASEAN trong hợp tác khu vực

Trong thế kỷ XXI, ASEAN đã trở thành nhân tố trung tâm định hình cấu trúc an ninh khu vực ADD-TBD và ưu tiên trong chiến lược của các nước lớn. Xét về mặt địa lý, ASEAN nằm giữa hai đại dương Thái Bình Dương và ADD; và hai lục địa là châu Á và châu Đại dương, khiến khu vực trở thành tuyến đường biển nhộn nhịp nhất thế giới, bởi các điểm huyết mạch quan trọng cần thiết cho thương mại toàn cầu, đặc biệt là vận chuyển hàng hóa và năng lượng. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm là 5%, khu vực này được dự đoán sẽ trở thành nền kinh tế lớn thứ tư thế giới vào năm 2030, sau Mỹ, Trung Quốc và Đức (Ted Osius & Marc P. Mealy, 2024).

Trung Quốc xem ASEAN là bàn đạp để bành trướng sức ảnh hưởng ra ngoài khu vực ADD-TBD, các nước lớn khác thì xem ASEAN là khu vực quan trọng bậc nhất để kiềm chế sự trỗi dậy của Trung Quốc (Quách Thị Huệ, 2019, tr.223). ASEAN đã thể hiện vai trò trung tâm của mình thông qua việc thuyết phục các cường quốc bên ngoài tham gia các thể chế của khu vực như EAS, ARF và ADMM+. Sự tham gia của ASEAN và 8 đối tác trong ADMM+ (Australia, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản, New Zealand, Hàn Quốc, Nga, Mỹ) đã tạo ra một bước tiến quan trọng trong hợp tác khu vực ADD-TBD trong hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI (Tôn Sinh Thành, 2017, tr. 196). Các quốc gia thông qua cơ cấu này đã tập trung vào việc xây dựng một nền tảng an ninh chung, từ đó tăng cường khả năng ứng phó với các thách thức như khủng bố, tội phạm biển và các tình huống khẩn cấp. Hợp tác quốc phòng và quân sự, cùng với việc chia sẻ kỹ thuật và năng lực, đã cải thiện khả năng tương tác và phản ứng của các quốc gia thành viên. ADMM+ cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ sở cho hòa bình và phát triển bền vững trong khu vực. Chiến lược này được Evelyn Goh (2007) gọi là “*sự kết hợp tổng thể*”, trong khi Kei Koga (2018, tr.57) gọi đó là “*phòng ngừa rủi ro thể chế*”. Dựa trên nguyên tắc ASEAN là trung tâm, thay vì phụ thuộc vào các cường quốc bên ngoài, ASEAN quy định mỗi năm sẽ có một Chủ tịch luân phiên để dẫn dắt các diễn đàn, và các nước lớn phải tham gia theo điều kiện do Đông Nam Á đặt ra (Brian Harding, 2017, tr. 22). Vào tháng 5/2019, ASEAN đã công bố Tầm nhìn về Ấn Độ

Dương - Thái Bình Dương nhằm đối phó với sự cạnh tranh chiến lược gia tăng giữa Mỹ và Trung Quốc (Shafiah F Muhibat, 2022) và nâng cấp các cơ chế do ASEAN dẫn dắt để giải quyết các thách thức khu vực hiện tại và tương lai. Tuy nhiên, việc ASEAN sử dụng thuật ngữ “ADD-TBD” không đồng nghĩa với việc theo đuổi hợp tác thể chế với các quốc gia khác. Cụ thể, ASEAN chọn dùng “*tầm nhìn*” thay vì “*chiến lược*” khi đề cập đến khu vực ADD-TBD tự do và rộng mở, khác với cách tiếp cận của Nhật Bản, Mỹ hay EU, nhằm thể hiện sự lo ngại về sự trỗi dậy của Trung Quốc và ảnh hưởng của các cường quốc lớn (Sovinda Po, 2023, tr.28).

Trang đầu tiên trong văn bản của ASEAN đã nêu rõ về Tầm nhìn: “... *sự trỗi dậy của các quyền lực vật chất, tức là kinh tế và quân sự, cần tránh làm gia tăng thêm sự ngờ vực, tính toán sai lầm và các kiểu hành vi dựa trên trò chơi có tổng bằng không*” (The ASEAN Secretariat, 2019, tr.1), phản ánh mong muốn củng cố và dẫn dắt các cơ chế đối thoại và hợp tác trong khu vực ADD-TBD do ASEAN vận hành. Việc ASEAN “*phòng ngừa*” các mối đe dọa an ninh từ các chiến lược của các nước lớn cho thấy ASEAN không chỉ là đối tác tham gia mà còn đóng vai trò trung tâm trong việc định hình trật tự khu vực. Nếu Mỹ muốn khôi phục ảnh hưởng ở khu vực này thì cần phải đưa ra các sáng kiến có lợi cho khu vực thay vì chỉ đóng vai trò như một công cụ ngăn chặn sự trỗi dậy của Trung Quốc (Premesha Saha, 2023).

Về mặt kinh tế, ASEAN được xem là một trong những khu vực phát triển nhanh nhất thế giới (Louella Desiderio, 2024), Ấn Độ có thể thúc đẩy quan hệ thương mại và đầu tư đáng kể thông qua các hiệp định thương mại tự do để tăng cường gắn kết với Đông Á và khu vực ADD-TBD rộng lớn hơn. Tiếp đến, sự gia tăng bành trướng ở Biển Đông và ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc ở Đông Nam Á tác động đến chính sách đối ngoại của Ấn Độ với ASEAN để cân bằng quyền lực với Trung Quốc cũng như đảm bảo được các lợi ích chiến lược của mình. Như vậy, sự phát triển của ASEAN sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các tính toán chiến lược của Ấn Độ một cách trực tiếp và gián tiếp. Vai trò trung tâm của ASEAN trong địa chính trị khu vực giúp Ấn Độ tăng cường hợp tác với các nước lớn để thúc đẩy cán cân quyền lực đa cực ở ADD-TBD. Hơn nữa, “*Chính sách Hành động phía Đông*” của Ấn Độ mặc dù tập trung tăng cường quan hệ kinh tế,

văn hóa với Đông Nam Á, nhưng bản chất có liên quan đến các mục tiêu quốc phòng để đảm bảo sự ổn định các tuyến đường thương mại hàng hải quan trọng. Ấn Độ đã tiếp cận chủ động và toàn diện hơn thông qua các hợp tác quốc phòng, nhiều quốc gia trong khu vực cũng đang quan tâm đến việc mua các hệ thống vũ khí của Ấn Độ (Moksh Suri, 2023).

2.2.1.6. Xung đột dai dẳng với Pakistan

Ấn Độ luôn là đối tượng mà Pakistan phải phòng ngừa đầu tiên vì vấn đề an ninh quốc gia. Thứ nhất, hai quốc gia đã có cuộc đối đầu dai dẳng về tranh chấp chủ quyền ở khu vực biên giới Kashmir trong nhiều thập kỷ, và những căng thẳng này đã dẫn đến một loạt các sự kiện quân sự quan trọng. Vào năm 1999, một cuộc chiến tranh hạn chế đã xảy ra ở Kargil sau cuộc xâm nhập của Pakistan. Tiếp theo, trong giai đoạn 2001-2002, Ấn Độ đã huy động quân đội quy mô lớn sau vụ tấn công khủng bố vào quốc hội. Tuy nhiên, vào năm 2008, sau vụ tấn công khủng bố tại Mumbai, Ấn Độ đã không phản ứng quân sự mà thay vào đó tập trung vào các biện pháp ngoại giao và an ninh trong nước. Đến năm 2016, sau cuộc tấn công Uri, Ấn Độ đã tiến hành các cuộc tấn công trên bộ vào các căn cứ khủng bố dàn dựng tại Pakistan, và vào năm 2019, Ấn Độ đã tiến hành không kích vào các trại huấn luyện của khủng bố sau vụ tấn công Pulwama. Những sự kiện này phản ánh sự căng thẳng liên tục và các cuộc đối đầu quân sự chiến lược trong mối quan hệ phức tạp giữa Ấn Độ và Pakistan. Đối với Pakistan, việc sáp nhập Kashmir được coi là rất quan trọng để thực hiện tầm nhìn về một quốc gia-dân tộc hoàn chỉnh cho người Hồi giáo (Surinder Mohan, 2016, tr.372). Mặt khác, Ấn Độ cho rằng Kashmir là nơi sinh sống của đa số người Hồi giáo, là một phần của quốc gia đa sắc tộc và thế tục (Rollie Lal, 2010, tr.129). Do đó, tranh chấp chủ quyền giữa hai nước đã vượt ra ngoài phạm vi cuộc chiến tranh thông thường, thúc đẩy sự trở dậy của chủ nghĩa khủng bố xuất phát từ Pakistan (Toby Dalton & George Perkovich, 2016, tr.1) và đe dọa trực tiếp đến an ninh của Ấn Độ.

Thứ hai, vấn đề nguồn nước ở dòng sông Indus. Sông Indus cung cấp hơn 75% nguồn nước tái tạo hàng năm của Pakistan, và quốc gia này phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nước này cho nông nghiệp, sinh hoạt và sản xuất điện (David Michel, 2025). Vì vậy, việc Ấn Độ có thể cắt đứt dòng chảy của sông Indus sẽ gây

ra một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng đối với nền kinh tế và an ninh lương thực của Pakistan. Để điều chỉnh và giải quyết tranh chấp nước giữa hai quốc gia, Hiệp định Nước Indus đã được ký kết vào năm 1960 dưới sự bảo trợ của Ngân hàng Thế giới, trong đó Pakistan kiểm soát ba nhánh chính phía Tây (*Chenab, Jhelum và sông chính Indus*), còn Ấn Độ kiểm soát ba nhánh phía Đông (*Beas, Ravi và Sutlej*) (World Bank Group, 2018). Trong trường hợp Ấn Độ đình chỉ hiệp định hoặc kiểm soát nguồn nước như một công cụ đe dọa, Pakistan có thể đáp trả mạnh mẽ, làm gia tăng nguy cơ xung đột quân sự giữa hai quốc gia.

Thứ ba, do sự chênh lệch về sức mạnh quốc gia cũng như quân sự so với Ấn Độ, Pakistan một mặt thì khởi động các chương trình phát triển vũ khí hạt nhân, một mặt thì dựa vào Trung Quốc để phát triển năng lượng hạt nhân và quốc phòng (Nguyễn Xuân Trung, 2017, tr.101). Pakistan không ngừng tăng cường hiện đại hóa quân đội, điều này tạo ra một mối đe dọa ngày càng gia tăng đối với Ấn Độ. Từ năm 2015 đến năm 2024, ngân sách quốc phòng của Pakistan đã tăng trung bình khoảng 17% và sử dụng các máy bay chiến đấu hiện đại như J-10C do Trung Quốc sản xuất và JF-17 do Trung Quốc đồng phát triển, cả hai đều được trang bị tên lửa không đối không PL-15 của Trung Quốc (Xiao Liang & Zubaida Karim, 2025). Với ưu thế địa chính trị, Trung Quốc vừa là nhà cung cấp vũ khí thiết yếu vừa trở thành “*đồng minh quan trọng nhất*” của Pakistan để tăng cường ảnh hưởng và thay thế vị trí của các cường quốc trong khu vực. Điển hình, từ năm 2006, Pakistan đã đặt hàng rất nhiều tàu khinh hạm, tên lửa tác chiến chống hạm, vũ khí hiện đại của Trung Quốc để mở rộng sức mạnh hải quân (Shalini Chawla, 2008, tr.81). Pakistan duy trì mối quan hệ chặt chẽ với Bắc Kinh và ủng hộ mạnh mẽ Trung Quốc trong việc đối phó với các nhóm Hồi giáo cực đoan, đặc biệt là Phong trào Hồi giáo Đông Turkestan. Ngoài ra, Pakistan giữ quan điểm rằng vì Trung Quốc là thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc và là nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, có thể mang lại lợi ích to lớn cho Pakistan nhằm chống lại Ấn Độ, đặc biệt là nỗ lực gia nhập Nhóm cung cấp hạt nhân và Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với tư cách thành viên thường trực (Moonis Ahmar, 2020). Từ góc độ an ninh, tranh chấp chủ quyền giữa hai nước hay sự “*can dự sâu*” của Trung Quốc ở Pakistan đều hình thành mối đe dọa an ninh đối với Ấn Độ (A. Z. Hilali, 2001, tr.748). Chính vì thế, một số chiến lược gia ở Ấn Độ

cho rằng Pakistan được xem là nhân tố chính (Janne E. Nolan, 1991, tr.86) liên quan đến các vấn đề chính trị và quân sự - quốc phòng, nhằm đảm bảo an ninh và chủ quyền quốc gia trong các tuyên bố công khai của Ấn Độ.

2.2.2. Cấp độ quốc gia

2.2.2.1. Sức mạnh tổng hợp quốc gia

Sức mạnh tổng hợp quốc gia là “*nhân tố quan trọng, cơ sở, động lực để Ấn Độ đẩy mạnh quyết tâm vươn ra khỏi phạm vi khu vực Nam Á và Ấn Độ Dương, tìm kiếm vị thế và vai trò to lớn hơn ở Châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới*” (Đặng Cẩm Tú, 2018, tr.111-112).

Về sức mạnh quốc phòng, Ấn Độ sở hữu sức mạnh quân đội đứng thứ 4 thế giới, xuyên suốt giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2024 (xem Bảng 2.2), lực lượng Lục quân đứng thứ 3 thế giới sau Trung Quốc và Mỹ¹, lực lượng Không quân đứng thứ 4 sau Mỹ, Nga và Trung Quốc, lực lượng Hải quân thì đứng thứ 5 sau Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản (Trần Hoàng Long, 2021, tr.119). Ấn Độ cũng đang từng bước nâng cấp “*công nghệ vũ khí*” thông qua việc trang bị các khí tài tối tân nhất thế giới như hệ thống tên lửa đa nòng Pinaka Mark-1, Brahmos, tiêm kích Tejas, radar Swathi WLR, tàu tuần tra Saryu-class OPV... Không chỉ vậy, Ấn Độ còn là 1 trong 10 cường quốc sở hữu vũ khí hạt nhân lớn nhất toàn cầu với số lượng khoảng 172 đầu đạn (SIPRI, 2024, tr.272), năng lực công nghiệp quốc phòng ngày càng được phát triển mạnh mẽ bao gồm “*khoảng 50 phòng thí nghiệm, 70 viện nghiên cứu, 50 trung tâm khoa học công nghệ quốc gia, 150 cơ sở công nghiệp công và tư, 30,000 nhân viên để phát triển công nghiệp quốc phòng trong nước*” (Đoàn Mạnh Hùng, 2010, tr.46).

Theo báo cáo từ Bộ Quốc phòng Ấn Độ (Press Information Bureau, 2024a), giai đoạn 1 từ 2004-2005 đến 2013-2014 và giai đoạn 2 từ 2014-2015 đến 2023-2024, xuất khẩu quốc phòng của Ấn Độ đã tăng 21 lần. Tổng xuất khẩu quốc phòng trong giai đoạn 2004-2005 đến 2013-2014 là 4.312 triệu INR, đã tăng lên 88.319 triệu INR trong giai đoạn từ 2014-2015 đến 2023-2024.

¹ Tính đến tháng 6/2023, Ấn Độ có khoảng hơn 653 triệu nhân lực quân sự (chiếm khoảng 46,6% dân số quốc gia) và gần 1.5 triệu quân nhân tại ngũ.

Ngành quốc phòng Ấn Độ từ việc phụ thuộc nhiều vào hàng nhập khẩu đã trở thành một đối thủ cạnh tranh xuất khẩu trong khu vực. Những công nghệ và thiết bị quốc phòng tiên tiến mà Ấn Độ hiện tại đang sản xuất đã thu hút được sự quan tâm từ các quốc gia trong khu vực và thế giới, nâng cao vị thế của Ấn Độ với tư cách là nhà xuất khẩu khí tài quốc phòng lớn tại châu Á. Sự tham gia của 104 quốc gia tại Triển lãm hàng không Aero India 2023 là bằng chứng cho thấy ngành sản xuất quốc phòng đang phát triển của Ấn Độ. Xuất khẩu quốc phòng của Ấn Độ hiện trải rộng trên 85 quốc gia như Italy, Maldives, Sri Lanka, Nga, UAE, Ba Lan, Philippines, Saudi Arabia, Ai Cập, Israel, Tây Ban Nha, Chile... (VietnamPlus, 2024; Colonel B S Nagial, 2023).

Bảng 2.2: Xếp hạng các chỉ số của Ấn Độ từ năm 2016 đến năm 2024

	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Chỉ số sức mạnh châu Á ^a	4	4	4	4	4	4	4	4	3
Sức mạnh quân sự ^b	4	4	4	4	4	4	4	4	4
Sức mạnh kinh tế ^c	8	7	7	5	5	5	5	5	5*

(* số liệu được tính đến 30.4.2024)

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Viện Lowy Institute^a, Global Firepower^b, IMF^c

Chi tiêu quân sự của nước này đã tăng từ 28,25 tỷ USD năm 2007 lên khoảng 83,6 tỷ USD năm 2023 (Nan Tian et al, 2024, tr.5), việc xuất khẩu thiết bị quốc phòng, bao gồm cả việc bán tên lửa BrahMos cho các quốc gia Đông Nam Á, tạo ra một đối trọng với Trung Quốc trong khu vực và làm nổi bật khả năng cạnh tranh quốc tế và cho thấy quyết tâm của Ấn Độ trong việc củng cố quốc phòng. Ngoài ra, xuyên suốt giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024, Ấn Độ luôn giữ vững vị trí thứ 4 trong số 140 quốc gia có sức mạnh quân sự hàng đầu thế giới do tổ chức phân tích quốc phòng Global Firepower đánh giá. Với lực lượng quân đội lớn thứ hai thế giới sau Trung Quốc, Ấn Độ đã có những bước tiến đáng kể trong việc tăng cường khả năng phòng thủ và có khả năng trở thành “đối tác an ninh đáng tin cậy” cũng như chủ thể có vai trò cân bằng quan trọng trong khu vực ADD-TBD.

Bên cạnh đó, Ấn Độ luôn nằm trong 4 quốc gia đầu tiên có sức ảnh hưởng quyền lực ở khu vực CA-TBD do Viện Lowy của Australia đánh giá (*xem Bảng 2.2*). Chỉ số này đo lường sức mạnh tổng thể của một quốc gia dựa trên trung bình 8 thông số bao gồm nguồn lực kinh tế, năng lực quân sự, khả năng phục hồi, xu hướng tương lai, ảnh hưởng ngoại giao, quan hệ kinh tế, mạng lưới quốc phòng và ảnh hưởng văn hóa. Các dấu tích văn hóa, tôn giáo của Ấn Độ trải dài từ khắp châu Á và châu Phi và trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của khu vực Đông Nam Á (Baladas Ghoshal, 2017, tr.27-29). Từ đây, Ấn Độ đã đưa Yoga và Phật giáo vào vị trí trung tâm chiến lược ngoại giao mềm của mình, minh chứng là LHQ đã đồng ý lựa chọn ngày 21/6 hằng năm là Ngày quốc tế Yoga theo đề nghị của Thủ tướng Modi (Embassy of India to Serbia, 2014). Thêm vào đó, Bollywood còn lan rộng sang Trung Đông, phần còn lại của Nam Á, Đông Nam Á (Trần Hoàng Long, 2021, tr.179), không chỉ mang tính giải trí mà còn khai sáng cho khán giả, thúc đẩy sự hiểu biết và đánh giá sâu sắc hơn về văn hóa Ấn Độ. Dấu ấn không thể phai mờ của Bollywood đối với điện ảnh toàn cầu là minh chứng cho tầm quan trọng của nó không chỉ đối với văn hóa Ấn Độ mà còn trong việc nâng tầm vị thế của Ấn Độ trong thế giới giải trí.

Về sức mạnh kinh tế, Ấn Độ hiện đang là 1 trong 5 nền kinh tế lớn nhất thế giới, được xem là “*con voi đang tăng tốc*”, từ vị trí thứ 8 năm 2016 lên vị trí thứ 5 trên thế giới vào năm 2024. Ấn Độ không chỉ có dân số lớn nhất thế giới mà 68% trong số đó là những người trong độ tuổi lao động từ 15 đến 64 tuổi. Những cơn gió địa chính trị cũng đang thổi theo hướng có lợi cho Ấn Độ. Như Tellis chỉ ra rằng “*sự bất mãn ngày càng tăng với Trung Quốc và lời hứa về thị trường rộng lớn và tăng trưởng kinh tế trong tương lai của Ấn Độ*” (Ashley J Tellis, 2024) đang khiến các nước phương Tây xích lại gần Ấn Độ như một đối trọng chiến lược ở châu Á. Với tốc độ tăng trưởng 5,5% mỗi năm trong thập kỷ qua, IMF dự báo Ấn Độ sẽ vượt Nhật Bản trở thành nền kinh tế lớn thứ 4 thế giới vào năm 2025 và vượt Đức để trở thành nền kinh tế lớn thứ 3 vào năm 2027 (Issac John, 2024). Chính sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, Ấn Độ đã nhận ra tầm quan trọng của khía cạnh chiến lược và kinh tế của ngành công nghiệp quân sự; cố gắng đạt được mục tiêu tự cung

tự cấp cho lực lượng vũ trang của mình, nỗ lực tăng cường xuất khẩu quân sự (Gouda Abdel-Khalek et al, 2019, tr.125). Trong năm tài khóa 2024-2025, Ấn Độ đã chi 74,8 tỷ USD cho Bộ Quốc phòng, tăng 4,7% so với các khoản phân bổ trước đó (Laxman K. Behera, 2024, tr.3).

Việc không có rào cản vật lý trên biển và sự hiện diện của các cơ sở công nghiệp và quốc phòng quan trọng gần bờ biển cũng làm tăng nguy cơ an ninh hàng hải cho Ấn Độ, Chính phủ đã thành lập các CGAS và CGAE phục vụ các hoạt động không quân từ nhiều địa điểm khác nhau dọc theo bờ biển. Hiện tại, Ấn Độ có 12 cảng lớn và 200 quân cảng lớn nằm ở các tiểu bang sau: Maharashtra (48), Gujarat (42), Tamil Nadu (15), Karnataka (10), Kerala (17), Andhra Pradesh (12), Odisha (13), Goa (5), Tây Bengal (1), Daman và Diu (2), Lakshadweep (10), Pondicherry (2), Andaman và Nicobar (23) (Dhiraj Mathur, 2017, tr.4).

Thêm vào đó, Ấn Độ đang hiện đại hóa hải quân và lấp đầy những khoảng trống về năng lực tác chiến trên biển, các khu vực chính của Hải quân Ấn Độ là Vịnh Bengal, AĐĐ và Biển Ả Rập. Để kiểm soát những khu vực này, Ấn Độ đã thành lập ba bộ chỉ huy hải quân tại Vishakhapatnam, Kochi và Mumbai. Theo Harsh V Pant, *“Ấn Độ Dương sẽ là trung tâm của cuộc cạnh tranh địa chính trị mới nổi giữa Trung Quốc và Ấn Độ. Pakistan dường như đã quyết định hợp tác với Trung Quốc để cân bằng với Ấn Độ”* (Masood Ur Rehman Khattak, 2019, tr.31). Vì vậy, Ấn Độ đã phân bổ ít nhất 8 tỷ USD để hiện đại hóa hạm đội hải quân của mình, duy trì 171 tàu cùng với hơn 250 máy bay và 16 tàu ngầm để đảm bảo sự thống trị của mình ở khu vực AĐĐ (Pauline Eadie & Wyn Rees, 2016, tr.173). Điều này cho thấy, năng lực quốc phòng là một trong những yếu tố quan trọng giúp Ấn Độ gia tăng ảnh hưởng ra ngoài khu vực, khi sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng được nâng cao.

2.2.2.2. Sự điều chỉnh chiến lược của Ấn Độ trong lĩnh vực quốc phòng

Ấn Độ đã khẳng định rằng mình là một *“quốc gia hàng hải về mặt lịch sử”* và coi AĐĐ là *“quan trọng đối với an ninh và thịnh vượng của Ấn Độ”* (Ministry of Defence, 2015, tr. 5). Nhận thức này đã định hình chiến lược quốc phòng của Ấn Độ, đặc biệt trong việc bảo vệ các tuyến hàng hải và đảm bảo an ninh năng lượng trong bối cảnh gia tăng sự hiện diện quân sự và kinh tế của Trung Quốc và sự thay đổi chiến lược của các nước lớn tại khu vực AĐĐ-TBD.

Ấn Độ đã liên tục điều chỉnh và mở rộng “*học thuyết hàng hải Ấn Độ*”, với ba lần sửa đổi quan trọng vào các năm 2004, 2009 và 2015 (Tomasz Łukaszuk, 2020, tr.113). Mỗi lần điều chỉnh này đều hướng đến mục tiêu bảo vệ các lợi ích hàng hải của Ấn Độ không chỉ ở khu vực AĐĐ mà còn ở Đông Nam Á và Tây Nam Á. Trong giai đoạn này, Ấn Độ đã công bố “*Chiến lược quân sự Biển của Ấn Độ*” vào năm 2007, khẳng định rằng: “*các mục tiêu chiến lược của hải quân ngoài khu vực nhìn chung phù hợp với lợi ích chiến lược của Ấn Độ, chẳng hạn như cuộc chiến chống lại chủ nghĩa cơ yếu và khủng bố, cũng như sự an toàn của các tuyến thông thương biển*” và “*bất cứ điều gì xảy ra ở AĐĐ đều có thể ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và là mối quan tâm của chúng tôi*” (Integrated Headquarters Ministry of Defence, 2007, tr. 41, 58). Đến năm 2015, Ấn Độ đã đặt mục tiêu xây dựng năng lực của riêng mình với tư cách là “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*” trong “*Chiến lược an ninh hàng hải của Ấn Độ*” thông qua các hoạt động như xây dựng năng lực, ngoại giao quốc phòng, hỗ trợ quân sự và triển khai trực tiếp lực lượng quân sự trong khu vực.

Do đó, sự điều chỉnh chiến lược này cho thấy Ấn Độ đang đề cao vai trò của mình trong việc duy trì ổn định và an ninh khu vực, đặc biệt qua việc kiểm soát các tuyến hàng hải chiến lược như Malacca và Hormuz, vốn quan trọng không chỉ đối với an ninh khu vực mà còn với thương mại toàn cầu.

Bên cạnh đó, việc điều chỉnh từ chính sách “*Hướng Đông*” sang “*Hành động Hướng Đông*” dưới thời Thủ tướng N. Modi, thể hiện sự quyết đoán và trách nhiệm của một cường quốc, không chỉ “*nhìn*” về phía Đông mà phải chủ động “*hành động*” để bảo vệ lợi ích quốc gia, thể hiện vị thế của Ấn Độ trong khu vực và thế giới. Một trong ba mục tiêu chính là thúc đẩy hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng (Nguyễn Văn Thăng, 2023, tr.97). Có thể nhận định, chính sách “*Hành động Hướng Đông*” không chỉ nhằm thúc đẩy kinh tế mà còn đảm bảo duy trì sự cân bằng quyền lực trong khu vực thông qua hợp tác quốc phòng. Chính sách này hướng tới mục tiêu duy trì khu vực AĐĐ-TBD tự do và mở trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và các thách thức an ninh khác (Daily News and Analyses, 2014).

Bên cạnh đó, với lợi thế là quốc gia có ảnh hưởng truyền thống tại AĐĐ, Ấn Độ đã triển khai chính sách “*Láng giềng trên hết*” để xích lại gần hơn với các nước lân cận và thúc đẩy hợp tác quốc phòng thông qua các cuộc tập trận quân sự chung

và tăng cường hợp tác an ninh với các quốc gia như Maldives, Myanmar và Nepal. Chính sách này không chỉ giúp nâng cao năng lực quốc phòng của các quốc gia láng giềng mà còn tạo ra một mạng lưới bảo vệ an ninh vững chắc cho Ấn Độ, trong bối cảnh có nhiều mối đe dọa từ biển và đất liền.

Như vậy, sự điều chỉnh chiến lược của Ấn Độ trong lĩnh vực quốc phòng tại khu vực AĐD-TBD từ 2007 đến 2024 đã chứng minh sự linh hoạt và thay đổi quan trọng trong chính sách đối ngoại và quốc phòng. Ấn Độ đã chủ động thay đổi phương thức tiếp cận từ “*không liên kết*” sang “*đa liên kết*” cùng với nguyên tắc tự chủ chiến lược để “*cân bằng mềm*” nhằm phòng ngừa các rủi ro an ninh từ Trung Quốc và Pakistan, bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì sự ổn định của khu vực AĐD-TBD.

2.2.2.3. Chính trị nội bộ của Ấn Độ

Các đảng phái chính trị đã đóng một vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi chính trị và xã hội, nhưng sự thống trị của đảng cũng đã trải qua những thay đổi to lớn. Vô số đảng phái mới xuất hiện và nhiều đảng trong số họ đã trở thành đảng cầm quyền ở cấp quốc gia, bang hoặc cả hai cấp. Ở nhiều bang, các đảng phái quốc gia đã bị gạt ra ngoài lề hoặc trở thành phe phụ trợ cho các đối thủ cấp bang của họ. Dòng chảy thống trị của các đảng phái và sự gia tăng nhanh chóng của các đảng phái đã dẫn đến sự hình thành các chính phủ liên minh, vốn đã trở thành một đặc điểm thường xuyên của chính trị Ấn Độ kể từ những năm 1990. Một số lượng lớn các đảng đã chia sẻ quyền lực trong các liên minh này trong những năm qua. Các đảng này đang chia sẻ quyền lực trong chính quyền trung ương và có bộ phận nội các trong chính phủ của Narendra Modi (Suri, Elliott, Hundt, 2016, tr.2). Giai đoạn từ năm 2007-2024, Ấn Độ trải qua hai đời Thủ tướng với sự thay đổi của hai Đảng cầm quyền. Sự chuyển giao quyền lực giữa các nhà lãnh đạo từ các đảng đối lập, Thủ tướng Manmohan Singh của INC sang Thủ tướng Narendra Modi của BJP vào năm 2014, đã đặt ra một số thách thức trong chính trị nội bộ, đặc biệt là duy trì sự liên tục các chính sách quốc phòng của hai đảng. Sự thay đổi trong lãnh đạo chính trị có thể làm thay đổi các ưu tiên về quốc phòng, từ việc đẩy mạnh quan hệ với đối tác chiến lược cho đến việc đầu tư vào công nghiệp quốc phòng nội địa. Những quá trình chuyển đổi này thường liên quan đến việc đảo ngược chính sách khi chính quyền mới tìm cách thực hiện chương trình nghị sự của mình. Những

điều chỉnh về việc bổ nhiệm mới và sắp xếp lại các cơ quan chính phủ có thể làm trầm trọng thêm căng thẳng đảng phái, đặc biệt trong giai đoạn chuyển giao quyền lực của các bên. Trong giai đoạn này, vấn đề an ninh quốc gia, chính sách đối ngoại và phát triển kinh tế là yếu tố tiên quyết để duy trì sự ổn định chính trị nội bộ trước các nguy cơ chia rẽ hoặc xung đột lợi ích của các nhóm lợi ích.

Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (2019 - nay) khẳng định rằng tất cả các đảng phái chính trị trong nước đều đoàn kết khi nói đến việc bảo vệ quốc gia (The Economic Times, 2023), đây là yếu tố then chốt để quyết định các vấn đề liên quan đến an ninh và quốc phòng một cách nhất quán, vượt qua những khác biệt về lợi ích của các đảng phái chính trị hay nhóm lợi ích trong nội bộ quốc gia. Bởi vì việc phân bổ nguồn lực cho quốc phòng thường phản ánh các ưu tiên chính trị, với lợi ích cạnh tranh giữa chi tiêu quốc phòng với các chương trình phúc lợi xã hội và các sáng kiến phát triển kinh tế. Những thay đổi trong các biến số trong nước như loại hình chế độ, hệ tư tưởng, đảng cầm quyền, khả năng kinh tế và quân sự, truyền thông, kinh doanh và dư luận, cũng có thể quyết định mức độ ưu tiên và thay đổi trong chính sách đối ngoại (Vikash Chandra, 2017, tr.101). Do đó, chính trị nội bộ của Ấn Độ có ảnh hưởng đáng kể đến chính sách quốc phòng, đặc biệt là trong việc phân bổ nguồn lực và xây dựng chiến lược quốc gia. Các chính phủ khác nhau có thể có cách tiếp cận khác nhau đối với ngân sách quốc phòng, ưu tiên đầu tư vào các lĩnh vực chiến lược tùy theo mục tiêu của đảng cầm quyền. Điều này dẫn đến sự thay đổi trong các quyết định về hợp tác quân sự quốc tế, cũng như các chiến lược quốc phòng nội bộ. Bên cạnh đó, chính trị nội bộ cũng định hình nhận thức về mối đe dọa an ninh, khi mỗi chính phủ đánh giá khác nhau về các yếu tố tiềm ẩn, từ đó ảnh hưởng đến các quyết định mua sắm vũ khí và chương trình hiện đại hóa quân đội.

Nếu chính trị nội bộ biến động theo chiều hướng tiêu cực, dẫn đến bạo loạn hay xung đột giữa các nhóm lợi ích, điều này có thể gây ra những thay đổi trong ưu tiên chính sách đối ngoại, ảnh hưởng đến thỏa thuận hợp tác quốc phòng và quyết định mua sắm vũ khí của Ấn Độ với các quốc gia khác. Hơn nữa, các quan điểm khác nhau trong nội bộ các đảng phái cũng có nguy cơ tạo ra các mối đe dọa an ninh nội bộ, ảnh hưởng đến việc hoạch định và triển khai các chính sách về quốc phòng.

Tựu chung, Ấn Độ đã theo đuổi một chế độ dân chủ đa đảng kiểu phương Tây mà một thể chế nhà nước tương đối vững chắc và ổn định (Trần Hoàng Long, 2021, tr.164). Sau đại dịch COVID-19, nền chính trị nội bộ của Ấn Độ đang có sự thay đổi nhằm phục hồi kinh tế. Chính vì vậy, tình hình chính trị nội bộ trong nước, kết hợp với những thay đổi bên ngoài có thể sẽ thúc đẩy nước này hướng tới sự tự chủ hơn, can dự có chọn lọc hơn với các đối tác an ninh trong khu vực (Shivshankar Menon, 2020) để ưu tiên giải quyết vấn đề kinh tế và an ninh trong nước lẫn thực hiện các chiến lược phù hợp với bối cảnh khu vực.

2.2.2.4. Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu

Thủ tướng Jawaharlal Nehru (1947-1964) từng khẳng định rằng Ấn Độ lập quốc bằng chủ nghĩa dân tộc thế tục (*secular nationalism*) đồng nghĩa với việc duy trì sự tách biệt giữa tôn giáo với các vấn đề nhà nước, thúc đẩy tầm nhìn về Ấn Độ như một xã hội đa nguyên, nơi mọi công dân, bất kể niềm tin tôn giáo của họ, đều tham gia bình đẳng vào quá trình xây dựng quốc gia (Sikata Banerjee, 1998).

Tuy nhiên, chủ nghĩa dân tộc Hindu trở thành yếu tố chi phối chính trị Ấn Độ mạnh mẽ dưới thời Thủ tướng Narendra Modi, khi ông đã khôi phục và củng cố các giá trị tôn giáo Hindu trong chính sách công. Điều này xảy ra do sự thay đổi trong môi trường chính trị và xã hội, khi mà những căng thẳng tôn giáo, sự gia tăng của các phong trào bảo vệ quyền lợi Hindu, và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các tầng lớp xã hội đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa dân tộc Hindu trở thành một lực lượng chính trị mạnh mẽ trong nước. Mục tiêu của BJP là hướng tới một Ấn Độ theo chủ nghĩa dân tộc Hindu thống nhất, còn được gọi là “*Rashtra*”, thúc đẩy khát vọng hướng tới sự tập trung hóa (Aiyar & Tillin, 2020, tr.117). Các quyết định được ban hành phải phù hợp đa số người theo đạo Hindu, chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Hindutva, đưa nền văn minh, văn hóa và các giá trị Hindu hồi sinh để hình thành bản sắc Ấn Độ (Kusha Anand & Marie Lall, 2019, tr. 85). Chiến lược chính trị hiện tại mà BJP đang theo đuổi là chiến lược đa số, vì “*quyền*” của đa số đang được ưu tiên trong hệ thống dân chủ và “*các làn sóng mới của chủ nghĩa dân tộc đang trao quyền cho đa số để lạm dụng quyền của thiểu số*” (Sajaudeen Nijamodeen Chapparban, 2020, tr.52).

Luôn có một nỗi sợ hãi tồn tại trong tâm trí của giới lãnh đạo Ấn Độ và buộc họ phải xây dựng sức mạnh quân sự vì một Ấn Độ vĩ đại hơn (A. Z. Hilali, 2001,

tr.741). Điều này được lý giải dựa vào lịch sử bị xâm lược và thống trị đã để lại dấu ấn sâu sắc, khiến họ phải tập trung vào việc bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia. Với mối đe dọa từ các nước láng giềng và vai trò quan trọng trên trường quốc tế, Ấn Độ liên tục củng cố năng lực quốc phòng để đối phó hiệu quả với các thách thức. Kể từ khi BJP lên nắm quyền vào năm 2014 dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi, chủ nghĩa dân tộc Hindu đã ảnh hưởng lớn đến nền chính trị và chính sách đối ngoại, tập trung vào việc tăng cường năng lực trong nước và nâng cao uy tín của Ấn Độ trên trường quốc tế (Milan Vaishnav, 2019, tr. 20-21).

Sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu đã ảnh hưởng đáng kể đến chính sách an ninh - quốc phòng của nước này, bởi mục đích thiết lập bản sắc dân tộc và quyết đoán nhằm chống lại các mối đe dọa bên trong lẫn bên ngoài một cách hiệu quả. Bằng cách tăng chi tiêu và nâng cấp năng lực quốc phòng, Ấn Độ có thể bảo vệ an ninh quốc gia và tăng cường quyền tự chủ chiến lược. Ngoài ra, chủ nghĩa dân tộc Hindu có thể thúc đẩy hợp tác quốc phòng chặt chẽ hơn với các đối tác an ninh chủ chốt trong khu vực như Mỹ, Nhật Bản và Australia để đối trọng với ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc ở khu vực AĐD-TBD (Andrea Malji, 2018, tr. 41). Ở cấp độ nội bộ, chủ nghĩa dân tộc Hindu của BJP cũng nhấn mạnh lập trường mạnh mẽ về chống khủng bố và an ninh nội bộ, giải quyết các mối đe dọa từ các nước láng giềng cũng như củng cố đoàn kết dân tộc.

Do đó, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu cũng góp phần định hình lập trường quyết đoán của Ấn Độ về các vấn đề an ninh hàng hải hoặc phản ứng với các mối đe dọa an ninh quốc gia, củng cố vị thế và cam kết của nước này đối với sự ổn định trong khu vực.

2.2.3. Cấp độ cá nhân

2.2.3.1. Xuất thân và tính cách của Thủ tướng M. Singh và N. Modi.

Thủ tướng Manmohan Singh sinh ngày 26 tháng 9 năm 1932 tại một ngôi làng thuộc tỉnh Punjab của Ấn Độ, tốt nghiệp Đại học Punjab vào năm 1948 và nhận bằng Danh dự hạng Nhất về kinh tế của Đại học Cambridge (Anh) năm 1957, bằng tiến sĩ kinh tế tại Đại học Oxford năm 1962 (Prime Minister's Office, nd). Năm 1971, Tiến sĩ Singh được bổ nhiệm làm Cố vấn Kinh tế tại Bộ Thương mại và lần lượt giữ các vị trí quan trọng trong chính phủ Ấn Độ. Trong giai đoạn 5 năm ở

vị trí Bộ trưởng Tài chính (1991-1996), Ông đã đưa ra các chính sách cải cách kinh tế toàn diện để Ấn Độ chuyển từ nền kinh tế tập trung, bao cấp sang nền kinh tế thị trường, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế (Văn Ngọc Thành & Nguyễn Hoàng Hoa, 2011, tr.60). Với xuất thân là một nhà kinh tế học, Thủ tướng Singh đã vận dụng kiến thức chuyên môn kinh tế vào vai trò của mình, lèo lái Ấn Độ thực hiện những cải cách kinh tế quan trọng trong nhiệm kỳ Bộ trưởng Tài chính và sau đó là Thủ tướng. Sự liêm chính và nguyên tắc của Thủ tướng Singh đã thể hiện thông qua câu nói “*Không có sức mạnh nào trên trái đất có thể ngăn cản một ý tưởng khi đúng thời cơ. Tôi đề xuất với Quốc Hội rằng sự xuất hiện của Ấn Độ như một cường quốc kinh tế lớn trên thế giới chính là một trong những ý tưởng như vậy*” (Sanjaya Baru, 2008, tr.4). Vì vậy, trong suốt 10 năm cầm quyền, tính cách của Thủ tướng Singh được đặc trưng bởi sự nhạy bén về trí tuệ, sự khiêm tốn và cam kết sâu sắc đối với dịch vụ công (Indian National Congress, nd). Sự khéo léo trong đường lối đối ngoại bởi tính cách cá nhân và khả năng thích ứng với các mối quan hệ quốc tế phức tạp đã giúp Thủ tướng Singh đạt được sự hòa nhập và hợp tác toàn cầu cho Ấn Độ.

Ngược lại, xuất thân không phải từ tầng lớp thượng lưu như người tiền nhiệm, Thủ tướng Narendra Modi sinh ra trong một gia đình có sáu người con và bán tạp hóa tại thị trấn Vadnagar của bang Gujarat. Dù hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhưng Narendra Modi vẫn hoàn thành việc học của mình, nhận bằng thạc sĩ về khoa học chính trị tại Đại học Gujarat. Khi chiến tranh giữa Ấn Độ và Pakistan nổ ra vào năm 1965, Ông đã tình nguyện xin làm binh lính phục vụ tại các nhà ga, và tham gia hỗ trợ những người bị ảnh hưởng trong trận lũ lụt ở Gujarat năm 1967. Trong những năm 1990, Thủ tướng Modi còn là người phát ngôn chính thức của BJP ở New Delhi, và hoàn thành khóa học kéo dài ba tháng ở Mỹ về quan hệ công chúng và quản lý hình ảnh. Xuất thân ở giai cấp thấp trong xã hội đã giúp ông đồng cảm sâu sắc về những khó khăn của người dân nghèo trong cuộc sống, sau khi lên nắm quyền, Modi ngày càng quyết đoán hơn, đưa ra những quyết sách táo bạo để cải thiện đời sống cho người nghèo và cố gắng thu hẹp rào cản phân biệt đẳng cấp trong nhận thức của Ấn Độ (Trần Hoàng Long, 2021, tr.158). Thủ tướng Modi được xem là một “*nhà lãnh đạo mang tính chuyển đổi*” (*transformative leader*), sử dụng hiệu quả nền tảng truyền thông trực tuyến

để thu hút sự tham gia của các nước trên thế giới (Sreeram Chaulia, 2016, tr.34-52). Ông cũng là người có quan điểm thân Mỹ và có những đối sách cứng rắn với Trung Quốc và Pakistan. Ông được đánh giá là người tận tụy với mong muốn phục hưng của Ấn Độ, dứt khoát đưa ra các quyết định trong việc phát triển đất nước. Do đó, sự lãnh đạo chủ động của Modi đã làm thay đổi sự can dự của Ấn Độ với thế giới.

Từ xuất thân và tính cách của lãnh đạo, có thể thấy các chính sách của Thủ tướng Singh được định hình bởi nền tảng kỹ trị nhằm mục đích hội nhập kinh tế và can dự ngoại giao, thì cách tiếp cận của Modi phản ánh sự bình đẳng xã hội và dứt khoát với các mối đe dọa an ninh quốc gia từ bên ngoài bằng sự quyết đoán vào việc tăng cường khả năng quân sự và quyền tự chủ chiến lược của Ấn Độ. Do đó, xuất thân và tính cách của cả hai nhà lãnh đạo cũng là một nhân tố quan trọng trong việc định hình các chính sách an ninh và quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn cầm quyền.

2.2.3.2. Sự nghiệp và quan điểm chính trị của Thủ tướng M. Singh và N. Modi.

Trong sự nghiệp chính trị của mình, Tiến sĩ Singh là thành viên Thượng viện Ấn Độ (Rajya Sabha) từ năm 1991, là lãnh đạo Đảng Quốc đại (phe đối lập với BJP) từ năm 1998 đến năm 2004. Bắt đầu sự nghiệp chính trị với tư cách là một nhà kinh tế, Ông đảm nhiệm vị trí Bộ trưởng Tài chính, khởi xướng những cải cách lớn làm thay đổi kinh tế của đất nước. Nhiệm kỳ của ông thường được cho là đã đưa Ấn Độ thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng và đưa nước này vào con đường tăng trưởng mạnh mẽ. Tiến sĩ Manmohan Singh đã trở thành Thủ tướng Ấn Độ trong hai nhiệm kỳ liên tiếp từ năm 2004 đến 2014. Phong cách lãnh đạo của ông bị ảnh hưởng bởi chính sách đối ngoại thực dụng, hướng tới sự hòa bình và trung lập, không liên minh liên kết và phải phù hợp với mục tiêu kinh tế của Ấn Độ. Mặc dù phải đối mặt với nhiều thách thức, bao gồm suy thoái kinh tế toàn cầu và những vấn đề bất ổn về chính trị xảy ra trong nhiệm kỳ, Thủ tướng Singh vẫn đề cao tinh thần hợp tác quốc tế với các nước láng giềng và nước lớn thay vì tham gia vào các cuộc xung đột để làm cạn kiệt tài nguyên cũng như suy yếu sức mạnh của Ấn Độ (Sanjaya Baru, 2008, tr. 11), chủ động hội nhập quốc tế, thiết lập các mối quan hệ với các cường quốc, kết nối các quốc gia Nam Á (Dinesh Kumar Jain, 2014). Ngoài ra, Thủ tướng Singh đặt mục tiêu phát triển chiến lược quốc gia nhằm

giải quyết những lo ngại về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ bằng cách tăng cường rắn đe thông thường và chiến lược, đồng thời thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thông qua các hiệp định ngoại giao, kinh tế và an ninh phù hợp với các giá trị văn hóa và xã hội lâu đời của Ấn Độ. Thủ tướng Manmohan Singh cũng tập trung vào việc tăng cường quan hệ với Mỹ và các cường quốc phương Tây khác, duy trì sự cân bằng chiến lược trong quan hệ với Nga và Trung Quốc (Chenoy, K. M & Chenoy, A. M, 2007). Phương châm đối ngoại của Ông là thiết lập quan hệ đối tác dựa trên lợi ích chung, hỗ trợ một thế giới đa cực phù hợp với các mục tiêu chiến lược của Ấn Độ.

Trước khi trở thành Thủ tướng thứ 15 của Ấn Độ, Narendra Modi đã giữ chức vụ Thủ hiến bang Gujarat trong 13 năm, kể từ năm 2001. Rào cản duy nhất xảy ra trong sự nghiệp chính trị là bạo loạn chống người theo đạo Hồi ở bang Gujarat năm 2002. Cuộc bạo loạn này khiến Modi bị Mỹ từ chối cấp thị thực do lo ngại vi phạm quyền tự do tôn giáo (U.S Department of State, 2005). Tuy nhiên, nhiệm kỳ của Narendra Modi đã giúp Gujarat trở thành một bang thịnh vượng và công nghiệp hóa bởi tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, phát triển cơ sở hạ tầng và các sáng kiến xã hội. Với phong cách lãnh đạo quyết đoán và sáng tạo, Modi đã đưa ra các sáng kiến như Hội nghị thượng đỉnh Vibrant Gujarat, tổ chức định kỳ hai năm một lần từ năm 2003 để thu hút đầu tư toàn cầu vào bang Gujarat (Narendra Modi, 2023). Đến năm 2014, Narendra Modi đã lãnh đạo BJP giành chiến thắng lịch sử trong cuộc tổng tuyển cử và tuyên thệ nhậm chức Thủ tướng, đánh dấu kỷ nguyên mới của những cải cách đầy tham vọng và chương trình nghị sự ủng hộ doanh nghiệp (Milan Vaishnav, 2019, tr.12, 13, 17). Thủ tướng N. Modi đã tăng cường hình ảnh và vị thế của Ấn Độ thông qua mục tiêu phát triển kinh tế bởi hàng loạt sáng kiến như “*Make in India*”, “*Digital India*”, “*Swachh Bharat Abhiyan*” nhằm thúc đẩy Ấn Độ thành một cường quốc kinh tế toàn cầu. Thủ tướng N. Modi cũng nỗ lực can thiệp vào các vấn đề toàn cầu để “*đưa Ấn Độ vào vị trí hàng đầu chứ không phải đơn thuần là một lực lượng cân bằng toàn cầu*” (Press Information Bureau, 2015), trở thành một “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*” trong khu vực và cường quốc toàn cầu.

Ở nhiệm kỳ thứ 2 vào năm 2019, ngoài mục tiêu tiếp tục đầu tư vào kinh tế, kêu gọi đầu tư nước ngoài và cải thiện các vấn đề phúc lợi, Modi dần quan tâm đến

các ưu tiên an ninh, thể hiện mong muốn tách khỏi chủ nghĩa bảo hộ từ các nước lớn khác (Yogesh Joshi et al, 2020, tr.26). Thủ tướng Modi đã mở rộng sáng kiến “*Make in India*” sang lĩnh vực quốc phòng để thúc đẩy việc tự lực sản xuất khí tài quân sự trong nước và giảm nhập khẩu từ các đối tác truyền thống ở nước ngoài.

Thêm vào đó, tư tưởng đối ngoại của hai Thủ tướng cũng ảnh hưởng ít nhiều đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn này. Tư tưởng đối ngoại của Thủ tướng M. Singh và Thủ tướng N. Modi có sự khác biệt đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hình thái hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn 2007-2024. Cụ thể, Thủ tướng M. Singh chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa lý tưởng, vốn là tiền thân của chủ nghĩa tự do, thể hiện qua chính sách đối ngoại nhấn mạnh đối thoại, hợp tác đa phương và duy trì quan hệ cân bằng giữa các cường quốc. Trong khi đó, Thủ tướng N. Modi lại chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi chủ nghĩa hiện thực, đặt trọng tâm vào sức mạnh quốc gia, lợi ích chiến lược và chủ động mở rộng ảnh hưởng của Ấn Độ trên trường quốc tế. Chính sự khác biệt này đã dẫn đến sự chuyển dịch trong hợp tác quốc phòng của Ấn Độ. Dưới thời Thủ tướng Singh, Ấn Độ vẫn thúc đẩy các quan hệ quốc phòng, nhưng ở mức độ thận trọng và ưu tiên đối thoại hòa bình. Ngược lại, dưới thời Thủ tướng Modi, hợp tác này trở nên mạnh mẽ hơn với các chính sách quyết đoán hơn, như tăng cường quan hệ quân sự với Mỹ, Nhật Bản, Australia thông qua Quad, đẩy mạnh sản xuất vũ khí trong nước theo sáng kiến “*Make in India*”. Dù có sự gia tăng về mức độ, nhưng chính sách này vẫn duy trì yếu tố hợp tác, phù hợp với mục tiêu chiến lược của Ấn Độ trong việc vừa bảo vệ lợi ích quốc gia, vừa tránh đối đầu trực diện với Trung Quốc.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Singh, nền kinh tế của Ấn Độ dần phục hồi và tăng trưởng đều qua các năm, là nền tảng để Thủ tướng Modi bắt đầu phát huy thế mạnh thông qua các sáng kiến, quyết đoán trong mục tiêu đẩy mạnh sự ảnh hưởng của Ấn Độ ra toàn cầu. Ngân sách quốc phòng đã tăng đáng kể theo từng năm, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mua sắm vũ khí tiên tiến và hiện đại hóa khả năng phòng thủ của Ấn Độ. Từ năm 2007 - 2024, vai trò cá nhân của hai Thủ tướng chính là các nhân tố nội sinh để tác động đến sự thay đổi các chính sách an ninh - quốc phòng của Ấn Độ, nhằm đảm bảo vệ lợi ích quốc gia và giảm thiểu các mối đe dọa an ninh từ các quốc gia khác.

Tiểu kết chương 2

Nội hàm của hợp tác quốc phòng được phát triển từ khái niệm “*hợp tác*” và “*hợp tác quốc tế*” trong lĩnh vực quốc phòng. Hợp tác quốc phòng, dưới góc nhìn của Ấn Độ, là sự kết hợp lực lượng quốc phòng của các chủ thể quan hệ quốc tế trong đó các lực lượng vũ trang phối hợp với nhau nhằm giải quyết các mối quan ngại chung và bảo vệ an ninh quốc gia. Hợp tác này không chỉ giúp Ấn Độ tăng cường sức mạnh quốc gia mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được nhận thức về lợi ích địa chiến lược, phục vụ yêu cầu an ninh quốc gia. Các hoạt động hợp tác quốc phòng rất đa dạng, tuy nhiên, cơ bản nhất thì hợp tác quốc phòng thường diễn ra trên hai hình thức song phương và đa phương, với các hoạt động bao gồm các hoạt động như duy trì tiếp xúc cao cấp giữa các bộ quốc phòng, bổ nhiệm tùy viên quốc phòng, ký kết hiệp định hợp tác quốc phòng, tổ chức tập trận quân sự, và cung cấp trang thiết bị, vũ khí và chuyển giao công nghệ quốc phòng khác.

Dưới góc nhìn của lý thuyết quan hệ quốc tế, hợp tác quốc phòng giúp Ấn Độ duy trì hòa bình và ổn định trong khu vực thông qua hai cơ chế chính: cân bằng bên trong và cân bằng bên ngoài. Cân bằng bên trong thể hiện qua việc Ấn Độ xây dựng và củng cố sức mạnh quốc gia dựa trên các nguồn lực nội tại, từ đó nâng cao năng lực quốc phòng và đảm bảo an ninh quốc gia. Cân bằng bên ngoài được thực hiện thông qua việc kết hợp sức mạnh quân sự của Ấn Độ với các đối tác an ninh trong khuôn khổ hợp tác song phương và đa phương, từ đó tạo ra một mạng lưới an ninh khu vực vững mạnh. Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ được triển khai chủ yếu theo phương thức mềm nhằm xây dựng hình ảnh của một quốc gia hòa bình, không có ý định đối đầu với các quốc gia khác trong khu vực AĐD-TBD. Thông qua việc thể hiện mình là một đối tác không đe dọa, Ấn Độ đã thành công trong việc xây dựng lòng tin và sự tín nhiệm với các quốc gia khác. Đây là yếu tố cốt lõi để thúc đẩy mối quan hệ hợp tác quốc phòng sâu sắc và bền vững hơn, thông qua lắng kính kiến tạo, với mục tiêu củng cố trật tự khu vực và toàn cầu dựa trên các nguyên tắc hòa bình và hợp tác lâu dài.

Bên cạnh đó, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ chịu sự chi phối của ba nhóm nhân tố chính: hệ thống, quốc gia và cá nhân. Ở cấp độ hệ thống, những thay đổi

trong trật tự toàn cầu và khu vực, như sự dịch chuyển chiến lược của các cường quốc và sự trỗi dậy của các đối thủ khu vực, tạo ra cả cơ hội và thách thức trong việc định hình chính sách quốc phòng của Ấn Độ. Ở cấp độ quốc gia, yếu tố sức mạnh tổng hợp quốc gia, tình hình chính trị nội bộ, và sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu tác động mạnh mẽ đến việc Ấn Độ điều chỉnh chiến lược hợp tác quốc phòng, nhằm đối phó hiệu quả với các mối đe dọa an ninh từ bên ngoài. Cuối cùng, ở cấp độ cá nhân, các nhà lãnh đạo như Thủ tướng Manmohan Singh và Narendra Modi có ảnh hưởng trực tiếp đến đường hướng chiến lược quốc phòng, nhưng đồng thời cũng chịu sự tác động từ các yếu tố hệ thống và quốc gia. Sự thay đổi trong bất kỳ yếu tố nào trong ba nhóm này có thể yêu cầu Ấn Độ điều chỉnh chính sách hợp tác quốc phòng, để bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì sự ổn định khu vực.

Chương 3. THỰC TRẠNG HỢP TÁC QUỐC PHÒNG CỦA ẤN ĐỘ TẠI ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG TỪ NĂM 2007 ĐẾN NĂM 2024

Trước năm 2007, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các quốc gia chủ yếu mang tính rời rạc và không có sự đồng bộ cao, chịu ảnh hưởng lớn từ phong trào Không liên kết. Dù Nga là nhà cung cấp vũ khí chính, Ấn Độ vẫn duy trì quan hệ quốc phòng với các quốc gia khác nhưng chưa có chiến lược rõ ràng. Hợp tác với Mỹ, Nhật Bản và Australia còn bị giới hạn, trong khi quan hệ với Đông Nam Á tập trung vào kinh tế và chính trị hơn là quốc phòng. Ở cấp độ đa phương, Ấn Độ tham gia các cơ chế khu vực như ASEAN, SCO, SAARC, BIMSTEC và IORA, nhưng hợp tác quốc phòng vẫn ở mức thấp. Quad chưa được thành lập, và các mối quan hệ giữa Ấn Độ và các thành viên Quad chỉ dừng lại ở hợp tác song phương.

Trong bối cảnh toàn cầu trước năm 2007, các mối đe dọa an ninh đối với Ấn Độ chủ yếu đến từ các cuộc xung đột khu vực với Pakistan và Trung Quốc. Tuy nhiên, các mối đe dọa này chưa đủ lớn để thúc đẩy Ấn Độ thay đổi chính sách quốc phòng của mình. Kể từ năm 2007, khi khu vực ADD-TBD trở thành trọng tâm chiến lược toàn cầu và môi trường an ninh khu vực ngày càng phức tạp, Ấn Độ đã điều chỉnh chiến lược quốc phòng, mở rộng cả hợp tác song phương và đa phương để bảo vệ lợi ích chiến lược trong khu vực. Mặc dù không được nêu trong bất kỳ văn bản chính thức nào, thực tế cho thấy mục tiêu quốc phòng của Ấn Độ bao gồm ba trọng tâm: nâng cao năng lực quốc phòng để đối phó với các vấn đề an ninh trong và ngoài nước, cân bằng chiến lược với Trung Quốc trong bối cảnh căng thẳng khu vực, và sử dụng ADD-TBD để thúc đẩy lợi ích chiến lược. Thông qua các hợp tác song phương và đa phương, Ấn Độ hướng tới vai trò là chủ thể cung cấp an ninh thuần trong khu vực, góp phần duy trì ổn định và trật tự tại ADD-TBD.

3.1. Hợp tác quốc phòng song phương của Ấn Độ

Trong phạm vi của luận án, Ấn Độ đã ưu tiên hợp tác quốc phòng song phương với đối tác chủ chốt như Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Trung Quốc và Việt Nam. Những đối tác này rất quan trọng với Ấn Độ để tăng cường an ninh, củng cố khả năng quân sự và thúc đẩy lợi ích chiến lược của mình ở ADD-TBD, vì vậy Ấn Độ đã thiết lập và bổ nhiệm tùy viên quốc phòng lẫn nhau từ rất sớm. Trong đó,

tại Mỹ và Nga, mỗi quốc gia bổ nhiệm tùy viên quốc phòng riêng biệt cho ba lực lượng vũ trang, trong khi các quốc gia còn lại chỉ có một vị trí duy nhất trong cơ quan ngoại giao của mình. Riêng Australia, hai bên hiện nay chỉ mới dừng lại ở mức bổ nhiệm cố vấn quốc phòng. Trên cơ sở đó, hợp tác quốc phòng được thực hiện dựa trên các hoạt động chính như: các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng; đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung; hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng với các đối tác an ninh.

3.1.1. Với Mỹ

Ấn Độ và Mỹ xem nhau là “*đồng minh tự nhiên*” và điều này đã được Thủ tướng Ấn Độ Atal Behari Vajpayee sử dụng trong chuyến thăm Mỹ năm 2000 (Asia Society, 2000). Hơn hai thập kỷ kể từ năm 2007, mối quan hệ Ấn Độ-Mỹ đã có những bước tiến lớn và phát triển thành một mối quan hệ hợp tác có ảnh hưởng đến trật tự an ninh khu vực. Tuy hai nước không mong đợi đối phương sẽ đưa ra những cam kết chắc chắn về phòng thủ chung (Sameer P. Lalwani, Vikram J. Singh, 2023), nhưng trong giai đoạn này, hợp tác quốc phòng và an ninh là yếu tố then chốt trong việc phát triển quan hệ đối tác chiến lược toàn cầu toàn diện (Girish Luthra, 2024). Hợp tác diễn ra trên nhiều cấp độ như sau:

- *Các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng*

Từ 2007 đến 2024, Ấn Độ và Mỹ đã duy trì 58 chuyến thăm cấp cao (*xem Phụ lục 7*), trong đó Ấn Độ sang Mỹ 27 lượt, Mỹ sang Ấn Độ 31 lượt, nhằm xây dựng lòng tin chiến lược và thúc đẩy hợp tác quốc phòng. Kết quả là hàng loạt thỏa thuận quan trọng được ký kết, bao gồm “*Thỏa thuận hạt nhân dân sự*” (2008), “*Khung hợp tác quốc phòng 10 năm*” (2015) tạo tiền đề để Mỹ hỗ trợ đào tạo và nâng cao năng lực quốc phòng cho lực lượng vũ trang Ấn Độ. Năm 2016, Ấn Độ chính thức trở thành “*Đối tác quốc phòng chính*”, đây được xem là “*đối tác liên minh thân cận nhất*” của Mỹ khi được tiếp cận các công nghệ quốc phòng tiên tiến (Bureau of Political-Military Affairs, 2021). Các năm tiếp theo, Ấn Độ và Mỹ đã ký hàng loạt biên bản, thỏa thuận nhằm tương trợ lẫn nhau trong hoạt động hợp tác quốc phòng từ 2016 đến 2020, là kết quả đạt được của hai nước sau các chuyến thăm cấp nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng.

Ngoài ra, “*Đối thoại 2+2 giữa Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng*” được khởi xướng vào năm 2018 (tính đến 2024 đã tổ chức được 6 lần: 2018, 2019, 2020, 2022, 2023, 2024), đã trở thành một diễn đàn then chốt để cả hai quốc gia thảo luận và thúc đẩy các lợi ích quốc phòng và chiến lược. Việc duy trì chuyên thăm và ký kết giúp hai bên tạo ra lòng tin chiến lược lẫn nhau, giúp hợp tác quốc phòng của Ấn Độ được thúc đẩy trong khu vực và duy trì trật tự an ninh, kiềm chế các thách thức từ Trung Quốc.

- *Đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung*

Đào tạo và huấn luyện năng lực quốc phòng đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường hợp tác song phương giữa Bộ Quốc phòng Ấn Độ và Mỹ, trong đó Mỹ giữ vai trò chính trong đào tạo cho Ấn Độ (*xem Bảng 3.1*). Bảy trong chín tư lệnh Hải quân Ấn Độ từng theo học tại các cơ sở đào tạo quân sự hàng đầu của Mỹ, như Đại học Quốc phòng và Đại học Hải chiến.

Theo báo cáo huấn luyện quân sự nước ngoài, Bộ Quốc phòng Mỹ do tác giả tập hợp, từ năm 2008 đến năm 2012, Mỹ đã đào tạo phi công cho Ấn Độ trong khuôn khổ Aviation Leadership Program, cụ thể, năm 2008, Mỹ cấp 2 học bổng cho Ấn Độ, tiếp theo là 1 suất vào năm 2009, 2010 và 2012. Năm 2011, Mỹ cung cấp 44 suất đào tạo trong các lĩnh vực quan trọng như chống khủng bố và bảo vệ cơ sở hạ tầng quan trọng và ứng phó với thảm họa và khẩn cấp dưới chương trình DOHS/USCG, giúp Ấn Độ nâng cao năng lực ứng phó với các tình huống khẩn cấp và bảo vệ an ninh quốc gia. Đồng thời, năm 2014, Mỹ đã cấp 3 suất cho khóa học Senior Mission Leaders Course (*khóa huấn luyện dành cho các lãnh đạo cấp cao trong quân đội hoặc các cơ quan an ninh*) và 300 suất bồi dưỡng cho quân nhân Ấn Độ cuộc tập trận *Garuda Shield* tại Indonesia.

Trong năm 2017, Mỹ đã phân bổ riêng 1,3 triệu USD cho Ấn Độ trong Quỹ Huấn luyện và Giáo dục Quân sự Quốc tế (U.S Department of Defense, 2017, tr. 3,4). Việc phân bổ này không chỉ phản ánh sự thành công của chương trình mà còn phản ánh cam kết liên tục của Mỹ trong việc hỗ trợ phát triển chuyên môn của quân đội Ấn Độ, qua đó tăng cường quan hệ đối tác chiến lược giữa hai quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh.

Bảng 3.1: Số lượng quân nhân Ấn Độ tham gia đào tạo tại Mỹ (2007-2023)

Chương trình	2007	2008	2009	2010	2011	2012
Đào tạo phòng thủ khu vực chống khủng bố và chiến tranh bất thường (CTFP)	27	16	22	16	20	54
IMET-1	86	113	61	50	92	48
IMET-2	28	0	0	0	0	0
Trung tâm nghiên cứu an ninh khu vực/ Sáng kiến xây dựng GGHB (GPOI)*	112*	72 114*	70 40*	74	87	28
Chương trình	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Đào tạo phòng thủ khu vực chống khủng bố và chiến tranh bất thường (CTFP)	61	24	15+2	21	20	4
IMET-1	43	62	32+26	46	42	32
IMET-2	0	0	0	0	0	0
Trung tâm nghiên cứu an ninh khu vực/ Sáng kiến xây dựng GGHB (GPOI)*	45	63	0	53	0	93
Chương trình	2019	2020	2021	2022	2023	
Đào tạo phòng thủ khu vực chống khủng bố và chiến tranh bất thường (CTFP)	11	2	10	0	0	
IMET-1	48	17	43	19	0	
IMET-2	11	4	2	2	34	
Trung tâm nghiên cứu an ninh khu vực	0	156	0	29	0	

Nguồn: Tác giả thống kê từ Báo cáo huấn luyện quân sự nước ngoài, Bộ Quốc phòng Mỹ

Theo điểm C, điều 4 của Khuôn khổ về Quan hệ Quốc phòng Mỹ-Ấn Độ năm 2015 đã ghi rõ “tăng cường hợp tác trong huấn luyện và giáo dục quân sự, bao gồm trao đổi giảng viên và sinh viên cũng như hợp tác giữa các trường đại học quốc phòng” là ưu tiên chiến lược được lãnh đạo hai quốc gia phê duyệt nhằm nâng cao năng lực quốc phòng lẫn nhau (U.S Department of Defense, 2015). Dựa vào khuôn khổ này, Mỹ đã tích cực tham gia vào việc nâng cao năng lực quốc phòng của Ấn Độ, tập trung vào các lĩnh vực như chống khủng bố, an ninh biên giới, viện

trợ nhân đạo và các hoạt động GGHB của LHQ, bao gồm các cuộc tập trận quân sự song phương. Ví dụ cuộc tập trận MALABAR tập trung vào chiến thuật và quy trình hàng hải; HABU NAG, tập trung vào các hoạt động đổ bộ; và SPITTING COBRA tập trung vào việc phá hủy vật liệu nổ (Christine M. Leah, 2014, tr. 4).

Cũng trong năm 2023, Ấn Độ đã bố trí các sĩ quan liên lạc vào ba bộ chỉ huy của Mỹ để tăng cường hợp tác quốc phòng và chia sẻ thông tin quan trọng (The Economic Times, 2023).

Trong hoạt động tập trận chung, kể từ năm 2007, Ấn Độ và Mỹ đã tăng cường đáng kể hợp tác quốc phòng song phương thông qua nhiều cuộc tập trận khác nhau, mang lại nhiều lợi ích chiến lược cho Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD. Trước hết, hoạt động này giúp nâng cao năng lực tác chiến và khả năng phối hợp giữa ba quân chủng, giúp Ấn Độ làm quen với chiến thuật, công nghệ và quy trình tác chiến hiện đại của Mỹ. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Ấn Độ đang tìm cách nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và ứng phó với các tình huống an ninh phức tạp trong khu vực. Bên cạnh đó, tập trận chung củng cố quan hệ đối tác chiến lược với Mỹ, giúp Ấn Độ tiếp cận công nghệ quốc phòng tiên tiến, chia sẻ thông tin tình báo và mở rộng mạng lưới hợp tác an ninh. Đây là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng năng lực sẵn sàng trước các thách thức an ninh ngày càng gia tăng, đặc biệt khi Trung Quốc mở rộng hiện diện quân sự tại đây.

Tính đến năm 2024, cuộc tập trận *Yudh Abhyas* đã tổ chức được 20 lần, được tổ chức ở cấp tiểu đoàn (mỗi quân đoàn khoảng 250 quân), cùng với việc lập kế hoạch nhiệm vụ cấp lữ đoàn. Cuộc tập trận *Vajra Prahar* đã tổ chức được 14 lần kể từ năm 2010, *Cope India* đã tổ chức được 5 lần (nếu tính từ năm 2004) và 3 lần (nếu tính từ cột mốc 2009, 2018, 2023). Cuộc tập trận *Tiger Triumph* đã tổ chức được 3 lần (2019, 2022 và 2024), các lực lượng Mỹ và Ấn Độ đã tiến hành cuộc tập trận ba quân đầu tiên ở Vịnh Bengal để phát triển khả năng tương tác cho các hoạt động nhân đạo và cứu trợ thiên tai, có sự tham gia của hơn 500 lính thủy đánh bộ và thủy thủ Mỹ, cùng khoảng 1.200 binh sĩ, thủy thủ và phi công Ấn Độ, cùng với các tàu của Hải quân hai quốc gia.

Bên cạnh 4 cuộc tập trận chủ chốt nêu trên, Ấn Độ và Mỹ còn phối hợp tổ chức tập trận *Sagam*, với sự tham gia của Lực lượng SEAL của Hải quân Mỹ và

Đặc công Thủy quân lục chiến Hải quân Ấn Độ. Đến năm 2022, đã có 7 lần tập trận này được tổ chức, nhằm mục đích chia sẻ kinh nghiệm trong các hoạt động đặc biệt, bao gồm huấn luyện về bắn súng, chiến đấu rơi tự do, cận chiến, ngăn chặn hàng hải, hành động trực tiếp và kỹ năng giải cứu con tin (Indian Navy, 2022).

Ngoài ra, Ấn Độ và Mỹ còn có thêm 1 cuộc tập trận truyền thống “Malabar” và quan trọng được thiết lập từ năm 1992, sau này được nâng cấp thành tập trận song phương sang đa phương với sự tham gia của Nhật Bản vào năm 2015 và Australia vào năm 2020. Dù đã mở rộng, nhưng hai nước vẫn duy trì tập trận song phương này để củng cố quan hệ quân sự và an ninh. Các cuộc tập trận song phương diễn ra tại Ấn Độ bao gồm: Malabar-8, diễn ra từ ngày 15/10 đến 28/10/2008 tại Goa; Malabar-10, từ ngày 23/4 đến 30/4/2010 cũng tại Goa; Malabar 2012, từ ngày 9/4 đến 16/4/2012 tại Chennai; Malabar-2013, từ ngày 5/11 đến 11/11/2013 tại Chennai. Cuộc tập trận này nhằm duy trì trật tự hàng hải, bảo vệ các tuyến thương mại quan trọng tại AĐD-TBD.

- *Hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước*

Kể từ năm 2008, Ấn Độ đã tiến hành các giao dịch quốc phòng lớn với Mỹ, mua sắm thiết bị quốc phòng trị giá hơn 20 tỷ USD (Bureau of Political-Military Affairs, 2021). Đặc biệt, từ năm 2015, Mỹ đã phê duyệt việc bán các mặt hàng quốc phòng trị giá trên 3 tỷ USD cho Ấn Độ thông qua kênh bán hàng thương mại trực tiếp. Quy trình này cấp phép xuất khẩu thiết bị quốc phòng, dịch vụ, và các công nghệ sản xuất liên quan, được kiểm soát dưới 21 hạng mục của Danh sách Vật liệu Quân sự của Mỹ bao gồm điện tử quân sự (hạng mục XI); thiết bị kiểm soát hỏa lực, laser, hình ảnh và hướng dẫn (hạng mục XII); và máy bay (Bureau of Political-Military Affairs, 2021).

Trong chuyến thăm Ấn Độ vào năm 2020, Tổng thống Donald Trump đã công bố thỏa thuận vũ khí trị giá 3 tỷ USD. Đây là một phần trong quan hệ hợp tác toàn diện giữa Mỹ và Ấn Độ, bao gồm việc đề xuất bán vũ khí trị giá gần 7,9 tỷ USD trong giai đoạn 2017-2020, trong đó có hơn 150 triệu USD cho tên lửa và ngư lôi (Jeff Abramson, n.d).

Các mặt hàng quốc phòng chính mà Ấn Độ mua từ Mỹ trong 15 năm qua bao gồm máy bay vận tải quân sự C-130J Super Hercules, máy bay vận tải quân sự C-17

Globemaster III để vận chuyển và P-8I Poseidon để tuần tra hàng hải. Về máy bay trực thăng, Ấn Độ đã mua trực thăng vận tải hạng nặng CH-47F Chinooks cho vận tải, trực thăng đa dụng S-61 Sea Kings, trực thăng đa nhiệm MH-60R Seahawks cho các hoạt động hàng hải và trực thăng tấn công đa nhiệm AH-64E Apache cho vai trò tấn công. Ngoài ra, Ấn Độ còn mua tên lửa chống hạm Harpoon và pháo dã chiến hạng nhẹ M777 cùng nhiều thiết bị khác.

Đáng chú ý là Ấn Độ đã trở thành quốc gia sử dụng máy bay vận tải quân sự C-17 Globemaster III nhiều nhất sau Mỹ. Từ năm 2000 đến năm 2022, số lượng và loại vũ khí mà Ấn Độ đã nhập khẩu từ Mỹ trong suốt hơn hai thập kỷ qua (*xem Phụ lục 8*) đã làm nổi bật sự gia tăng đáng kể trong mua sắm quốc phòng của Ấn Độ từ Mỹ và phản ánh tính chất chiến lược trong quan hệ quốc phòng giữa hai quốc gia. Những thương vụ quốc phòng này được kỳ vọng sẽ nâng cao khả năng quốc phòng của Ấn Độ, cũng như tăng cường tương tác quân sự giữa hai quốc gia và bảo vệ lợi ích an ninh chung trong khu vực ADB-TBD.

Năm 2023, Ấn Độ và Mỹ thúc đẩy hợp tác quốc phòng với sáng kiến INDUS-X, tập trung vào phát triển công nghệ và khuyến khích hợp tác giữa các công ty quốc phòng hai nước. Sáng kiến này tạo điều kiện thuận lợi cho chuyển giao công nghệ, hợp tác sản xuất và thành lập quỹ đổi mới sáng tạo để hỗ trợ các công ty khởi nghiệp trong lĩnh vực quốc phòng (Mandeep Singh, 2023). Cùng năm, trong chuyến thăm của Thủ tướng Modi, ba thỏa thuận quan trọng về chuyển giao công nghệ đã được ký kết: (1) lắp ráp cuối cùng máy bay không người lái MQ-9B tại Ấn Độ, (2) sản xuất động cơ phản lực với 80% công nghệ được chuyển giao, (3) thỏa thuận bảo trì và sửa chữa (2023-2028) với 55% công nghệ được nội địa hóa (Antoine Levesques, 2023). Những bước tiến này giúp tăng cường năng lực quốc phòng và khả năng tự chủ công nghệ của Ấn Độ.

3.1.2. Với Nga

Ấn Độ và Nga là hai quốc gia quan hệ đối tác hợp tác an ninh lâu dài và có chung lợi ích chiến lược, trong đó Ấn Độ phụ thuộc nhiều vào vũ khí và thiết bị của Nga cho lực lượng vũ trang của mình. Kể từ khi ký kết “*Tuyên ngôn về đối tác chiến lược giữa Nga và Ấn Độ*” vào tháng 10 năm 2000, hợp tác quốc phòng trở thành trụ cột quan trọng của quan hệ đối tác chiến lược của hai nước.

- *Các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng*

Từ năm 2007 đến 2024, hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Nga tiếp tục phát triển mạnh mẽ thông qua các chuyến thăm và tiếp xúc cấp Nhà nước, Ấn Độ chủ động tiếp cận Nga nhiều hơn với 32 lượt từ Ấn Độ, 23 lượt từ Nga (*xem Phụ lục 9*). Điều này phản ánh tầm quan trọng của Nga trong chiến lược quốc phòng của Ấn Độ, trong việc hiện đại hóa quân đội và nâng cao năng lực quốc phòng. Điều này giúp Ấn Độ tạo ra thế cân bằng quyền lực trước Trung Quốc và các mối đe dọa từ Pakistan. Nga cũng xem Ấn Độ là một phần trong chiến lược cân bằng quyền lực tại châu Á. Duy trì các chuyến thăm tạo ra lòng tin để Ấn Độ tiếp cận công nghệ quân sự tiên tiến từ Nga và nâng cấp thành “*Đối tác Chiến lược Đặc biệt và Đặc quyền*” vào năm 2010.

Tháng 12/2009, Ấn Độ và Nga ký kết thỏa thuận về “*Chương trình Hợp tác Kỹ thuật Quân sự*” giai đoạn 2011-2020, tiếp theo là thỏa thuận giai đoạn 2021-2031 vào năm 2021 trong cuộc họp khai mạc Đối thoại 2+2 Ấn Độ-Nga được tổ chức tại Delhi (Embassy of India in Moscow, 2022). Các chuyến thăm cấp cao thường xuyên là đặc trưng nổi bật trong quan hệ quốc phòng giữa hai nước. Các ủy ban liên chính phủ như “*Hợp tác Thương mại, Kinh tế, Khoa học, Công nghệ và Văn hóa*” và “*Hợp tác Kỹ thuật Quân sự*” đóng vai trò thúc đẩy quan hệ này. Chuyến thăm của các lãnh đạo cao cấp như Phó Thủ tướng Dmitry Rogozin và Bộ trưởng Quốc phòng Nga Sergei Shoigu vào năm 2016 là minh chứng cho cam kết tăng cường hợp tác.

Vào tháng 12/2023, Ngoại trưởng Ấn Độ và Nga thảo luận về hợp tác quốc phòng, bao gồm sản xuất vũ khí hiện đại, thể hiện sự tin cậy chiến lược giữa hai nước. Hội nghị thượng đỉnh thường niên giữa lãnh đạo hai bên là cơ chế đối thoại quan trọng để thúc đẩy ký kết các văn kiện hợp tác quan trọng. Tại hội nghị thượng đỉnh lần thứ 17 ở Goa (2016), việc ký kết 19 thỏa thuận quan trọng đã đặt nền móng cho lộ trình “*Hợp tác vì hòa bình và ổn định toàn cầu*”, phản ánh sự gắn kết chiến lược giữa hai nước. Sự tin cậy này tiếp tục củng cố tại hội nghị thượng đỉnh 2024, khi hai bên không chỉ tái khẳng định cam kết hợp tác mà còn mở rộng quan hệ quốc phòng, hướng tới hợp tác sâu rộng hơn trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng và an ninh.

- *Đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung*

Hợp tác đào tạo và huấn luyện năng lực quốc phòng giữa Ấn Độ và Nga là mối quan hệ nhiều mặt và đang phát triển. Hơn 10.000 sĩ quan Ấn Độ đã được đào tạo, huấn luyện tại Nga (Rouben Azizian, 2004, tr. 6). Con số này chỉ tính riêng đến năm 2004, nếu tính đến hiện tại, con số này không thể tăng dưới 10 lần, số lượng đáng kể này phản ánh sự hợp tác quân sự sâu rộng giữa Ấn Độ và Nga (trước đây là Liên Xô) trong nhiều thập kỷ. Việc đào tạo và giáo dục dành cho các sĩ quan Ấn Độ trải rộng trên nhiều lĩnh vực quân sự, bao gồm các cấp độ kỹ thuật, chiến thuật, tác chiến và chiến lược. Bởi vì, phần lớn khí tài phòng thủ của Ấn Độ là do Nga sản xuất, bao gồm các máy bay chiến đấu như Sukhoi Su-30MKI, xe tăng như T-90 và hệ thống phòng không S-400 Triumf. Do đó, những sĩ quan này đã theo học tại nhiều học viện và cơ sở quân sự danh tiếng ở Nga, được đào tạo chuyên môn về các lĩnh vực như vũ khí tiên tiến, kỹ thuật quân sự, huấn luyện bay, vận hành và bảo trì các hệ thống này. Ngược lại, sĩ quan Nga cũng được tham gia đào tạo các lớp học tại Trường Cao đẳng Quốc phòng Ấn Độ (Embassy of India in Russia, 2018).

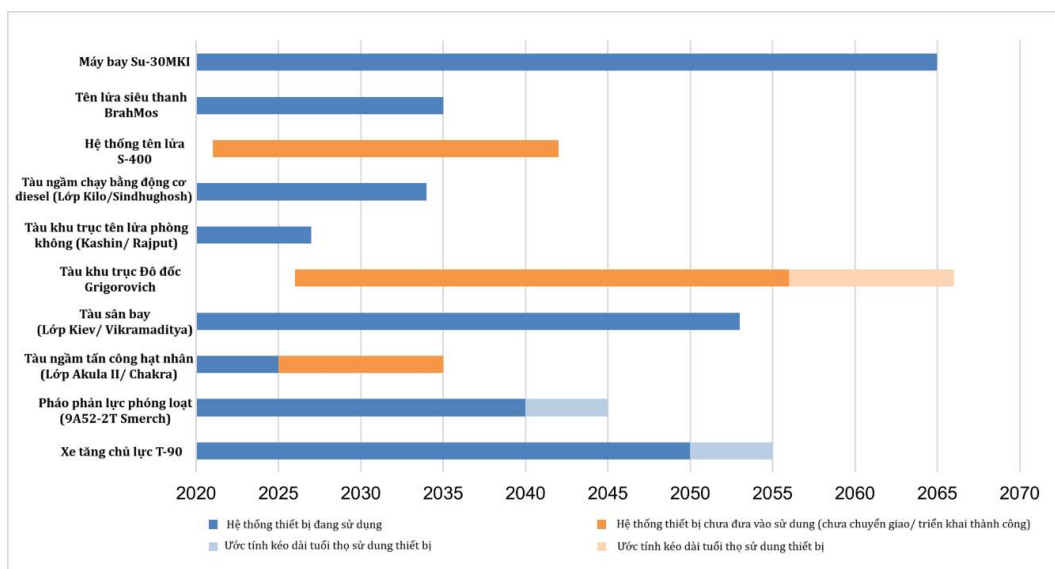
Việc đào tạo thủy thủ đoàn bao gồm ba giai đoạn được thông qua vào năm 2011 và 2012. Ở giai đoạn đầu tiên, các lớp lý thuyết được tổ chức tại Saint Petersburg; ở giai đoạn thứ hai, đào tạo thực hành, cùng với việc chuẩn bị cho các cuộc thử nghiệm được tổ chức tại Severodvinsk; và ở giai đoạn thứ ba, cuộc tập trận trên tàu được tiến hành trên tàu sân bay - cả trên bờ và trên biển. 53 nhóm chuyên gia thủy thủ đoàn (khoảng 1.400 quân nhân) Ấn Độ đã qua đào tạo lý thuyết và thực hành giai đoạn 2012-2013 (United Shipbuilding Corporation, 2013, tr. 17).

Trong ***lĩnh vực tập trận chung***, Nga và Ấn Độ đã tiến hành các cuộc tập trận chung “INDRA” (A.B. КОРТУНОВ, 2017, tr.16, 31), diễn ra từ năm 2003, lần đầu tiên có sự tham gia của quân nhân từ cả ba quân chủng của cả hai nước (Franz Stefan Gady, 2017). Cuộc tập trận chiến thuật chung “Indra-2014”, được tổ chức từ ngày 26/9 đến 2/10/2014, đã cho thấy nỗ lực hợp tác của hơn 700 quân nhân từ cả hai quốc gia khi triển khai đáng kể vũ khí và thiết bị quân sự. Cuộc tập trận INDRA lần thứ 10 được tổ chức vào ngày 28/11/2018 tại Trại quân sự Babina, gần Jhansi, Uttar Pradesh, Ấn Độ. Tính đến năm 2021, cuộc tập trận này đã được tổ chức 12 lần.

Năm 2017 và 2022, hai nước đã tổ chức cuộc tập trận mang tên “*Indra Tri-Service*” dành cho ba lực lượng vũ trang hai nước tham gia (Ministry of Defence, 2017; Embassy of India in Moscow, 2022). Cuộc tập trận này đặc biệt quan trọng vì nó không chỉ bao gồm các hoạt động trên đất liền mà còn trên biển và trên không, nâng cao khả năng chiến đấu chung trong các tình huống phức tạp. Bản thân Ấn Độ sẽ tăng cường khả năng ứng phó với các thách thức an ninh khu vực, còn Nga thì thử nghiệm công nghệ và chiến thuật mới để duy trì ảnh hưởng quân sự tại ADD.

Ngoài ra, Ấn Độ cũng tham gia tích cực vào các cuộc thi và cuộc tập trận quân sự quốc tế do Nga tổ chức, chẳng hạn như Đại hội Thể thao Quân đội Quốc tế và Ex Vostok vào năm 2022 để tăng cường khả năng tương tác trong các hoạt động phòng thủ. Việc Ấn Độ tham gia cuộc tập trận quân sự “Vostok 22” do Nga chủ trì năm 2022 cùng với Trung Quốc (Rajan Mohan & Eugene Rumer, 2022, tr. 15), cho thấy sự linh hoạt hợp tác của Ấn Độ trước các đối tác của mình. Các cuộc tập trận chung giữa Ấn Độ và Nga không chỉ củng cố quan hệ đối tác quốc phòng mà còn giúp Ấn Độ duy trì thế cân bằng chiến lược trong khu vực. Đồng thời, sự hợp tác này giúp Nga giữ vững vai trò đối tác an ninh quan trọng của Ấn Độ, giảm phụ thuộc quá mức vào bất kỳ cường quốc nào, từ đó tạo thế linh hoạt hơn trong chiến lược quốc phòng.

- *Hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước*



Hình 3.1: Tuổi thọ ước tính các hệ thống vũ khí của Ấn Độ do Nga cung cấp

Nguồn: Sameer Lalwani et al, 2021, tr.28

Theo báo cáo của Trung tâm Stimson vào năm 2020, khoảng 60% thiết bị quân sự của Ấn Độ có nguồn gốc từ Nga (Sameer Lalwani et al, 2021, tr.3,24) với tổng trị giá hơn 60 tỷ USD. Phó cố vấn an ninh quốc gia Arvind Gupta (giai đoạn 2014-2017) đã nhận định rằng Ấn Độ sẽ vẫn phụ thuộc vào Nga và tiếp tục như vậy trong nhiều thập kỷ nữa để đáp ứng nhu cầu về phần cứng để nâng cấp quân sự của mình trong các hệ thống thiết bị chủ lực (Arvind Gupta & Anil Wadhwa, 2020, tr.6) (xem Hình 3.1). Các dự án với Nga như sản xuất hơn 600.000 súng trường tấn công AK-203 ở Ấn Độ trị giá 677 triệu USD (Christophe Jaffrelot & Aadil Sud, 2022) vượt ra ngoài mô hình mua bán thông thường, thể hiện sự cam kết phát triển chung và lợi ích chiến lược (Katherine Foshko, 2011, tr. 33), có ý nghĩa đối với sự phát triển và tăng cường khả năng phòng thủ của Ấn Độ.

Tháng 10/2012, Ấn Độ và Nga đã ký hợp đồng dự án chung mang tên chương trình máy bay vận tải quân sự đa nhiệm hạng trung (Multirole Transport Aircraft), được triển khai từ thỏa thuận trước đó giữa chính phủ Ấn Độ và Nga vào năm 2010. Cả hai bên đã đầu tư với số vốn mỗi bên là 300 triệu USD, theo thỏa thuận, việc thiết kế, phát triển và sản xuất sẽ thực hiện trên cơ sở chia sẻ 50:50 (Airforce Technology, 2012). Trong tổng số sản xuất 205 chiếc thì không quân Nga sẽ nhận 100 máy bay, không quân Ấn Độ nhận 45 chiếc và 60 chiếc còn lại sẽ được bán cho các bên khác.

Từ năm 2012 đến năm 2016, Ấn Độ nhận được 38% lượng xuất khẩu vũ khí của Nga (Aude Fleurant et al, 2017, tr. 2). Cơ sở quân sự của Nga cũng tăng cường liên doanh với các công ty Ấn Độ để duy trì thị phần và ảnh hưởng thống trị của mình trước sự cạnh tranh quốc phòng gay gắt của Mỹ (Michael S. Chase, 2017, tr. 35). Trong tương lai, liên doanh cũng đặt mục tiêu thành lập hai trung tâm bảo trì và bắt đầu sản xuất phụ tùng thay thế ở Ấn Độ vào năm 2028 (Shubhangi Palve, 2024).

Tính đến năm 2019, Nga đã hỗ trợ Ấn Độ mua vũ khí với tổng trị giá 70 tỷ USD, trong đó riêng giai đoạn từ 2017 đến 2019 chiếm 15 tỷ USD. Năm 2019, Nga đã cung cấp thiết bị quân sự trị giá hơn 4 tỷ USD cho Ấn Độ, chiếm khoảng 30% kim ngạch xuất khẩu vũ khí của nước này. Trong năm đó, danh mục hợp đồng của Ấn Độ với các nhà cung cấp Nga lên tới 14 tỷ USD, chiếm gần 30% tổng số đơn đặt

hàng. Từ năm 2018 đến năm 2021, giá trị tích lũy của danh mục đầu tư này vẫn ở mức 14 tỷ USD (Центр анализа мировой торговли оружием, 2022, tr.1).

Như vậy, Ấn Độ là quốc gia duy nhất mà Nga thực hiện các chương trình hợp tác kỹ thuật quân sự kéo dài hàng thập kỷ. Sự hợp tác quốc phòng giữa hai quốc gia này vượt ra ngoài việc xuất khẩu vũ khí của Nga, bao gồm việc cấp phép sản xuất các loại vũ khí này ở Ấn Độ, được minh họa bằng các dự án như máy bay chiến đấu Su-30MKI, xe tăng T-90, xe chiến đấu bộ binh BMP-2 và súng trường Kalashnikov (Vayu Aerospace & Defence Review, 2020, tr. 12,16,17), việc thiết kế và sản xuất chung tên lửa đất đối biển dẫn đường BrahMos (А.В. Кортунов, 2017, tr.16, 31).

Trong chuyến thăm Ấn Độ vào năm 2018, Nga và Ấn Độ đã ký một số thỏa thuận song phương, trong đó có một thỏa thuận để Nga cung cấp 5 bộ tên lửa đất đối không tầm xa tiên tiến S-400 Triumph trị giá khoảng 5,5 tỷ USD, đây hợp đồng quốc phòng lớn nhất từ trước đến nay được ký kết giữa hai nước (Muraviev, A.D et al, 2022, tr. 1128). Trong năm 2019 và giữa năm 2020, hai bên đã thống nhất bổ sung một loạt hợp đồng quốc phòng quan trọng. Tổng khối lượng hợp đồng quốc phòng được xác nhận của Nga với Ấn Độ vượt quá 14,5 tỷ USD. Hơn nữa, cả hai nước đã đồng ý về các giới hạn cơ bản của hợp tác quân sự-công nghệ song phương cho đến năm 2030 (Muraviev et al, 2022, tr. 1128). Tựu chung, Nga vẫn giữ vị thế là nhà xuất khẩu vũ khí chủ chốt cho Ấn Độ trong suốt thời gian từ năm 2000 đến 2020 (xem Bảng 3.2). Mối quan hệ giữa hai quốc gia này không chỉ dừng lại ở việc mua bán vũ khí, mà còn bao gồm sự chuyển giao công nghệ quốc phòng tiên tiến và quan trọng. Số lượng vũ khí Ấn Độ nhập của Nga từ 2021-2024 không được công bố trong các báo cáo của Ấn Độ, có thể vì 3 lý do sau: (1) Nga phải ưu tiên sản xuất vũ khí cho quân đội của mình để phục vụ chiến tranh ở Ukraine, đồng thời đối mặt với các lệnh trừng phạt quốc tế và áp lực từ các quốc gia phương Tây yêu cầu các nước tránh mua vũ khí của Nga; (2) Ấn Độ đang tìm kiếm các nguồn cung cấp vũ khí thay thế, đặc biệt là từ Pháp, Israel và Mỹ; (3) Ấn Độ ưu tiên các mặt hàng đang liên doanh với Nga và đa dạng hóa nguồn cung và phát triển nội địa

Bảng 3.2: Số lượng vũ khí Ấn Độ nhập khẩu từ Nga (2000-2020)

Quân chủng	Năm	Vũ khí chiến đấu	Số lượng
Hải quân	2004	Dự án tàu sân bay lớp 1143.4	1
	2004, 2019	Tàu ngầm hạt nhân Akula II	1
	2004, 2010	Chiến đấu cơ Mig-29K/KUB	45
	2006, 2018	Tàu khu trục thuộc dự án 11356	3, 4*
	2009, 2020	Trực thăng Ka-31	11
Không quân	2000, 2007, 2020	Máy bay chiến đấu Su-30MKI	192**
	2004	Máy bay A-50EI	3
	2020	Máy bay chiến đấu MiG-29	21 (+ 59 được trang bị lại)
	2008, 2012	Trực thăng Mi-17V-5	151
	2015	Trực thăng Mi-17V-5	48
	2015	Trực thăng Ka-226T	200*
	2018	Hệ thống S-400	5
2018	Hệ thống tên lửa phòng không di động Iгла-S (MANPADS)	5175*	
Lục quân	2005-2006	300 mm 9A52 Smerch MRLs	28
	2019	T-90S/SK	1000*
	2019	T90MS	464**
	2019	Súng trường AK-203	750,000**

Nguồn: Muraviev, A.D., Ahlawat, D. & Hughes, L (2022, tr. 1127)

(: sản xuất một phần trong nước, **: sản xuất có giấy phép)*

Không chỉ dừng lại ở việc mua vũ khí từ Nga, một trong những thành công lớn trong hợp tác công nghiệp quốc phòng giữa Ấn Độ và Nga là liên doanh sản xuất tên lửa siêu thanh BrahMos, một trong những loại tên lửa tiên tiến hàng đầu của thế giới, bao gồm chuyển giao công nghệ quốc phòng, với các hợp đồng đi kèm các phụ lục về việc lắp ráp và sản xuất tại Ấn Độ. Điều này không chỉ giúp Ấn Độ nâng cao năng lực sản xuất quốc phòng mà còn là bước đi quan trọng trong việc xây

dựng nền công nghiệp quốc phòng tự chủ. Việc Ấn Độ có thể phát triển các sản phẩm quốc phòng của riêng mình từ hợp tác với các đối tác lớn như Nga cho thấy khả năng tạo ra các giá trị gia tăng từ những thỏa thuận hợp tác, không chỉ là việc mua sắm vũ khí mà còn là nâng cao năng lực công nghệ và đổi mới sáng tạo trong sản xuất quốc phòng.

Tại hội nghị thượng đỉnh lần thứ 22, lãnh đạo hai nước đã nhấn mạnh hợp tác quốc phòng và kỹ thuật quân sự là nền tảng của quan hệ đối tác chiến, được củng cố trong nhiều thập kỷ thông qua Ủy ban liên chính phủ về hợp tác kỹ thuật quân sự và quân sự (IRIGC-M&MTC) (Ministry of External Affairs, 2024), để hỗ trợ khả năng tự cung tự cấp của Ấn Độ. Sau đó, Nga đã chuyển giao “*khinh hạm tàng hình*” INS Tushil đầu tiên vào tháng 12/2024, thuộc Dự án 11356 sau một thời gian dài bị trì hoãn bởi đại dịch COVID-19 và xung đột Nga-Ukraine (Shivani Sharma, 2024), chiếc thứ hai INS Tamal dự kiến sẽ chuyển giao vào năm 2025 (Aleksei Zakharov, 2024), dựa trên thỏa thuận liên chính phủ được ký kết vào tháng 10 năm 2016.

3.1.3. Với Nhật Bản

Ấn Độ và Nhật Bản là những “*đồng minh tự nhiên*”² ở châu Á, hợp tác quốc phòng giữa hai nước sau năm 2008 đã phát triển toàn diện và có thể được coi là một trong những sáng kiến ngoại giao thành công nhất ở lục địa châu Á (Joshy M. Paul, 2012, tr.45) trong thế kỷ XXI. Nếu không có sự hợp tác giữa Ấn Độ và Nhật Bản, thế kỷ 21 không thể là thế kỷ của châu Á. Thực tế, hai nước đều lo ngại về quyền bá chủ của Trung Quốc và tìm cách tái cân bằng chiến lược trong khu vực. Trong hai thập kỷ qua, Ấn Độ và Nhật Bản đã triển khai hợp tác quốc phòng trên các hoạt động sau:

- *Các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng*

Từ năm 2007 đến 2024, Ấn Độ và Nhật Bản đã duy trì các cuộc tiếp xúc chính thức cấp nhà nước và bộ trưởng quốc phòng, nhằm tăng cường quan hệ trong từng giai đoạn (xem Phụ lục 10). Trong suốt 17 năm qua, Ấn Độ đã có 27 chuyến thăm Nhật Bản và Nhật Bản đã thực hiện 34 chuyến thăm đến Ấn Độ, cho thấy Nhật Bản chủ động tiếp cận và thể hiện sự quan tâm sâu sắc đối với Ấn Độ, phản ánh lợi ích chiến lược dài hạn của Nhật Bản trong khu vực.

² Theo MP-IDSA của Ấn Độ, thuật ngữ dùng để mô tả mối quan hệ giữa hai quốc gia hoặc tổ chức có chung nhiều lợi ích chiến lược, giá trị, hoặc mục tiêu mà không cần thiết phải có một hiệp ước liên minh chính thức.

Các chuyến thăm cấp cao giữa Nhật Bản và Ấn Độ được tổ chức thường xuyên, tạo nền tảng quan trọng để hai bên xây dựng sự tin tưởng và duy trì đối thoại liên tục về quốc phòng. Năm 2008, hai nước đã công bố “*Tuyên bố chung về Hợp tác An ninh giữa Nhật Bản và Ấn Độ*” và sau đó ký kết các thỏa thuận hạt nhân dân sự, tạo điều kiện chia sẻ thông tin mật và công nghệ quốc phòng (Dhruva Jaishankar, 2019, tr. 27). Bên cạnh đó, năm 2014, hai quốc gia chính thức nâng cấp mối quan hệ thành “*Quan hệ đối tác toàn cầu và chiến lược đặc biệt*”, tạo ra nhiều khuôn khổ đối thoại an ninh và quốc phòng chính thức: “*Đối thoại 2+2 giữa Bộ trưởng Ngoại giao và Quốc phòng*” (tính đến năm 2024 đã tổ chức được 2 lần: 2019 và 2022), “*Đối thoại cấp Bộ trưởng Quốc phòng thường niên*” tổ chức hằng năm kể từ năm 2019, “*Đối thoại Chính sách Quốc phòng Ấn Độ-Nhật Bản*” đã tổ chức lần thứ 7 vào năm 2023, “*Đối thoại Cố vấn An ninh Quốc gia*”, “*Đối thoại cấp Tham mưu giữa mỗi quân chủng*” và “*Đối thoại song phương giữa Cảnh sát biển*” (Kanti Bajpai, 2019, tr. 9).

Tiếp nối những thành tựu trong hợp tác quốc phòng, vào tháng 9 năm 2020, Ấn Độ và Nhật Bản đã ký kết Thỏa thuận về việc cung cấp vật tư và dịch vụ lẫn nhau giữa Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản và Lực lượng Vũ trang Ấn Độ (Ministry of Foreign Affairs of Japan, 2023a) đánh dấu bước tiến quan trọng trong việc củng cố hợp tác giữa hai quốc gia.

- *Đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung*

Chương trình đào tạo và huấn luyện quốc phòng giữa Ấn Độ và Nhật Bản, trong đó Nhật Bản cam kết đào tạo 30.000 quân nhân Ấn Độ trong vòng 10 năm (H S Prabhakar, 2019, tr. 21), dù không trực tiếp liên quan đến quốc phòng, nhưng lại đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các mục tiêu an ninh quốc gia của Ấn Độ. Sáng kiến này, mặc dù chủ yếu mang tính một chiều từ Nhật Bản, giúp tăng cường cơ sở công nghiệp và kỹ năng kỹ thuật của Ấn Độ, phù hợp với các chương trình "Make in India" và "Skill India", đồng thời truyền đạt kỹ năng sản xuất và phương pháp tiên tiến của Nhật Bản cho lực lượng lao động Ấn Độ.

Trong hoạt động tập trận chung, kể từ năm 2008, hợp tác quốc phòng giữa hai nước ngày càng thắt chặt do sự hợp tác toàn diện của các cuộc tập trận chung giữa các lực lượng vũ trang. Dưới đây là một số cuộc tập trận quan trọng giữa hai nước:

Thứ nhất, JIMEX (Cuộc tập trận hàng hải Nhật Bản-Ấn Độ) là sự kiện thường niên quan trọng từ năm 2012, để tăng cường an ninh hàng hải giữa Hải quân Ấn Độ và Lực lượng Phòng vệ Hàng hải Nhật Bản. Tính đến năm 2024, cả hai đã có 8 lần tập trận, phiên bản thứ bảy JIMEX 23 đã được tổ chức từ 5-10/7/2023 tại Visakhapatnam, Ấn Độ nhân dịp kỷ niệm 11 năm tập trận (Ministry of Defence, 2023a) và phiên bản thứ tám được tổ chức Nhật Bản vào tháng 6/2024 (Ministry of Defence, 2024). Thông qua tập trận JIMEX, Ấn Độ củng cố năng lực quốc phòng, nâng cao tầm ảnh hưởng, thắt chặt quan hệ với Nhật Bản và hỗ trợ bảo vệ các lợi ích cho các quốc gia yếu thế hơn trong khu vực ADD-TBD.

Thứ hai, tập trận “*Dharma Guardian*” là một sự kiện quân sự thường niên giữa Quân đội Ấn Độ và Lực lượng Phòng vệ Mặt đất Nhật Bản, được khởi xướng từ năm 2018. Tính đến năm 2024, đã có tổng cộng năm lần tập trận được tổ chức. Các địa điểm đã diễn ra tập trận bao gồm thị trấn Vairengte, Ấn Độ vào các năm 2018 và 2019; Belgaum thuộc bang Karnataka, Ấn Độ vào năm 2022; khu thao diễn Imazu của Nhật Bản vào năm 2023 và bang Rajasthan của Ấn Độ trong năm 2024. Mục tiêu của cuộc tập trận này là kinh nghiệm thực tế về chiến thuật, kỹ thuật và quy trình thực hiện các hoạt động dưới sự ủy nhiệm của LHQ (Press Information Bureau, 2023b). Qua đó, Ấn Độ sẽ thúc đẩy hợp tác với các nước khác, khẳng định vai trò là một đối tác an ninh đáng tin cậy và thể hiện thiện chí trong việc hỗ trợ các nhiệm vụ của LHQ.

Thứ ba, “*Sahyog-Kaijin*” là cuộc tập trận diễn ra hai năm một lần giữa Lực lượng Bảo vệ Bờ biển của hai nước từ năm 2006, để xử lý nạn cướp biển ở khu vực ADD, củng cố khả năng hợp tác trong Quad, đảm bảo an toàn hàng hải, bảo vệ các tuyến đường thương mại quan trọng. Tính đến năm 2020, hai quốc gia đã tổ chức 19 lần tập trận và lần gần nhất là năm 2020 được tổ chức ngoài khơi bờ biển Chennai.

Thứ tư, cuộc tập trận “*Shinyuu Maitri*” là biểu tượng hợp tác chặt chẽ giữa Lực lượng Không quân Ấn Độ và Lực lượng Phòng vệ trên không Nhật Bản để đối phó với các mối đe dọa từ trên không và ngăn chặn các hành động đơn phương có thể làm mất cân bằng an ninh khu vực. Tập trận này đã tổ chức được ba lần tại các địa điểm khác nhau: Agra (2018), Tây Bengal (2019), và Komatsu, Nhật Bản (2023).

Cuối cùng, Nhật Bản đã tham gia vào tập trận “Malabar” của Ấn Độ với Mỹ vào năm 2015. Đến năm 2019, hai nước đã tham gia cuộc tập trận hải quân ba bên “Malabar” cùng với Mỹ (Ministry of External Affairs, 2020, tr. 3). Tập trận ba bên này không chỉ nhằm đối phó với sự gia tăng ảnh hưởng quân sự của Trung Quốc trong khu vực, mà còn nhằm tăng cường hợp tác quốc phòng ba bên, phát triển khả năng tương tác quân sự và nâng cao khả năng phản ứng nhanh trước các khủng hoảng. Đây cũng là một phần trong tầm nhìn của Ấn Độ, sáng kiến của Nhật Bản và chiến lược AĐD-TBD tự do và rộng mở của Mỹ, nhằm duy trì trật tự khu vực không bị thống trị bởi bất kỳ quốc gia nào, đặc biệt là Trung Quốc, vào thời điểm diễn ra cuộc tập trận.

- *Hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước*

Nhật Bản rất quan tâm đến việc trang bị cho Ấn Độ để đối phó với ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc ở khu vực AĐD-TBD và Tây Nam Thái Bình Dương. Trong khi đó, Ấn Độ cũng tìm cách nâng cao năng lực phòng thủ thông qua việc tiếp nhận vũ khí, công nghệ và chuyên môn từ Nhật Bản. Mặc dù lĩnh vực hợp tác quốc phòng này không phải là điểm mạnh trong quan hệ giữa hai nước, mục tiêu của Ấn Độ tập trung vào tăng cường sản xuất vũ khí trong nước, tiếp nhận công nghệ giám sát hàng hải và chống tàu ngầm từ Nhật Bản, cũng như phát triển năng lực đóng tàu với hỗ trợ từ Nhật Bản và các đối tác phương Tây.

Do đó, từ năm 2014, Nhật Bản đã đồng ý giảm giá máy bay đổ bộ US-2 dành cho Hải quân Ấn Độ, đánh dấu thương vụ bán quân sự lớn đầu tiên cho nước ngoài của Nhật Bản kể từ Thế chiến II. Việc Ấn Độ mua 12 máy bay giám sát hàng hải ShinMaywa US-2 từ Nhật Bản với chi phí giảm 1,6 tỷ USD không chỉ tăng cường an ninh hàng hải ở AĐD-TBD, phù hợp với chính sách “*Hành động phía Đông*” (Eva Pejsova & Zoe Stanley-Lockman, 2016, tr. 2), mà còn thúc đẩy hợp tác công nghệ quốc phòng giữa hai quốc gia, kết hợp với sáng kiến “*Make in India*” của Ấn Độ và mong muốn khôi phục ngành công nghiệp quốc phòng của Nhật Bản. Tuy nhiên, việc mua bán đã không được thông qua tại hội nghị thượng đỉnh thường niên Abe-Modi vào tháng 11 năm 2016 vì Nhật Bản từ chối hạ mức giá theo thỏa thuận.

Vào năm 2018, hai quốc gia tiếp tục ký kết một biên bản ghi nhớ cho phép chuyển giao thiết bị và công nghệ quốc phòng, bao gồm máy bay đổ bộ, tên lửa không đối không và các phương tiện mặt đất chưa được tháo lắp. Các báo cáo năm 2019 cho thấy Ấn Độ rất quan tâm đến việc mua thủy phi cơ ShinMaywa US-2 từ Nhật Bản (Astha Chadha, 2020, tr. 32), nhưng thương vụ này đến hiện nay vẫn chưa hoàn thành. Nguyên nhân do các yếu tố như chi phí, yêu cầu kỹ thuật, và các vấn đề liên quan đến chuyển giao công nghệ.

Do các hợp đồng mua bán khí tài quốc phòng không thể thực hiện, hai nước đã chuyển sang thúc đẩy hợp tác nghiên cứu quốc phòng, điển hình là dự án Nghiên cứu hợp tác về Công nghệ tăng cường GNSS dựa trên hình ảnh SLAM cho phương tiện mặt đất không người lái (UGV)/Robotics, bắt đầu vào tháng 7 năm 2018 được xem là nỗ lực chung giữa Nhật Bản và Ấn Độ trong lĩnh vực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ quốc phòng (Embassy of Japan, 2018). Năm 2019, hai nước đã bắt đầu thực hiện các cuộc họp để cùng phát triển các phương tiện mặt đất không cần vít và công nghệ robot, thể hiện cam kết chung của họ trong việc tăng cường khả năng tự chủ về khả năng phòng thủ (Gabriel Dominguez, 2022).

Sau các hoạt động hợp tác nghiên cứu, đến năm 2020, Nhật Bản đồng ý cung cấp thiết bị và công nghệ quốc phòng cho Ấn Độ theo “*Quan hệ đối tác toàn cầu và chiến lược đặc biệt Nhật-Ấn*” ((Japanese Ministry of Defense, 2022) bao gồm các tàu tuần tra tốc độ cao và máy bay giám sát, nhằm nâng cao khả năng an ninh hàng hải của Ấn Độ. Sự liên kết này hỗ trợ cách tiếp cận “*hợp tác tự lực*” của cả hai nước, thúc đẩy các ngành công nghiệp quốc phòng bản địa và giảm sự phụ thuộc vào bên ngoài.

3.1.4. Với Australia

Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh cho biết quốc phòng đã trở thành trụ cột quan trọng trong quan hệ đối tác chiến lược giữa Ấn Độ và Australia (The Print, 2023), góp phần vào hòa bình và an ninh khu vực AĐD-TBD. Các Sách trắng ngoại giao của Australia nhấn mạnh Ấn Độ là ưu tiên chính trong chính sách đối ngoại. Cả hai nước chia sẻ quan ngại về an ninh khu vực, Australia coi Ấn Độ là cường quốc hàng hải hàng đầu và lãnh đạo thiết yếu của AĐD-TBD (General Angus J. Campbell, 2024). Hai bên đã triển khai các hoạt động hợp tác quốc phòng như sau:

- *Các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng*

Từ năm 2007 đến 2024, Australia đã thực hiện 32 chuyến thăm tới Ấn Độ, trong khi Ấn Độ đã thực hiện 20 chuyến thăm tới Australia (*xem Phụ lục 11*). Việc Australia chủ động tăng cường tiếp cận với Ấn Độ, nhất là trong bối cảnh tầm quan trọng ngày càng tăng của Ấn Độ trong khu vực, là minh chứng cho sự trỗi dậy của Ấn Độ như một đối tác chiến lược quan trọng. Điều này thể hiện qua tần suất các chuyến thăm cấp cao giữa hai nước, phản ánh mức độ tin cậy và cam kết ngày càng cao trong hợp tác quốc phòng.

Sau năm 2007, mối quan hệ giữa Ấn Độ và Australia trải qua giai đoạn “*hạ nhiệt*”, vì Australia duy trì chính sách không bán uranium cho Ấn Độ (Rob Taylor, 2008) và cuộc tấn công sinh viên Ấn Độ tại Australia (Kevin Dunn et al, 2011, tr. 74). Những sự cố này đã tác động đến hợp tác quốc phòng hai nước. Do duy trì chuyến thăm và thường xuyên đối thoại để giải quyết những lo ngại chung và năm 2009, hai bên nhất trí “*Tuyên bố chung về Hợp tác An ninh*” và nâng cấp “*Quan hệ đối tác chiến lược*”. Đây là tiền đề để hai nước thực hiện các cuộc đối thoại song phương chính thức lần đầu tiên về an ninh năng lượng, chống khủng bố tại Đông Á và Thái Bình Dương (Dhruva Jaishankar, 2020). Năm 2013, Australia đã cam kết ủng hộ Ấn Độ trở thành thành viên của “*Nhóm các nhà cung cấp hạt nhân*” (Australian Minister for Foreign Affairs, 2013). Cùng năm đó, Sách trắng của Bộ Quốc phòng Australia đã nhấn mạnh hai nước có “*lợi ích chung trong việc giúp giải quyết những thay đổi chiến lược đang diễn ra trong khu vực*” (Australian Department of Defence, 2013, tr. 65). Năm 2014, Ấn Độ và Australia ký kết “*Hiệp định hợp tác hạt nhân dân sự*” và thành lập “*Khuôn khổ hợp tác an ninh*”, tập trung vào hợp tác ngoại giao, quốc phòng, chống khủng bố, bảo vệ biên giới, năng lượng hạt nhân và an ninh hàng hải (Premesha Saha & Angad Singh, 2022, tr. 6-7) và mở rộng hợp tác quốc phòng để bao gồm nghiên cứu, phát triển và hợp tác trong ngành, làm tiền đề tiến hành các cuộc tập trận hàng hải thường kỳ và triệu tập các cuộc đàm phán thường kỳ giữa các hoạt động. Các chuyến thăm sau đó chỉ duy trì liên lạc và triển khai thỏa thuận. Năm 2020, hai quốc gia đã nâng cấp quan hệ lên “*Đối tác chiến lược toàn diện*” và ký kết “*Thỏa thuận hỗ trợ hậu cần lẫn nhau*”, cho

phép tiếp cận các căn cứ quân sự của nhau nhằm thúc đẩy các hoạt động trao đổi và hợp tác quốc phòng chung (Rajagopalan R, 2023).

Sách trắng của Chính phủ Australia năm 2017 nhấn mạnh Ấn Độ là đối tác quan trọng nhất trong các mối quan hệ quốc tế của Australia, với những lợi ích an ninh phù hợp (Australian Government, 2017, tr. 42), và đề cập đến Ấn Độ 64 lần, tăng đáng kể so với chỉ 6 lần vào năm 2003 (Sophie Eisentraut & Bart Gaens, 2018, tr. 4), phản ánh sự tăng trưởng trong mối quan hệ giữa hai quốc gia. Từ đó, Australia và Ấn Độ đã nâng cấp “*Đối thoại 2+2 giữa các Bộ trưởng quốc phòng và ngoại giao*” nhằm thúc đẩy hợp tác quốc phòng toàn diện, với 2 lần tổ chức vào năm 2021 và 2023. Sự tăng cường hợp tác quốc phòng giữa hai nước được thể hiện qua tần suất các chuyến thăm, điều này phù hợp với “*Cập nhật Chiến lược Quốc phòng năm 2020*” của Australia, trong đó Ấn Độ được coi là “*cường quốc khu vực*” và là trung tâm chiến lược an ninh (Australian Ministry of Defense, 2020, tr. 25-26).

- *Đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung*

Theo báo cáo của Cao Ủy Australia tại Ấn Độ, hiện nay, các quan chức quân sự cấp cao của Australia hiện đang tham gia các chương trình đào tạo mở rộng, chẳng hạn như các khóa học kéo dài một năm tại các trường như Trường Cao đẳng Quốc phòng ở New Delhi, Trường Cao đẳng Tham mưu Dịch vụ Quốc phòng ở Tamil Nadu và Viện Thủy văn Quốc gia của Hải quân Ấn Độ. Đồng thời, số lượng sinh viên Ấn Độ theo học tại Trường Cao đẳng Chỉ huy và Tham mưu Australia ở Canberra đã gia tăng, với ba sinh viên Ấn Độ hiện đang theo học và một sinh viên Ấn Độ đăng ký học tại Trường Cao đẳng Quốc phòng Australia ở Canberra. Hơn nữa, Trường Cao đẳng An ninh Quốc gia Australia tích cực thu hút quân nhân Ấn Độ tham gia các khóa học của mình, thúc đẩy trao đổi kiến thức xuyên biên giới. Ngoài ra, việc trao đổi học viên giữa lực lượng quân sự hai nước đã trở thành thông lệ thường xuyên hơn, tăng cường hơn nữa hợp tác quân sự song phương. Sự hợp tác mở rộng này biểu thị sự sâu sắc hơn của mối quan hệ và cam kết học hỏi và hợp tác lẫn nhau trong các vấn đề quốc phòng và an ninh.

Chương trình trao đổi sĩ quan quốc phòng trẻ Ấn Độ - Australia được thành lập vào năm 2023, mỗi năm sẽ có 15 sĩ quan trẻ của các lực lượng quân đội, hải

quân và không quân sẽ tham dự các khóa đào tạo, môi trường hoạt động và văn hóa của nhau. Cuộc trao đổi này, được đặt tên để vinh danh Tham mưu trưởng quốc phòng đầu tiên của Ấn Độ, Tướng Bipin Rawat, nhằm mục đích tăng cường quan hệ quốc phòng Ấn Độ - Australia. Năm 2023, 15 sĩ quan quốc phòng trẻ của Australia đã đến Ấn Độ (Australia's High Commissioner to India, 2023) và vào tháng 9/2024, 15 sĩ quan trẻ của Lực lượng Vũ trang Ấn Độ đã tới Australia để nghiên cứu về năng lực và văn hóa Quốc phòng của Australia (Australian Government, 2024).

Ở khía cạnh tập trận chung, Sách trắng Quốc phòng 2013 của Australia cũng nhấn mạnh hợp tác quốc phòng của hai nước được diễn ra trên nhiều hoạt động, bao gồm các chuyến thăm của tàu và trao đổi chuyên môn. Mối quan hệ hải quân của hai quốc gia tiếp tục phát triển dựa trên lợi ích an ninh hàng hải chung với tư cách là các quốc gia ven ADD, nỗ lực hướng tới thiết lập một cuộc tập trận hàng hải song phương chính thức (Australian Department of Defence, 2013, tr. 65).

Theo thống kê của Chính phủ Australia, tập trận và hoạt động quốc phòng đã tăng từ 11 cuộc trong năm 2014 lên 29 cuộc vào năm 2017 và 38 cuộc vào năm 2018 (Dhruva Jaishankar, 2020). Cuộc tập trận song phương chính, **AUSINDEX**, được tổ chức hai năm một lần từ năm 2015 đến năm 2023. Tính đến ngày 25/08/2023, cuộc tập trận AUSINDEX đã tổ chức được 5 lần (Ministry of Defence, 2023b). Hai bên nhận thấy rằng trong bối cảnh gia tăng ảnh hưởng và quyết đoán của Trung Quốc, cũng như sự không chắc chắn trong chiến lược của Mỹ, cả hai không thể tiếp tục dựa vào những chiến lược truyền thống để bảo vệ lợi ích quốc gia của mình (Báo Tuổi trẻ, 2020). Đối với Ấn Độ, việc duy trì ổn định và bảo vệ các tuyến đường biển quan trọng ở Ấn Độ Dương là ưu tiên hàng đầu. Mặc dù sở hữu đường bờ biển dài là một lợi thế chiến lược, nhưng nó cũng khiến Ấn Độ dễ bị tổn thương trước các mối đe dọa tiềm ẩn từ biển. Trong khi đó, Australia đang tìm cách củng cố sự hiện diện quân sự của mình và đảm bảo an ninh khu vực, đặc biệt là trước các mối đe dọa ngày càng gia tăng từ Trung Quốc. Vì vậy, AUSINDEX là cơ hội để hai quốc gia tăng cường hợp tác quốc phòng, đối phó với thách thức chung, và bảo vệ tự do hàng hải, từ đó đảm bảo hòa bình và ổn định lâu dài cho khu vực ADD-TBD.

Trong đó, cuộc tập trận năm 2019 được xem là quan trọng vì mức độ phức tạp và là đợt triển khai quốc phòng lớn nhất từ trước đến nay của Australia tới Ấn Độ. AUSINDEX 2019 là nền tảng của việc triển khai rộng rãi của cuộc tập trận Indo-Pacific Endeavour 2019, các tàu Australia đã ghé thăm cảng Chennai và Visakhapatnam của Ấn Độ (Dhruva Jaishankar, 2020). Điều này thể hiện tính chất song phương của cuộc tập trận vì nó liên quan đến sự hợp tác giữa hải quân Australia và Ấn Độ. Ngoài ra, cả hai nước đều triển khai máy bay tuần tra hàng hải P-8 tiên tiến, được sử dụng cho các nhiệm vụ giám sát và tác chiến chống tàu ngầm. Cuộc tập trận còn có sự góp mặt của các tàu ngầm Australia và Ấn Độ tham gia các cuộc tập trận chống tàu ngầm phức tạp, thể hiện khả năng phát hiện và chống lại các mối đe dọa dưới nước.

Diễn tập hải quân cơ bản song phương trên biển “PASSEX” được tổ chức 3 lần vào năm 2009, 2015, 2020 (Premesha Saha & Angad Singh, 2022, tr. 9-10). Ngoài ra, chiến hạm INS Sahyadri đã tham gia tập trận KAKADU, cuộc tập trận hai năm một lần của Hải quân Australia được tổ chức tháng 9 năm 2018 với sự tham gia của 27 quốc gia. Cuộc tập trận **KAKADU** bắt đầu vào năm 1993, là cuộc diễn tập hàng hải do Hải quân Hoàng gia Australia chủ trì và được Không quân Hoàng gia Australia hỗ trợ, kể từ 2007 đến 2024 thì hai bên đã tổ chức được 8 lần tập trận, vào năm 2008, 2010, 2012, 2014, 2016, 2018, 2020 (bị hủy do dịch COVID), 2022 và năm 2024. Bên cạnh đó, Ấn Độ và Australia đã tổ chức 6 lần cuộc tập trận **AUSTRAHIND** vào năm 2016, 2017, 2018, 2022, 2023, 2024 luân phiên tại hai nước để nhằm mục đích vô hiệu hóa các mối đe dọa của kẻ thù và luyện tập với các thiết bị tiên tiến và vũ khí chuyên dụng giữa các lực lượng quân sự.

- *Hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước*

Tính đến cuối năm 2024, Australia và Ấn Độ chưa thực hiện mua bán thiết bị quân sự với nhau, mà chủ yếu tập trung vào hợp tác nghiên cứu, chuyển giao và phát triển trong lĩnh vực quốc phòng. Trong những năm qua, đã có nhiều chương trình hợp tác nghiên cứu và phát triển quốc phòng giữa hai nước (Glenn Fozard, 2018). DRDO đã tổ chức tại Australia vào năm 2017 và Nhóm công tác chung về Hợp tác Nghiên cứu Quốc phòng và Trang thiết bị giữa DRDO và Nhóm Khoa học và Công nghệ

Quốc phòng Australia (DSTG) đã gặp nhau vào năm 2018. Vào tháng 6 năm 2020, Ấn Độ và Australia đã ký Thỏa thuận Thực hiện Khoa học và Công nghệ Quốc phòng (Australian Department of Defense, 2020), cung cấp khuôn khổ cho hợp tác quốc phòng giữa DRDO và DSTG. DRDO đã thực hiện thành công hai chuyến bay thử thành công tên lửa Hệ thống phòng không tầm ngắn vào ngày 28 và 29 tháng 2 năm 2024 từ một bệ phóng di động trên mặt đất ngoài khơi bờ biển Odisha (Press Information Bureau, 2024b).

Bên cạnh đó, quân đội Australia và Ấn Độ ngày càng chia sẻ nhiều thiết bị quốc phòng, bao gồm máy bay vận tải chiến lược C-17, máy bay vận tải chiến thuật C-130, máy bay huấn luyện chiến đấu Hawk, máy bay trinh sát hàng hải P-8, trực thăng hàng hải MH-60R Seahawk và trực thăng vận tải hạng nặng CH-47 Chinook (Australia's High Commissioner to India, 2023). Đây là nền tảng để tăng cường cơ hội huấn luyện chung và khả năng tương tác quân sự giữa Ấn Độ và Australia.

3.1.5. Với Trung Quốc

Hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và Trung Quốc là sự pha trộn giữa xung đột và hợp tác, phản ánh bản chất phức tạp của mối quan hệ song phương. Dù có căng thẳng lịch sử và cạnh tranh chiến lược, cả hai đều nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì hợp tác quốc phòng để thích ứng với thay đổi địa chính trị. Mối quan hệ này thể hiện sự cân bằng quyền lực, trong đó hai quốc gia tìm cách gia tăng ảnh hưởng khu vực qua các đối thoại và sáng kiến quốc phòng. Dù mối quan hệ này được xem là vừa hợp tác vừa cạnh tranh, kiềm chế lẫn nhau, nhưng hai bên đã thúc đẩy hợp tác trên nhiều phương diện, điển hình như:

- *Các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng*

Trong giai đoạn từ năm 2007 đến 2024, mối quan hệ giữa Ấn Độ và Trung Quốc đã trải qua nhiều giai đoạn phức tạp, vừa hợp tác vừa đề phòng, phản ánh một mối quan hệ đa chiều và cân nhắc. Các cuộc viếng thăm cấp nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng tuy đóng vai trò quan trọng trong việc định hình và điều chỉnh chính sách đối ngoại và quốc phòng của hai nước (*xem Phụ lục 12*) nhưng cũng thể hiện sự hợp tác đầy thận trọng và cân nhắc, trong đó có 20 lượt chuyên thăm từ Ấn Độ sang Trung Quốc và chiều ngược lại là 16 lượt. Điều này cho thấy Ấn Độ chủ

động thăm Trung Quốc để tìm kiếm lập trường cân bằng trong quan hệ, nhất là trong bối cảnh tranh chấp biên giới, cạnh tranh chiến lược và mối lo ngại về an ninh. Những chuyến thăm này giúp Ấn Độ hiểu rõ hơn về quân sự và chính sách quốc phòng của Trung Quốc, hỗ trợ xây dựng chiến lược an ninh của mình và thể hiện quyết tâm giảm căng thẳng, đặc biệt ở khu vực biên giới dưới lăng kính quyền lực mềm.

Diễn hình, kể từ chuyến thăm Bộ trưởng Quốc phòng - Đại tướng Tào Cương Xuyên vào tháng 3/2004 (Gateway House, 2012) thì tám năm sau Tướng Lương Quang Liệt mới có chuyến thăm chính thức đến Ấn Độ (2012) để thảo luận về việc hồi sinh các cuộc tập trận quân sự chung đã bị dừng lại bốn năm trước và tăng cường hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Đặc biệt, trong chuyến thăm của Thủ tướng Singh vào ngày 23/10/2013, hai quốc gia đã chính thức ký kết thỏa thuận hợp tác phòng thủ biên giới tại Bắc Kinh (Ministry of Defence, 2014, tr. 185).

Sự ít ỏi và không liên tục trong các chuyến thăm giữa Ấn Độ và Trung Quốc do tranh chấp biên giới, căng thẳng lịch sử, và cạnh tranh chiến lược khu vực. Cả hai quốc gia đều theo đuổi chính sách ngoại giao đa phương, tìm kiếm quan hệ với nhiều quốc gia khác để cân bằng ảnh hưởng. Sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc về kinh tế và quân sự cũng tạo lo ngại cho Ấn Độ. Những yếu tố này làm cho mối quan hệ song phương ít được ưu tiên và các chuyến thăm cấp cao không thường xuyên. Việc ký kết Bản ghi nhớ Trung Quốc-Ấn Độ vào tháng 5 năm 2006 (và chuyến thăm của Tư lệnh quân đội Ấn Độ tới Trung Quốc một năm sau đó vào ngày 21-25 tháng 5) đã dẫn tới việc thiết lập Đối thoại Quốc phòng Thường niên. Tính đến 2018, hai bên đã tổ chức được 9 lần Đối thoại tập trung vào việc tăng cường liên lạc giữa quân đội với quân đội và lên kế hoạch cho các chuyến thăm lẫn nhau và trao đổi huấn luyện.

- *Đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung*

Trong giai đoạn từ 2007 đến 2010, Ấn Độ chỉ cử 1 sĩ quan tham gia đào tạo tại Trung Quốc. Đến năm 2012, 3 sĩ quan Lục quân được cử đi học, và lần gần đây nhất vào năm 2016-2017, Ấn Độ cử 1 sĩ quan cấp đại tá tham gia Khóa học Chiến lược và Quốc phòng tại Trung Quốc (India Observers, 2020).

Vào năm 2018-2019, Ấn Độ chỉ cung cấp 4 suất đào tạo cho quân đội Trung Quốc, trong đó có 2 sĩ quan cấp trung úy tham gia khóa học tại Pune, và 2 sĩ quan khác được đào tạo tại Trường Cao đẳng và Trung tâm Huấn luyện Quân đoàn Giáo dục Quân đội ở Pachmarhi, Madhya Pradesh. Thêm vào đó, 1 sĩ quan cấp đại tá của PLA tham gia Khóa học Quản lý Quốc phòng Cao cấp kéo dài một năm tại Telangana.

Như vậy, số lượng sĩ quan quân đội Trung Quốc được đào tạo tại Ấn Độ hoặc ngược lại rất ít, chủ yếu duy trì ở mức cơ bản mà không có sự gia tăng nào đáng kể. Mặc dù Trung Quốc đã mở rộng các cơ hội đào tạo cho quân nhân Ấn Độ tại các học viện của mình, nhưng mức độ hợp tác này chỉ duy trì ở mức tối thiểu và không có sự thay đổi đáng kể về số lượng

Bên cạnh những gián đoạn trong hợp tác quân sự, Ấn Độ và Trung Quốc vẫn duy trì các kênh đối thoại quan trọng. Diễn đàn Think Tank Ấn Độ-Trung Quốc lần thứ 4, tổ chức vào tháng 11 năm 2019, là minh chứng cho nỗ lực của hai nước trong việc thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau. Trước đó, các diễn đàn tương tự đã được tổ chức vào các năm 2016, 2017 và 2018. Hơn nữa, Đối thoại giữa Hội đồng các vấn đề thế giới của Ấn Độ và Viện Ngoại giao Nhân dân Trung Quốc đã diễn ra 8 lần từ 2014 đến 2022. Những sự kiện này phản ánh sự kiên trì của cả hai quốc gia trong việc củng cố hợp tác, đặc biệt trong các lĩnh vực đối ngoại, hợp tác quốc phòng và nghiên cứu học thuật. Điều này chứng minh Ấn Độ đang hướng tới một mối quan hệ cân bằng với Trung Quốc, nhằm giảm căng thẳng, tăng cường hợp tác và đảm bảo ổn định khu vực mà không tạo ra rủi ro chiến lược.

Cuộc tập trận chung “*Hand-in-Hand*” giữa Ấn Độ và Trung Quốc là hoạt động hợp tác diễn ra với tần suất gần như hàng năm từ năm 2007. Được khởi xướng tại Vân Nam vào năm 2007, chuỗi tập trận này đã diễn ra tại các địa điểm khác nhau ở cả hai quốc gia, bao gồm Belgaum (2008), Tứ Xuyên (2013), Pune (2014 và 2016), Côn Minh (2015), Thành Đô (2018), và gần đây nhất là tại Umroi (2019). Tính đến nay, “*Hand-in-Hand*” đã được tổ chức tổng cộng 8 lần, tập trung vào việc tăng cường hợp tác và hiểu biết lẫn nhau giữa hai quân đội, với mục tiêu chung là

cải thiện kỹ năng chống khủng bố và tăng cường khả năng phản ứng trong các tình huống khẩn cấp. Năm 2017, cuộc tập trận không được tổ chức do xung đột kéo dài 72 ngày tại Doklam, còn giai đoạn từ năm 2020 đến nay chủ yếu vì hai lý do: đại dịch COVID-19 và căng thẳng sau vụ đụng độ quân sự ở Galwan Valley vào tháng 6/2020, làm suy giảm niềm tin và khả năng hợp tác.

Mặc dù các cuộc tập trận chung bị gián đoạn, nhưng hai bên vẫn duy trì mức độ hợp tác cơ bản. Ví dụ, hai tàu Trung Quốc đã tham gia Duyệt binh Hạm đội Quốc tế tại Visakhapatnam, Ấn Độ vào tháng 2 năm 2016. Đáp lại, Hải quân Ấn Độ cũng cử hai tàu, INS Kolkata và INS Shakti, tham dự Diễu hành Quốc tế Duyệt binh Hạm đội tại Thanh Đảo, Trung Quốc vào tháng 4 năm 2019, kỷ niệm 70 năm thành lập PLA (Embassy of India in Beijing, 2023).

- *Hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai nước*

Ấn Độ và Trung Quốc thường xuyên căng thẳng, đặc biệt trong lĩnh vực chính trị và quân sự làm cho khả năng buôn bán vũ khí giữa hai quốc gia trở nên khó khăn (Micheal Raska & Richard A. Birzinger, 2020, tr. 107). Ấn Độ, hướng tới mục tiêu tự chủ về quốc phòng, đã đẩy mạnh sáng kiến “*Make in India*”, chú trọng phát triển sản xuất thiết bị quốc phòng trong nước. Thay vì chọn Trung Quốc, Ấn Độ đã mua khí tài quân sự từ nhiều nguồn đa dạng khác nhau, bao gồm Nga, Pháp, Israel và Mỹ.

Tuy nhiên, theo dữ liệu COMTRADE của LHQ về thương mại quốc tế, trong năm 2022, Ấn Độ đã nhập khẩu vũ khí, đạn dược, linh kiện và phụ kiện từ Trung Quốc với tổng trị giá 478,04 nghìn USD (*xem Bảng 3.3*). Điều này cho thấy, mặc dù có những rào cản chính trị và an ninh, nhưng trong một số trường hợp cụ thể, vẫn có sự trao đổi hạn chế về mặt hàng quốc phòng, chính yếu là từ Ấn Độ. Tuy nhiên, số liệu về nhập khẩu quốc phòng từ Trung Quốc trong các giai đoạn 2007-2011 và 2022-2024 không thể thu thập được do hai yếu tố: (1) chiến lược “*Atmanirbhar Bharat*” từ 2020 nhằm giảm phụ thuộc vào nhập khẩu quốc phòng từ nước ngoài, bao gồm Trung Quốc, và (2) căng thẳng biên giới làm giảm hoặc khiến các giao dịch này không được công khai trong báo cáo của Ấn Độ.

Bảng 3.3: Các mặt hàng quốc phòng Ấn Độ nhập từ Trung Quốc (2012-2022)

Sản phẩm	Năm
Bom, lựu đạn, ngư lôi, mìn, tên lửa và các loại đạn dược	2022
Súng lò xo, hơi hoặc súng hơi và súng lục, dùi cui	2022
Súng lục ổ quay, súng lục/súng nạp đạn đầu nòng	2022
Súng lục ổ quay và súng lục khác	2022
Kiếm, Dao kéo, Lưỡi lê	2022
Súng lục ổ quay và súng lục	2012

Nguồn: Trading Economics (2024)

Dù có tranh chấp và căng thẳng, Ấn Độ vẫn nhập khẩu một số vũ khí cơ bản như đạn dược và súng lục từ Trung Quốc, điều này có thể hiểu là một phần trong chiến lược cân bằng quyền lực. Thực tế, việc mua bán này không phải là dấu hiệu của mối đe dọa từ Ấn Độ đối với Trung Quốc, mà để duy trì cơ bản quan hệ của hai bên ở mức độ “*cân bằng*”. Đây có thể được xem là một chiến lược cân bằng quyền lực, khi cả Ấn Độ và Trung Quốc đều là các cường quốc khu vực, việc mua bán vũ khí giữa họ có thể giúp duy trì sự ổn định và cân bằng trong khu vực.

3.1.6. Với Việt Nam

Kể từ khi Ấn Độ và Việt Nam thiết lập quan hệ Đối tác chiến lược vào năm 2007, các cuộc đối thoại quốc phòng - an ninh và ký kết thỏa thuận quốc phòng song phương đã được tổ chức thường xuyên, đánh dấu bước tiến lớn trong quan hệ hai nước. Sự hợp tác này không chỉ tăng cường an ninh và ổn định khu vực mà còn thể hiện vai trò quan trọng của Việt Nam như một trụ cột trong chính sách Hành động hướng Đông của Ấn Độ.

- *Các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng*

Trong giai đoạn từ 2007 đến 2024, Ấn Độ và Việt Nam đã duy trì một mối quan hệ quốc phòng chặt chẽ với 23 lượt thăm Việt Nam từ Ấn Độ và 22 lượt thăm ngược lại (*xem Phụ lục 13*). Tần suất thăm viếng tương đương chứng tỏ sự chủ động và tích cực của cả hai bên trong hợp tác quốc phòng. Ấn Độ đã thúc đẩy hợp

tác quốc phòng theo hướng “mềm”, góp phần củng cố quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai nước, đồng thời mang lại lợi ích cân bằng cho Ấn Độ trong bối cảnh Trung Quốc đang gia tăng ảnh hưởng ở khu vực.

Sau chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Pranab Mukherjee năm 2014, Thủ tướng Narendra Modi đã nhận xét rằng “*Hợp tác quốc phòng với Việt Nam là một trong những hợp tác quan trọng nhất của Ấn Độ... Ấn Độ tiếp tục cam kết hiện đại hóa lực lượng quốc phòng, an ninh của Việt Nam... bao gồm mở rộng các chương trình đào tạo vốn đã rất đa dạng, hợp tác tập trận và hợp tác trong cung cấp các thiết bị quốc phòng*” (Press Information Bureau, 2014). Các khuôn khổ đối thoại an ninh và các thỏa thuận cũng được hai bên nhất trí thúc đẩy vì mục tiêu và lợi ích chung. Năm 2015, hai nước ký kết “*Tuyên bố tầm nhìn chung về quan hệ quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ giai đoạn 2015-2020*” và bản ghi nhớ về quan hệ cảnh sát biển. Một năm sau, mối quan hệ được nâng cấp thành “*Đối tác Chiến lược toàn diện*”. Từ 2009 đến 2024, Ấn Độ và Việt Nam cũng đã tổ chức thành công 14 lần Đối thoại chính sách quốc phòng, 3 lần Đối thoại An ninh cấp Thứ trưởng và 4 lần Đối thoại an ninh biển để tăng cường hợp tác quốc phòng giữa hai bên.

Song song đó, năm 2022, hai quốc gia đã ký hai thỏa thuận quan trọng: thứ nhất, “*Tuyên bố tầm nhìn chung về quan hệ đối tác quốc phòng đến năm 2030*”, nêu ra các mục tiêu dài hạn nhằm tăng cường hợp tác quốc phòng. Thứ hai, “*Biên bản ghi nhớ về tương hỗ hậu cần*” giữa hai Bộ Quốc phòng, cho phép sử dụng các căn cứ quân sự của nhau để sửa chữa và bổ sung nguồn cung, đánh dấu thỏa thuận lớn đầu tiên của Việt Nam với bất kỳ quốc gia nào. Điều này mang lại lợi ích cho Hải quân Ấn Độ trong việc tăng cường sự hiện diện ở ADD-TBD (Sameer Patil, 2022).

Năm 2014, hai nước đã ký “*Ý định thư về hợp tác đào tạo quốc phòng*” và tiếp tục triển khai sâu rộng các hoạt động hợp tác quốc phòng giữa hai bên (TTXVN, 2024a). Hai nước cũng thông qua “*Tuyên bố chung về Tăng cường quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện với phương hướng “5 hơn”*” trong đó hợp tác quốc phòng sẽ được thúc đẩy phát triển toàn diện, thực chất, và hiệu quả hơn vì lợi ích chung của cả hai nước.

- *Đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung*

Các đối thoại và thỏa thuận giữa hai nước đã thiết lập khuôn khổ đào tạo và huấn luyện quốc phòng, với sự tham gia của các lực lượng vũ trang Ấn Độ trong việc nâng cao năng lực cho quân đội Việt Nam.

Việt Nam nhận hơn 200 suất đào tạo hàng năm, trong đó có hơn 130 suất đào tạo theo ITEC / Chương trình hợp tác dân sự và kỹ thuật của Kế hoạch Colombo và Ấn Độ cấp học bổng cho 50 cán bộ quốc phòng Việt Nam theo học bổng hàng năm (Harsh V. Pant, 2017, tr. 9). Các cán bộ lực lượng vũ trang Việt Nam cũng đã được đào tạo tại các Học viện quốc phòng khác nhau của Ấn Độ, bao gồm Học viện Quốc phòng Ấn Độ, Học viện Không quân, Trường Cán bộ Dịch vụ Quốc phòng³ và Cao đẳng Quốc phòng quốc gia (Ministry of Defence, 2017).

Theo tài liệu của Tổng lãnh sự quán Ấn Độ tại Tp. Hồ Chí Minh (2018, tr. 2), Tổng trưởng Tham mưu Lục Quân Ấn Độ đã đến thăm Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 24-25/11/2018 để tăng cường hợp tác quốc phòng song phương và các chương trình hỗ trợ đào tạo, trang thiết bị quân sự trong tương lai. Các nhà chiến lược Ấn Độ cho rằng, nghệ thuật chiến tranh rừng rậm của Việt Nam có giá trị lớn đối với Ấn Độ trong việc chống lại các cuộc nổi loạn tại khu vực Đông Bắc Ấn Độ. Do đó, ngoài việc hỗ trợ đào tạo thì Ấn Độ cũng đề nghị các chuyên gia, quân đội Việt Nam sang giảng dạy và yêu cầu binh lính Ấn Độ phải học Tiếng Việt tại Trường Venkateshwara.

Từ tháng 10 năm 2013, Hải quân Ấn Độ đã tiếp nhận và đào tạo các sĩ quan hải quân Việt Nam tại Visakhapatnam để vận hành và duy trì 6 tàu ngầm lớp Kilo của Hải quân Việt Nam (Ministry of Defence, 2014, tr. 35). Năm 2017, lực lượng không quân Ấn Độ đã bắt đầu đào tạo phi công Việt Nam và hỗ trợ bảo dưỡng máy bay chiến đấu Sukhoi-30MK2 có xuất xứ từ Nga của Việt Nam — một biến thể của Sukhoi-30MKI mà không quân Ấn Độ vận hành (IISS, 2021; Pandit R, 2017).

Ấn Độ cũng đã hỗ trợ tập huấn cho cán bộ Cảnh sát biển Việt Nam về hoạt động tìm kiếm cứu nạn, bảo vệ bờ biển trong bối cảnh Biển Đông có nhiều biến động. Từ năm 2018, Ấn Độ triển khai hợp tác với Trường Sĩ quan Không quân

³ Tên tiếng Anh là Defence Services Staff College, Bộ Quốc phòng Ấn Độ quản lý và trụ sở tại Tamil Nadu.

Việt Nam theo thỏa thuận trong Đối thoại chính sách quốc phòng lần thứ 10 (2017), đào tạo 4 khóa phi công với sự phối hợp giảng viên hai nước. Năm 2022, Ấn Độ đã tặng thiết bị huấn luyện trị giá 1 triệu USD để nâng cao cơ sở vật chất và năng lực đào tạo của trường (Pandit R, 2017). Năm 2024, chương trình “*Giao lưu sĩ quan trẻ Việt Nam - Ấn Độ*” được tổ chức tại Ấn Độ, nhằm tăng cường hiểu biết và chia sẻ kinh nghiệm giữa các sĩ quan trẻ, đến năm 2024 đã tổ chức 8 lần (Báo Quân đội nhân dân, 2024).

Ngoài ra, huấn luyện quốc phòng song phương cũng diễn ra thông qua việc đào tạo nhân sự tham gia các hoạt động GGHB của LHQ. Ấn Độ cử các đội huấn luyện cơ động đến Trung tâm GGHB của Việt Nam ở Hà Nội để huấn luyện cho quân đội Việt Nam, kể từ 12 năm 2020 (Indian Embassy in Vietnam, 2020).

Trong lĩnh vực tập trận chung, dưới sự triển khai hoạt động hai năm một lần của các tàu thuộc Hạm đội phía Đông của Hải quân Ấn Độ tới khu vực Đông Nam Á và Tây Bắc Thái Bình Dương từ năm 2016, Việt Nam tiếp tục trở thành tâm điểm của việc triển khai tập trận bởi hai lý do: *thứ nhất*, Việt Nam là đối tác truyền thống của Ấn Độ, với các chuyến thăm hữu nghị của tàu hải quân kéo dài nhiều thập kỷ; *thứ hai*, Việt Nam đã khánh thành vào năm 2016 một bến cảng quốc tế có khả năng tiếp nhận tàu chiến nước ngoài tại Vịnh Cam Ranh (Prashanth Parameswaran, 2016). Việc triển khai hai năm một lần đã tạo điều kiện cho các cuộc tập trận chung giữa hải quân hai nước củng cố vị thế đối tác chiến lược toàn diện. Hai bên đã tổ chức cuộc tập trận hàng hải kéo dài 4 ngày ngoài khơi Vịnh Cam Ranh từ ngày 13 - 16/4/ 2019, hai tàu Hải quân Ấn Độ đã tổ chức luyện tập chung với Hải quân Việt Nam về vận động đội hình, trao đổi thông tin liên lạc và tìm kiếm cứu nạn trên biển.

Sau khi Việt Nam phối hợp với Ấn Độ tổ chức thành công Hội thảo Biển ADD lần thứ ba vào năm 2018 để phát triển lực lượng hải quân hoạt động bên ngoài phạm vi Biển Đông, Việt Nam đã trở thành đối tác của Ấn Độ trong khuôn khổ MILAN ở vùng biển ADD với hải quân Ấn Độ. Tháng 02/2022, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã cử tàu hộ vệ tham gia tập trận MILAN 2022 tại Ấn Độ (Peri D, 2022). Việc tham gia MILAN 2022 nhằm củng cố và nâng cao hơn nữa

mối quan hệ tốt đẹp giữa quân đội và hải quân Việt Nam - Ấn Độ. Đây là lần đầu tiên Việt Nam tham gia tập trận sau khi cử một phái đoàn quan sát viên tham dự sự kiện này vào năm 2018.

Hai quốc gia cũng cùng nhau tổ chức Diễn tập Lục quân song phương Việt Nam-Ấn Độ “Ex VINBAX”. Tính đến hết năm 2024, đã có 5 lần diễn tập theo hình thức sa bàn năm 2018, 2019, 2022 (New Services Division, 2022), 2023 và năm 2024. Cuộc tập trận đã củng cố hơn nữa mối quan hệ song phương nhằm tăng khả năng tác chiến lẫn nhau và cho phép chia sẻ những kinh nghiệm giữa Quân đội Ấn Độ và Quân đội Nhân dân Việt Nam liên quan đến các hoạt động GGHB.

- *Hoạt động viện trợ và mua bán thiết bị quốc phòng giữa hai nước*

Theo thỏa thuận giữa hai nước, Ấn Độ đồng ý cho Công ty Larsen & Toubro cung cấp 12 Tàu tuần tra cao tốc ngoài khơi trị giá 100 triệu USD Hạn mức tín dụng do Ấn Độ mở rộng cho Việt Nam (Ministry of External Affairs, 2016), với 5 tàu được đóng tại Ấn Độ và 7 tàu do Việt Nam sản xuất tại xưởng Hồng Hà do công ty Ấn Độ hỗ trợ. Ấn Độ cũng cam kết tài trợ 5 triệu USD để xây dựng Công viên Phần mềm Quân đội tại Trường Đại học Thông tin Liên lạc (Ministry of External Affairs, 2016). Từ 2015 đến 2024, Ấn Độ đã cung cấp các gói tín dụng quốc phòng cho Việt Nam theo tuyên bố Tầm nhìn chung về Quan hệ Quốc phòng vào tháng 5/2015. Năm 2024, nhân chuyến thăm của Thủ tướng Phạm Minh Chính, Ấn Độ và Việt Nam đã “*ký kết triển khai gói tín dụng 500 triệu USD dành cho quốc phòng là một bước đột phá trong chuyến thăm*” (TTXVN, 2024b).

Cùng với các hợp đồng mua sắm quốc phòng, hai nước đã tổ chức các cuộc thảo luận về việc bán các thiết bị vũ khí khác nhau của Ấn Độ cho Việt Nam. Giai đoạn 2010-2016, Ấn Độ đã hỗ trợ Việt Nam nâng cấp hơn 100 chiếc máy bay MiG-21. Đồng thời, Hải quân Việt Nam cũng tiếp nhận 5 tàu ngầm Petya từ Ấn Độ. Ngoài ra, Ấn Độ đã tiến hành nâng cấp thêm 2 tàu chiến cho Việt Nam, tặng một số phụ tùng quốc phòng và thực hiện các hợp đồng tiếp theo với tổng giá trị lên đến 200 triệu INR (Nguyễn Đắc Tùng, Nguyễn Văn Phụng, 2022, tr.35).

Dù Việt Nam luôn quan tâm và đã bày tỏ ý định mua hệ thống vũ khí từ Ấn Độ, đặc biệt là Akash và BrahMos và phía Ấn Độ cũng cam kết tăng cường khả

năng quốc phòng của Việt Nam, tuy nhiên những thương vụ này vẫn chưa thành công. Vào năm 2016, Thủ tướng Modi đã yêu cầu công ty BrahMos Aerospace, liên doanh Ấn-Nga phát triển tên lửa hành trình siêu thanh Brahmos, xúc tiến việc bán vũ khí cho Việt Nam. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Việt Nam và Ấn Độ hiện vẫn đang bàn thảo trong chương trình nghị sự thương mại quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ trước mối lo ngại ngày càng tăng từ Trung Quốc nên vẫn chưa thành hiện thực.

Trong chuyến thăm Ấn Độ năm 2023 của Việt Nam, Ấn Độ chính thức tặng “tàu hộ tống tên lửa *INS Kirpan* được chế tạo nội địa” và đã cập cảng Cam Ranh vào ngày 8/7/2023 (Embassy of India in Vietnam, n.d). Ấn Độ cho rằng việc chuyển giao tàu Kirpan phản ánh cam kết của Ấn Độ trong việc hỗ trợ các đối tác có cùng chí hướng trong việc nâng cao năng lực quốc phòng của hai bên.

3.2. Hợp tác quốc phòng đa phương của Ấn Độ

Khu vực ADD-TBD hiện nay là một trong những khu vực chiến lược quan trọng, nơi nhiều cơ chế hợp tác đa phương đã hình thành, bao gồm Quad, ASEAN, SCO, SAARC, BIMSTEC và IOAR. Các hợp tác này không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự ổn định và phát triển của khu vực mà còn là nền tảng cho Ấn Độ gia tăng hợp tác quốc phòng để đạt được mục tiêu chiến lược của mình.

3.2.1. Quad

- *Cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương*

Tiến trình phát triển của Quad được xem là sự chuyển đổi trật tự an ninh của khu vực ADD-TBD, gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (2004-2008), giai đoạn 2 (2009-2016), giai đoạn 3 (2017 đến nay) (Rajeshwari K. & Richard G, 2022, tr. 14). Giai đoạn 1 được tính từ năm 2004 mặc dù Quad chưa thành lập trong giai đoạn này nhưng bốn quốc gia đã cùng nhau hợp tác trong công tác cứu hộ và cứu trợ thiên tai sau trận sóng thần lớn năm 2004 ở châu Á (Grossman M, 2005, tr. 11), sau đó Quad được thành lập lần đầu vào năm 2007. Tuy nhiên, năm 2008, hợp tác này tạm thời bị dừng lại do Australia rút lui trước sự phản đối mạnh mẽ của Bắc Kinh đối với ý tưởng “Quad”. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu sự nhiệt tình từ cả bốn quốc gia thành viên, do mối quan hệ và lợi ích riêng của họ với Trung Quốc (Flitton D, 2020).

Sau một thời gian ngưng trệ, Quad được hồi sinh vào năm 2017 (còn được gọi là QUAD 2.0). Quad đã phát triển và được nâng cấp từ sự tham gia của các Ngoại trưởng cho đến cấp lãnh đạo từ các quốc gia thành viên. Từ năm 2017 đến nay, Quad đã tổ chức nhiều cuộc họp thượng đỉnh (xem Bảng 3.4) để cùng nhau giải quyết các vấn đề an ninh chung của khu vực, bao gồm cả việc kiềm chế sự ảnh hưởng của Trung Quốc để duy trì sự ổn định và trật tự dựa trên luật lệ.

Bảng 3.4: Các đối thoại chính thức của Quad từ năm 2017 đến năm 2024

Thời gian	Nơi tổ chức	Tên cuộc họp
12/11/2017	Philippines	Cuộc họp các quan chức cấp cao Quad (bên lề EAS)
7/6/2018	Singapore	Cuộc họp các quan chức cấp cao Quad (bên lề Đối thoại Shangri-La)
15/11/2018	Singapore	Cuộc họp các quan chức cấp cao Quad (bên lề EAS)
31/5/2019	Thái Lan	Cuộc họp các quan chức cấp cao Quad (bên lề EAS)
26/9/2019	New York	Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 1
25/9/2020	Trực tuyến	Cuộc họp của các quan chức cấp cao Quad
6/10/2020	Tokyo	Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 2
18/12/2020	Trực tuyến	Cuộc họp của các quan chức cấp cao Quad
12/8/2021	Trực tuyến	Cuộc họp của các quan chức cấp cao Quad
24/9/2021	Washington	Hội nghị thượng đỉnh Quad 2021
24/5/2022	Tokyo	Hội nghị thượng đỉnh Quad 2022
3/3/2023	Ấn Độ	Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao lần thứ 3
24/5/2023	Sydney	Hội nghị thượng đỉnh Quad 2023
21/9/2024	Wilmington	Hội nghị thượng đỉnh Quad 2024
2025	Ấn Độ	Hội nghị thượng đỉnh Quad 2024 (Dự kiến)

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Bộ Ngoại giao Ấn Độ

Các cuộc họp quan chức cấp cao của Quad thường diễn ra trùng với các diễn đàn khu vực khác, như Hội nghị thượng đỉnh Đông Á và Đối thoại Shangri-La, và thường ở mức độ nhẹ nhàng, thiếu cập nhật thông tin chính thức từ các bên tham gia, như trang thông tin của Bộ Ngoại giao Australia và Ấn Độ. Điều này

phản ánh sự thận trọng trong việc công khai và phát triển cơ chế đối thoại của Quad. Mặc dù từ năm 2017, đặc biệt là sau cuộc họp đầu tiên ở cấp Bộ trưởng Ngoại giao vào tháng 9/2019, mối quan hệ giữa các quốc gia trong Quad đã có khởi sắc và trở nên mạnh mẽ hơn từ năm 2020 trở đi, nhưng sự thận trọng trong việc công khai các cuộc họp cũng chỉ ra rằng các quốc gia trong Quad vẫn dè chừng trong việc chia sẻ thông tin quá rõ ràng. Điều này có thể phản ánh một chiến lược thận trọng hơn là sự tạo dựng lòng tin đầy đủ giữa các bên. Việc không công khai quá mức có thể là cách các thành viên của Quad tránh làm gia tăng căng thẳng trong khu vực, đặc biệt là với sự hiện diện mạnh mẽ của Trung Quốc. Thay vì tạo ra sự tin tưởng sâu sắc ngay lập tức, Quad có thể đang cố gắng duy trì một cơ chế đối thoại mang tính chất kiểm soát và thận trọng hơn, nhằm không làm leo thang mối đe dọa an ninh chung.

Trong khuôn khổ Quad không chỉ tồn tại các cuộc họp bốn bên mà còn diễn ra các cuộc đối thoại ba bên (Sophie Eisentraut & Bart Gaens, 2018, tr. 4). Điển hình là Đối thoại ba bên Australia-Ấn Độ-Nhật Bản, nơi tập trung vào các vấn đề an ninh khu vực; Đối thoại chiến lược ba bên Australia-Nhật-Mỹ, nhằm củng cố hợp tác an ninh trong bối cảnh thách thức tại AĐĐ-TBD; và Đối thoại chiến lược ba bên Ấn Độ-Nhật-Mỹ, thúc đẩy sự phối hợp chính sách và hợp tác chiến lược. Những cuộc đối thoại này không chỉ thể hiện sự linh hoạt trong cách tiếp cận hợp tác của các quốc gia thành viên Quad mà còn khẳng định cam kết của họ trong việc đối phó với các thách thức an ninh và thúc đẩy hòa bình khu vực.

- *Các hoạt động đào tạo, diễn tập quân sự và thương mại vũ khí nói chung*

Tập trận Malabar ban đầu chỉ là tập trận song phương giữa Mỹ và Ấn Độ, sau đó có sự tham gia của Nhật Bản (2014) và Úc (2020). Trước đây, Ấn Độ từng miễn cưỡng mời Australia tham gia do mục tiêu chủ yếu là chống lại sự trỗi dậy của Trung Quốc, nhưng quan điểm này đã thay đổi sau xung đột tại thung lũng Galwan vào năm 2020. Bên cạnh đó, các dự án của Trung Quốc tại IOR cũng là một trong những lý do chính mà Hải quân Ấn Độ nhấn mạnh về sự sẵn sàng của mình để đối phó với các mối đe dọa an ninh trong khu vực (Priyanjoli Ghosh, 2020, tr. 149).

Trong năm 2007, cuộc tập trận Malabar CY-07/1, lần đầu tiên mời Nhật Bản tham gia tập trận quân sự chung ở Tây Thái Bình Dương, thì vào 9/2007, phiên bản Malabar CY-07/2, đã mở rộng sự tham gia gồm Nhật Bản, Australia và Singapore tại Visakhapatnam thuộc bờ biển phía Đông của Ấn Độ (Panda Jagannathm, 2020). Do đó, năm 2007 được xem lần đầu tiên các thành viên Quad có tương tác quốc phòng với nhau. Kể từ khi Nhật Bản tham gia vào tập trận với Quad một cách chính thức, đến nay, Quad đã tổ chức thành công 10 lần tập trận bao gồm:

- Malabar 2014, ba bên tập trận ở Cảng Sasebo, Nhật Bản từ 24-30/7/2014.
- Malabar 2015 diễn ra ở Chennai của Ấn Độ từ ngày 14-19/10/2015.
- Malabar 2016 diễn ra ở Cảng Sasebo, Nhật Bản từ 10-17/6/2016.
- Malabar 2017 diễn ra ở Vịnh Bengal từ 10-17/7/2017.
- Malabar 2018 diễn ra tại căn cứ hải quân Guam từ ngày 7-15/6/2018.
- Malabar 2019, diễn ra tại Nhật Bản từ ngày 26/9 - 4/10/2019.
- Malabar 2020, lần tập trận này Ấn Độ đã mời Australia tham gia chính thức sau nhiều năm nước này đề xuất tham gia nhưng Ấn Độ từ chối, tập trận diễn ra ở Vịnh Bengal từ 3-6/11/2020.
- Malabar 2021 diễn ra ở Vịnh Bengal từ 12-15/10/2021.
- Malabar 2022, đây là cột mốc kỉ niệm 30 năm thành lập Quad với sự tham gia của 4 nước tại Yokosuka, Nhật Bản, từ ngày 9-18/11/2022.
- Malabar 2023, lần đầu tiên được tổ chức ngoài khơi bờ biển của Sydney ở Úc từ 11-21/8/2023.
- Malabar 2024 được tổ chức tại Visakhapatnam, Ấn Độ từ 8-18/10/2024.

Trong hợp tác đa phương của Quad, các hoạt động phần lớn tập trung vào các tập trận chung và triển khai các hợp tác quốc phòng. Bởi vì trong bối cảnh Trung Quốc ngày càng gia tăng hiện diện quân sự ở cả AĐĐ và Thái Bình Dương, Ấn Độ và Quad nhận thức được tầm quan trọng của việc tăng cường hỗ trợ lẫn nhau để củng cố khả năng quốc phòng và an ninh hàng hải, đặc biệt khi đối mặt với các hành động của Trung Quốc trong khu vực này. Còn lại, mua bán vũ khí hay viện trợ dù là Ấn Độ sang Quad, hay ngược lại thì vẫn chưa có, bởi vì: thứ nhất, Nga vẫn là

nhà cung cấp vũ khí chủ yếu cho Ấn Độ. Thứ hai, Ấn Độ hiện chỉ thực hiện thương mại vũ khí với Mỹ, trong khi Nhật Bản và Australia chưa tham gia vào các thương vụ này. Thứ ba, hiện tại trong Quad chưa có cơ chế chính thức cho các thương vụ liên doanh mua bán vũ khí ba bên hoặc bốn bên giữa các thành viên.

Xem xét các thương vụ giao dịch vũ khí từ 2005 đến 2015, Ấn Độ nổi lên là nước nhập khẩu vũ khí hàng đầu thế giới, với lượng nhập khẩu vũ khí tăng 90% từ năm 2006-2010 đến năm 2011-2015. Australia, xếp thứ 7, có mức tăng 26%, trong khi Mỹ (thứ 9) và Nhật Bản (thứ 18) có mức giảm lần lượt là 9% và 37%. Xu hướng này nêu bật tình trạng nhập khẩu vũ khí ngày càng tăng của Ấn Độ, sự ổn định tương đối của Australia và Mỹ, cũng như mức nhập khẩu ngày càng giảm của Nhật Bản. Về xuất khẩu vũ khí, Mỹ dẫn đầu toàn cầu, với Australia xếp thứ 23, Ấn Độ thứ 31 và Nhật Bản thứ 53. Xuất khẩu vũ khí của Mỹ đã tăng gần gấp đôi so với Nga trong năm 2014 và 2015, chiếm 56% doanh số bán vũ khí toàn cầu từ năm 2000 đến năm 2015. Xuất khẩu của Australia tăng 83%, trong khi của Mỹ tăng 27%. Ngược lại, xuất khẩu của Ấn Độ giảm 6% và Nhật Bản không xuất khẩu vũ khí từ năm 2011 đến năm 2015 (Ben Lamont, 2017).

3.2.2. ASEAN

Ấn Độ đã và đang tích cực thúc đẩy sự tham gia của các quốc gia ASEAN thông qua cả hợp tác đa phương và song phương. Chính sách Hướng Đông của Ấn Độ, khởi xướng từ năm 1992, đã phát triển mạnh mẽ: trở thành đối tác đối thoại toàn diện (1995), đối tác cấp cao (2002), đối tác chiến lược (2012) và đến năm 2022 nâng cấp thành đối tác chiến lược toàn diện của ASEAN. Đặc biệt, từ năm 2014, Ấn Độ chuyển từ “*Chính sách Hướng Đông*” sang “*Hành động Hướng Đông*”, thể hiện cam kết gắn bó sâu rộng hơn, trong đó hợp tác quốc phòng - an ninh được coi là một trụ cột quan trọng. Do đặc thù ASEAN đề cao đồng thuận và tránh liên minh quân sự, hợp tác đa phương thường mang tính khuôn khổ và biểu tượng, còn nội dung triển khai thực chất lại diễn ra chủ yếu qua các kênh song phương như đào tạo, diễn tập hải quân, thăm viếng quân sự và thương mại vũ khí. Hai kênh này bổ trợ lẫn nhau, trong đó, đa phương tạo khung chung để thúc đẩy song phương, trong khi thành quả song phương lại củng cố lòng tin và hiệu quả hợp tác đa phương.

- *Cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương*

Ấn Độ nhấn mạnh vai trò của ASEAN trong chính sách và chiến lược quốc phòng của mình tại khu vực. Điều này là một phần trong nỗ lực đối phó và giảm bớt ảnh hưởng của Trung Quốc tại Nam Á và ADD. Trong khi Trung Quốc tìm cách bá quyền tại Biển Đông, can dự làm chia rẽ nội bộ ASEAN thì Ấn Độ đã chủ động tăng cường quan hệ với ASEAN thông qua chính sách “*Hành động hướng Đông*” với vai trò đối tác an ninh đáng tin cậy. Hai bên đã thiết lập các cơ chế đối thoại an ninh - quốc phòng thường xuyên, nhằm thúc đẩy sự hiểu biết và lòng tin lẫn nhau (*xem Bảng 3.5*). Những đối thoại này đã tạo nền tảng để triển khai các hợp tác quốc phòng hiệu quả, hạn chế rủi ro xung đột trên Biển Đông, cơ bản đối phó với các thách thức từ sự gia tăng sức mạnh của Trung Quốc.

Bảng 3.5: Các đối thoại quan trọng trong hợp tác quốc phòng Ấn Độ - ASEAN

Năm	Sự kiện quan trọng
1992	Thiết lập đối tác đối thoại theo ngành
1995	Hai bên nâng cấp thành Đối tác đối thoại toàn diện
2002	Tương tác cấp Ngoại trưởng và nâng thành Hội nghị thượng đỉnh lần 1
2003	Hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ-ASEAN lần thứ hai
2004	Hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ-ASEAN lần thứ ba Ký kết Kế hoạch hành động ASEAN-Ấn Độ (2016-2021)
2005	Ấn Độ là thành viên của Hội nghị thượng đỉnh Đông Á Hội nghị cấp cao Ấn Độ-ASEAN lần thứ tư
2007	Hội nghị thượng đỉnh Ấn Độ-ASEAN lần thứ 5 Hội nghị cấp cao Đông Á lần thứ 2
2012	Hội nghị cấp cao kỷ niệm 20 năm ở New Delhi (12/2012), nâng cấp mối quan hệ thành Đối tác Chiến lược.
2018	Hội nghị thượng đỉnh kỷ niệm 25 năm ở New Delhi (1/2018), hai bên thống nhất tập trung vào việc xây dựng hợp tác trong lĩnh vực hàng hải.
2022	Hai bên nâng cấp Đối tác chiến lược toàn diện và công bố “ <i>Tuyên bố chung về Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện ASEAN-Ấn Độ</i> ”
2023	Cuộc tập trận hàng hải ASEAN- Ấn Độ (AIME-2023) trên Biển Đông
2024	Hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Ấn Độ lần thứ 21 tại Lào

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Bộ Ngoại giao Ấn Độ

Trong Hội nghị thượng đỉnh ASEAN-Ấn Độ năm 2012, Thái Lan bày tỏ sự quan tâm mở rộng hợp tác với Ấn Độ không chỉ trong quan hệ ASEAN-Ấn Độ mà còn qua các khuôn khổ như BIMSTEC và Hợp tác Mê Kông-Sông Hằng. Hợp tác này không chỉ tập trung vào kinh tế mà còn vào quốc phòng, đặc biệt là qua việc phát triển Hành lang kinh tế Mê Kông-Ấn Độ, kết nối các cảng quan trọng giữa Ấn Độ, Myanmar và Thái Lan, tạo cơ hội cho các hoạt động huấn luyện và tập trận chung giữa các quốc gia ASEAN và Ấn Độ (Temjenmeren Ao, 2018). Hơn nữa, trong năm 2012, ASEAN và Ấn Độ đã được nâng cấp quan hệ lên mức đối tác chiến lược. Ấn Độ đã thể hiện hình ảnh đối tác an ninh đáng tin cậy bằng cách tham gia nhiều khuôn khổ đa phương do ASEAN dẫn dắt như EAS, ARF, ADMM+ và EAMF để thúc đẩy an ninh khu vực (David Scott, 2007).

Hiện nay, Ấn Độ đã bổ nhiệm vị trí tùy viên quốc phòng ở hầu hết tất cả các quốc gia ASEAN, ngoại trừ Campuchia và Lào để thúc đẩy các hợp tác quốc phòng giữa các bên. Hoạt động này giúp Ấn Độ xích lại gần hơn với các thành viên của ASEAN, từ đó thúc đẩy hợp tác toàn diện hơn với toàn khối. Ấn Độ đã ký các thỏa thuận hợp tác quốc phòng với một số nước Đông Nam Á, bao gồm Singapore (năm 2003, 2008, 2008), Indonesia (năm 2001), Malaysia (năm 1993), Việt Nam (2000, 2007, 2009), Phillipines (năm 2006) và Thái Lan (năm 2012) (David Scott, 2007). Những thỏa thuận này là tiền đề để Ấn Độ hỗ trợ các nước ASEAN trong huấn luyện quân sự và chuyển giao vũ khí.

- *Các hoạt động đào tạo, diễn tập quân sự và thương mại vũ khí nói chung*

Ấn Độ đã chú trọng đến việc tăng cường sự hiện diện của hải quân mình tại Đông Nam Á nhằm (i) đối trọng với Trung Quốc, đảm bảo an ninh khu vực, và (ii) trở thành “*chủ thể cung cấp an ninh thuận*” thông qua các cuộc tập trận chung, nâng cao năng lực quốc phòng cho các quốc gia ASEAN, đồng thời phô diễn sức mạnh và công nghệ quốc phòng để xuất khẩu vào khu vực. Kể từ năm 2007, số lần tàu hải quân Ấn Độ thăm các quốc gia ASEAN đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể để duy trì hợp tác quốc phòng và xây dựng lòng tin, tăng cường hợp tác an ninh và khẳng định vị thế của Ấn Độ như một lực lượng quan trọng trong khu vực (xem Bảng 3.6).

Bảng 3.6: Số lần tàu hải quân Ấn Độ thăm các quốc gia ASEAN (2007 - 2023)

Quốc gia	Số lần	Thời gian
Singapore	12	2009, 2010, 2011, 2012, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2021, 2022, 2023
Philippines	10	2010, 2011, 2012, 2013, 2016, 2018, 2018, 2019, 2021, 2022
Indonesia	11	2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2015, 2017, 2018, 2019, 2022, 2023
Malaysia	11	2008, 2010, 2011, 2012, 2013, 2015, 2016, 2017, 2019, 2022, 2023
Thái Lan	7	2010, 2012, 2015, 2016, 2018, 2019, 2023
Việt Nam	17	2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023
Campuchia	5	2008, 2015, 2018, 2019, 2023
Brunei	6	2011, 2013, 2014, 2017, 2019, 2021

Nguồn: Võ Xuân Vinh (2019, tr. 157) và tác giả tổng hợp từ Bộ Ngoại giao Ấn Độ và các quốc gia ASEAN

Như vậy, Ấn Độ đã thể hiện cam kết rõ ràng trong việc mở rộng ảnh hưởng hải quân tại khu vực Đông Nam Á, thông qua các chuyến thăm định kỳ và sự hiện diện tích cực tại các cảng biển của ASEAN. Nổi bật trong số đó là vào tháng 6/2016, khi Ấn Độ triển khai bốn tàu chiến tiên tiến nhất từ Hạm đội phương Đông dưới quyền chỉ huy của Chuẩn Đô đốc S.V.Bhokare thăm các cảng như Cam Ranh tại Việt Nam, vịnh Subic ở Philippines, Sasebo tại Nhật Bản, Busan ở Hàn Quốc, Vladivostok tại Nga và Port Klang ở Malaysia (Văn Ngọc Thành, Trần Anh Đức, 2018). Hành động này không chỉ thể hiện sức mạnh và vị thế hải quân của Ấn Độ mà còn là biểu hiện cụ thể của chính sách hướng Đông, khẳng định cam kết của Ấn Độ đối với khu vực này.

Trong lĩnh vực hợp tác hàng hải là một trụ cột quan trọng trong quan hệ an ninh giữa hai bên. Cuộc tập trận hải quân MILAN hàng đầu của Ấn Độ, bắt đầu từ

những năm 1990, có sự tham gia của một số thành viên ASEAN. Ấn Độ cũng tiến hành các cuộc tuần tra phối hợp song phương với một số nước ASEAN, cũng như các cuộc tập trận như Cuộc tập trận hàng hải Singapore-Ấn Độ, kéo dài 25 năm vào năm 2018. Năm 2019, nước này cũng tham gia một cuộc tập trận nhỏ mới với Singapore và Thái Lan. Ấn Độ và Singapore cũng đã ký các thỏa thuận về quân đội, hải quân và không quân (Hernaikh Singh, 2022).

Diễn tập hàng hải đa phương AIME lần đầu tiên được tổ chức từ ngày 2-8/5/2023 đã đánh dấu bước tiến quan trọng trong hợp tác hàng hải giữa Ấn Độ và các nước ASEAN, với sự tham gia của Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam (Ministry of Defence, 2023c). Cuộc diễn tập này được đồng tổ chức bởi hải quân Ấn Độ và Singapore, cuộc tập trận có sự tham gia của INS Satpura và INS Delhi của Hải quân Ấn Độ, cùng với 9 tàu, 6 máy bay và hơn 1.800 nhân viên (Ministry of Defence of Singapore, 2023). Cuộc tập trận nhằm tăng cường khả năng tương tác và thực hành tốt nhất, bao gồm hai giai đoạn: trao đổi chuyên môn tại căn cứ hải quân Changi và diễn tập trên biển ở Biển Đông. Các hoạt động tập trung vào diễn tập tìm kiếm và bắt giữ, hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thiên tai và an ninh hàng hải. AIME 2023, trong bối cảnh căng thẳng với Trung Quốc sau đụng độ Galwan, là sáng kiến chiến lược giúp Ấn Độ và ASEAN tăng cường quan hệ quốc phòng và phối hợp ứng phó các thách thức an ninh hàng hải ở ADD-TBD.

Ấn Độ đã chủ động tham gia các cuộc tập trận quân sự với nhiều quốc gia, bao gồm các nước thành viên ASEAN (*xem Bảng 3.7*), nhằm thực hiện hai mục tiêu chiến lược: (1) Ấn Độ muốn khẳng định vai trò đối tác an ninh quan trọng của các nước ASEAN, giúp tăng cường năng lực phòng thủ của họ đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc. (2) các cuộc tập trận này góp phần cân bằng chiến lược trong khu vực, đối phó trực tiếp với ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc tại ASEAN. Đây là một phần trong chiến lược đối ngoại rộng lớn của Ấn Độ, nhằm xây dựng mối quan hệ mạnh mẽ với các nước thành viên tiến tới bền vững với ASEAN.

Bảng 3.7: Danh mục các cuộc tập trận quân sự của Ấn Độ và các nước ASEAN

Quốc gia tham gia	Đơn vị tham gia	Tên cuộc diễn tập	Số lần đã tổ chức
Ấn Độ - Singapore	Hải quân	SIMBEX	31 lần (hằng năm từ 1994 - 2024)
Ấn Độ - Indonesia	Hải quân	SAMUDRA SHAKTI	4 lần (2018, 2019, 2021, 2023)
		IND-INDO CORPAT	42 lần (2002 - 2024)
	Lục quân	GARUDA SHAKTI	6 lần (2012, 2015, 2016, 2018, 2022, 2024)
Ấn Độ - Myanmar	Lục quân	IMBEX	2 lần (2017-18, 2018-19)
	Hải quân	IMCOR	8 lần (2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020)
		IN-MN BILAT	3 lần (2018, 2019, 2020)
Ấn Độ - Thái Lan	Lục quân	MAITREE	13 lần (2006-2024)
	Hải quân	INDO-THAI CORPAT	36 lần từ 2005 - 2024 (tổ chức 2 lần/ năm, năm 2022 không tổ chức)
	Không quân	SIAM BHARAT	3 lần (2016, 2017, 2018)
Ấn Độ - Việt Nam	Lục quân	VINBAX	4 lần (2018, 2019, 2022, 2023)
	Hải quân	IN-VPN BILAT	2 lần (2018, 2019)
Ấn Độ - Singapore - Thái Lan	Hải quân	SITMEX	4 lần (2019, 2020, 2021, 2024)

Nguồn: Tác giả tổng hợp dựa trên Bộ Ngoại giao Ấn Độ và các nước ASEAN

Ngoài ra, Ấn Độ đã chủ trì một cuộc tập trận đa quốc gia mang tên “Force 18” trong khuôn khổ Hội nghị ADMM+ (Phạm Quang Minh & Nguyễn Thị Thùy Trang, 2019, tr. 232), với sự tham gia của 10 quốc gia ASEAN và 8 đối tác đối thoại, tập trung vào hoạt động rà phá bom mìn nhân đạo và các hoạt động gìn giữ

hòa bình. Cuộc tập trận này là một bước quan trọng đối với Ấn Độ trong việc thể hiện cam kết của mình đối với hòa bình và an ninh khu vực cũng như chia sẻ những kinh nghiệm và thực tiễn tốt nhất trong các sứ mệnh gìn giữ hòa bình của LHQ.

Trong hoạt động nâng cao năng lực quốc phòng cho ASEAN, Ấn Độ và Singapore đã ký một thỏa thuận mới nhằm gia hạn việc Quân đội Singapore sử dụng các cơ sở huấn luyện và tập trận ở Ấn Độ thêm 5 năm nữa. Tương tự, Ấn Độ đã thiết lập Học viện Không quân tại Lào. Vào tháng 12 năm 2011, phái đoàn quân sự cấp cao của Ấn Độ, do Bộ trưởng Lục quân dẫn đầu, đã thăm Lào để thảo luận về hợp tác quốc phòng đang diễn ra. Các cuộc thảo luận tập trung vào việc củng cố cam kết của Ấn Độ trong việc nâng cao năng lực Quân đội Nhân dân Lào, thông qua các sáng kiến hợp tác quốc phòng khác nhau. Trong chuyến thăm, phái đoàn Ấn Độ đã tham quan Học viện Quốc phòng Kaysone Phomvihane, nơi được Ấn Độ hỗ trợ trong suốt 15 năm qua, chứng minh sự cam kết của mình trong việc xây dựng năng lực quốc phòng cho Lào (Vinod Anand, 2013).

Đối với Malaysia, Ấn Độ đã đào tạo Lực lượng Không quân Malaysia tại Ấn Độ để vận hành máy bay Sukhoi Su-30MKM Flanker vào năm 2010, với sự tham gia của 31 thành viên (4 phi công, 1 sĩ quan, 2 kỹ sư, 22 kỹ thuật viên, 2 quân trị viên). Các sĩ quan và quân nhân của Lực lượng Vũ trang Malaysia ban đầu được đào tạo ở Ấn Độ nhưng khi Malaysia thành lập các cơ sở đào tạo riêng, việc đào tạo ở Ấn Độ trở nên chọn lọc hơn và hiện tập trung vào các khóa học chuyên biệt. Các sĩ quan Malaysia thường xuyên tham dự khóa học Cao đẳng Tham mưu Dịch vụ Quốc phòng, khóa học Cao đẳng Quốc phòng và một số khóa học chuyên ngành khác ở Ấn Độ. Các sĩ quan Ấn Độ thường xuyên tham dự khóa học Chỉ huy và Tham mưu của Malaysia cũng như các khóa học chuyên ngành khác. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã gửi các khóa học tại Cao đẳng Quốc phòng, khóa chỉ huy cấp cao, khóa học quản lý Quốc phòng, cũng như các khóa học về chỉ huy Không quân/Hải quân cấp cao đến Malaysia. Phái đoàn khóa quản lý quốc phòng cấp cao của Ấn Độ đã thăm Malaysia vào các tháng 10/2010, 10/2011 và 11/2012; phái đoàn chỉ huy cấp cao thăm Malaysia vào tháng 11/2011, và khóa chỉ huy cấp cao hải quân thăm vào tháng 2/2012 (High Commission of India in Malaysia, 2012).

Trong hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng giữa hai bên, mặc dù xuất khẩu vũ khí của Ấn Độ vẫn còn thấp so với Trung Quốc, nhưng hoạt động viện trợ và mua bán trang thiết bị quốc phòng của Ấn Độ với các nước ASEAN đang dần phát triển, mặc dù tốc độ có phần chậm. Qua việc tư nhân hóa ngành công nghiệp quốc phòng và hợp tác sản xuất với các nhà sản xuất châu Âu, Ấn Độ đang khẳng định mình là đối tác đáng tin cậy trong việc đáp ứng nhu cầu an ninh của các nước Đông Nam Á. Để ưu tiên việc bán vũ khí, Ấn Độ đã cử một tùy viên quốc phòng thường trú hoặc không thường trú - được giao nhiệm vụ thúc đẩy hợp tác quốc phòng khu vực của Ấn Độ - ở tất cả các nước ASEAN ngoại trừ Campuchia và Lào (Viraj Solanki, 2024).

Từ năm 2017 đến năm 2021, khoảng 50% thương vụ quốc phòng của Ấn Độ là Myanmar (Raghav Bikchandani, 2022). Ấn Độ đã cung cấp hệ thống giám sát ven biển cho Myanmar, và một trạm phòng không điều khiển từ xa từ Bharat Electronics Limited, trị giá 600.000 USD vào năm 2021 (Myanmar Now, 2021).

Ấn Độ cũng tích cực hợp tác với Việt Nam, đã gia hạn hạn mức tín dụng trị giá 100 triệu USD vào năm 2013, được sử dụng để mua 12 tàu tuần tra tốc độ cao và đã được bàn giao vào 6/2022 (ETGovernment, 2022). Hai bên đã ký kết triển khai gói tín dụng trị giá 500 triệu USD cho lĩnh vực quốc phòng trong khuôn khổ chuyến thăm của Việt Nam tới Ấn Độ vào tháng 8/2024 (Báo điện tử Chính phủ, 2024). Ngoài ra, một số thương vụ tiềm năng khác cũng đang được đàm phán, bao gồm các hệ thống vũ khí như tên lửa Brahmos, hệ thống tên lửa Akash, ngư lôi chống tàu ngầm Varunastra và radar ven biển, nhưng hiện tại vẫn chỉ dừng lại ở giai đoạn thương thảo.

Hơn nữa, Công ty Larsen & Toubro của Ấn Độ đã lần đầu tiên giành được hợp đồng cung cấp hệ thống pháo hải quân 40 mm cho hải quân Indonesia (BTI Defense, 2022). Indonesia và Thái Lan cũng bày tỏ nguyện vọng về thương vụ hệ thống tên lửa siêu thanh Brahmos. Indonesia, Philippines và đặc biệt Malaysia cũng xem xét việc mua 18 máy bay chiến đấu hạng nhẹ Tejas từ Ấn Độ, đây là hợp đồng mà Ấn Độ đang cạnh tranh với các nhà sản xuất từ Trung Quốc, Nga và Hàn Quốc.

Trước đây, Ấn Độ thận trọng trong việc cung cấp vũ khí cho các nước Đông Nam Á do lo ngại về thỏa thuận với người dùng cuối và việc tuân thủ các quy tắc nhất định. Tuy nhiên, thỏa thuận gần đây với Philippines cho thấy sự thay đổi chiến lược trong cách tiếp cận của Ấn Độ. Ấn Độ đã đạt được một cột mốc quan trọng trong sáng kiến xuất khẩu quốc phòng của mình bằng việc ký một thỏa thuận trị giá 375 triệu USD để xuất khẩu tên lửa hành trình siêu âm BrahMos sang Philippines. Hợp đồng này đã được xác nhận bởi Bộ trưởng Quốc phòng Philippines, Delfin Lorenzana, người tuyên bố rằng họ đã chính thức yêu cầu BrahMos Aerospace Private Limited đồng ý bán ba khẩu đội của hệ thống tên lửa siêu thanh, trị giá 375 triệu USD (Premesha Saha, 2022). Thỏa thuận này thể hiện một bước tiến lớn trong nỗ lực của Ấn Độ nhằm mở rộng sự hiện diện trên thị trường quốc phòng toàn cầu, đặc biệt là về xuất khẩu vũ khí tinh vi như tên lửa BrahMos do Ấn Độ sản xuất.

Như vậy, hoạt động viện trợ quân sự và mua bán trang thiết bị quốc phòng giữa Ấn Độ và ASEAN phản ánh sự thay đổi trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, từ việc tập trung vào các mối quan hệ truyền thống đến việc mở rộng quan hệ đối tác chiến lược. Sự chủ động của Ấn Độ trong việc xây dựng ảnh hưởng và mở rộng quan hệ không chỉ thúc đẩy các cơ hội thương mại và quốc phòng, mà còn giúp tăng cường vị thế cạnh tranh của Ấn Độ so với Trung Quốc trong khu vực. Các thỏa thuận hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia ASEAN, như Singapore, Indonesia, Malaysia, Việt Nam, Philippines và Thái Lan, đã tạo ra một môi trường hợp tác lợi ích song phương, qua đó củng cố an ninh khu vực và tăng cường sức ảnh hưởng cũng như uy tín của Ấn Độ tại Đông Nam Á.

3.2.3. Trong các khuôn khổ hợp tác khác

Thực tế, Ấn Độ cũng duy trì hợp tác quốc phòng cơ bản với các tổ chức như BIMSTEC, SAARC, IORA và SCO để tăng cường an ninh hàng hải, bảo vệ lợi ích thương mại trên các tuyến đường biển quan trọng trong khu vực. Mục tiêu của Ấn Độ là giải quyết các thách thức phi truyền thống, bảo vệ an ninh hải quân và đảm bảo sự ổn định trong khu vực Vịnh Bengal và các vùng biển lân cận. Thông qua việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng trong các khuôn khổ này, Ấn Độ không chỉ thể hiện vai trò là nhà cung cấp an ninh thuần túy mà còn có chiến lược cân bằng sự ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc. Bằng cách thúc đẩy sự hợp tác quốc phòng,

Ấn Độ giúp củng cố sức mạnh khu vực, đồng thời tạo dựng một mạng lưới đối tác an ninh, từ đó làm giảm bớt sự hiện diện và tác động của Trung Quốc đối với các quốc gia trong các tổ chức như BIMSTEC, SAARC, IORA và kể cả SCO.

- *Cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương*

BIMSTEC cho đến nay đã tổ chức 5 hội nghị thượng đỉnh (*xem Bảng 3.8*): lần đầu tiên ở Bangkok, Thái Lan (2004), lần thứ hai ở New Delhi, Ấn Độ (2008), lần thứ ba ở Nay Pyi Daw, Myanmar (2014), lần thứ tư ở Kathmandu, Nepal (2018) và hội nghị thượng đỉnh lần thứ năm gần đây nhất tại Colombo, Sri Lanka (2022). Những hội nghị thượng đỉnh này có ý nghĩa then chốt trong việc tăng cường mối quan hệ đa phương giữa các quốc gia thành viên.

Bảng 3.8: Các đối thoại quan trọng trong hợp tác Ấn Độ - BIMSTEC

Thời gian	Sự kiện
11/2008	Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 2 được tổ chức tại New Delhi.
12/2009	Hội nghị Bộ trưởng lần thứ 12 thông qua Nghiên cứu Cơ sở hạ tầng Giao thông và Hậu cần BIMSTEC nhằm thúc đẩy kết nối khu vực.
2/2010	Mạng lưới các tổ chức tư vấn BIMSTEC lần 1 ở New Delhi.
1/2011	Biên bản ghi nhớ về việc thành lập trung tâm năng lượng BIMSTEC.
3/2014	Hội nghị thượng đỉnh lần 3 được tổ chức tại Naypyitaw.
9/2014	Ban Thư ký thành lập tại Dhaka
10/2016	Hội nghị các nhà lãnh đạo BIMSTEC diễn ra ở Goa
3/2017	Cuộc họp các giám đốc an ninh quốc gia BIMSTEC lần 1 tại Ấn Độ
8/2018	Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 4 tại Kathmandu
3/2022	Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 5 tại Colombo
2/2023	Cuộc họp Ban điều hành Trung tâm Năng lượng lần 1 tại Ấn Độ
7/2024	Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao BIMSTEC tại Ấn Độ
9/2024	Hội nghị thượng đỉnh lần thứ 6 tại Bangkok, Thái Lan

Nguồn: BIMSTEC

Đối với Ấn Độ, BIMSTEC không chỉ có tầm quan trọng chiến lược và kinh tế mà còn đóng vai trò then chốt trong việc xây dựng lòng tin và thúc đẩy hợp tác quốc phòng trong khu vực. Liên kết chặt chẽ với các quốc gia thành viên của

BIMSTEC, bao gồm những nước trong khu vực ngoại vi của Ấn Độ, giúp quốc gia này thực hiện chiến lược “*Láng giềng trên hết*” và “*Hành động phía Đông*”, đồng thời mở rộng kết nối với Đông Nam Á và các bang phía đông bắc thông qua Vịnh Bengal, đặc biệt là qua Bangladesh và Myanmar. Hợp tác quốc phòng trong khuôn khổ BIMSTEC góp phần tăng cường khả năng tương tác và bảo vệ an ninh khu vực, đồng thời giúp Ấn Độ cân bằng trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc, đặc biệt BRI của Bắc Kinh. Việc duy trì các đối thoại quốc phòng trong khuôn khổ này không chỉ thúc đẩy lòng tin mà còn tạo nền tảng vững chắc để triển khai các sáng kiến an ninh chung trong khu vực

Hội nghị Lãnh đạo BIMSTEC tại Goa năm 2016 thông qua “*Chương trình hành động*”, mở rộng hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia BIMSTEC, dù quốc phòng không phải là trụ cột chính của tổ chức (Ministry of External Affairs, 2016). Trong các lĩnh vực mà BIMSTEC tập trung, Ấn Độ đã chủ trì các sáng kiến về an ninh, bao gồm chống khủng bố và tội phạm xuyên quốc gia, quản lý thiên tai và năng lượng. Đây là cơ hội để Ấn Độ thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các thành viên BIMSTEC, qua việc nâng cao khả năng chia sẻ thông tin tình báo, huy động nhanh nguồn lực quốc phòng, và tăng cường hợp tác sản xuất quốc phòng, góp phần đảm bảo an ninh khu vực.

Tiếp đến, để tăng cường sự hiện diện và ảnh hưởng của mình trong khu vực ADD, Ấn Độ đã thiết lập quan hệ đối tác quân sự với các quốc gia xung quanh ADD, bao gồm Seychelles, Madagascar, Reunion, Mauritius, Comoros và Mayotte và các nước lớn như Mỹ, Pháp. Để thúc đẩy hợp tác với các quốc gia IORA, Ấn Độ đã khởi xướng IONS để tập trung vào hợp tác hàng hải và an ninh khu vực, thể hiện khát vọng trở thành lực lượng hàng đầu trong việc định hình an ninh khu vực ADD của mình (Gaurav Sharma and Marc Finaud, 2020, tr. 5). Tính đến năm 2023, IONS đã tổ chức được 8 lần, lần gần nhất do Hải quân Thái Lan tổ chức tại Bangkok từ ngày 19 - 22/12/2023. Tư lệnh hải quân và đại biểu cấp cao từ 27 quốc gia thành viên lẫn quan sát viên đã tham gia sự kiện này (Press Information Bureau, 2023c). Trước đó, lần thứ 7 được tổ chức tại La Réunion, Pháp vào năm 2021; lần thứ 6 tại Tehran, Iran vào năm 2018; lần thứ 5 tại Dhaka, Bangladesh vào năm 2016; lần thứ

4 tại Tây Australia vào năm 2014; lần thứ 3 tại Nam Phi vào năm 2012; lần thứ 2 tại Abu Dhabi của UAE vào năm 2010; và lần đầu tiên tại Ấn Độ vào năm 2008. Lần thứ 9 dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối năm 2025 tại Ấn Độ (Press Information Bureau, 2023e). Thông qua IONS, Ấn Độ thúc đẩy hợp tác hàng hải đa phương nhằm xây dựng lòng tin, nâng cao năng lực phối hợp và chia sẻ thông tin giữa các lực lượng hải quân trong khu vực. Mặc dù không mang tính ràng buộc về quân sự, IONS vẫn đóng vai trò là nền tảng quan trọng để Ấn Độ mở rộng ảnh hưởng an ninh, tăng cường hiện diện hải quân và phát triển các kênh hợp tác quốc phòng biển song phương với những quốc gia có vị trí chiến lược. Diễn đàn này được xem là công cụ hữu hiệu giúp Ấn Độ củng cố vai trò từ eo biển Malacca đến eo biển Hormuz, đồng thời tạo đối trọng trước sự hiện diện ngày càng gia tăng của Trung Quốc tại ADD, qua đó góp phần bảo vệ lợi ích quốc gia và duy trì ổn định khu vực.

Từ năm 2007 đến 2024, SAARC đã tổ chức 18 hội nghị thượng đỉnh (năm 2007 là lần thứ 14), với lần cuối cùng diễn ra vào năm 2014 (SAARC Secretariat, 2020). Sau đó, Pakistan không tổ chức theo kế hoạch vào năm 2016 và từ đó đến nay, hội nghị chưa được tái khởi động. Điều này có thể lý giải được vì SAARC đã đối mặt với những thách thức về hiệu quả hoạt động do căng thẳng địa chính trị giữa các thành viên, đặc biệt là Ấn Độ và Pakistan. Những căng thẳng này cản trở nỗ lực xây dựng sự đồng thuận và hợp tác trong tổ chức. Lợi ích quốc phòng của Ấn Độ có liên quan gián tiếp đến SAARC, vì sự ổn định và hợp tác giữa các quốc gia Nam Á có thể góp phần vào động lực an ninh tổng thể trong khu vực. Tuy nhiên, Ấn Độ hiện chỉ bổ nhiệm tùy viên quốc phòng tại Afghanistan và Nepal, còn tại Pakistan, Bangladesh, Sri Lanka, và Maldives, vị trí này là cố vấn quốc phòng; riêng Maldives không có tùy viên quốc phòng tại cơ quan ngoại giao của mình. Vì vậy, sự thất bại của SAARC đã thúc đẩy các nước trong khu vực tìm kiếm giải pháp thay thế và BIMSTEC được xem là lựa chọn khả thi (Joyeeta B, 2023, tr.1).

Bên cạnh đó, Ấn Độ tham gia chính thức của SCO vào năm 2017 (Devirupa Mitra, 2017) và đã tích cực tham dự 7 lần hội nghị thượng đỉnh tính đến năm 2024. Ấn Độ cũng đã tham gia các cuộc họp cấp Bộ trưởng và các hình thức đối thoại khác và đóng góp tích cực vào việc thúc đẩy chương trình nghị sự của SCO. Để

tăng cường sự đóng góp của Ấn Độ cho các hoạt động hàng ngày của SCO, Ấn Độ đã cử hai quan chức đến Ban thư ký SCO (Bắc Kinh) và Cơ quan chống khủng bố khu vực của SCO (Tashkent) (Embassy of India in Beijing, 2022). Thông qua việc tham gia vào SCO, Ấn Độ không chỉ tăng cường quan hệ quốc phòng với các nước chủ chốt trong khu vực như Nga và Trung Quốc mà còn với các nước cộng hòa Trung Á, qua đó củng cố dấu ấn chiến lược của mình trong khu vực. Với từng thành viên nội khối, Ấn Độ cũng thúc đẩy ký kết các thỏa thuận “*Hợp tác kỹ thuật quốc phòng và quân sự*” với Kazakhstan (năm 2015), Biên bản ghi nhớ hợp tác về đào tạo và nâng cao năng lực quốc phòng với Uzbekistan (năm 2019). Kể từ khi gia nhập SCO, Ấn Độ đã tích cực tham gia các cuộc họp từ cấp nhà lãnh đạo đến cấp Bộ trưởng (xem Phụ lục 14). Dù SCO là tổ chức do Trung Quốc sáng lập, việc Ấn Độ tham gia thường xuyên các cuộc đối thoại này giúp tạo dựng lòng tin với các quốc gia thành viên, đồng thời duy trì sự ổn định trong quan hệ với Trung Quốc. Tham gia đa phương của Ấn Độ không nhất thiết là sự đối trọng với Trung Quốc, mà là một cách để xây dựng quan hệ hợp tác chặt chẽ hơn trong khu vực, qua đó không chỉ đảm bảo an ninh chung mà còn thúc đẩy các lợi ích chiến lược của Ấn Độ trong khuôn khổ hợp tác quốc tế.

- *Các hoạt động đào tạo, diễn tập quân sự và mua bán vũ khí nói chung*

Trong lĩnh vực đào tạo - nâng cao năng lực quốc phòng, Ấn Độ đã phân bổ một số lượng đáng kể học bổng theo chương trình ITEC cho các quốc gia BIMSTEC và SAARC, với 1440 suất dành cho đào tạo dân sự, 274 suất dành cho đào tạo quốc phòng và 18 suất dành cho các tổ chức uy tín như Trường Cao đẳng Quốc phòng Quốc gia và Trường Cao đẳng Tham mưu Dịch vụ Quốc phòng. Đặc biệt, các quốc gia Nepal và Bhutan cũng được hưởng chương trình viện trợ đặc biệt của ITEC (Ministry of Defence, 2010, tr. 138). Ngoài ra, Ấn Độ cũng thành lập trường Đại học Nam Á tại thủ đô New Delhi, được quản lý và tài trợ bởi các thành viên của SAARC và thành lập theo Đạo luật Đại học Nam Á năm 2008 của Quốc hội Ấn Độ (Ministry of External Affairs, 2023b). Trong số các ngành đào tạo tại trường, chuyên ngành quan hệ quốc tế được đào tạo từ cử nhân lên tiến sĩ với các định hướng nhằm phát triển và thúc đẩy các sáng kiến hợp tác quốc tế bao gồm cả quốc phòng cho khu vực Nam Á và mở rộng ra toàn cầu.

Đối với các thành viên thuộc SCO, Ngoại trưởng Ấn Độ E. Ahmed đã công bố “*Chính sách Kết nối Trung Á*” tại cuộc họp đầu tiên của Đối thoại Ấn Độ-Trung Á, được tổ chức vào tháng 6 năm 2012 tại Kyrgyzstan, để mở rộng quan hệ thông qua hợp tác chiến lược và an ninh giữa Ấn Độ và Trung Á, đặc biệt là huấn luyện quân sự (Neha Dwivedi, 2017). Từ đó, Ấn Độ cung cấp nhiều học bổng ITEC quốc phòng cho các nước Trung Á, chẳng hạn, Ấn Độ đã đào tạo cho 284 thành viên của Lực lượng vũ trang Kazakhstan theo chương trình ITEC tại các cơ sở của Lực lượng Vũ trang Ấn Độ (Ministry of External Affairs, 2023a). Ấn Độ đã đào tạo nhân viên quốc phòng Kyrgyzstan tại các cơ sở quốc phòng của Ấn Độ, diễn tập chung, tiến hành các chương trình trao đổi và nghiên cứu chung tại Trung tâm nghiên cứu y tế sinh học vùng núi Kyrgyzstan-Ấn Độ, Bishkek. Đối với Tajikistan, Ấn Độ cũng đang cung cấp miễn phí đào tạo cho số lượng lớn học viên quân sự Tajik và sĩ quan trẻ tại nhiều học viện đào tạo quốc phòng khác nhau ở Ấn Độ (Raj Kumar Sharma, 2014).

Đối với các quốc gia thuộc IORA, Ấn Độ đóng vai trò then chốt trong việc khôi phục năng lực nghiên cứu và học thuật trong các lĩnh vực liên quan đến quốc phòng và an ninh khu vực. Điều này được minh chứng qua việc tái lập vị trí Chủ tịch IORA về Nghiên cứu ADD vào năm 2014 sau gần 15 năm bị gián đoạn (Ministry of External Affairs, 2017, tr. 2). Thêm vào đó, mục tiêu quan trọng nhất của Ấn Độ là đảm bảo an ninh tuyến đường hàng hải và an toàn tại ADD, vì vậy, “*An ninh và An toàn Hàng hải*” đã được xác định là một trong sáu trụ cột quan trọng của IORA và được các lãnh đạo thông qua vào năm 2017. Năm 2018, IORA đã thành lập Nhóm Công tác về An ninh và An toàn Hàng hải với mục tiêu phát triển chương trình nghị quyết thông qua “*Kế hoạch Hành động*”. Mặc dù sáng kiến này không phải do duy nhất Ấn Độ đề xuất, nhưng với vai trò quốc gia có sức ảnh hưởng ở khu vực, đảm bảo an ninh hàng hải sẽ là cầu nối để củng cố mối quan hệ với các quốc gia thành viên IORA.

Ngoài ra, cam kết tài chính của Ấn Độ đối với các sáng kiến của IORA càng củng cố thêm vai trò của nước này với tư cách là nước dẫn đầu về đào tạo và hỗ trợ quốc phòng trong khu vực. Ấn Độ đã đóng góp cao nhất so với bất kì thành viên nào, tổng trị giá lên tới 100.000 USD (Ministry of External Affairs, 2017, tr. 2). Đóng góp

này, dù không được sử dụng cho các dự án cụ thể, nhưng thể hiện sự cống hiến của Ấn Độ trong việc tăng cường khả năng phòng thủ và an ninh tập thể của các quốc gia thành viên IORA, từ đó củng cố sự ổn định và hợp tác trong khu vực.

Trong lĩnh vực tập trận chung, sau cuộc tập trận quản lý thảm họa đầu tiên BIMSTEC DMEx-2017 tổ chức vào năm 2017 tại Delhi, các thành viên BIMSTEC đã nhận ra tầm quan trọng của việc hợp tác chung trong các vấn đề an ninh khu vực. Đáp ứng nhu cầu này, BIMSTEC đề xuất tổ chức các cuộc tập trận hải quân chung hàng năm tại Vịnh Bengal, bắt đầu từ năm 2020 tại Odisha. Mục tiêu chính là tập trung vào hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai. Đồng thời, trên đất liền, các quốc gia thành viên cũng cùng nhau tổ chức diễn tập chống nổi dậy thông qua tập trận huấn luyện quân sự BIMSTEC MILEX-18, được tổ chức vào tháng 9 năm 2018 tại Pune, Ấn Độ. Đây là cuộc diễn tập huấn luyện quân sự đầu tiên cho các quốc gia thuộc BIMSTEC, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc tăng cường hợp tác quân sự giữa các nước thành viên. Mục đích chính của MILEX-18 là tăng cường khả năng tương tác giữa các lực lượng của các quốc gia thành viên và trao đổi các phương pháp hay nhất trong chống khủng bố. Cuộc tập trận bao gồm một loạt các cuộc diễn tập chiến thuật, chẳng hạn như giải cứu con tin bằng cách đưa quân từ trực thăng, can thiệp vào phòng, dọn dẹp hiện trường như một phần của hoạt động phong tỏa và tìm kiếm, đột kích vào nơi ẩn náu của bọn khủng bố và vô hiệu hóa các thiết bị nổ tự chế (Press Information Bureau, 2018).

Ấn Độ, ngoài việc tham gia các tập trận chung với các quốc gia thành viên của BIMSTEC và SAARC, còn tích cực thực hiện nhiều cuộc tập trận song phương với các quốc gia trong khu vực. Theo số liệu thống kê từ Bộ Quốc phòng Ấn Độ, năm 2023 đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng trong lịch sử quân sự của Ấn Độ, bao gồm việc tổ chức tập trận lục quân “Sampriti” lần thứ 11 với Bangladesh, “Mitra Shakti” lần thứ 9 và tập trận hải quân “SLINEX” lần thứ 10 với Sri Lanka. Ngoài ra, tập trận hải quân “IN-BN CORPAT” lần thứ 4 cũng được thực hiện với Bangladesh. Trong năm 2019, Ấn Độ và Myanmar đã cùng tham gia “IMBEX” lần thứ 2 và tập trận hải quân “IMCOR” lần thứ 8. Trong cùng năm, tập trận quân đội “Maitree” lần thứ 8 đã được tiến hành với Thái Lan, và tập trận không quân “Siam Bharat” lần thứ 3 diễn ra

vào năm 2018. Đặc biệt, “Surya Kiran”, cuộc tập trận quân sự lần thứ 17 với Nepal, đã được tổ chức vào tháng 2 năm 2023. Những cuộc tập trận này không chỉ củng cố quan hệ quốc phòng giữa Ấn Độ và các quốc gia này, mà còn là cơ hội để chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao kỹ năng quân sự và tăng cường hiểu biết lẫn nhau từ đó thúc đẩy nhiều tập trận đa phương với các thành viên nội khối.

Đối với các thành viên SCO, Ấn Độ cũng tích cực thúc đẩy các hoạt động hợp tác quốc phòng với toàn khối và song phương với từng thành viên. Tính đến năm 2021, SCO đã tổ chức 6 lần tập trận “*Peaceful Mission*” (2007, 2010, 2012, 2016, 2018, 2021), trong đó, lực lượng quân sự Ấn Độ tham gia được 2 lần, lần đầu tiên năm 2018 và lần thứ 2 năm 2021 (Ministry of Defence, 2021). Ngoài ra, Ấn Độ cũng thúc đẩy tập trận song phương với các thành viên trong SCO, chẳng hạn tính đến năm 2024, Ấn Độ đã tổ chức 5 lần tập trận quân đội “DUSTLIK” với Uzbekistan, 7 lần cuộc tập trận “KAZIND” với lực lượng quân đội và không quân của Kazakhstan, 11 lần cuộc tập trận Lực lượng đặc biệt chung “KHANJAR” với Kyrgyzstan. Hoạt động của Ấn Độ trong SCO không quá nổi bật, vì quốc phòng không phải là trụ cột chính. Tuy nhiên, việc tham gia tập trận cho thấy sự chủ động của Ấn Độ trong việc ứng phó với thiên tai, chống khủng bố và duy trì hợp tác an ninh. Điều này phản ánh nỗ lực củng cố hình ảnh Ấn Độ là một đối tác tin cậy trong các vấn đề toàn cầu. Mặc dù các tập trận với các tổ chức đa phương khác có thể tăng cường năng lực quốc phòng, nhưng mục tiêu không hoàn toàn là cân bằng quyền lực hay đối đầu với Trung Quốc, mà còn thúc đẩy hợp tác an ninh và giải quyết các thách thức toàn cầu.

Trong hoạt động viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng, Ấn Độ đã thực hiện các bước quan trọng để tăng cường năng lực hải quân của các nước láng giềng thông qua hình thức chuyển giao các thiết bị quốc phòng quan trọng. Chẳng hạn như việc cung cấp tàu tuần tra ngoài khơi cho Mauritius vào năm 2015, Sri Lanka vào năm 2018, Maldives vào năm 2019 và Seychelles vào năm 2021. Ngoài ra, Ấn Độ còn tặng hai máy bay Dornier cho Seychelles vào năm 2013 và 2018 (State House, 2018). Mặc dù có quy mô khiêm tốn, nhưng đây là một phần trong chiến lược của Ấn Độ nhằm củng cố vị thế là “*nhà cung cấp an ninh*” trong khu vực.

Đối với các quốc gia trong IORA, Ấn Độ đã ký các thỏa thuận mở rộng hợp tác quân sự và các dự án phát triển cơ sở hạ tầng với các quốc đảo Seychelles, Mauritius, Maldives và Comoros, đồng thời lắp đặt các trạm radar để giám sát các hoạt động hàng hải ở một số quốc gia, bao gồm cả Madagascar (Christian Wagner and Siddharth Tripathi, 2018, tr. 3). Ấn Độ đang tập trung nâng cấp cơ sở vật chất trên Quần đảo Agaléga của Mauritius. Một bước tiến quan trọng là Biên bản ghi nhớ năm 2015 giữa Ấn Độ và Mauritius, trong đó dành 87 triệu USD để tăng cường các cơ sở hàng không và hàng hải trên đảo Agaléga. Những nâng cấp này rất quan trọng, có khả năng phục vụ cả mục đích dân sự và quân sự, do vị trí chiến lược của quần đảo dọc theo các tuyến hàng hải quan trọng. Sự hỗ trợ của Ấn Độ còn mở rộng ra ngoài việc phát triển cơ sở hạ tầng. Nó bao gồm việc hỗ trợ Victoria, thủ đô của Seychelles, lập bản đồ đại dương để bảo vệ vùng đặc quyền kinh tế của nước này. Việc lập bản đồ này rất quan trọng để quản lý tài nguyên biển và bảo vệ lãnh thổ hàng hải (Priyanjoli Ghosh, 2020, tr. 148-149). Ngoài ra, việc Ấn Độ cung cấp máy bay và triển khai dự án radar đã nâng cao đáng kể khả năng giám sát hàng hải của Seychelles. Ấn Độ cũng đã mở rộng các khoản tín dụng quốc phòng cho Seychelles là 100 triệu USD năm 2018; Mauritius là 100 triệu USD năm 2021; và Bangladesh là 500 triệu USD vào năm 2021 (Observatoire de l'Indo-Pacifique, 2021).

Ấn Độ cũng tập trung vào cách tiếp cận “*xây dựng năng lực*” trong hợp tác quốc phòng với Tajikistan. Ấn Độ đang giúp Tajikistan xây dựng một lực lượng không quân hiệu quả, khi Ấn Độ nâng cấp sân bay Ayni vào năm 2010. Ấn Độ đã tặng quân phục, xe jeep và xe tải, hai máy bay trực thăng Mi-8 cùng với các phụ tùng và vật tư tiêu hao cho Tajikistan (Alexander Sodiqov, 2011).

Như vậy, dù quốc phòng không phải trọng tâm trong BIMSTEC, SAARC, IORA và SCO, Ấn Độ vẫn linh hoạt tận dụng các khuôn khổ này để thúc đẩy hợp tác quốc phòng song phương, tùy theo vị trí chiến lược của từng nước. Cách tiếp cận này phù hợp với mục tiêu lâu dài của Ấn Độ là duy trì ổn định khu vực, kiềm chế ảnh hưởng của Trung Quốc, bảo vệ lợi ích quốc gia trước các thách thức an ninh, củng cố vị thế và vai trò của mình trong trật tự khu vực đang định hình.

Tiểu kết chương 3

Nếu như trước năm 2007, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các quốc gia chủ yếu mang tính rời rạc và không có sự đồng bộ cao, chịu ảnh hưởng lớn từ phong trào Không liên kết, thì trong giai đoạn từ 2007 đến 2024, Ấn Độ đã triển khai hoạt động hợp tác quốc phòng một cách chủ động và tích cực tại khu vực ADD-TBD thông qua trên cả phương diện song phương và đa phương.

Trong phạm vi của luận án, Ấn Độ đã ưu tiên hợp tác quốc phòng song phương với 6 đối tác an ninh chủ chốt như Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Trung Quốc và Việt Nam. Những đối tác này rất quan trọng đối với Ấn Độ trong việc tăng cường an ninh, củng cố khả năng quân sự và thúc đẩy lợi ích chiến lược của mình ở khu vực ADD-TBD. Vì vậy, Ấn Độ đã thiết lập và bổ nhiệm tùy viên quốc phòng lẫn nhau từ rất sớm. Trong đó, tại Mỹ và Nga, mỗi quốc gia bổ nhiệm tùy viên quốc phòng riêng biệt cho ba lực lượng vũ trang, trong khi các quốc gia còn lại chỉ có một vị trí duy nhất trong cơ quan ngoại giao của mình. Riêng Australia, hai bên hiện nay chỉ mới dừng lại ở mức bổ nhiệm cố vấn quốc phòng. Hợp tác quốc phòng song phương của Ấn Độ không chỉ dựa trên sự tin tưởng lẫn nhau mà còn được củng cố thông qua các hoạt động hợp tác thực chất, bao gồm các cuộc trao đổi thường xuyên, tổ chức các khóa đào tạo và huấn luyện quân sự, cũng như tiến hành các cuộc tập trận chung. Những hoạt động này giúp nâng cao khả năng quốc phòng của Ấn Độ và các đối tác, đồng thời tạo dựng sự hiểu biết và lòng tin trong các vấn đề an ninh khu vực. Đặc biệt, trong quan hệ với Mỹ, Nhật Bản và Australia, Ấn Độ đã tích cực tham gia vào các cơ chế hợp tác quốc phòng, qua đó củng cố sự phối hợp trong các hoạt động quân sự và an ninh khu vực.

Riêng với Trung Quốc, mặc dù hợp tác quốc phòng chưa được triển khai toàn diện như với các đối tác khác, nhưng Ấn Độ vẫn đạt được mức độ hợp tác nhất định và thực hiện chiến lược “cân bằng” quyền lực trong khu vực. Mối quan hệ này bao gồm ba yếu tố chủ chốt: hợp tác, kiềm chế và cạnh tranh. Ấn Độ duy trì hợp tác quốc phòng với Trung Quốc ở mức độ tối thiểu, trong khi vẫn kiên quyết bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia. Mặc dù không xây dựng một quan hệ quốc phòng sâu rộng với Trung Quốc, chiến lược này giúp Ấn Độ đối phó với sự trỗi dậy mạnh mẽ của quốc gia này mà không làm gia tăng căng thẳng trong khu vực.

Đối với hợp tác quốc phòng đa phương, Ấn Độ mở rộng hợp tác sâu rộng với các cơ chế như Quad, ASEAN, cũng như các khuôn khổ khác như SCO, SAARC, BIMSTEC và IORA. Những nỗ lực này thể hiện rõ ràng sự cam kết của Ấn Độ trong việc củng cố an ninh và ổn định khu vực AĐD-TBD. Ấn Độ tích cực tham gia vào các cuộc đối thoại quốc phòng - an ninh đa phương nhằm giải quyết các vấn đề an ninh chung và tăng cường sự phối hợp trong các tình huống khủng hoảng khu vực, cũng như thúc đẩy hoạt động đào tạo, diễn tập quân sự và thương mại vũ khí nói chung. Tăng cường hợp tác đa phương giúp Ấn Độ không chỉ mở rộng ảnh hưởng mà còn xây dựng sự tin tưởng lẫn nhau với các quốc gia đối tác, từ đó củng cố vai trò của mình trong các vấn đề an ninh khu vực, khiến các quốc gia khác không xem sự trỗi dậy của Ấn Độ là một mối đe dọa an ninh.

Chương 4. NHẬN XÉT THỰC TRẠNG VÀ DỰ BÁO HỢP TÁC QUỐC PHÒNG TRONG NHIỆM KỲ 3 CỦA THỦ TƯỚNG ẤN ĐỘ

4.1. Nhận xét hợp tác quốc phòng của Ấn Độ giai đoạn 2007-2024

4.1.1. Đặc điểm về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

Mặc dù Ấn Độ đã bắt đầu phát triển chính sách “đa liên kết” từ những năm 2000, nhưng sự chuyển mình rõ rệt trong hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, với sự phân cấp rõ ràng giữa các đối tác an ninh, chỉ diễn ra mạnh mẽ từ năm 2007 đến 2024. Cụ thể, Ấn Độ đã tập trung vào ba phương diện chính: (1) tham gia vào các tổ chức, diễn đàn đa phương của khu vực và thế giới, (2) tăng cường và xây dựng các mối quan hệ đối tác chiến lược, (3) định hình các nguyên tắc, bản sắc và hệ giá trị riêng (Ian Hall, 2016, tr.281-282), để bảo vệ lợi ích quốc gia và mở rộng sự ảnh hưởng của mình tại khu vực AĐD-TBD. Ngoại trưởng Jaishankar đã phát biểu rằng “đây là thời điểm để chúng ta hợp tác với Mỹ, kiểm soát Trung Quốc, thúc đẩy châu Âu, trấn an Nga, kéo Nhật Bản vào cuộc, thu hút các nước láng giềng, mở rộng khu vực lân cận và mở rộng các khu vực ủng hộ truyền thống” (Ashley J. Tellis, 2021). Vì thế, “đa liên kết” của Ấn Độ thể hiện thông qua việc tìm kiếm sự hỗ trợ từ Mỹ để kiểm soát rủi ro an ninh đến từ Pakistan và Trung Quốc, nhưng vẫn mở rộng quan hệ chặt chẽ với các nước lớn như Nga, Australia, Nhật Bản và giữ mối quan hệ “cơ bản tốt đẹp” với Trung Quốc mà không gây ra lo ngại từ các bên có liên quan.

Trên cơ sở phân tích thực trạng hợp tác quốc phòng song phương và đa phương của Ấn Độ trong chương 3, kết hợp với tiêu chí đánh giá mức độ triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD, luận án đưa ra nhận xét về mức độ hợp tác quốc phòng của quốc gia này như sau (xem Hình 4.1):

	Cao	Trung bình	Thấp
Lĩnh vực chuyển thăm cấp Nhà nước - cấp Bộ Quốc phòng	Mỹ - Nhật Bản Quad, ASEAN	Nga, Australia, Việt Nam SAARC, BIMSTEC, IORA, SCO	Trung Quốc
Lĩnh vực tập trận chung	Mỹ, Nhật Bản	Nga, Australia ASEAN, Quad	Trung Quốc, Việt Nam SAARC, BIMSTEC, IORA, SCO
Lĩnh vực đào tạo - huấn luyện năng lực quốc phòng		Tất cả các đối tác an ninh	
Lĩnh vực viện trợ và mua bán các trang thiết bị quốc phòng	Mỹ, Nga		Australia, Nhật Bản, Việt Nam, Trung Quốc
<i>Hợp tác đa phương thì không phải là lĩnh vực trọng tâm</i>			

Hình 4.1: Nhận xét về mức độ hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

Nguồn: Tác giả tổng kết từ hệ tiêu chí đánh giá và thực trạng triển khai

Các mức độ hợp tác “cao”, “trung bình”, và “thấp” phản ánh sự linh hoạt trong chiến lược quốc phòng của Ấn Độ, từ việc duy trì hợp tác chặt chẽ và liên tục với các đối tác chiến lược lớn đến việc duy trì quan hệ thận trọng và ít rủi ro với các quốc gia có thể gây ra căng thẳng, như Trung Quốc. Như vậy, Ấn Độ duy trì các chuyến thăm cấp Nhà nước, cấp Bộ Quốc phòng nhằm tạo dựng lòng tin và thúc đẩy ký kết các thỏa thuận quốc phòng, qua đó triển khai hợp tác thực tế, đặc biệt với các đối tác chiến lược như Mỹ và Nhật Bản. Điều này không chỉ củng cố mối quan hệ song phương mà còn đảm bảo sự ổn định trong hợp tác quốc phòng lâu dài. Mức độ trung bình bao gồm có Nga, Australia và Việt Nam, tần suất chuyến thăm cũng có nhiều năm chưa liên tục và xuyên suốt, trong đó Ấn Độ chủ động tổ chức các chuyến thăm đến Nga và Việt Nam, còn Australia là quốc gia chủ động tiếp cận với Ấn Độ. Với Trung Quốc thì Ấn Độ duy trì ở mức thấp, đủ để hợp tác nhằm giải quyết những vấn đề tranh chấp, xung đột hơn là hợp tác sâu rộng như các quốc gia còn lại. Sau khi kết thúc các chuyến thăm thì không phải năm nào Ấn Độ cũng ký kết các biên bản, hiệp định hay thỏa thuận liên quan đến quốc phòng, nhưng việc điều đặn ký kết theo từng giai đoạn và có tính liên tục gia hạn thể hiện mức độ cao trong hợp tác của Ấn Độ đối với các đối tác an ninh, trừ Trung Quốc. Các văn bản này được xem là cơ sở để triển khai hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ với các đối tác an ninh. Trong lĩnh vực hợp tác đa phương, Ấn Độ duy trì cơ chế đối thoại quốc phòng - an ninh ở mức độ cao với Quad, ASEAN. Việc duy trì các cơ chế đối thoại với ASEAN cho thấy vai trò cân bằng của Ấn Độ ở Đông Nam Á, liên quan đến hội nhập chính trị và thể chế. Đối với các tổ chức đa phương khác như SAARC, BIMSTEC, IORA, SCO đều thuộc khu vực AĐD-TBD, mặc dù hợp tác quốc phòng không phải là trọng tâm chính, nhưng khi thúc đẩy hợp tác, Ấn Độ luôn tập trung vào các vấn đề liên quan đến an ninh. Qua đó, Ấn Độ có thể xây dựng lòng tin và sự tin cậy với các nước thành viên, tạo ra cơ hội để phát triển hợp tác song phương với những quốc gia quan trọng đối với an ninh của mình.

Trên lĩnh vực đào tạo, huấn luyện năng lực quốc phòng và tập trận chung, Ấn Độ duy trì mức độ hợp tác cao với Mỹ và Nhật Bản, thể hiện qua các cuộc tập trận thường xuyên và sự tham gia đầy đủ của cả ba lực lượng quân sự. Mối quan hệ

hợp tác này không chỉ giúp tăng cường khả năng phối hợp trong các tình huống an ninh khu vực, mà còn hỗ trợ Ấn Độ trong việc đối phó với các mối đe dọa từ các cường quốc như Trung Quốc. Trong khi đó, hợp tác với Australia và Nga ở mức độ trung bình, với các cuộc tập trận không diễn ra liên tục hàng năm và không phải lúc nào cũng có sự tham gia đầy đủ của tất cả các lực lượng. Mặc dù vậy, các cuộc tập trận này vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định khu vực và bảo vệ an ninh hàng hải. Điều này cho thấy, dù có hợp tác quốc phòng, Ấn Độ không duy trì một cam kết liên tục và toàn diện với tất cả các đối tác trong việc tổ chức các cuộc tập trận chung. Đối với Trung Quốc, mức độ tập trận chung của Ấn Độ ở mức thấp, với duy nhất một cuộc tập trận được tổ chức từ năm 2007 đến nay và tổng cộng chỉ có 8 lần. Các cuộc tập trận chủ yếu nhằm duy trì hợp tác và tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa hai quân đội, đặc biệt trong việc đối phó với các mối đe dọa khủng bố. Mục tiêu chính không chỉ là hợp tác mà còn để kiểm soát rủi ro an ninh, tránh các tình huống xung đột có thể xảy ra. Điều này góp phần duy trì ổn định an ninh khu vực, đảm bảo rằng cả hai quốc gia có thể xử lý các tình huống khủng hoảng mà không làm leo thang căng thẳng, đồng thời tránh sự gia tăng bất ổn ở khu vực châu Á. Với Việt Nam, trước năm 2011, “*Việt Nam chưa chủ trương tham gia vào các cuộc tập trận quốc tế*” (Báo Quân đội nhân dân, 2011), sau này có thay đổi nhưng đến nay Ấn Độ và Việt Nam chỉ mới tổ chức 4 lần Diễn tập Lục quân song phương. Trong lĩnh vực đào tạo và huấn luyện năng lực quốc phòng, mặc dù Ấn Độ chủ động hợp tác với các nước lớn như Mỹ, Nga, Nhật Bản để tiếp cận công nghệ tiên tiến và nâng cao năng lực tác chiến, nhưng Ấn Độ cũng tích cực đào tạo các quốc gia có tiềm lực quốc phòng hạn chế hơn (*so với Ấn Độ*), như Việt Nam và các thành viên của các hợp tác đa phương như BIMSTEC, SAARC, IORA. Thông qua các thỏa thuận, Ấn Độ không chỉ chia sẻ kinh nghiệm mà còn nâng cao năng lực quốc phòng của mình đối với các đối tác an ninh trên phương diện mềm, không tạo ra sự đe dọa hay ngờ vực cho bất kỳ quốc gia nào.

Ấn Độ duy trì hợp tác tập trận với Quad và ASEAN ở mức trung bình. Với Quad, hợp tác tập trận chủ yếu tập trung vào an ninh hàng hải trong bối cảnh nguy cơ xung đột với Trung Quốc và Pakistan vẫn tiềm ẩn. Đối với ASEAN, việc tập

trận đa phương giữa ASEAN và Ấn Độ chủ yếu nằm trong khuôn khổ của ADMM+, tuy còn hạn chế nhưng lại là nền tảng để Ấn Độ thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác song phương với các quốc gia quan trọng như Indonesia và Thái Lan, với các cuộc tập trận đầy đủ ba lực lượng quân sự. Điều này cho thấy sự linh hoạt của Ấn Độ trong việc sử dụng cơ chế đa phương làm nền tảng để thúc đẩy song phương với các quốc gia thành viên. Sự kết nối này góp phần duy trì an ninh, thúc đẩy sự ổn định và hợp tác quốc phòng giữa các quốc gia trong khu vực. Với các tổ chức đa phương còn lại như SAARC, SCO, BIMSTEC, và IORA, hợp tác chủ yếu ở mức thấp để thể hiện vai trò hỗ trợ an ninh. Trong lĩnh vực đào tạo và huấn luyện năng lực quốc phòng, Ấn Độ duy trì mức độ hợp tác ở mức trung bình với các quốc gia đối tác. Việc duy trì mức độ hợp tác trung bình cho phép Ấn Độ khẳng định được vị trí quan trọng của mình trong việc xây dựng năng lực quốc phòng cho các quốc gia láng giềng, góp phần vào sự ổn định khu vực mà không cần phải cạnh tranh quá mạnh mẽ với các cường quốc quân sự khác.

Trong lĩnh vực mua bán vũ khí, Ấn Độ duy trì hợp tác ở mức cao với Mỹ và Nga, chủ yếu để mua các hệ thống vũ khí tầm xa như tên lửa hành trình, hệ thống phòng không và tàu ngầm. Những hợp tác này không chỉ giúp Ấn Độ nâng cao năng lực quốc phòng mà còn thúc đẩy hợp tác sản xuất và chuyển giao công nghệ, tiến tới tự chủ trong ngành công nghiệp quốc phòng. Việc hợp tác với Mỹ và Nga giúp Ấn Độ củng cố sức mạnh quân sự và gia tăng ảnh hưởng trong khu vực, đặc biệt là trong bối cảnh đối phó với các mối đe dọa từ Trung Quốc. Trong khi đó, hợp tác với các quốc gia như Australia và Nhật Bản mới chỉ ở giai đoạn đầu, chủ yếu tập trung vào chuyển giao công nghệ, nhưng vẫn góp phần vào sự ổn định khu vực thông qua việc xây dựng mối quan hệ đa phương. Ngoài ra, Ấn Độ chưa có giao dịch đáng kể với Việt Nam và duy trì mức nhập khẩu vũ khí thấp từ Trung Quốc. Như vậy, mức độ “cao” và “thấp” trong lĩnh vực này không chỉ phản ánh giá trị giao dịch mà còn thể hiện ưu tiên chiến lược của Ấn Độ trong việc duy trì sự linh hoạt trong quan hệ và kiểm soát rủi ro an ninh. Trong hợp tác đa phương thì mua bán vũ khí không phải là lĩnh vực trọng tâm, Ấn Độ chủ yếu xúc tiến việc xuất khẩu hoặc nhập khẩu với các thành viên theo cơ chế song phương, và tùy thuộc vào sự ưu tiên của Ấn Độ

mà mức độ có thể trải dài từ thấp đến cao hoặc chỉ dừng lại ở việc “*cung cấp hỗ trợ an ninh*” cơ bản để thể hiện sự ảnh hưởng và vị thế quốc gia trong khu vực. Còn lại, Ấn Độ hỗ trợ kỹ thuật và huấn luyện sử dụng các trang thiết bị quốc phòng sau khi mua bán hoặc chuyển giao công nghệ với các đối tác an ninh trong chương trình huấn luyện chung giữa các bên.

Dựa vào cách triển khai hợp tác quốc phòng, nhận định của Luận án cũng tương đồng với nhiều chuyên gia Ấn Độ (*xem Phụ lục 4,5,6*), việc không có một chính sách cụ thể cũng là một lợi thế, Ấn Độ sẽ linh động với từng đối tác an ninh theo từng trường hợp nhất định để giải quyết vấn đề mà Ấn Độ đang đối mặt mà không làm ảnh hưởng đến định hướng chung của quốc gia hay các nước khác. Trong bối cảnh này, vai trò của Ấn Độ như một “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*” có thể được hiểu là một chiến lược linh hoạt, trong đó Ấn Độ hợp tác ở mức cao với các đối tác lớn để nâng cao năng lực quốc phòng, củng cố sức mạnh quốc gia, và giải quyết các vấn đề an ninh cả trong nước và khu vực. Đồng thời, Ấn Độ cũng tăng cường hợp tác với các đối tác ở mức trung bình, và đóng vai trò cung cấp an ninh, hỗ trợ các quốc gia có mức độ hợp tác thấp hoặc các quốc gia nhỏ trong khu vực. Đặc điểm hợp tác quốc phòng mà Ấn Độ đang thực hiện có sự nhất quán là không đòi hỏi một hiệp ước phòng thủ chung và không có nghĩa vụ phải hành động, nhưng phải đạt được ít nhất từ một đến ba mục tiêu mà Ấn Độ mong muốn dù là đối tác nào: *Thứ nhất*, hợp tác quốc phòng phải giúp các quốc gia tham gia chia sẻ thông tin, dù là đánh giá chiến lược, nhận thức về lĩnh vực hay thông tin tình báo. *Thứ hai*, giúp Ấn Độ và các nước liên quan nâng cao năng lực quốc phòng của nhau thông qua đào tạo - huấn luyện để, thúc đẩy thương mại quốc phòng nhằm giúp Ấn Độ tiến đến việc phát triển ngành công nghiệp quốc phòng nội địa lẫn năng lực giải quyết tốt các vấn đề an ninh trong nước. *Thứ ba*, việc triển khai cần được thực hiện sao cho không nhắm đến bất kỳ quốc gia cụ thể nào, nhằm tránh gây ra các xung đột lớn. Điều này có nghĩa là, dù cả hai bên đối mặt với mối đe dọa chung, nhưng trong quá trình hợp tác, cần đảm bảo việc này không chỉ bảo vệ lợi ích chung mà còn duy trì an ninh khu vực, tránh tạo ra những xung đột hoặc nghi ngờ lẫn nhau. Ngay cả trong khuôn khổ đa phương thì Ấn Độ vẫn tập trung vào việc gia tăng ảnh hưởng để trở thành một quốc gia có sức chi phối và đóng vai trò quan trọng trong các vấn đề khu vực và toàn cầu

4.1.2. Kết quả đạt được về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

Mặc dù mức độ hợp tác giữa các đối tác có thể khác nhau, nhưng nhìn chung, Ấn Độ đã đạt được những thành công nhất định trong việc thực hiện các mục tiêu của mình. Cụ thể, thông qua hợp tác với Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Việt Nam, Quad và ASEAN, Ấn Độ đã góp phần tạo ra một thế cân bằng chiến lược với Trung Quốc trong khu vực ADD-TBD. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã nâng cao năng lực quốc phòng để giải quyết các vấn đề an ninh cả trong và ngoài nước thông qua hợp tác với Mỹ, Nga, Nhật Bản và Australia. Đồng thời, Ấn Độ cũng thúc đẩy ảnh hưởng ra ngoài khu vực Ấn Độ Dương, dần trở thành một chủ thể cung cấp an ninh quan trọng thông qua hợp tác với Việt Nam, ASEAN, SAARC, BIMSTEC, IORA và SCO. Những thành tựu này có thể được nhìn thấy rõ rệt thông qua các mục tiêu hợp tác quốc phòng của Ấn Độ:

Thứ nhất, Ấn Độ gia tăng được ảnh hưởng và tạo ra thế đối trọng với Trung Quốc trong khu vực ADD-TBD. Từ năm 2007 đến 2024, dưới sự lãnh đạo của hai Thủ tướng là Mohamman Singh và hiện tại là Narendra Modi, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ đã chứng kiến những thay đổi đáng kể với các đối tác an ninh chủ chốt trên thế giới. Ấn Độ đã cử 62 Tùy viên Quốc phòng (*tăng 10 người kể từ đầu năm 2024*) đến nhiều quốc gia nhằm thúc đẩy xuất khẩu vũ khí và tăng cường quan hệ quốc phòng (Ravi Shankar, 2024) và tích cực tham gia vào các cơ chế đa phương nhằm gia tăng ảnh hưởng của mình trên trường quốc tế. Đồng thời, Ấn Độ đã cử các Chỉ huy lực lượng xuất sắc cho các nhiệm vụ của LHQ, đóng góp vào Quỹ Xây dựng Hòa bình của LHQ, dần định hình tiếng nói và sức ảnh hưởng của mình đối với khu vực Nam Bán cầu thông qua việc thúc đẩy dân chủ, hợp tác phát triển và hỗ trợ kỹ thuật (Mazumdar, A. and Statz, E, 2015, tr.78).

Ấn Độ đã mở 9 căn cứ quân sự ở nước ngoài bao gồm Căn cứ không quân Farkhor ở Tajikistan, Đội huấn luyện quân sự Ấn Độ đóng tại Haa Dzong ở phía Tây Bhutan, Madagascar, căn cứ quân sự trên đảo Bắc Agalega của Mauritius, Seychelles, Oman, cảng Chabahar của Iran, căn cứ Hải quân Changi của Singapore, Căn cứ không quân Sri Lanka ở Hambantota (*xem Phụ lục 3*), đối trọng với chiến lược “*chuỗi ngọc trai*” để “*cân bằng*” với Trung Quốc. Việc Ấn Độ mở các căn cứ quân sự

ở nước ngoài không chỉ đơn giản là một động thái quân sự, mà còn là một cách để củng cố các mối quan hệ tạo dựng sự tin tưởng và hỗ trợ an ninh trong khu vực. Các quốc gia mà Ấn Độ hợp tác, như Tajikistan, Seychelles, hay Sri Lanka, sẽ cảm nhận được sự cam kết và vai trò của Ấn Độ như một đối tác chiến lược trong việc bảo vệ hòa bình và ổn định khu vực. Điều này giúp Ấn Độ giữ được ảnh hưởng tại khu vực ADD-TBD và khẳng định vai trò là một quốc gia có trách nhiệm bởi vì hiện diện quân sự ở nước ngoài là tiêu chí để một quốc gia trở thành một nhà cung cấp an ninh.

Thứ hai, Ấn Độ đã cải thiện năng lực quốc phòng để dần chuyển sang vai trò quốc gia xuất khẩu vũ khí trong khu vực và giải quyết được các vấn đề an ninh. Ấn Độ đang tiến vào một giai đoạn quan trọng trên con đường thực hiện tầm nhìn Viksit Bharat @2047, với mục tiêu trở thành quốc gia phát triển toàn diện vào năm 2047. Để đạt được mục tiêu này, Ấn Độ không chỉ tăng cường phát triển kinh tế mà còn đẩy mạnh sự tự chủ trong lĩnh vực quốc phòng. Năm 2018, Ấn Độ được nâng lên cấp độ 1 trong danh sách Ủy quyền Thương mại Chiến lược của Mỹ, được tiếp cận nhiều công nghệ quân sự và lưỡng dụng mà không cần giấy phép. Bên cạnh đó, Ấn Độ đã tự chủ sản xuất nhiều vũ khí quan trọng nhờ chuyển giao công nghệ từ Nga và đang thành lập liên doanh nhằm xây dựng các cơ sở bảo trì, sửa chữa cho hệ thống phòng không S-400 tại Ấn Độ. Ấn Độ đã đạt được những thành tựu quan trọng trong ngành công nghiệp quốc phòng nội địa, với việc sản xuất thành công tiêm kích hạng nhẹ Tejas, tàu sân bay INS Vikrant, tàu ngầm hạt nhân Arihant, tàu khu trục Leander và xe tăng chiến đấu chủ lực Arjun (Đặng Đồng Tiến, 2025), đưa năng lực, trình độ và tốc độ phát triển của quốc phòng Ấn Độ lên một tầm cao mới

Trong các thỏa thuận mua bán vũ khí, ngoài các hợp đồng theo đơn đặt hàng từ các nước, Ấn Độ đã mở rộng cơ sở công nghiệp quốc phòng trong nước và tăng cường xuất khẩu, trong đó các tùy viên quốc phòng tại các Đại sứ quán được cấp ngân sách hàng năm lên tới 50.000 USD để thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm quốc phòng sản xuất tại Ấn Độ từ cả khu vực công và tư nhân, thông qua việc tham gia triển lãm, nghiên cứu thị trường, tổ chức hội thảo (Manu Pubby, 2019). Bên cạnh đó, Chính phủ cũng trao quyền cho Lực lượng vũ trang cũng như giảm thời gian đưa ra quyết định liên quan đến quốc phòng, bao gồm việc mua sắm đạn dược, phụ tùng quan trọng;

quản lý các hợp đồng mua sắm vốn cũng như chi tiêu doanh thu; toàn quyền đối với doanh thu và tài khoản vốn liên quan đến an ninh quốc phòng (Press Information Bureau, 2018). Trong giai đoạn 2014 - 2024, xuất khẩu quốc phòng đạt tổng cộng 883,19 tỷ INR (khoảng 11 tỷ USD), tăng 21 lần so với 43,12 tỷ INR (khoảng 517 triệu USD) xuất khẩu so với giai đoạn 2004 - 2014 (Press Information Bureau, 2024). Năm 2022-2023, Ấn Độ đã đạt được một cột mốc quan trọng với xuất khẩu quốc phòng trị giá 1,9 tỷ USD, cho thấy mức tăng đáng kể từ 686 crore⁴ INR năm 2013 lên mức kỷ lục 15.920 crore INR vào năm 2023 (Asian News International, 2023). Xuất khẩu quốc phòng của Ấn Độ đã tăng 10 lần từ 2016 đến 2023 (Press Information Bureau, 2023a) sang hơn 85 quốc gia trên toàn cầu, trong đó có một số quốc gia Đông Nam Á, bao gồm Dornier-228, pháo binh kéo tiên tiến 155 mm, tên lửa Brahmos, hệ thống tên lửa Akash, Radar, máy mô phỏng, xe chống mìn, xe bọc thép, tên lửa & bộ phóng PINAKA, đạn dược, máy ảnh nhiệt, áo giáp, bên cạnh hệ thống, đơn vị thay thế dòng và các bộ phận & thành phần của thiết bị điện tử hàng không và vũ khí nhỏ (Press Information Bureau, 2023d).

Đồng thời, với khoảng 194 công ty khởi nghiệp công nghệ quốc phòng (Rhea Panda & Abeer Tiwari, 2022), Ấn Độ đang theo hướng tự chủ hơn trong sản xuất và xuất khẩu quốc phòng, cùng với việc chuyển giao công nghệ đáng kể cho các công ty sản xuất tư nhân (Mihir Shekhar Bhonsale, 2023). Năm 2023, Bộ Quốc phòng đã ký nhiều hợp đồng với các doanh nghiệp trong nước để phát triển và cung cấp các trang thiết bị quân sự. Trong đó, Bharat Electronics chịu trách nhiệm cung cấp radar tầm trung và hệ thống tác chiến điện tử tích hợp. Hindustan Aeronautics Limited được giao sản xuất máy bay huấn luyện cơ bản HTT-40 cùng với máy bay Dornier-228. L&T đảm nhận chế tạo tàu huấn luyện cán bộ, trong khi Bharat Dynamics Limited phát triển phiên bản nâng cấp của hệ thống vũ khí Akash. Goa Shipyard Limited và Garden Reach Shipbuilders and Engineers tham gia đóng tàu tuần tra xa bờ và tàu tên lửa. Hindustan Shipyard Limited đảm nhận chế tạo tàu hỗ trợ hạm đội, còn Bharat Heavy Electrical Limited nâng cấp bộ pháo siêu nhanh (Press information Bureau, 2023d).

⁴ Một crore tương đương mười triệu và bằng 100 lakh trong hệ thống số của Ấn Độ

Thị trường xuất khẩu quốc phòng chủ yếu của Ấn Độ bao gồm Myanmar (31%), Sri Lanka (19%), Mauritius (12%), Seychelles (9%), Nepal (5,9%), Armenia (5,1%), Maldives và Việt Nam (4,3%), Ecuador (3,9%), Afghanistan (2,2%), Mozambique (2,1%) và các quốc gia khác (1,1%). Về cơ cấu sản phẩm, tàu chiến chiếm tỷ trọng lớn nhất với 61%, tiếp theo là máy bay chiến đấu (20%), thiết bị cảm biến (14%), xe bọc thép quân sự (14%), pháo (1,1%), tên lửa (0,9%) và thiết bị động cơ (0,1%) (Subham Singh, 2024).

Thứ ba, Ấn Độ tạo dựng được hình ảnh đối tác an ninh đáng tin cậy và trở thành chủ thể cung cấp an ninh thuần trong khu vực cho nhiều quốc gia. Ấn Độ đã tăng cường đáng kể khả năng phòng thủ của mình thông qua nhiều sáng kiến, bao gồm các cuộc tập trận chung, đối thoại quốc phòng “2+2” và trao đổi thông tin. Những nỗ lực này là không thể thiếu trong chiến lược ngoại giao của Ấn Độ, nhằm đảm bảo lợi ích quốc gia và đóng góp cho hòa bình và ổn định toàn cầu. Ấn Độ đã khẳng định mình là “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*” (Times Now Digital, 2021), đặc biệt ở Nam Á, châu Phi và Đông Nam Á, thông qua các chính sách như SAGAR và “*Hành động hướng Đông*”. Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tuy “*đa liên kết*” với nhiều đối tác lớn trên thế giới nhưng vẫn quan hệ chặt chẽ với Nga. Những đóng góp của Ấn Độ trong việc xây dựng năng lực quốc phòng ở các nước láng giềng như Sri Lanka, Mauritius, Maldives, Bhutan, Nepal và các quốc gia ASEAN trong đó có Việt Nam, cũng như sự hiện diện đáng kể của nước này trong Lực lượng GGHB của LHQ, góp phần khẳng định mình là một đối tác an ninh đáng tin cậy và thiện chí. Thông qua hợp tác quốc phòng đa dạng, Ấn Độ đã định hình môi trường an ninh khu vực, tăng cường sản xuất quốc phòng và đang từng bước xuất khẩu quốc phòng ra bên ngoài, từ đó củng cố vai trò của mình với tư cách là “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*” cho các quốc gia khác trong khu vực.

Không chỉ vậy, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn 2007 đến 2024 không chỉ không tạo ra mối đe dọa đối với bất kỳ quốc gia nào, mà còn giúp Ấn Độ xây dựng thành công hình ảnh “*trỗi dậy hòa bình*” trong khu vực, chứng minh rằng hợp tác quốc phòng dưới góc nhìn quyền lực mềm sẽ đóng góp vào an ninh khu vực nhiều hơn là gây ra xung đột. Hình ảnh chủ động gánh vác trách nhiệm toàn cầu giúp uy tín của Ấn Độ được nâng cao và mở rộng khắp khu vực

AĐD-TBD, có thể “*chuyển đổi lợi thế quyền lực mềm dựa trên các giá trị tinh túy thành lợi ích chiến lược và kinh tế*” (Trần Hoàng Long, 2021, tr. 206).

4.1.3. Hạn chế và rủi ro về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ

Hạn chế hợp tác quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực AĐD-TBD có thể được xem xét từ nhiều yếu tố cơ bản, từ cơ sở hạ tầng quốc phòng, các vấn đề nội tại đến chiến lược đối ngoại thiếu quyết đoán. Những hạn chế này không chỉ ảnh hưởng đến khả năng củng cố vị thế quốc gia mà còn tạo ra một khoảng trống trong chiến lược hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh chủ chốt trong khu vực.

Thứ nhất, mặc dù Ấn Độ đã có những nỗ lực để phát triển ngành công nghiệp quốc phòng nội địa, nhưng đất nước này vẫn là một trong những quốc gia nhập khẩu vũ khí lớn nhất thế giới. Trong giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2017, khoảng 62% lượng vũ khí nhập khẩu của Ấn Độ đến từ Nga, cho thấy sự phụ thuộc lớn vào vũ khí ngoại nhập, đặc biệt là từ Nga. Trong khi đó, các cường quốc như Mỹ chỉ chiếm 15% lượng vũ khí nhập khẩu trong cùng giai đoạn. Sự phụ thuộc này không chỉ làm cho chính sách quốc phòng của Ấn Độ thiếu độc lập mà còn gây khó khăn cho các quan hệ đối ngoại của nước này, vì Ấn Độ phải cân nhắc các yếu tố ngoại giao khi có sự phụ thuộc quá lớn vào một quốc gia như Nga. Trong báo cáo “*Nội địa hóa của ngành công nghiệp quốc phòng Ấn Độ*” của Viện Brookings đã chỉ rõ ngành công nghiệp quốc phòng của Ấn Độ còn nhiều hạn chế (Jaishankar Dhruva, 2019, tr.8-11): (1), sản xuất vũ khí với số lượng lớn dẫn đến chi phí đơn vị cao trong khi quy mô kinh tế dành cho lĩnh vực này còn hạn chế. (2), Ấn Độ mong muốn mua sắm thiết bị chất lượng cao với chi phí thấp trong khoảng thời gian ngắn, nhưng khi triển khai thì chỉ có thể đạt được hai trong ba tiêu chí trên. (3), trong 10 năm qua, chi tiêu quốc phòng tuy tăng gấp đôi, nhưng tốc độ tăng trưởng hàng năm không đồng đều, vẫn chưa đủ để đáp ứng mọi nhu cầu dự kiến của lực lượng vũ trang Ấn Độ và vẫn còn tình trạng thiếu hụt hàng năm nghiêm trọng (Laxman K. Behera, 2024, tr.7). (4), Ấn Độ vẫn còn nhàm lẩn giữa nội địa hóa với tự cung tự cấp có thể đáp ứng mọi yêu cầu quốc phòng của mình mà không cần sự trợ giúp từ bên ngoài. Thực tế, không có quốc gia nào nội địa hóa ngành công nghiệp quốc phòng của mình mà không có sự hỗ trợ từ bên ngoài. (5), Ấn Độ chưa có nhiều ưu

đãi hấp dẫn cho đầu tư tư nhân vào lĩnh vực quốc phòng, cũng như đảm bảo mức độ nhất quán và minh bạch trong quá trình mua sắm và thực hiện các biện pháp để đảm bảo an ninh cho công nghệ đó.

Thứ hai, Ấn Độ phải đối mặt với một vấn đề phức tạp liên quan đến ranh giới giữa an ninh nội bộ và bên ngoài. Sự kiện khủng bố ở Mumbai năm 2008 là ví dụ điển hình cho việc Ấn Độ phải đồng thời giải quyết các mối đe dọa từ khủng bố và nổi loạn trong khi vẫn phải đối phó với các mối đe dọa từ bên ngoài. Điều này đặt ra một thách thức lớn đối với nguồn lực và ngân sách quốc phòng của Ấn Độ, khi mỗi lĩnh vực đòi hỏi các cấu trúc lực lượng và chiến lược riêng biệt. Nguồn lực an ninh quốc gia vốn đã hạn chế của Ấn Độ phải chia sẻ cho nhiều mặt trận, khiến cho việc duy trì các quan hệ hợp tác quốc phòng với các nước trong khu vực trở nên khó khăn.

Thứ ba, điểm thuận lợi cũng chính là hạn chế của Ấn Độ là sự thiếu một văn bản chính sách quốc phòng công khai. Thay vì công bố các chính sách rõ ràng, định hướng quốc phòng của họ được thể hiện một cách linh hoạt, mang đậm bản sắc riêng, gây khó khăn cho các đối tác khi muốn xác định và thực hiện chiến lược hợp tác. Các nghiên cứu về hợp tác quốc phòng của Ấn Độ thường phải dựa vào các bài viết, báo cáo từ những cựu quan chức, mà không có các tuyên bố chính thức rõ ràng từ chính phủ. Điều này làm cho các đối tác khu vực khó có thể dự đoán được hành động và định hướng chiến lược của Ấn Độ trong tương lai.

Thứ tư, trong khi Ấn Độ đã có những bước tiến nhất định trong việc xuất khẩu quốc phòng, phần lớn thị trường của quốc gia này vẫn chỉ tập trung vào các nước Nam Bán cầu, chưa thực sự vươn ra các quốc gia lớn trong khu vực. Đặc biệt, các đối tác lớn như Mỹ, Nhật Bản hay Australia chưa phải là những khách hàng của Ấn Độ. Việc này cho thấy rằng, mặc dù Ấn Độ đang muốn xây dựng một năng lực quốc phòng vững mạnh, nhưng việc tiếp cận thị trường quốc tế chưa thực sự hiệu quả. Do đó, Ấn Độ vẫn bị nhìn nhận như một quốc gia cung cấp an ninh thuần túy cho các nước đang phát triển hơn là một “*cường quốc quốc phòng*” trong khu vực.

Thứ năm, sự thiếu hụt trong các sáng kiến hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và ASEAN là một yếu tố nữa làm giảm khả năng phát triển chiến lược quốc phòng,

đặc biệt là trong lĩnh vực hàng hải trong khu vực. Điều này cho thấy rằng, mặc dù Ấn Độ và các quốc gia ASEAN có chung lợi ích về an ninh khu vực, nhưng hợp tác quốc phòng thực tế vẫn chưa được triển khai hiệu quả, khiến cho Ấn Độ không thể tận dụng hết tiềm năng hợp tác trong khu vực.

Thứ sáu, ảnh hưởng của Trung Quốc gần như chắc chắn sẽ tiếp tục gia tăng và làm đảo lộn cán cân địa chính trị của khu vực ADD-TBD. Ấn Độ phải quyết định cách bảo đảm lợi ích quốc gia của mình trong môi trường mất cân bằng này bằng cách lựa chọn trong số sáu lựa chọn chiến lược tiềm năng: không liên kết, phòng ngừa rủi ro, xây dựng sức mạnh quân sự bản địa, hình thành quan hệ đối tác khu vực, liên kết với Trung Quốc hoặc liên kết với Mỹ (Rajagopalan R, 2017, tr. 1).

Từ những hạn chế nêu trên, Ấn Độ sẽ phải đối mặt với nhiều rủi ro trong quá trình thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh trong khu vực. Rủi ro lớn nhất là sự nghi ngờ từ các nước láng giềng về sức mạnh quốc phòng ngày càng tăng lẫn sự “*đa liên kết*” với các nước lớn sẽ khiến Ấn Độ bá quyền ở khu vực. Điều này có thể khiến một số nước tìm cách cân bằng ảnh hưởng của Ấn Độ bằng cách xích gần hơn với Trung Quốc, tạo ra những bất ổn về an ninh khu vực Nam Á.

Rủi ro thứ hai, khi Ấn Độ tăng cường viện trợ cho các quốc gia láng giềng có thể gây tác động tiêu cực đến an ninh trong nước. Việc phân bổ nguồn lực tài chính không đồng đều có thể dẫn đến bất ổn tài chính, gia tăng bất mãn trong dân chúng, từ đó ảnh hưởng đến ổn định chính trị và xã hội. Bởi vì, Trung Quốc hiện nay đã vượt Ấn Độ để trở thành đối tác thương mại quan trọng của một số quốc gia Nam Á, nhưng Ấn Độ vẫn được xem là “*đối thủ tiềm tàng*” và hạn chế sự ảnh hưởng của mình trong khu vực (Tran My Hai Loc, 2023, tr.122). Điều này tạo ra áp lực buộc chính quyền Modi phải phản ứng kịp thời cả về kinh tế lẫn quốc phòng để đảm bảo an ninh ở các biên giới lẫn duy trì ảnh hưởng truyền thống của mình thông qua SAARC.

Rủi ro thứ ba là Ấn Độ sẽ bị xung đột lợi ích chiến lược từ các cặp cạnh tranh chiến lược bên ngoài như Mỹ-Nga, Mỹ-Trung. Quan hệ giữa Ấn Độ với các nước này không chỉ dựa trên lợi ích song phương mà còn bị ảnh hưởng bởi những căng thẳng toàn cầu. Việc Ấn Độ tăng cường hợp tác quốc phòng với Mỹ sẽ gây phản ứng trái

chiều từ Nga, đồng thời, cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc đặt Ấn Độ vào tình thế phải cân bằng giữa hợp tác kinh tế với Trung Quốc và cam kết an ninh với Mỹ.

Rủi ro thứ tư là việc Ấn Độ tích cực tham gia các cuộc tập trận quân sự và hợp tác quốc phòng trong khu vực có thể làm dấy lên lo ngại từ các bên trong, đặc biệt là Trung Quốc và Pakistan. Hai quốc gia này có thể nhìn nhận chiến lược của Ấn Độ không chỉ đơn thuần nhằm mục đích phòng thủ mà còn hướng đến mở rộng ảnh hưởng trong khu vực. Không chỉ vậy, với những tiến bộ vượt bậc của Ấn Độ trong lĩnh vực không gian, đặc biệt là công nghệ vệ tinh và hệ thống phòng thủ tên lửa, đã làm gia tăng mối lo ngại an ninh từ phía Pakistan. Việc phát triển hệ thống phòng thủ không gian, bao gồm năng lực giám sát và cảnh báo sớm, giúp Ấn Độ củng cố khả năng răn đe chiến lược. Tuy nhiên, điều này đồng thời cũng làm Pakistan lo sợ rằng cán cân quyền lực đang dịch chuyển bất lợi. Để đối phó, Pakistan đã thúc đẩy hợp tác an ninh sâu rộng hơn với Trung Quốc, dẫn đến sự gia tăng hiện diện quân sự và phát triển hạ tầng của Trung Quốc dọc theo biên giới phía bắc và phía tây của Ấn Độ. Việc liên minh Trung Quốc - Pakistan ngày càng bền chặt tạo ra thách thức an ninh đáng kể đối với Ấn Độ, tăng khả năng xảy ra các cuộc đụng độ tại những khu vực tranh chấp.

Rủi ro thứ năm, hợp tác quốc phòng với Mỹ ngoài việc giúp Ấn Độ nâng cao năng lực quân sự nhưng cũng làm giảm tính tự chủ chiến lược, nhất là khi Mỹ có thể thay đổi chính sách tùy theo lợi ích của mình. Trong khi đó, Ấn Độ vẫn gặp nhiều thách thức khi Nga xích lại với Trung Quốc. Điều này làm giảm mức độ ưu tiên của Nga đối với Ấn Độ hoặc áp lực về mặt chính sách. Ngoài ra, Ấn Độ cũng bị ảnh hưởng bởi căng thẳng trong các vấn đề như Đài Loan hay Biển Đông, làm gia tăng nguy cơ xung đột với Trung Quốc.

4.2. Tác động của hợp tác quốc phòng Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương

Từ năm 2007 đến năm 2024, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD đã có những điều chỉnh quan trọng, phản ánh sự điều chỉnh trong chiến lược quốc phòng của nước này trước bối cảnh địa chính trị ngày càng phức tạp. Nếu như giai đoạn đầu, Ấn Độ duy trì quan hệ quốc phòng truyền thống với Nga và một

số đối tác khu vực, thì từ năm 2014 trở đi, dưới thời Thủ tướng Narendra Modi, Ấn Độ đã mở rộng “*đa liên kết*” với các đối tác an ninh khác như Mỹ, Nhật Bản, Australia, đồng thời thúc đẩy quan hệ quốc phòng với các nước Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng tích cực tham gia vào các hợp tác đa phương như Quad, ASEAN, SCO, SAARC, IORA hay BIMSTEC nhằm khẳng định vai trò của mình trong cấu trúc an ninh khu vực. Những điều chỉnh này không chỉ giúp Ấn Độ củng cố vị thế cường quốc khu vực mà còn tạo ra những tác động đa chiều, định hình cán cân quyền lực và ảnh hưởng đến môi trường an ninh của toàn khu vực, thông qua các điểm sau:

Thứ nhất, ảnh hưởng trực tiếp đến cục diện an ninh khu vực và sự phân bố quyền lực trong khu vực. Ấn Độ hiện không tham gia vào những chương trình do các nước lớn như Mỹ, Nhật Bản, Australia triển khai để cạnh tranh với BRI của Trung Quốc (Shankar Kumar, 2019). Từ thực trạng hợp tác quốc phòng, Ấn Độ tiếp cận với các nước như Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia và cả Việt Nam nhằm cân bằng quan hệ với Trung Quốc. Tuy nhiên, sự cân bằng này không có nghĩa đứng về một phía nào để chống lại nước khác, thay vào đó, Ấn Độ vừa duy trì sự ngăn chặn nhưng hợp tác thận trọng với Trung Quốc. Nhật Bản và Mỹ tuy là những đối tác an ninh chính của Ấn Độ nhưng nếu đặt tình huống giả định rằng Ấn Độ và Trung Quốc có xung đột lớn và buộc phải dùng đến vũ trang thì Nhật Bản sẽ khó có thể nào giúp được Ấn Độ. Bởi vì Hiến pháp Nhật Bản quy định việc từ bỏ quyền tham chiến, nên Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản trong một thời gian dài bị hạn chế không được triển khai ra nước ngoài cho mục đích tác chiến (Hiến pháp 1947, Điều 9), mà chỉ tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình và hỗ trợ phi chiến đấu. Sau này hiến pháp có diễn giải lại và cho phép quân đội của mình ra nước ngoài để hỗ trợ nhưng trong trường hợp nước đó là đồng minh của Nhật Bản (Adam P. Liff, 2017, tr.157), và mặc nhiên hiểu đó là Mỹ. Điều này có nghĩa là khi có xung đột xảy ra ở khu vực thì Nhật Bản vẫn không thể đưa quân đội hoặc lực lượng vũ trang để giúp Ấn Độ. Thêm vào đó, cả Nhật Bản và Ấn Độ đều “*chạy đua*” vào chiếc ghế thường trực UNSC, nếu một trong hai đạt được mục tiêu của mình thì liệu hợp tác quốc phòng có bị ảnh hưởng hay không thì vẫn còn là một ẩn số lớn. Đối với Mỹ, Ấn Độ là

“đòn bẩy” quan trọng trong chiến lược AĐD-TBD để kiềm chế “*tham vọng thay đổi trật tự khu vực và cán cân quyền lực của Trung Quốc*” (Mỹ Châu, 2023). Mỹ có thể là điểm tựa để Ấn Độ gia tăng sự ảnh hưởng trong khu vực và đủ tiềm lực bên ngoài để cân bằng với Trung Quốc, nhưng sự cạnh tranh giữa tam giác Mỹ - Nga - Trung Quốc sẽ đặt Ấn Độ vào những tình thế khó. Ngoài ra, việc hợp tác có chủ động từ phía Mỹ, Australia và Nhật Bản có thể dần đưa Ấn Độ vào một cấu trúc tập thể nhằm răn đe và phòng thủ ở AĐD-TBD thay vì nâng cao năng lực quốc phòng đơn thuần (Prakash Gopal, 2024, tr.3). Nếu phác thảo cục diện an ninh của khu vực AĐD-TBD, rõ ràng nguy cơ chông lẩn chiến lược giữa các nước lớn đang ngày càng rõ nét, mặc dù là những đối tác thân cận hay “*đồng minh tự nhiên*” nhưng lợi ích chiến lược của Mỹ, Nhật Bản và Nga vẫn có thể khiến Ấn Độ rơi vào tình trạng tiến thoái lưỡng nan, đối diện với rủi ro an ninh từ Trung Quốc có thể buộc Ấn Độ phải chạy đua vũ trang, tác động đến sự ổn định của khu vực.

Thứ hai, gián điệp thúc đẩy Pakistan và Trung Quốc thắt chặt quan hệ với nhau hơn. sự hiện diện quân sự ngày càng tăng của Trung Quốc ở Pakistan, quy hoạch cơ sở hạ tầng nối liền Tân Cương và Gwadar hay cung cấp lò phản ứng hạt nhân cho Pakistan, đều khẳng định chiến lược của Trung Quốc là sử dụng Pakistan để bảo vệ lợi ích của mình trong khu vực hướng đến mục tiêu duy nhất là Ấn Độ. Bên cạnh đó, Pakistan tuy khẳng định rằng Kashmir là một lãnh thổ tranh chấp, thì lập trường của Trung Quốc cho rằng Kashmir do Pakistan chiếm đóng với tiểu bang Kashmir của Ấn Độ là lãnh thổ của Pakistan, vì thế Pakistan đã nhượng lại trách nhiệm quản lý khu vực Gilgit-Baltistan của mình cho Trung Quốc và PLA đã đóng quân tại đây (Harsh V. Pant, 2011, tr.2). Do đó, luận án có thể khẳng định hợp tác quốc phòng của Ấn Độ vừa có tác động tích cực lẫn tiêu cực đến cục diện an ninh của khu vực Nam Á.

Thứ ba, tăng cường ảnh hưởng và thúc đẩy các liên kết đa phương ở khu vực AĐD. Ấn Độ thể hiện vai trò mình là “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*” ở khu vực bằng việc tăng cường hợp tác an ninh hàng hải và quốc phòng với các nước vừa và nhỏ như Mauritius, Seychelles, Sri Lanka và Maldives (Nguyễn Xuân Trung, 2022, tr.202). Cụm từ “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*” trong trường hợp Ấn Độ có thể

được hiểu rằng, Ấn Độ tiếp cận chủ động (*đôi khi là các nước lớn chủ động tiếp cận Ấn Độ do những mối quan ngại chung về an ninh*) sẽ giúp Ấn Độ nâng cao năng lực thông qua tập trận, mua bán vũ khí, chuyển giao công nghệ quốc phòng để hiện đại nền quốc phòng để giải quyết các vấn đề an ninh trong nước và khu vực. Sau khi Ấn Độ tự chủ được về năng lực quốc phòng và sức mạnh quốc gia, quốc gia này sẽ đóng vai trò hỗ trợ và “*cung cấp an ninh*” cho các nước láng giềng, các quốc gia và tổ chức tiểu đa phương, đa phương trong khu vực, chẳng hạn như Nam Á, AĐĐ, Đông Nam Á và thậm chí xa hơn. Khi năng lực hải quân của Ấn Độ tăng lên, quốc gia này có thể đối trọng với chủ nghĩa bành trướng của Trung Quốc, hỗ trợ cho các quốc gia ở IORA và Nam Á như Sri Lanka, Bangladesh và Maldives không rơi vào “*bẫy chiến lược*” của Trung Quốc bằng cách cam kết duy trì sự ổn định và an ninh trong khu vực. Xét ở năng lực quốc phòng hay sức mạnh quốc gia thì Ấn Độ vượt trội hoàn toàn so với các nước còn lại trong khu vực Nam Á, trong khi các nước nhỏ hơn đang theo đuổi chính sách “*phù thịnh*” để không quá phụ thuộc vào nước lớn, điển hình là Ấn Độ. Thế nhưng, sự trỗi dậy của Ấn Độ có thể tạo ra sự “*yên tâm tạm thời*” của các nước nhỏ trước sự ảnh hưởng quá lớn từ Trung Quốc thông qua bẫy chiến lược của BRI, đồng thời cũng tạo ra sự ngờ vực rằng Ấn Độ đang mong muốn “*bá quyền*” ở nơi này.

Thứ tư, tác động đến sự định hình một trật tự khu vực tại khu vực Đông Nam Á. Hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với ASEAN sẽ giúp tăng cường an ninh khu vực, đặc biệt là trong việc đối phó với các thách thức chung như an ninh hàng hải, chống khủng bố. Bên cạnh đó, Ấn Độ có thể “*kiềm chế*” lại ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc để thúc đẩy một trật tự quốc tế dựa trên luật lệ (Brig Vinod Anand, 2019, tr.5). Nâng cao vai trò của ASEAN khi giải quyết các vấn đề khu vực. Các cuộc tập trận chung, chia sẻ thông tin tình báo và hợp tác trong các lĩnh vực quốc phòng giúp nâng cao năng lực quân sự của các nước ASEAN. Tăng cường hợp tác hải quân Ấn Độ-ASEAN có lợi cho xuất khẩu quốc phòng của Ấn Độ khi nhiều quốc gia trong khu vực đã bày tỏ sự quan tâm đến việc mua các hệ thống vũ khí của Ấn Độ. Hiện nay, thị trường quốc phòng khu vực cũng chứng kiến sự thay đổi, với việc các khách hàng truyền thống của Nga như Philippines bắt đầu

lựa chọn Ấn Độ như một đối tác quân sự, điển hình là thỏa thuận mua tên lửa BrahMos vào đầu năm 2022.

Việc tăng cường hợp tác quốc phòng giữa Ấn Độ và ASEAN cũng mang lại những tác động đáng kể đối với Việt Nam. Việt Nam có thể hưởng lợi từ việc củng cố hợp tác với Ấn Độ để nâng cao năng lực quốc phòng, cải thiện khả năng bảo vệ chủ quyền, đặc biệt trong bối cảnh tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc tại Biển Đông. Ấn Độ có quan điểm mạnh mẽ về việc bảo vệ tự do hàng hải và luật pháp quốc tế, điều này phù hợp với lợi ích của Việt Nam. Tuy nhiên, sự gần gũi trong hợp tác quốc phòng với Ấn Độ cũng có thể tạo ra một số thách thức cho Việt Nam, sự gia tăng hợp tác với Ấn Độ có thể khiến Việt Nam phải cân nhắc kỹ lưỡng về sự phản ứng của các đối tác lớn khác trong khu vực, đặc biệt là Trung Quốc.

Thứ năm, tạo ra động lực để cải thiện năng lực công nghiệp quốc phòng nội địa. Cơ sở của chuỗi cung ứng quốc phòng đến năm 2023 của Ấn Độ bao gồm hơn 12.000 doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa với 194 giải pháp công nghệ quốc phòng mới. Kim ngạch xuất khẩu quốc phòng của Ấn Độ kể từ năm 2016 đã tăng khoảng 740% cho đến năm 2021. Điều này không chỉ phản ánh sự mở rộng của các công ty tư nhân trong lĩnh vực quốc phòng mà còn nhấn mạnh những tiến bộ đáng kể mà khu vực tư nhân Ấn Độ đã đạt được trong việc tự chủ về quốc phòng (India Brand Equity Foundation, 2023). Tuy nhiên, đầu tư nhiều vào công nghiệp quốc có thể ảnh hưởng đến các khoản ngân sách dành cho các chương trình phát triển nhằm xóa đói giảm nghèo, giáo dục và cơ sở hạ tầng của Ấn Độ. Theo báo cáo của Oxfam Ấn Độ năm 2023, 1% dân số giàu nhất nắm giữ hơn 40% của cải của đất nước, trong khi 50% dân số nghèo nhất chỉ sở hữu 3% tài sản (Nitin K. Bharti et al, 2024, tr.34). Sự phân hóa giàu nghèo sâu sắc kết hợp với tâm lý “*bài Hồi giáo*” tại Ấn Độ càng làm gia tăng những mâu thuẫn tôn giáo, tác động tiêu cực đến lĩnh vực quốc phòng.

Thứ sáu, hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh giúp Ấn Độ giải quyết các vấn đề an ninh trong nước, giải quyết nhiều thách thức an ninh, từ khủng bố xuyên biên giới đến các cuộc nổi loạn nội bộ. Chẳng hạn, việc triển khai các công nghệ như hệ thống chống máy bay không người lái SMASH 2000 đã củng cố thể phòng thủ của Ấn Độ trước các mối đe dọa như khủng bố xuyên biên giới tại khu

vực Kashmir, Ladakh, Arunachal Pradesh và Sikkim (Abhishek Bhalla, 2021). Các hệ thống này đặc biệt hữu ích trong việc phát hiện và vô hiệu hóa các thiết bị không người lái được sử dụng để buôn lậu vũ khí và hàng lậu khác vào khu vực, và tăng cường khả năng bảo vệ biên giới để duy trì sự ổn định nội bộ của Ấn Độ tại những khu vực đầy rẫy những thách thức về an ninh. Thông qua các hoạt động tập trận chung cho quân đội đã giúp các lực lượng vũ trang Ấn Độ tăng cường các chiến thuật chống nổi loạn, quản lý tốt các mối đe dọa nội bộ, chẳng hạn như các mối đe dọa do các nhóm Naxalite (*nhóm phiến quân theo chủ nghĩa cực đoan cánh trái*) và các phong trào ly khai khác gây ra. Năm 2009, Thủ tướng Manmohan Singh đã phát động chiến dịch để ngăn chặn các nhóm Naxalite gây ra các cuộc bạo loạn lớn và xác định nhóm này là “*mối đe dọa an ninh nội bộ*” hàng đầu của quốc gia.

Ngoài ra, việc Ấn Độ đẩy mạnh hợp tác quốc phòng song phương và đa phương trong khu vực AĐD-TBD cũng tạo ra những phản ứng trái chiều từ các quốc gia liên quan. Đối với các nước lớn như Trung Quốc, việc Ấn Độ hợp tác quốc phòng sâu sắc với Việt Nam có thể được xem là một hành động can dự vào khu vực ảnh hưởng của Trung Quốc. Phản ứng từ Trung Quốc thường mang tính đối đầu, thể hiện qua việc gia tăng hiện diện quân sự ở Biển Đông cũng như hoạt động dọc theo biên giới Trung - Ấn, như một cách răn đe và tạo sức ép ngược lại. Trong khi đó, Mỹ dù ủng hộ Ấn Độ như một đối tác chiến lược trong Quad nhưng vẫn bày tỏ quan ngại sâu sắc trước việc New Delhi duy trì quan hệ quốc phòng chặt chẽ với Nga, đặc biệt qua hợp đồng mua hệ thống tên lửa phòng không S-400. Dù chưa áp đặt trừng phạt, Mỹ đã nhiều lần gây sức ép ngoại giao nhằm buộc Ấn Độ "chọn phe", phản ánh sự hạn chế trong chiến lược "đa liên kết" của Ấn Độ. Nga thì theo chiều ngược lại, hoan nghênh quan hệ truyền thống với Ấn Độ nhưng cũng cảnh giác với xu hướng Ấn Độ xích lại gần phương Tây.

Với các quốc gia nhỏ hơn trong khu vực Nam Á hay ASEAN, xu hướng này tạo ra hai chiều tác động tùy theo lợi ích chiến lược và vị trí địa lý của họ. Một mặt, Ấn Độ được nhìn nhận như một đối trọng tiềm năng với ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc, nhờ đó gia tăng niềm tin chiến lược và thu hút hợp tác. Mặt khác, việc Ấn Độ trở thành trung tâm trong mạng lưới an ninh mới lại có thể làm gia tăng

ạnh tranh chiến lược, khiến các quốc gia nhỏ phải lựa chọn khó khăn giữa các cực quyền lực lớn. Từ đó, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ vừa là cơ hội ổn định, vừa mang theo những rủi ro mất cân bằng nếu không được quản lý khéo léo.

4.3. Xu hướng hợp tác quốc phòng Ấn Độ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương trong nhiệm kỳ 3 của Thủ tướng Modi

Khi các nhân tố tác động trực tiếp đến an ninh khu vực có thay đổi, điều này có thể dẫn đến sự điều chỉnh trong chính sách hoặc chiến lược hợp tác quốc phòng. Các quốc gia không chỉ đơn thuần phản ứng với tình hình an ninh hiện tại mà còn có thể chủ động điều chỉnh môi trường để tạo ra những nền tảng hợp tác lâu dài. Theo Robert Axelrod và Robert O. Keohane (1985, tr. 249), việc hợp tác sẽ có sự thay đổi phụ thuộc theo nguyên tắc có đi có lại và có điều kiện, nên môi trường toàn cầu hay khu vực có biến động sẽ dẫn đến xu hướng hợp tác cũng thay đổi theo. Thông qua việc này, các bên có thể nhận diện những nhân tố đang đe dọa an ninh và tìm cách giải quyết, bao gồm cả việc áp dụng các biện pháp cứng rắn nếu cần thiết. Trong thế giới đầy biến động, nhu cầu cân bằng quyền lực, chia sẻ lợi ích và sự cùng tồn tại hòa bình (*theo chủ nghĩa hiện thực*) càng trở nên quan trọng. Đồng thời, sự liên kết chặt chẽ giữa các quốc gia để tăng cường hợp tác nhằm duy trì hòa bình và giảm thiểu xung đột luôn là xu thế chính (*theo chủ nghĩa tự do*). Trước sự gia tăng của các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống, phương thức hợp tác để thể hiện mình là một chủ thể không đe dọa nhằm xây dựng lòng tin và sự tín nhiệm (*theo chủ nghĩa kiến tạo*) ngày càng trở nên cấp thiết.

Bối cảnh thế giới hiện nay chứng kiến nhiều thay đổi quan trọng. Tổng thống Donald Trump tái đắc cử, tiếp tục thúc đẩy chính sách “*America First*” làm gia tăng sự cạnh tranh. Mối quan hệ giữa Bangladesh và Pakistan đang cải thiện, trong khi Afghanistan tìm cách củng cố quan hệ với Ấn Độ. Biên giới Trung Quốc-Ấn Độ dần bớt căng thẳng nhờ các cuộc đàm phán ngoại giao, mặc dù vẫn còn tiềm ẩn rủi ro. Cuộc xung đột Nga-Ukraine vẫn tiếp tục leo thang, ảnh hưởng lớn đến an ninh châu Âu và toàn cầu. ASEAN, với vai trò trung tâm trong khu vực Đông Nam Á, tiếp tục duy trì chính sách đối ngoại độc lập, đồng thời thúc đẩy hợp tác khu vực và duy trì hòa bình ổn định trong các vấn đề như Biển Đông. Các

nước lớn vẫn tiếp tục thúc đẩy chiến lược tại khu vực AĐD-TBD, trong khi Trung Quốc gia tăng các hoạt động quân sự và kinh tế. Các vấn đề an ninh toàn cầu như khủng bố, tội phạm mạng và biến đổi khí hậu trở thành thách thức lớn. Những thay đổi này khiến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trở nên linh hoạt hơn, không chỉ thụ động phản ứng với tình hình an ninh, mà còn chủ động tham gia xây dựng môi trường an ninh khu vực ổn định.

Trong nước, sau bầu cử năm 2024, tầm nhìn của Thủ tướng Modi là đưa Ấn Độ trở thành nền kinh tế lớn thứ ba và cường quốc quân sự hàng đầu toàn cầu trong nhiệm kỳ thứ ba. Để thực hiện được mục tiêu này, Bộ Quốc phòng đã được phân bổ số tiền kỷ lục 6,22 nghìn tỷ INR trong Ngân sách Liên bang thường xuyên cho năm 2024-25, đây là mức phân bổ cao nhất trong tất cả các bộ, tăng 18,43% so với năm tài chính trước, với 27,66% dành cho chi tiêu vốn. Theo mục vốn, 1,72 nghìn tỷ INR đã được phân bổ cho Lực lượng Phòng vệ, tăng 20,33% so với chi tiêu thực tế trong năm tài chính 2022-23. Bộ Quốc phòng đã dành 75% ngân sách hiện đại hóa, tương đương 1.05.518,43 tỷ INR, cho việc mua sắm thông qua các ngành công nghiệp trong nước (Ministry of Defence, 2024c). Ấn Độ sẽ tập trung vào nội địa hóa bằng cách giảm nhập khẩu thiết bị quốc phòng để giảm tỷ lệ nhập khẩu xuống còn 30% vào năm 2027 (Mr Peter N Varghese AO, 2018, tr.298). Vì vậy, khi tự chủ xuất khẩu vũ khí, Ấn Độ sẽ có cơ hội phát triển kinh tế và tập trung vào phát triển cơ sở hạ tầng biên giới quan trọng trước “*những nhận thức liên tục về mối đe dọa tại biên giới Ấn Độ - Trung Quốc*” (Ministry of Defence, 2024a). Ấn Độ đặt mục tiêu sản xuất quốc phòng là 25 tỷ USD (tương đương 1,75 lakh crore INR) vào năm 2025, bao gồm xuất khẩu trị giá 35.000 crore INR. Khách hàng quốc phòng của Ấn Độ mở rộng sang nhiều nước Đông Nam Á, không chỉ cung cấp vũ khí mà còn cung cấp dịch vụ huấn luyện quốc phòng, bảo trì và cung cấp phụ tùng thay thế.

Xét trên bối cảnh an ninh và thực trạng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong giai đoạn 2007 đến 2024, ở nhiệm kỳ thứ 3 từ năm 2024 đến năm 2029 (*nếu ông hoàn thành trọn vẹn nhiệm kỳ 5 năm của mình*), Thủ tướng Modi sẽ hướng đến trên hai khía cạnh là “*cân bằng trong*” và tiếp tục “*cân bằng ngoài*” như sau:

Cân bằng trong sẽ được thể hiện thông qua việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đồng đều, giảm sự chênh lệch giàu nghèo và bất bình đẳng giữa các khu vực, đặc biệt là ở các vùng kém phát triển. Chính phủ cần chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là ở các khu vực kém phát triển, nhằm tạo ra cơ hội việc làm và thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ. Bên cạnh đó, cần áp dụng các chính sách tài chính hợp lý để giải quyết vấn đề thất nghiệp, đồng thời kiểm soát lạm phát, nhằm ổn định giá cả và bảo vệ đời sống người dân. Tập trung vào đầu tư vào sản xuất công nghệ quốc phòng với các vũ khí tối tân, hiện tại được chuyển giao từ Nga cũng như thiết bị bản địa để phục vụ cho việc xuất khẩu quốc phòng sang các nước khác trong khu vực.

Đồng thời, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ dự kiến sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết các thách thức an ninh nội bộ để Thủ tướng Modi và đảng cầm quyền phải xây dựng lại một thể mạnh vững chắc trong bộ máy chính trị quốc gia sau việc giảm số ghế của đảng BJP, bao gồm tăng cường các nỗ lực chống khủng bố và nổi loạn, đặc biệt là ở các khu vực dễ xảy ra xung đột như Jammu và Kashmir và các tiểu bang Đông Bắc như Assam, Meghalaya và Manipur (Samrat Sinha, 2017, tr.272-4), thông qua việc tăng cường chia sẻ thông tin tình báo, giám sát và đào tạo chuyên biệt. Tăng cường an ninh biên giới, đặc biệt là dọc theo các ranh giới nhạy cảm với Pakistan và Trung Quốc để triển khai các hệ thống giám sát tiên tiến, nâng cấp cơ sở hạ tầng và cải thiện khả năng sẵn sàng hoạt động của lực lượng biên phòng.

Ngoài ra, Ấn Độ sẽ ưu tiên các nỗ lực chống lại chủ nghĩa cực đoan và duy trì sự hòa hợp xã hội để đảm bảo tình hình trong nước ổn định thì Ấn Độ mới có thể tăng cường sự can dự ra bên ngoài. Ấn Độ hiện đang phải đối mặt với những thách thức nội bộ đáng kể, chủ nghĩa công xã (*communalism*) là một vấn đề dai dẳng và ngày càng sâu sắc. Sự ngờ vực ngày càng tăng giữa các cộng đồng tôn giáo đã dẫn đến các cuộc tấn công bạo lực và phá hủy các địa điểm thờ cúng, làm suy yếu truyền thống giao thoa văn hóa phong phú của Ấn Độ (Tehmina Arora, 2020). Thêm vào đó, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu cũng có nguy cơ tạo ra các chia rẽ xã hội, ảnh hưởng đến sự ổn định nội bộ và suy yếu sức mạnh tổng hợp của

quốc gia. Sự chia rẽ ngày càng tăng này bị tác động bởi thông tin sai lệch và phân cực xã hội, đòi hỏi Thủ tướng Modi phải có các biện pháp để thúc đẩy sự hòa hợp cộng đồng và khôi phục niềm tin vào cấu trúc thể tục của quốc gia. Dưới góc nhìn của quốc phòng, những căng thẳng xã hội như vậy buộc chính phủ phải tập trung lực lượng quân đội và nguồn lực quốc phòng để giải quyết các xung đột nội bộ, dẫn đến việc không thể đồng thời xử lý hiệu quả các mối đe dọa bên ngoài, gây ra tình trạng thiếu nguồn lực cho quốc phòng. Tuy nhiên, những người ủng hộ các chính sách của Modi lập luận rằng việc ông tập trung vào bản sắc quốc gia mạnh mẽ, thống nhất có thể củng cố sức mạnh quốc gia về lâu dài.

Bên cạnh vấn đề tranh chấp với Pakistan và sự bất ổn tại Myanmar ngày càng tăng cao kể từ vụ đảo chính vào 5/2021, Chính quyền Modi ở nhiệm kỳ 3 phải giải quyết thêm một vấn đề cấp bách tiếp theo là bạo loạn chính trị dẫn đến sự sụp đổ chính quyền của Thủ tướng Sheikh Hasina vào đầu tháng 8/2024 và làn sóng tị nạn từ Bangladesh tràn vào Ấn Độ. Lãnh đạo đảng BJP ở Tây Bengal cảnh báo rằng khoảng một triệu người tị nạn Hindu từ Bangladesh có thể tìm nơi trú ẩn tại Ấn Độ (Shiv Sahay Singh, 2024). Ngoài ra, Ấn Độ cũng lo ngại các lực lượng Hồi giáo ở Bangladesh có thể cố gắng xâm nhập vào các tiểu bang biên giới như Tây Bengal, Assam và Tripura (Ashild Kolås, 2023, tr.232). Từ đó, Ấn Độ buộc phải triển khai lực lượng an ninh nhiều hơn và cảnh giác cao hơn, tạo ra các mối đe dọa an ninh tại các khu vực này. Về mặt chính trị, sự chính biến tại Bangladesh có thể trở thành vấn đề gây tranh cãi trong nội bộ Ấn Độ, có khả năng làm gia tăng sự phân cực khi các đảng lợi dụng tình hình để củng cố lập trường của mình hoặc chỉ trích cách xử lý của chính phủ về vấn đề người tị nạn hoặc nhập cư từ quốc gia láng giềng. Về mặt xã hội, sự xuất hiện của một lượng lớn người tị nạn có thể làm gia tăng căng thẳng và làm trầm trọng thêm sự chia rẽ cộng đồng, vì người dân địa phương có thể lo lắng về sự cạnh tranh về nguồn lực và việc làm. Sự kết hợp giữa làn sóng tị nạn và các mối đe dọa an ninh đặt ra một thách thức phức tạp đối với các vấn đề trong nước của Ấn Độ, đòi hỏi một cách tiếp cận tinh tế để quản lý cả tác động trước mắt và lâu dài để vừa thể hiện vai trò quan trọng trong việc đảm nhận những “*trách nhiệm toàn cầu*” và kiểm soát tốt các vấn đề an ninh nội địa.

Đối với mục tiêu *cân bằng ngoài*, dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn, có thể dự báo các xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong nhiệm kỳ thứ 3 của Thủ tướng Modi như sau:

Xu hướng 1: Ấn Độ tăng cường lãnh đạo khu vực và chủ động đối đầu

Trong xu hướng này, Ấn Độ sẽ không chỉ giữ vững mà còn gia tăng sự hiện diện quân sự tại Biển Đông, nơi Trung Quốc đang ngày càng khẳng định chủ quyền qua các hành động xây dựng đảo nhân tạo và quân sự hóa khu vực. Để đối phó, Ấn Độ sẽ thúc đẩy các cuộc tập trận quân sự chung với các quốc gia như Nhật Bản, Australia và Mỹ, đồng thời tăng cường hỗ trợ về quân sự và công nghệ cho các quốc gia Đông Nam Á như Việt Nam, Philippines, và Indonesia để kiềm chế sự bành trướng của Trung Quốc.

Cùng lúc đó, Ấn Độ sẽ ký kết các thỏa thuận quân sự mới với các quốc gia có ảnh hưởng lớn trong khu vực, mở rộng sự hợp tác trong khuôn khổ Quad, thể hiện lập trường cứng rắn và quyết liệt trong việc bảo vệ tự do hàng hải và an ninh khu vực. Bằng cách này, Ấn Độ sẽ khẳng định vai trò lãnh đạo của mình và đối trọng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực AĐD-TBD.

Ấn Độ sẽ chủ động xây dựng mối quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng với Mỹ, nhưng sẽ không trở thành con cờ trong cuộc chơi toàn cầu của Mỹ, đặc biệt là trong những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích khu vực của mình. Ấn Độ sẽ kiên quyết thúc đẩy và duy trì quyền tự quyết trong các quyết định quốc tế mà không bị áp lực từ các cường quốc. Mối quan hệ với Mỹ sẽ không chỉ dựa trên hợp tác quốc phòng mà còn mở rộng sang các lĩnh vực công nghệ cao, năng lượng tái tạo và thương mại. Tuy nhiên, Ấn Độ sẽ có những động thái quyết liệt để giữ vững quyền kiểm soát đối với các lĩnh vực trọng yếu như năng lượng và công nghiệp quốc phòng, không cho phép Mỹ dễ dàng chiếm ưu thế.

Ấn Độ không còn chỉ đơn giản là bảo vệ ảnh hưởng trong khu vực Nam Á, mà sẽ chủ động can thiệp để ngăn chặn bất kỳ sự chi phối quá lớn của Trung Quốc vào Sri Lanka, Nepal và Bangladesh. Ấn Độ có thể áp dụng chiến lược “*vòng đai ảnh hưởng*”, thông qua việc gia tăng đầu tư, cung cấp hỗ trợ quân sự và thúc đẩy các sáng kiến phát triển trong các quốc gia này, nhằm ngăn chặn sự leo thang của ảnh hưởng

Trung Quốc. Sự gia tăng các thỏa thuận quân sự và hợp tác kinh tế sẽ khiến các quốc gia này khó có thể từ chối sự lãnh đạo của Ấn Độ mà không gặp rủi ro chiến lược

Cuối cùng, Ấn Độ sẽ gia tăng vai trò trong các tổ chức đa phương quốc tế như Liên Hợp Quốc, BRICS, G20, và các tổ chức khu vực. Đặc biệt, Ấn Độ sẽ chủ động thúc đẩy các sáng kiến toàn cầu về phát triển bền vững, an ninh mạng và biến đổi khí hậu, khẳng định vị thế của mình như một cường quốc có tầm ảnh hưởng toàn cầu. Ấn Độ sẽ không ngần ngại đưa ra những quan điểm mạnh mẽ, chủ động trong việc định hình lại các quy tắc và cấu trúc của trật tự thế giới.

Xu hướng 2: Ấn Độ sẽ củng cố liên kết với Mỹ và Quad để củng cố vị thế trong khu vực.

Trong xu hướng này, Ấn Độ sẽ tăng cường hợp tác chặt chẽ với Mỹ và các thành viên Quad như một “*đồng minh không chính thức*”, đồng thời củng cố vai trò lãnh đạo khu vực của mình. Mặc dù Ấn Độ có mối quan hệ truyền thống sâu sắc với Nga, bối cảnh an ninh khu vực hiện tại, đặc biệt là sự liên kết mật thiết hơn giữa Trung Quốc và Nga, buộc Ấn Độ phải nghiêng về phía Mỹ để duy trì thế cân bằng chiến lược. Với sự chuyển dịch mạnh mẽ về phía Mỹ, Ấn Độ sẽ không chỉ gia tăng sự hiện diện quân sự mà còn đối đầu quyết liệt hơn với Trung Quốc. Các mối quan hệ quân sự và kinh tế giữa Ấn Độ và Trung Quốc sẽ rơi vào tình trạng căng thẳng tột độ, Ấn Độ chủ động mở rộng các sáng kiến hỗ trợ các quốc gia bị ảnh hưởng bởi sự bành trướng của Trung Quốc trong khu vực.

Tiếp đến, Ấn Độ sẽ tăng cường cam kết tham gia sâu sắc vào các sáng kiến của Quad nhằm đối trọng với BRI của Trung Quốc. Mặc dù trước đây Ấn Độ có sự tiếp cận thận trọng, nhưng với những thách thức địa chính trị ngày càng gia tăng - đặc biệt là căng thẳng biên giới với Trung Quốc và sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực Nam Á và AĐĐ - Ấn Độ có thể sẽ gần gũi hơn với các quốc gia Quad như Mỹ, Nhật Bản và Australia. Sự tham gia của Ấn Độ trong các sáng kiến như PGII, BDN, và các dự án hạ tầng khu vực sẽ tạo ra một đối trọng mạnh mẽ và bền vững với BRI. Bên cạnh đó, Ấn Độ sẽ đóng vai trò chủ chốt trong Hành lang Kinh tế Ấn Độ - Trung Đông - Châu Âu để thúc đẩy các lựa chọn thay thế BRI, đồng thời mở rộng ảnh hưởng chiến lược và kinh tế trong khu vực.

Hơn nữa, Ấn Độ sẽ thúc đẩy hợp tác an ninh và quốc phòng với Quad theo cách toàn diện, tăng cường liên kết chặt chẽ trong các sáng kiến bảo vệ tự do hàng hải, mở rộng các cuộc tập trận quân sự chung và phối hợp huấn luyện quân sự để củng cố sức mạnh phòng thủ khu vực. Đồng thời, Ấn Độ sẽ ưu tiên hợp tác với Mỹ trong các lĩnh vực quốc phòng và công nghệ nhằm tăng cường khả năng quân sự và bảo vệ các lợi ích chiến lược quốc gia. Mặc dù duy trì quan hệ truyền thống với Nga và các đối tác khác, Ấn Độ cũng sẽ tiếp tục xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với Nhật Bản, ASEAN và các quốc gia trong Nam Bán cầu, đặc biệt trong việc đối phó với ảnh hưởng gia tăng của Trung Quốc, đặc biệt là tại Biển Đông, tạo nên một mạng lưới đối tác chiến lược linh hoạt.

Khi Ấn Độ hoàn toàn nghiêng về Mỹ và tăng cường hợp tác với Quad, cán cân quyền lực khu vực sẽ trở nên bất đối xứng. Với sự hỗ trợ quân sự và kinh tế mạnh mẽ từ Mỹ, Ấn Độ sẽ trở thành một đối trọng đáng gờm với Trung Quốc trong khu vực AĐD-TBD. Sự thay đổi này sẽ tạo ra một sự chuyển dịch lớn trong cấu trúc quyền lực toàn cầu, khi Ấn Độ không chỉ đủ sức đối phó với các mối đe dọa từ Trung Quốc mà còn vươn lên trở thành một cường quốc có tầm ảnh hưởng trong khu vực. Dù vẫn duy trì quan điểm tự chủ chiến lược, nhưng Ấn Độ sẽ đặt lợi ích quốc gia lên hàng đầu, có lập trường rõ ràng để khẳng định vai trò của mình trong các vấn đề toàn cầu.

Xu hướng 3: Ấn Độ duy trì tự chủ chiến lược, đa liên kết để duy trì sự cân bằng chiến lược trong khu vực.

Theo xu hướng này, Ấn Độ vẫn sẽ tiếp tục củng cố hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh quan trọng như Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia và các nước ASEAN, đặc biệt là Việt Nam. Mối quan hệ lâu dài với Nga sẽ được Ấn Độ duy trì thận trọng, đặc biệt trong bối cảnh quan hệ Trung-Nga ngày càng gắn bó. Ấn Độ sẽ bảo vệ lập trường tự chủ chiến lược, giữ khoảng cách với các liên minh quân sự chính thức, bao gồm cả Quad, nhằm tránh bị phụ thuộc vào bất kỳ cường quốc nào.

Quan hệ với Mỹ sẽ tiếp tục phát triển, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ, chống khủng bố và kinh tế. Tuy nhiên, với việc Tổng thống D. Trump tái đắc cử và theo đuổi chính sách “*Nước Mỹ trên hết*”, trọng tâm sẽ dồn vào kinh tế, trong đó có

các biện pháp thương mại cứng rắn, đặc biệt đối với Ấn Độ. Trong bối cảnh này, khẩu hiệu “*Make India great again*” sẽ thúc đẩy Ấn Độ tăng cường năng lực quốc phòng, công nghệ và sản xuất trong nước, giúp giảm sự phụ thuộc vào các quốc gia khác và nâng cao vị thế toàn cầu. Điều này không chỉ củng cố sức mạnh quân sự mà còn tạo động lực cho sự phát triển kinh tế bền vững. Vì vậy, Ấn Độ sẽ linh hoạt trong chiến lược đối ngoại, duy trì sự ổn định và tránh các căng thẳng không cần thiết, nhằm đạt được mục tiêu tăng trưởng bền vững và cải thiện đời sống người dân, theo đúng cam kết của Thủ tướng Modi. Trong khi đó, Nga vẫn là đối tác chiến lược quan trọng của Ấn Độ, đặc biệt trong lĩnh vực quốc phòng, giúp duy trì thế cân bằng trước sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc. Trong chiến lược quốc phòng, Ấn Độ sẽ tăng cường năng lực răn đe dọc tuyến biên giới với Pakistan nếu có nguy cơ xung đột xảy ra và Trung Quốc, đồng thời duy trì một chiến lược ngoại giao chủ động để giảm căng thẳng và thúc đẩy hợp tác đa phương trong khu vực. Điều này được xem là phù hợp bởi vì sức mạnh kinh tế ngày càng tăng của Ấn Độ và khát vọng trở thành cường quốc khu vực và quan trọng hơn là sự hiểu biết chung về các mối đe dọa đối với sự ổn định của khu vực (Prakash Gopal, 2024, tr.24).

Đồng thời, duy trì trạng thái “*vừa hợp tác, vừa kiểm chế, vừa kiểm soát*” với Trung Quốc nhằm thoát khỏi gọng kiềm ADD mà quốc gia này đang thực hiện ở các quốc gia Nam Á xung quanh Ấn Độ. Tuy nhiên, Ấn Độ sẽ duy trì các quan hệ hợp tác quốc phòng hiện tại nhưng vẫn phải xem xét lại các thứ tự ưu tiên phù hợp với mục tiêu của Ấn Độ tùy thuộc vào từng quốc gia, có những quốc gia sẽ tập trung vào kinh tế, có những nước sẽ là thị trường đầu tư, có nước sẽ là an ninh - quốc phòng, hoặc sẽ là sự kết hợp, chứ quốc phòng không phải là trụ cột duy nhất.

Ngoài ra, Ấn Độ sẽ đóng vai trò tích cực hơn trong các khuôn khổ đa phương như Quad, ASEAN, BIMSTEC, IORA, SAARC và cả SCO, đồng thời gia tăng kết nối và khẳng định vai trò là tiếng nói của các quốc gia Nam bán cầu. Ấn Độ sẽ kiên trì để có thể tham gia vào vị trí thường trực tại UNSC để không chỉ cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc mà còn thúc đẩy lợi ích của các quốc gia đang phát triển. Các nỗ lực này không chỉ củng cố năng lực quốc phòng của Ấn Độ mà còn giúp cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc và thúc đẩy “*trật tự quốc tế dựa trên luật lệ*”.

Như vậy, khi các nhân tố trong và ngoài nước tác động đến hợp tác quốc phòng của Ấn Độ thay đổi, trong nhiệm kỳ thứ 3, Thủ tướng Modi sẽ tiếp tục hiện đại hóa quân đội, tăng chi tiêu quốc phòng và xây dựng khả năng tự cung tự cấp để bảo vệ độc lập và chủ quyền mà không phụ thuộc vào các thế lực bên ngoài. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ không chỉ tập trung vào nâng cao tiềm lực quốc phòng mà còn duy trì mối quan hệ cân bằng với các cường quốc toàn cầu để bảo vệ quyền tự chủ chiến lược và an ninh quốc gia. Dưới sự lãnh đạo của Modi, Ấn Độ kiên định với nguyên tắc tự chủ chiến lược trong hợp tác quốc phòng, duy trì quan hệ chặt chẽ với cả Mỹ và Nga mà không phải chọn phe. Việc cân bằng các mối quan hệ này là yếu tố then chốt trong chiến lược đối ngoại của Ấn Độ để duy trì lập trường trung lập và vai trò toàn cầu mà không bị cuốn vào cuộc cạnh tranh chiến lược nước lớn.

Chính vì điều đó, xu hướng 3 cơ bản được xem là phù hợp với chiến lược của Ấn Độ hiện nay. Bằng cách duy trì quyền tự chủ chiến lược và tránh tham gia các liên minh quân sự chính thức, Ấn Độ có thể củng cố mối quan hệ với cả Mỹ và Nga, đồng thời nâng cao năng lực phòng thủ, đảm bảo an ninh quốc gia và khẳng định vai trò kiến tạo “*cấu trúc an ninh khu vực*” tại khu vực AĐD-TBD.

4.4. Kiến nghị về hợp tác quốc phòng cho Việt Nam

Nhận thức đúng đắn về vai trò của Ấn Độ đối với an ninh quốc gia của Việt Nam trong trong thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI là một điều rất quan trọng. Bởi vì, Việt Nam ủng hộ sự “*trỗi dậy hòa bình*” của Ấn Độ và sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng tăng của Ấn Độ sẽ có lợi cho quan hệ giữa hai nước ở cả cấp độ song phương và đa phương. Việt Nam và Ấn Độ đều có nhiều điểm tương đồng trong lịch sử đấu tranh giành độc lập, tích cực tham gia vào lực lượng GGHB, coi hợp tác quốc phòng là ưu tiên quan trọng để bảo vệ an ninh quốc gia và duy trì hòa bình, ổn định trong khu vực. Đồng thời đối mặt với những thách thức an ninh liên quan đến tranh chấp chủ quyền với Trung Quốc. Xét ở góc độ an ninh năng lượng, nguồn dự trữ dầu khí ở Biển Đông mang lại nhiều lợi ích quan trọng cho sự phát triển của Ấn Độ. Sự can dự của Ấn Độ vào vấn đề Biển Đông vừa thể hiện vai trò của một nước lớn và thể hiện sự đối trọng “*cân bằng*” để thoát khỏi sự “*kiềm tỏa*” của Trung Quốc thông qua chính sách “*Hành động hướng Đông*”.

Tiếp đến là sự tương đồng với Ấn Độ trong việc linh hoạt quan hệ với các nước lớn, Việt Nam vẫn có quan hệ thương mại tốt với Trung Quốc trong khi nhận được sự hỗ trợ từ Mỹ về các vấn đề như an ninh hàng hải, chia sẻ thông tin và an ninh mạng (Abdul Rahman Yaacob, 2024). Ngoài ra, Nga và Mỹ đều là những đối tác quan trọng đối với chính sách đối ngoại và sự tính toán quốc phòng của Việt Nam. Việt Nam cần Nga không chỉ để mua sắm vũ khí mà còn để củng cố tình hữu nghị truyền thống, điều này đã được chứng minh là rất quan trọng khi Việt Nam nhận được sự hỗ trợ cả về ngoại giao và quân sự từ Liên Xô cũ. Nga cũng là quốc gia đầu tiên thiết lập “*quan hệ đối tác chiến lược*” với Việt Nam, nhưng ngoài Nga, Trung Quốc và Ấn Độ vẫn là đối tác thăm dò dầu khí hàng đầu của Việt Nam tại Biển Đông (Huynh Tam Sang, 2022). Thông qua hợp tác, Việt Nam có thể tăng cường đòn bẩy ngoại giao và tiếp cận được nhiều lợi ích kinh tế, quân sự và công nghệ đa dạng. Điều này giúp Việt Nam tránh phụ thuộc vào bất kỳ cường quốc nào, đồng thời mở rộng dư địa chính sách và tạo điều kiện tham gia sâu hơn vào các cơ chế khu vực để cân bằng ảnh hưởng từ các nước lớn (Ngo Di Lan, 2024).

Tuy nhiên, điểm khác biệt lớn giữa Việt Nam và Ấn Độ là chính sách quốc phòng. Trong khi Ấn Độ chưa ban hành một văn bản được gọi chính thức là Chính sách quốc phòng (*xem Phụ lục 4,5,6*), Việt Nam đã ba lần công bố Sách trắng quốc phòng vào các năm 1998, 2009 và gần nhất là năm 2019 để minh bạch hóa chính sách, đường lối quốc phòng của mình. Trong Sách trắng Quốc phòng năm 2019, Việt Nam đề cập rất rõ về chính sách quốc phòng của quốc gia, trong đó nêu “*Chính sách Quốc phòng của Việt Nam mang tính chất hòa bình và tự vệ; kiên quyết, kiên trì đấu tranh giải quyết mọi tranh chấp, bất đồng bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế...*” (Bộ Quốc phòng, 2019, tr.25) và kiên định với chính sách “*Bốn không*” trong lĩnh vực quốc phòng “*không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế*” (Bộ Quốc phòng, 2019, tr.25). Trong số các đối tác song phương chủ chốt của Ấn Độ, Việt Nam đã nâng cấp mối quan hệ với Ấn Độ (2016), Trung Quốc (2008), Nga (2012), Mỹ (2023), Nhật

(2023), Australia (2024) lên tầm đôi tác chiến lược toàn diện trên hầu hết các phương diện. Thông qua các hoạt động đối thoại an ninh - quốc phòng, Việt Nam đang nỗ lực cùng các nước lớn xử lý các thách thức an ninh chung, đồng thời khẳng định chính sách quốc phòng minh bạch, tự chủ và có trách nhiệm (Nguyễn Thành Đồng, 2016, tr.7). Đến nay, Việt Nam đã “*thiết lập tùy viên quốc phòng tại 31 nước và đã có 42 nước thiết lập tùy viên quốc phòng tại Việt Nam*” (Bộ Quốc phòng, n.d), cho thấy mạng lưới hợp tác quốc phòng ngày càng mở rộng và thực chất.

Trong bối cảnh cục diện an ninh và chính trị khu vực AĐD-TBD ngày càng phức tạp, không chỉ Việt Nam mà nhiều nước ASEAN cũng phải đối mặt với nguy cơ bị cuốn vào thế đối đầu giữa các cường quốc. Thực tiễn cho thấy, để hiện đại hóa lực lượng, một số quốc gia trong khu vực đang đẩy mạnh hợp tác quốc phòng song phương với Mỹ, Ấn Độ, Nhật Bản và Nga, thông qua các cuộc tập trận quy mô lớn trên Biển Đông. Tuy nhiên, xu hướng này dễ làm phát sinh hoài nghi giữa các quốc gia trong khu vực, gây cản trở cho hợp tác quốc phòng nội khối (Thái Văn Long, Đàm Trọng Tùng, 2016, tr.22). Bên cạnh đó, việc tăng cường liên kết với các cường quốc, đặc biệt là Mỹ, cũng khiến một số nước trở nên thận trọng hơn, do các hỗ trợ từ Mỹ thường gắn với các điều kiện chính trị cụ thể (Fan Yazhen, 2022, tr.272). Trước tình trạng cạnh tranh chiến lược ngày càng quyết liệt giữa Mỹ và Trung Quốc, những bất định trong khu vực không ngừng gia tăng, buộc các quốc gia nhỏ hơn phải nhận thức rõ hơn tầm quan trọng của một nền quốc phòng vững mạnh, đủ sức tự vệ và duy trì thế cân bằng trước áp lực từ các bên.

Dựa vào kết quả thực tiễn từ việc nghiên cứu hợp tác quốc phòng của Ấn Độ, luận án đề xuất một số kiến nghị cho hợp tác quốc phòng của Việt Nam trong bối cảnh mới để có thể vừa tận dụng thời cơ nâng cao năng lực quốc phòng trong nước và hạn chế sự ảnh hưởng từ các mối đe dọa an ninh bên ngoài:

Thứ nhất, Việt Nam cần xây dựng một lực lượng quốc phòng, quân sự vững mạnh, có chiến lược phòng ngừa xung đột từ xa thông qua việc giải quyết các tranh chấp bằng ngoại giao đa phương. Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh đã khẳng định “*Việt Nam không trung lập, Việt Nam độc lập. Độc lập hoàn toàn khác với trung lập. Chúng ta độc lập trên cơ sở đạo lý, luật pháp quốc tế và lợi ích của Việt Nam*” (Báo

Tiền phong, 2022), có nghĩa rằng, sự nhất quán và kiên định của Việt Nam là vẫn không chọn phe để không tự đưa mình vào thế tiến thoái lưỡng nan về an ninh. Để phát huy điều này, Việt Nam cần tiếp tục đổi mới “*tư duy quốc phòng*” theo hướng cập nhật sát với tình hình khu vực và thế giới. Việc đổi mới này phải được phát triển dựa trên cái sẵn có, kết hợp với mục tiêu phát triển sức mạnh tổng hợp quốc gia và giữ vững chủ quyền đất nước. Đảng đã chỉ rõ “*Đẩy mạnh đối ngoại song phương và nâng tầm đối ngoại đa phương. Chủ động tham gia và phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương, đặc biệt là ASEAN, Liên hợp quốc, APEC, hợp tác tiểu vùng Mê Công và các khuôn khổ hợp tác khu vực và quốc tế... Chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh theo tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc*” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021, tr.162 - 163). Vì vậy, trong hợp tác quốc phòng đa phương, Việt Nam cần “*chuyển từ tư duy “gia nhập và tham gia” sang tư duy “chủ động đóng góp, khởi xướng” và tích cực tham gia định hình “các luật chơi”*” (Hoàng Đình Nhân, 2017, tr.131), để “*bảo đảm tính chính danh của trật tự quốc tế dựa trên luật lệ*”. Sự tham gia chủ động sẽ giúp Việt Nam nâng cao tiếng nói, bảo vệ các lợi ích chiến lược và kinh tế của quốc gia trên trường quốc tế.

Thứ hai, Việt Nam cần nâng cao nhận thức về môi đe dọa quốc phòng liên quan đến an ninh phi truyền thống. Trong Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019, cụm từ “*an ninh phi truyền thống*” đã xuất hiện năm lần, cho thấy vấn đề này đang trở thành trọng tâm trong chiến lược an ninh quốc gia. Để đối phó với các thách thức an ninh chung, Việt Nam cần tiếp tục thúc đẩy nguyên tắc “Một đồng” trong hợp tác quốc phòng sâu rộng với các đối tác chiến lược toàn diện để giải quyết các thách thức an ninh chung, triển khai nguyên tắc “Một tùy” để cân nhắc phát triển các mối quan hệ quốc phòng, quân sự cần thiết với mức độ thích hợp. Trong số đó, các cường quốc tầm trung trong khu vực như Ấn Độ, Nhật Bản và Australia sẽ giúp Việt Nam giúp tăng cường quyền tự chủ của mình trong bối cảnh cạnh tranh giữa các cường quốc đang gia tăng giữa Trung Quốc và Mỹ. Duy trì và phát huy thế mạnh của chính sách “*ngoại giao cây tre*”, thể hiện bằng rễ cây vững chắc, thân cây chắc khỏe và nhanh chóng điều chỉnh theo những thay đổi trong môi trường quốc tế bằng các nhánh cây linh hoạt (Nguyễn Phú Trọng, 2023, tr.16). Chẳng hạn, Việt

Nam đã đồng ý cùng xây dựng “*cộng đồng chia sẻ tương lai*”⁵ với Trung Quốc trong chuyến thăm Việt Nam của Tập Cận Bình vào năm 2023, mặc dù nhận thức được rằng Trung Quốc thúc đẩy diễn ngôn “*cộng đồng chung tương lai*” để thúc đẩy tầm nhìn lấy Trung Quốc làm trung tâm hơn về trật tự khu vực và quản trị toàn cầu (Hoang Thi Ha, 2024, tr.20). Mặc dù có lý do để tăng cường quan hệ với Mỹ do lo ngại các hành động của Trung Quốc ở Biển Đông, việc duy trì quan hệ tốt với Trung Quốc vẫn là lợi ích lâu dài của Việt Nam. Do đó, hợp tác quốc phòng đa dạng với các nước lớn và đặt vị thế quốc gia vào trung tâm “*cân bằng*” nhằm nâng cao tiềm lực phòng thủ và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thông qua hợp tác và chia sẻ công nghệ quốc phòng với các cường quốc. Điều này giúp Việt Nam có thể linh hoạt trong chính sách đối ngoại và giảm thiểu rủi ro từ các xung đột lợi ích giữa các cường quốc và thêm nguồn lực và công cụ để đối phó với các mối đe dọa an ninh. Trên bình diện đa phương, Việt Nam cần phát huy vai trò trung tâm trong các diễn đàn đa phương do ASEAN dẫn dắt, đặc biệt là ADMM+, một trong những diễn đàn quan trọng để thảo luận các vấn đề an ninh quốc phòng khu vực với sự tham gia của các nước lớn.

Thứ ba, Việt Nam cần tận dụng thời cơ để nâng cao năng lực và tiềm lực công nghiệp quốc phòng nội địa. Hiện nay, Việt Nam đang đối mặt với nhiều rủi ro lớn ở khu vực Biển Đông do tranh chấp với Trung Quốc, cũng như những thách thức phát sinh từ việc Campuchia xây dựng kênh đào Phù Nam do Trung Quốc tài trợ. Vì vậy, việc đầu tư vào việc mua sắm khí tài và trang thiết bị quốc phòng hiện đại trên biển và đất liền và hiện đại hóa quân đội đến năm 2030 và mục tiêu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong bối cảnh mới ngày càng trở nên cấp thiết. Một phần quan trọng của chiến lược quốc phòng là phát triển công nghiệp quốc phòng, đặc biệt “*theo hướng lưỡng dụng và thực sự trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc phòng*” và “*phấn đấu đến năm 2030, công nghiệp quốc phòng sẽ có sức cạnh tranh quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; hoàn thành quy hoạch các doanh nghiệp công nghiệp quốc phòng phù hợp với thể trận phòng*”

⁵ Nội hàm cụm từ mà Việt Nam sử dụng có nghĩa là tiếp tục làm sâu sắc và nâng tầm hơn nữa quan hệ Đối tác Hợp tác chiến lược toàn diện, xây dựng Cộng đồng chia sẻ tương lai Việt Nam - Trung Quốc có ý nghĩa chiến lược

thủ chiến lược của đất nước” (Bộ Quốc phòng, 2019, tr.100) bằng cách đẩy mạnh triển khai nghiên cứu và chuyển giao công nghệ quốc phòng với các đối tác an ninh hiện tại. Bài học từ liên doanh giữa Ấn Độ và Nga cho thấy Việt Nam có thể nâng cao khả năng tự chủ trong công nghiệp quốc phòng, giảm sự phụ thuộc vào nguồn cung cấp vũ khí từ bên ngoài. Thông qua việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ và hợp tác với các nước lớn, hiện là “*đối tác chiến lược toàn diện*” của Việt Nam, Việt Nam có thể tiếp cận các trang thiết bị và công nghệ quốc phòng tiên tiến, từ đó từng bước xây dựng một nền công nghiệp quốc phòng vững mạnh. Việt Nam đã nhập khẩu máy bay chiến đấu từ Mỹ, Nga và tìm kiếm chuyển giao công nghệ phát triển radar phòng không từ các nước liên quan để đặt nền tảng cho việc phát triển độc lập công nghệ radar phòng không nhằm nâng cấp hơn nữa các hệ thống radar phòng không; về trang bị quân đội, đã nhập khẩu và cải tiến thiết bị bọc thép, cải thiện hiệu suất pháo binh cũng như đạn dược và tối ưu hóa kết cấu pháo (Qin, 2021). Thêm vào đó, “*vũ khí hiện đại trang bị cho lục quân; tàu quân sự và vũ khí dưới nước; tên lửa và hàng không vũ trụ quân sự; khí tài quân sự; vật tư kỹ thuật, một số công nghệ nền, công nghệ lõi*” (Báo Đảng Cộng sản Việt Nam, 2024) từ các nước lớn hàng đầu trong xuất khẩu khí tài quân sự sẽ giúp Việt Nam tự chủ sản xuất để đáp ứng nhu cầu trong nước và tiến đến việc xuất khẩu vũ khí cơ bản ra nước ngoài.

Việt Nam đã ký các hiệp định về chuyển giao công nghệ quốc phòng với Nga, Nhật Bản, Ấn Độ và Hàn Quốc, nhưng vẫn còn những thách thức và hạn chế cần được giải quyết. Năm 2022, Việt Nam đã tổ chức thành công “*Triển lãm Quốc phòng quốc tế Việt Nam*” lần đầu tiên với 174 đơn vị triển lãm từ 30 quốc gia, bao gồm tất cả các quốc gia sản xuất vũ khí lớn ngoại trừ Trung Quốc (Reuters, 2022), đặc biệt các nhà thầu Mỹ là Lockheed Martin và Raytheon cũng tham dự triển lãm để thúc đẩy hợp tác công nghiệp quốc phòng với Việt Nam (Rajaram Panda, 2024, tr.104) và lần thứ hai vào tháng 12/2024. Trong bối cảnh nhiều nước có căng thẳng với Trung Quốc và tìm cách giảm sự phụ thuộc vào vũ khí của Nga, triển lãm sẽ góp phần mở rộng hợp tác quốc phòng với các quốc gia, tạo lòng tin cũng như giới thiệu với quốc tế những sản phẩm khí tài quốc phòng do Việt Nam sản xuất.

Đối với hợp tác giữa Việt Nam và Ấn Độ, mua vũ khí từ Ấn Độ là một lựa chọn hợp lý đối với Việt Nam, bởi (1) mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa hai quốc gia, (2) chi phí hợp lý và hiện đại vì Ấn Độ đang tự sản xuất các vũ khí chuyển giao công nghệ và sản xuất chung với Nga và Mỹ, (3) giúp Việt Nam giảm bớt sự phụ thuộc vào các cường quốc như Nga, Mỹ và Trung Quốc, những quốc gia mà mối quan hệ có thể gặp phải các yếu tố chính trị và an ninh phức tạp. Trong khi Nga đối mặt với các lệnh cấm vận, Mỹ có thể gây căng thẳng với Trung Quốc và việc mua vũ khí từ Trung Quốc là không khả thi, thì hợp tác với Ấn Độ giúp Việt Nam duy trì một chiến lược quốc phòng độc lập và hiệu quả. Bên cạnh đó, việc đào tạo nguồn nhân lực là một yếu tố không thể thiếu trong hợp tác quốc phòng giữa hai nước. Ấn Độ có thể cung cấp các chương trình đào tạo chuyên sâu cho cán bộ quân sự Việt Nam, từ huấn luyện kỹ thuật đến chiến lược quân sự và công nghệ quốc phòng, giúp nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn của lực lượng vũ trang Việt Nam. Điều này không chỉ giúp Việt Nam phát triển đội ngũ chuyên gia trong việc duy trì và vận hành các hệ thống vũ khí hiện đại, mà còn củng cố mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa quân đội hai nước, tạo nền tảng cho một chiến lược quốc phòng độc lập và hiệu quả.

Năm 2024, sức mạnh quân sự của Việt Nam được xếp hạng thứ 22 theo báo cáo của Global Firepower và GDP của Việt Nam được dự báo sẽ đứng thứ 29 vào năm 2030 và vị trí 20 vào năm 2050 (Lê Đình Tĩnh, 2018, tr.39). Với tiềm năng phát triển và vị thế ngày càng tăng, nhiều quốc gia như Ấn Độ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Bulgaria và Thổ Nhĩ Kỳ mong muốn thúc đẩy hợp tác quốc phòng và sản xuất vũ khí với Việt Nam. Thêm vào đó, với vị trí địa chiến lược quan trọng, chính sách quốc phòng “*độc lập và tự chủ*”, không bị ràng buộc bởi các liên minh quân sự, cùng với quá trình hiện đại hóa quân đội, tạo nền tảng thuận lợi để phát triển hợp tác quốc phòng, mang lại lợi ích cho cả Việt Nam và các đối tác. Trong bối cảnh cạnh tranh khu vực AĐD-TBD ngày càng gia tăng, việc phát triển hợp tác quốc phòng của Việt Nam sẽ góp phần quan trọng vào việc bảo đảm an ninh khu vực và toàn cầu, đặc biệt là trong duy trì tự do hàng hải và ổn định tại Biển Đông.

Tiểu kết chương 4

Từ thực trạng triển khai hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD từ năm 2007 đến năm 2024, có thể nhận thấy Ấn Độ đã đạt được những kết quả tích cực trong việc tăng cường hợp tác song phương với các quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Nga, Trung Quốc và Việt Nam. Mỗi quốc gia đối tác này có những ưu tiên và lợi ích riêng, và Ấn Độ đã linh hoạt điều chỉnh chiến lược hợp tác để đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng đối tác. Đặc biệt, với Trung Quốc, Ấn Độ duy trì một mức hợp tác tối thiểu trong các hoạt động quốc phòng, vừa để “cân bằng” sức mạnh khu vực với Trung Quốc, vừa để đối phó với các thách thức về an ninh quốc gia. Do đó, mối quan hệ với Trung Quốc của Ấn Độ có tính chất kép: vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, vừa kiềm chế. Ở cấp độ đa phương, ASEAN được xem là thành công lớn nhất trong chiến lược hợp tác quốc phòng của Ấn Độ. Việc thúc đẩy hợp tác với ASEAN giúp Ấn Độ trở thành một đối tác quan trọng và có vai trò ngày càng lớn hơn trong khu vực ADD-TBD. Bên cạnh đó, Ấn Độ cũng duy trì mối quan hệ hợp tác quốc phòng vững mạnh với các tổ chức quốc tế/nhóm đối thoại chiến lược như Quad, SCO, SAARC, BIMSTEC và IORA, không chỉ nhằm củng cố an ninh khu vực mà còn để gia tăng ảnh hưởng và vai trò của mình trên trường quốc tế.

Việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng của Ấn Độ có tác động hai chiều đối với an ninh khu vực và sự phát triển của chính Ấn Độ. Thông qua hợp tác quốc phòng, Ấn Độ không chỉ giải quyết các thách thức an ninh từ bên ngoài mà còn củng cố vị thế của mình như một cường quốc khu vực, đối trọng với Trung Quốc. Đồng thời, Ấn Độ cũng xây dựng hình ảnh của một quốc gia phi quân sự, ủng hộ trật tự khu vực dựa trên luật lệ. Việc hợp tác quốc phòng còn giúp Ấn Độ phát triển ngành công nghiệp quốc phòng, với mục tiêu trở thành một trong những nhà xuất khẩu vũ khí lớn trên thế giới. Tuy nhiên, chiến lược mở rộng hợp tác song phương và đa phương cùng với chính sách tự chủ chiến lược của Ấn Độ cũng đặt ra một số thách thức. *Thứ nhất*, việc tham gia vào các cấu trúc chiến lược giữa các cường quốc có thể làm gia tăng căng thẳng trong khu vực, ảnh hưởng đến an ninh và lợi ích quốc gia của Ấn Độ. *Thứ hai*, đầu tư lớn vào quốc phòng có thể dẫn đến mất cân bằng với các chính sách an sinh - xã hội trong nước. Thêm vào đó, sự đa dạng sắc tộc và chủ nghĩa dân tộc Hindu cũng ảnh hưởng đến chiến lược quốc phòng của Ấn Độ.

Dưới nhiệm kỳ thứ ba của Thủ tướng Modi, Ấn Độ đang chuẩn bị trở thành một nhân tố quan trọng trong các vấn đề quốc phòng toàn cầu và vai trò “*chủ thể cung cấp an ninh thuần*” cho khu vực AĐD-TBD. Việc thúc đẩy hợp tác quốc phòng sẽ tiếp tục nhằm đảm bảo hai mục tiêu “*cân bằng trong*” và “*cân bằng ngoài*”, từ đó giải quyết các vấn đề an ninh và lợi ích quốc gia của Ấn Độ. Đặc biệt, việc tập trung vào phát triển năng lực quốc phòng nội địa sẽ giảm sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp nước ngoài và giúp Ấn Độ trở thành một quốc gia xuất khẩu vũ khí lớn trong khu vực. Ấn Độ sẽ duy trì hợp tác quốc phòng song phương và đa phương với các đối tác an ninh chủ chốt để tiếp tục cân bằng quyền lực và đối phó với ảnh hưởng của Trung Quốc. Hơn nữa, sự tham gia của Ấn Độ vào các sứ mệnh GGHB của LHQ và các diễn đàn đa phương sẽ tiếp tục củng cố vị thế của Ấn Độ như một cường quốc toàn cầu có trách nhiệm và là một chủ thể cung cấp an ninh.

Đối với Việt Nam, bài học kinh nghiệm từ hợp tác quốc phòng của Ấn Độ mang lại những bài học giá trị. Thứ nhất, xây dựng một lực lượng quốc phòng, quân sự vững mạnh, có chiến lược phòng ngừa xung đột từ xa thông qua việc giải quyết các tranh chấp bằng ngoại giao đa phương. Duy trì quyền tự chủ chiến lược, chính sách quốc phòng “*Bốn Không*”, nguyên tắc “*Một đồng*” và “*Một tỳ*” để điều hướng những vấn đề an ninh phức tạp của khu vực. Thứ hai, nâng cao nhận thức về mối đe dọa quốc phòng liên quan đến an ninh phi truyền thống. Thứ ba, tận dụng thời cơ để nâng cao năng lực và tiềm lực công nghiệp quốc phòng nội địa, giúp giảm thiểu tình trạng bị lệ thuộc vào nước lớn để tránh tạo ra những rủi ro về an ninh do sự dè chừng từ các quốc gia xung quanh, đặc biệt là Trung Quốc.

KẾT LUẬN

Hiện nay, trên thế giới còn tồn tại nhiều cách tiếp cận khác nhau về định nghĩa hợp tác quốc phòng. Tuy nhiên, luận án sử dụng kết hợp định nghĩa của khái niệm “*hợp tác quốc tế*” trong lĩnh vực quốc phòng để không bị trùng lặp quan điểm của ngoại giao quốc phòng hay đối thoại quốc phòng. Nghiên cứu về quốc phòng của Ấn Độ với từng quốc gia không phải là vấn đề mới, nhưng luận án đã sử dụng khung phân tích dựa trên lý thuyết của ba chủ nghĩa là Hiện thực, Tự do và Kiến tạo để phân tích và làm rõ hoạt động hợp tác quốc phòng của Ấn Độ trên phương diện đa phương và song phương trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2024.

Thủ tướng Australia Tony Abbott từng nhận định “*Ấn Độ không đe dọa ai. Ấn Độ là bạn của nhiều quốc gia. Ấn Độ là siêu cường dân chủ mới nổi của thế giới*” (Mark Kenny, 2014), câu nói này không chỉ mang tính ngoại giao mà thể hiện cách mà các quốc gia nhìn nhận về hình ảnh và trách nhiệm của Ấn Độ như một “*cường quốc mới nổi*”. Trong tiến trình động tại khu vực AĐD-TBD, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ đã có nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt, luận án khẳng định rằng:

Thứ nhất, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ ở khu vực AĐD-TBD bị tác động bởi bối cảnh thế giới, sự ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc, nhận thức của Ấn Độ về vai trò dẫn dắt khu vực, mối quan ngại về an ninh trong và ngoài nước và vai trò cá nhân của các nhà lãnh đạo Ấn Độ. Nếu cụ thể hơn thì xu thế trật tự đa cực ở khu vực ngày càng phát triển, sự chuyển dịch quyền lực từ Tây sang Đông lẫn sự thay đổi chiến lược của các nước lớn đã tác động trực tiếp và khiến Ấn Độ phải có những thay đổi trong hợp tác quốc phòng nhằm bảo đảm được lợi ích an ninh quốc gia lẫn khu vực. Bên cạnh đó, nhân tố Trung Quốc, Pakistan được xem là những mối “*đe dọa tiềm tàng*” tạo ra thách thức an ninh trực tiếp cho Ấn Độ ở những khu vực biên giới vốn rất nhạy cảm. ASEAN thì đóng vai trò nhân tố thúc đẩy vì liên quan trực tiếp đến chính sách “*Hành động Hướng Đông*” của Ấn Độ. Ở góc độ trong nước, sức mạnh tổng hợp quốc gia ngày càng tăng đã tạo đà cho Ấn Độ dành ngân sách lớn cho chi tiêu và đầu tư quốc phòng để trở thành những cường quốc hàng đầu khu vực về lĩnh vực quốc phòng. Sự điều chỉnh chiến lược về quốc phòng,

tình hình chính trị nội bộ kết hợp với sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc Hindu đã định hình hợp tác quốc phòng Ấn Độ từ e dè, không liên kết thành đa liên kết nhưng vẫn đảm bảo được tính tự chủ chiến lược. Cuối cùng, đường lối, chính sách và triển khai hợp tác quốc phòng cũng chịu sự chi phối từ hai nhà lãnh đạo của Ấn Độ trong giai đoạn từ 2007 đến 2024 là Thủ tướng Manmohan Singh và Narendra Modi.

Thứ hai, với chính sách tự chủ chiến lược về mặt quốc phòng và những giá trị phi vật chất, Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác quốc phòng thông qua hai kênh là song phương và đa phương với các đối tác an ninh chủ chốt trong khu vực, đặc biệt là từ năm 2007 đến năm 2024 vì mục tiêu an ninh quốc gia. Rõ ràng, Ấn Độ đối diện với rất nhiều thách thức an ninh như xung đột với Trung Quốc và Pakistan ở trên bộ, vấn đề hồi giáo với Bangladesh, sự kiểm soát của Trung Quốc trên AĐD thông qua việc “*xích gài hơn*” với Maldives và quản lý cảng Hamaboton ở Sri Lanka. Nếu nhìn từ phía đại dương, Ấn Độ đang bị Trung Quốc “*bao vây*” bằng chiến lược “*Chuỗi ngọc trai*” khiến Ấn Độ khó tiếp cận các khu vực khác, đặc biệt là ASEAN và sự liên kết giữa các thành viên của Quad. Những quốc gia trong khu vực AĐD-TBD đều đối mặt với những vấn đề an ninh truyền thống lẫn phi truyền thống, nhu cầu tăng cường tiềm lực khí tài quốc phòng là không ngừng tăng, đây cũng được xem là những mục tiêu để giúp Ấn Độ trở thành quốc gia xuất khẩu vũ khí trong khu vực.

Thứ ba, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ đã có tác động đáng kể đến an ninh của khu vực AĐD-TBD. Ấn Độ đã “*thức dậy*” mạnh mẽ và trở thành một quốc gia “*trỗi dậy hòa bình, lành tính*” để cân bằng quyền lực với Trung Quốc và đóng một vai trò cân bằng quan trọng trong hệ thống quốc tế, đặc biệt là ở khu vực AĐD-TBD. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức có thể tác động đến hợp tác quốc phòng Ấn Độ và đặt ra những thách thức an ninh bên trong lẫn bên ngoài. Luận án đã chứng minh được Ấn Độ đã áp dụng một cách tiếp cận quốc phòng thực tế và quyết đoán hơn. Sự hợp tác quốc phòng của Ấn Độ đã thể hiện qua việc xây dựng các đối tác chiến lược, tham gia vào các diễn đàn khu vực như Quad, ASEAN, SAARC, BIMSTEC, IORA và cả SCO. Những hoạt động này giúp tăng cường khả năng tác chiến của Ấn Độ thông qua các cuộc tập trận hải quân, mua sắm và sản xuất khí tài quân sự như tàu sân bay, tàu khu trục, và máy bay không người lái vũ trang. Đồng thời, thông qua triển khai hợp tác, các giá trị cốt lõi của Ấn Độ về sự tôn trọng lẫn nhau và cùng tồn

tại hòa bình đã nhận được thiện cảm từ các nước bởi cách thức hợp tác quốc phòng không tạo ra bất kỳ sự đe dọa an ninh nào trong khu vực. Đồng thời, hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với Mỹ, Nga, Nhật Bản, Australia, Việt Nam giúp tạo ra một mạng lưới đối tác có cùng chí hướng chứ không phải liên minh quân sự hay đồng minh chính thức, hỗ trợ cho chiến lược cân bằng với sự mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc. Các cuộc đụng độ ở Galwan năm 2020 đã thay đổi quỹ đạo quan hệ Ấn Độ - Trung Quốc, buộc chính phủ Ấn Độ và các nhà hoạch định chính sách phải thực hiện những thay đổi lớn và dài hạn để hiện đại hóa quân đội và năng lực quốc phòng. Mặc dù còn đối mặt với những hạn chế và thách thức về năng lực quốc phòng trên bộ, các nỗ lực này đã giúp nâng cao vị thế và ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực.

Thứ tư, trong nhiệm kỳ thứ 3 của Thủ tướng Modi, Ấn Độ sẽ tiếp tục mở rộng hợp tác quốc phòng ở ADD-TBD với các đối tác an ninh hiện tại. Sự phát triển của Ấn Độ trong thời kỳ này không chỉ là về kinh tế mà còn về khả năng quân sự và vai trò chiến lược trên trường quốc tế. Với tư cách là một cường quốc toàn cầu đang trỗi dậy và là một bên tham gia quan trọng trong khu vực, Ấn Độ sẽ tìm cách thúc đẩy quan hệ đối tác chiến lược, đặc biệt là với các quốc gia có chung mối quan ngại về các thách thức an ninh khu vực. Trong bối cảnh đó, một trong những ưu tiên của Ấn Độ là củng cố và phát triển các hợp tác quốc phòng và an ninh hiện có như Mỹ, Nhật Bản, Australia, Nga và một số thành viên ASEAN sẽ đóng vai trò quan trọng trong chiến lược này. Ấn Độ cũng sẽ duy trì trạng thái cân bằng cơ bản với Trung Quốc. Thông qua Quad, Ấn Độ vừa tăng cường hợp tác quân sự với các cường quốc chủ chốt, vừa tạo nền tảng để ứng phó với ảnh hưởng ngày càng gia tăng của Trung Quốc, đồng thời mở rộng hiện diện và nâng cao vị thế chiến lược trong khu vực. Điều này giúp Ấn Độ nâng cao năng lực quốc phòng và tăng cường khả năng bảo vệ lợi ích quốc gia. Đối với các quốc gia Đông Nam Á hay ASEAN thì sự hợp tác này không chỉ là về việc mua bán vũ khí hay chuyển giao công nghệ quân sự, mà còn về việc xây dựng lòng tin và tăng cường khả năng tự vệ của các quốc gia trong khu vực. Các cuộc đối thoại quốc phòng như ADMM+ là nền tảng quan trọng để Ấn Độ thảo luận và phối hợp với các nước ASEAN về các thách thức an ninh chung. Ấn Độ có thể cung cấp hỗ trợ về huấn luyện quân sự, viện trợ quốc phòng, và chia sẻ kinh nghiệm về an ninh hàng hải, từ đó giúp củng cố sự ổn định trong khu vực.

Ngoài ra, Ấn Độ sẽ tiếp tục phát triển hạm đội hải quân của mình để đảm bảo khả năng kiểm soát và bảo vệ các tuyến đường biển quan trọng trong khu vực Ấn-Đông-Tây-Bắc. Các chiến lược hải quân như xây dựng các căn cứ hải quân tại các đảo chiến lược, tham gia vào các liên minh an ninh hàng hải, và tăng cường tuần tra biển là những bước đi quan trọng để bảo vệ lợi ích kinh tế và an ninh của Ấn Độ. Sự hiện diện hải quân mạnh mẽ của Ấn Độ không chỉ giúp ngăn chặn các mối đe dọa từ bên ngoài mà còn tạo ra sự cân bằng quyền lực trong khu vực, giảm thiểu nguy cơ xung đột. Các cơ chế đa phương sẽ giúp Ấn Độ không chỉ bảo vệ được tiếng nói trong các vấn đề toàn cầu, mà còn thúc đẩy mối quan hệ hợp tác song phương và củng cố vị thế của mình như một quốc gia có ảnh hưởng không chỉ ở Nam Á mà còn trên toàn khu vực Nam Bán cầu.

Việt Nam có thể học hỏi từ Ấn Độ về việc duy trì quan hệ cân bằng với các cường quốc, đồng thời giữ vững quyền tự chủ chiến lược và chính sách quốc phòng "*Bốn Không*", nguyên tắc "*Một đồng*" và "*Một tùy*". Việc nội địa hóa công nghệ quốc phòng giúp giảm sự phụ thuộc vào nước lớn, tránh rủi ro an ninh, đặc biệt là từ Trung Quốc. Tham gia tích cực vào các diễn đàn đa phương để xây dựng và duy trì các quan hệ nhằm tăng cường an ninh quốc gia. Bằng cách áp dụng một cách tiếp cận tương tự, Việt Nam có thể củng cố năng lực quốc phòng của chính mình và đảm bảo một vai trò ổn định và có ảnh hưởng hơn trong khu vực.

Như vậy, có thể kết luận, mục tiêu của Ấn Độ trong lĩnh vực quốc phòng không chỉ tập trung vào việc tăng cường khả năng phòng thủ quốc gia, mà còn hướng đến việc cân bằng quyền lực với Trung Quốc, trong bối cảnh căng thẳng khu vực gia tăng. Để đạt được điều này, Ấn Độ đã thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh chủ chốt theo cách riêng, không tìm kiếm liên minh quân sự với bất kỳ quốc gia nào nhằm điều chỉnh cán cân quân sự trong khu vực. Những hoạt động hợp tác bao gồm các chuyến thăm cấp cao, đào tạo và tập trận chung, mua bán vũ khí - chuyển giao công nghệ quốc phòng, giúp Ấn Độ xây dựng một mạng lưới đối tác quốc phòng vững chắc. Thông qua các hợp tác này, Ấn Độ không chỉ tăng cường sức mạnh quốc phòng để giải quyết các vấn đề an ninh trong nước mà còn thể hiện cam kết bảo vệ trật tự và ổn định khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy các lợi ích chiến lược của mình tại khu vực.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Tran My Hai Loc (2024), “India’s Strategic Considerations with Russia in the Post-Russia-Ukraine War Era”. *Resolusi: Jurnal Sosial Politik*, 7(2), pp. 58-74.
2. Tran My Hai Loc (2024), “India - Russia defense cooperation under Modi’s administration”, *Second International Conference on the Issues of Social Sciences and Humanities*, Vietnam National University Press, Hanoi, pp 486-500, ISBN: 978-604-43-1656-7
3. Tran My Hai Loc (2024), “China-Maldives defence ties threaten India’s influence”, *East Asia Forum*, ISSN 1839-0242.
4. Tran My Hai Loc (2024), “India-ASEAN defense cooperation from 2007 onwards: Pathways for regional security in Southeast Asia”, Proceedings of International Conference “*Regional and Sub-Regional Cooperation in East and Southeast Asia: Toward a Sustainable and Innovative Future*”, The Gioi Publishers, Hanoi, pp. 170-193, ISBN: 978-604-77-3984-4.
5. Tran My Hai Loc (2023), “India-Japan defense cooperation from 2008 onwards in the Indo-Pacific Region”, *2023 International Graduate Research Symposium (2023 IGRS)*, University of Languages and International Studies - VNU, Vietnam National University Press, Hanoi, pp. 511-524, ISBN: 978-604-384-167-1
6. Tran My Hai Loc (2023), “India's Regional Security and Defense Cooperation: A Study of Sino-Indian Rivalry in Sri Lanka”, *Journal of Social and Political Sciences*, 6(2), pp. 31-45, DOI: doi.org/10.31014/aior.1991.06.02.408
7. Tran My Hai Loc (2023), “India's security threats from Chinese military funding and economic development in South Asia”, *Global: Jurnal Politik Internasional*, 25 (2), pp. 115-139, DOI: doi.org/10.7454/global.v25i2.1289
8. Trần Mỹ Hải Lộc (2024), “Phát triển kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng: Bài học kinh nghiệm từ Ấn Độ”, *Kinh tế và Dự báo*, 20 (886), tr. 203-206.
9. Trần Mỹ Hải Lộc (2023), “Ngoại giao quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương từ năm 2016 đến nay”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, 1 (122), tr. 1-9.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Baladas Ghoshal (2017), “Các mối liên kết địa - văn minh và vai trò của quyền lực mềm: Hướng tới tăng cường quan hệ văn hóa giữa ASEAN và Ấn Độ”, *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Sức mạnh mềm Ấn Độ - Sức mạnh mềm Việt Nam trong bối cảnh khu vực hóa, toàn cầu hóa*, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, tr. 27-29.
2. Báo Đảng cộng sản Việt Nam (2024), “Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về công nghiệp quốc phòng là xu thế tất yếu”, <https://urlvn.net/jccprkq>, truy cập ngày 15/08/2024.
3. Báo Điện tử Chính phủ (2024), “Chuyến thăm của Thủ tướng trở thành chất xúc tác mạnh mẽ, đưa quan hệ Việt Nam-Ấn Độ vào giai đoạn mới”, <https://baochinhphu.vn/chuyen-tham-cua-thu-tuong-tro-thanh-chat-xuc-tac-manh-me-dua-quan-he-viet-nam-an-do-vao-giai-doan-moi-102240802064138714.htm>, truy cập ngày 23/11/2024.
4. Báo Quân đội nhân dân (2011), “Việt Nam chưa chủ trương tham gia các cuộc tập trận quốc tế”, <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/tin-tuc/viet-nam-chua-chu-truong-tham-gia-cac-cuoc-tap-tran-quoc-te-419818>, truy cập ngày 20/08/2024
5. Báo Quân đội nhân dân (2024), “Chương trình Giao lưu sĩ quan trẻ Việt Nam-Ấn Độ năm 2024 kết thúc tốt đẹp”, <https://www.qdnd.vn/quoc-te/doi-ngoai-quoc-phong/chuong-trinh-giao-luu-si-quan-tre-viet-nam-an-do-nam-2024-ket-thuc-tot-dep-782816>, truy cập ngày 12/8/2024.
6. Báo Tiền phong (2022), “Thượng tướng Nguyễn Chí Vịnh: Việt Nam không chọn phe, Việt Nam độc lập”, <https://tienphong.vn/thuong-tuong-nguyen-chi-vinh-viet-nam-khong-chon-phe-viet-nam-doc-lap-post1433614.tpo>, truy cập ngày 25/7/2024.
7. Báo Tuổi trẻ (2020), “Ấn, Úc bắt tay đối trọng Trung Quốc”, <https://tuoitre.vn/an-uc-bat-tay-doi-trong-trung-quoc-20200606082227407.htm>, truy cập ngày 18/2/2025.
8. Bộ Quốc phòng (2004), *Từ điển Bách khoa quân sự Việt Nam*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr. 610.

9. Bộ Quốc phòng (2019), *Sách trắng Quốc phòng Việt Nam 2019*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 25, tr. 100.
10. Bộ Quốc phòng (n.d), “*Đối ngoại và hợp tác quốc phòng*”, Cổng TTĐT Bộ Quốc phòng, <https://bom.so/EpOdY7>, truy cập ngày 20/6/2024.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập 1, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 162-263.
12. Đặng Cẩm Tú (2018), *Xu hướng phát triển và chính sách của Ấn Độ đối với Châu Á - Thái Bình Dương đến năm 2030*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 111.
13. Đặng Đình Tiên (2021), *Chính sách đối ngoại của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Manmohan Singh (2004-2014)*, Luận án tiến sĩ Quan hệ Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
14. Đặng Đồng Tiến (2025), “Xu hướng phát triển công nghiệp quốc phòng của Ấn Độ”, *Tạp chí Quốc phòng Toàn dân*, <https://m.tapchiquocphong.vn/vi/quoc-phong-quan-su-nuoc-ngoai/xu-huong-phat-trien-cong-nghiep-quoc-phong-cua-an-do-23656.html>, truy cập ngày 24/5/2025.
15. Đào Minh Hồng, Lê Hồng Hiệp (2013), *Thuật ngữ quan hệ quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 54-57.
16. Hoàng Đình Nhân (2017), *Đối ngoại quốc phòng Việt Nam đầu thế kỷ XXI*, Luận án tiến sĩ, Học viện Ngoại giao, Hà Nội, tr. 71, tr. 131.
17. Hoàng Khắc Nam (2002), “Một số vấn đề về hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu*, 1 (43), tr. 17-23.
18. Hoàng Khắc Nam (2009), “Nhận thức về chủ nghĩa khu vực”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, 5 (379), tr. 44.
19. Hoàng Khắc Nam (2011), *Quyền lực trong quan hệ quốc tế: Lịch sử và vấn đề*, NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
20. Hoàng Khắc Nam (2017a), *Hợp tác và hội nhập quốc tế: Lý luận và thực tiễn*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 7.
21. Hoàng Khắc Nam (2017b), *Lý thuyết Quan hệ quốc tế*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 37-99.
22. Hoàng Khắc Nam (2020), *Cấu trúc khu vực châu Á - Thái Bình Dương: Lý luận và thực tiễn*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 270.

23. Lê Đình Tĩnh (2018), “Mục tiêu cường quốc tầm trung và viễn cảnh ngoại giao Việt Nam sau năm 2030”, *Nghiên cứu quốc tế*, 2 (113), tr. 22-53.
24. Lê Văn Toan (2017), *Việt Nam - Ấn Độ: Bối cảnh mới, tầm nhìn mới*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.
25. Mỹ Châu (2023), “Ấn Độ trong chiến lược của Mỹ tại khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, *Tạp chí Quốc phòng toàn dân*, <http://tapchiquptd.vn/vi/quoc-phong-quan-su-nuoc-ngoai/an-do-trong-chien-luoc-cua-my-tai-khu-vuc-an-do-duong-thai-binh-duong/20053.html>, truy cập ngày 11/9/2024.
26. Nguyễn Đắc Tùng, Nguyễn Văn Phương (2022), “Hợp tác công nghiệp quốc phòng Việt Nam- Ấn Độ từ năm 2010 đến nay”, *Tạp chí nghiên cứu Châu Á và Ấn Độ*, 5 (114), tr. 32-40.
27. Nguyễn Hoàng Giáp (chủ biên) (2021), *Một số vấn đề chính trị quốc tế trong giai đoạn hiện nay* (xuất bản lần thứ 2), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
28. Nguyễn Lan Hương (2022), *Hợp tác an ninh của Mỹ với Ấn Độ trong bối cảnh mới*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
29. Nguyễn Phú Trọng (2023), *Xây dựng và phát triển nền đối ngoại, ngoại giao Việt Nam toàn diện, hiện đại, mang đậm bản sắc “cây tre Việt Nam”*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 16.
30. Nguyễn Thành Đồng (2016), “Đối ngoại Việt Nam sau 3 năm thực hiện Nghị quyết 806-NQ/QUTW của Quân ủy Trung ương”, *Quan hệ Quốc phòng*, (36), tr. 7.
31. Nguyễn Thị Oanh (2022), *Chính sách của Ấn Độ đối với Trung Quốc dưới thời Thủ tướng Narendra Modi (2014-2019)*, Luận án tiến sĩ Quan hệ Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
32. Nguyễn Văn Khu (2020), *Hợp tác quốc phòng đa phương ở Châu Á - Thái Bình Dương từ năm 1994 đến nay*, Luận án tiến sĩ Quan hệ Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, tr. 80, 149.
33. Nguyễn Văn Thăng (2023), *Chính sách hành động Hướng Đông của Ấn Độ (2014-2020)*, Luận án tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
34. Nguyễn Xuân Trung (2017), *Quan hệ giữa Trung Quốc với Pakistan, Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên, Mông Cổ trong bối cảnh Trung Quốc điều chỉnh chiến lược phát triển*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 101.

35. Nguyễn Xuân Trung (2022), *Án Độ trong sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 81, 202.
36. Phạm Quang Minh & Nguyễn Thị Thùy Trang (2019), *Quan hệ quốc tế trong khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 232.
37. Phạm Quốc Trụ (2011), “Hội nhập quốc tế: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, 2 (85), tr. 77-99.
38. Phạm Thị Yên (2021), “Cạnh tranh Ấn - Trung trong thế kỷ XXI - Những tác động đến sự định hình cấu trúc khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương”, Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Cạnh tranh chiến lược Ấn Độ - Trung Quốc và tác động đến các nước*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 89-112.
39. Phan Cao Nhật Anh (2022), “Hợp tác chiến lược Nhật Bản - Ấn Độ”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Bắc Á*, 5 (255), tr. 1-9.
40. Quách Thị Huệ (2019), *Sự tương đồng lợi ích chiến lược của Ấn Độ và Mỹ ở khu vực Đông Nam Á hiện nay*, Quan hệ quốc tế ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 223.
41. Quốc hội Việt Nam (2018), Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 ngày 08/6/2018.
42. Thái Văn Long, Đàm Trọng Tùng (2016), “Cơ chế hợp tác an ninh - chính trị khu vực châu Á - Thái Bình Dương và ứng đối của Việt Nam trước chính sách đối ngoại của Trung Quốc đầu thế kỷ XXI”, *Nghiên cứu Đông Nam Á*, 5 (194), tr. 19-24.
43. Tôn Sinh Thành (2017), *Hợp tác khu vực Châu Á: Nhân tố ASEAN và Ấn Độ*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 196.
44. Tôn Sinh Thành (2018), *Hợp tác khu vực châu Á: Nhân tố ASEAN và Ấn Độ*, NXB Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội.
45. Tổng lãnh sự quán Ấn Độ (2018), *Tài liệu nội bộ Quý III (Tháng 10- 12)*, tr.2
46. Trần Hoàng Long, Nguyễn Đắc Tùng (2019), “Hợp tác hải quân Việt Nam - Ấn Độ”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, 5 (78), tr. 1-8.
47. Trần Hoàng Long (2021), *Sức mạnh tổng hợp quốc gia của Ấn Độ: Hiện trạng và triển vọng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 164-265.
48. Trần Mỹ Hải Lộc (2023), “Ngoại giao quốc phòng Việt Nam - Ấn Độ ở khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương từ năm 2016 đến nay”, *Tạp chí nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, 1 (122), tr. 1-9.

49. Triệu Hồng Quang, Lê Thị Hằng Nga (2016), “Hợp tác an ninh quốc phòng giữa Ấn Độ và Mỹ từ năm 1991 đến nay”, *Tạp chí Nghiên cứu Ấn Độ và Châu Á*, 9 (46), tr. 17-24.
50. TTXVN (2024a), “Việt Nam và Ấn Độ ký Ý định thư về hợp tác đào tạo quốc phòng”, *Thông tấn xã Việt Nam*, <https://baotintuc.vn/thoi-su/viet-nam-va-an-do-ky-y-dinh-thu-ve-hop-tac-dao-tao-quoc-phong-20240802054956734.htm>, truy cập ngày 2/9/2024.
51. TTXVN (2024b), “Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn: Quan hệ Việt Nam - Ấn Độ bước sang một trang mới”, *Thông tấn xã Việt Nam*, <https://vnanet.vn/vi/anh/anh-thoi-su-trong-nuoc-1014/bo-truong-ngoai-giao-bui-thanh-son-quan-he-viet-nam-an-do-buc-sang-mot-trang-moi-7516813.html>, truy cập ngày 2/8/2024.
52. Văn Ngọc Thành & Nguyễn Hoàng Hoa (2011), “Những thành tựu cơ bản của cải cách kinh tế ở Ấn Độ (1991-2010)”, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, 6(422), tr. 59-69.
53. Văn Ngọc Thành, Trần Anh Đức (2018), “ASEAN trong chính sách an ninh-quốc phòng của Ấn Độ tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương giai đoạn 1991-2017”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, 2 (215), tr. 3-13.
54. VietnamPlus (2024), “Xuất khẩu quốc phòng của Ấn Độ đạt mức kỷ lục, vượt mốc 2,5 tỷ USD”, *Thông tấn xã Việt Nam*, <https://urlvn.net/9lu6z7y>, truy cập ngày 4/8/2024.
55. Võ Xuân Vinh (2013), *ASEAN trong chính sách hướng Đông của Ấn Độ*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 157.
56. Vũ Đức Liêm & Ninh Xuân Thao (2021), *Cạnh tranh Trung - Ấn ở Đông Nam Á*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 60.

Tiếng Anh

57. A. N. M. Muniruzzaman (2020), “Defense Diplomacy: A Powerful Tool of Statecraft”, *CLAWS Journal*, 13 (2), pp. 63-80.
58. Abdul Rahman Yaacob (2024), “Vietnam’s flexible nonalignment”, *East Asia Forum*, <https://eastasiaforum.org/2024/04/02/vietnams-flexible-nonalignment/>, accessed on 30/7/2024.
59. Abhijnan Rej (2018), *Reclaiming the Indo-Pacific: A Political-Military Strategy for Quad 2.0*, ORF Occasional Paper, Observer Research Foundation.

60. Abhishek Bhalla (2021), "From surveillance to combat: Decoding India's drone mission", *India Today*, <https://www.indiatoday.in/india/story/decoding-india-drone-mission-surveillance-combat-jammu-attack-1820965-2021-06-30>, accessed on 11/08/2024.
61. Adam P. Liff (2017), "Policy by Other Means: Collective Self-Defense and the Politics of Japan's Postwar Constitutional Reinterpretation", *Asia Policy* (24), pp. 139-172.
62. Aditi Malhotra (2022), *Indo in the Info-Pacific: Understanding India's Security Orientation towards Southeast and East Asia*, Verlag Barbara Budrich, Canada, p. 180.
63. Airforce Technology (2012), "HAL wins Multirole Transport Aircraft project", <https://www.airforce-technology.com/news/newshal-multirole-aircraft/?cf-view&cf-click&cf-minimized&cf-view>, accessed on 25/8/2024.
64. Aiyar, Yamini & Louise Tillin (2020), "One nation BJP, and the future of Indian federalism", *India Review*, 19 (2), pp. 117-35.
65. Ajaya Kumar Das (2013), "India's Defense-Related Agreements with ASEAN States: A Timeline", *Indian Review*, 12 (3), pp. 130-133.
66. Aleksei Zakharov (2024), *The changing nature of India-Russia defence cooperation*, Expert Speak, Raisina Debates, Observer Research Foundation, <https://www.orfonline.org/expert-speak/the-changing-nature-of-india-russia-defence-cooperation>, accessed on 29/11/2024.
67. Alexander Sodiqov (2011), "India's Relations With Tajikistan: Beyond the Airbase", *Eurasia Daily Monitor*, 8 (36).
68. Alice Pannier & Olivier Schmitt (2014), "Institutionalized cooperation and policy convergence in European defence: lessons from the relations between France, Germany and the UK", *European Security*, 23 (3), pp. 270-289.
69. Andrea Malji (2018), "The Rise of Hindu Nationalism and Its Regional and Global Ramifications", *Asian Politics*, 23 (1), pp. 39-43.
70. Andrew Cottey, Anthony Forster (2004), *Reshaping Defence Diplomacy: New roles for military cooperation and assistance*, Oxford University Press for the International Institute for Strategic Studies, p. 6.

71. Andrew Erskine (2021), ‘The Luring Of The Indo-Pacific: Can NATO Formulate A Collective Regional Strategy For Its Members?’, *Atlantic Forum*, <https://www.atlantic-forum.com/our-views/the-luring-of-the-indo-pacific-can-nato-formulate-a-collective-regional-strategy-for-its-members>, accessed on 27/5/2024.
72. Anil Ahuja (2021), “Prospects of India-US Defence Cooperation”, *National Security*, Vivekananda International Foundation, IV (I), pp. 125-138.
73. Anit Mukherjee (2014), “India as a Net Security Provider: Concept and Impediments”, *Policy Brief*, S. Rajaratnam School of International Studies, https://www.rsis.edu.sg/wp-content/uploads/2014/09/PB_140903_India-Net-Security.pdf, p. 2.
74. Antoine Levesques (2023), “US-India defence and technology cooperation”, International Institute for Strategic Studies, <https://www.iiss.org/online-analysis/online-analysis/2023/07/us-india-defence-and-technology-cooperation/>, accessed on 15/6/2024.
75. Arpita Mathur (2012), *India-Japan Relations: Drivers, Trends, and Prospects*, S. Rajaratnam School of International Studies, Singapore.
76. Arvind Dutta (2009), “Role of India's Defense Cooperation Initiatives in Meeting the Foreign Policy Goals”, *Journal of Defense Studies*, 3(3), pp. 31-47.
77. Arvind Gupta & Anil Wadhwa (2020), *India's Foreign Policy: Surviving in a Turbulent World*, SAGE Publications Pvt Ltd, p. 6.
78. Ash Rossiter & Brendon J. Cannon (2019) “Making arms in India? Examining New Delhi’s renewed drive for defence-industrial indigenization”, *Defence Studies*, 19(4), pp. 353-372.
79. Åshild Kolås (2023), “This World and the “Other”: Muslim Identity and Politics on the Indo-Bangladesh Border”, *Alternatives: Global, Local, Political*, 48(4), pp. 223-241.
80. Ashley J Tellis (2024), “India’s arduous road to achieving its great power ambitions”, *East Asia Forum*, <https://doi.org/10.59425/eabc.1713736800>, accessed on 15/08/2024.
81. Ashley J. Tellis (2021), “Non-Allied Forever: India’s Grand Strategy According to Subrahmanyam Jaishankar”, *Carnegie Endowment for International Peace*,

- <https://carnegieendowment.org/posts/2021/03/non-allied-forever-indias-grand-strategy-according-to-subrahmanyam-jaishankar>, accessed on 20/6/2024.
82. Ashok Sharma (2008), *Indo-US Strategic Convergence: An Overview of Defence and Military Cooperation*, Kartikeya Paper No. 2, Centre for Land Warfare Studies.
 83. Asia Society (2000), “Address by Shri Atal Bihari Vajpayee - Prime Minister of India”, *Asia Society*, <https://asiasociety.org/address-shri-atal-bihari-vajpayee>, accessed on 11/7/2024.
 84. Asian Development Bank (2011), *Asia 2050: Realizing the Asian Century*, Executive Summary, Asian Development Bank, Philippines
 85. Asian News International (2023), “With 23-Fold Increase, India's Defence Exports At All Time High In 9 Years”, *NDTV*, <https://www.ndtv.com/india-news/with-23-fold-increase-indias-defence-exports-at-all-time-high-in-9-years-4078991>, accessed on 10/1/2024.
 86. Asoke Mukerji (2024), “*Multilateralism and India during 2014-2024*”, Vivekananda International Foundation, <https://www.vifindia.org/article/2024/june/05/Multilateralism-and-India-during-2014-2024>, accessed on 14/8/2024
 87. Astha Chadha (2020), “India’s Foreign Policy towards Japan: Special Partnership amid Regional Transformation”, *Ritsumeikan Journal of Asia-Pacific Studies*, 38(1), pp. 19-37.
 88. Aude Fleurant, Pieter D. Wezeman, Siemon T. Wezeman, and Nan Tian (2017), “*Trends in International Arms Transfers*”, SIPRI, Fact Sheet, <https://www.sipri.org/sites/default/files/Trends-in-international-arms-transfers-2016.pdf>, accessed on 16/4/2024.
 89. Augusto W. M. Teixeira Júnior & Antonio Henrique Lucena Silva (2017), “Explaining Defense Cooperation with Process-tracing: the Brazilian Proposal for the Creation of UNASUR South American Defense Council”, *Revista Brasileira de Política Internacional*, 60(2): e009, pp. 1-18.
 90. Australia’s High Commissioner to India (2023), “*Defence Engagement Australia and India*”, <https://india.highcommission.gov.au/ndli/defencerelationship27012021.html>

91. Australian Department of Defence (2013), *Defence White Paper 2013*, Australian Government, Commonwealth of Australia, p. 65.
92. Australian Department of Defense (2020), “*Australia and India Sign Defence Arrangement*”, Australian Government Department of Defence, Canberra, <https://www.dst.defence.gov.au/news/2020/06/05/australia-and-india-sign-defence-arrangement>, accessed on 10/7/2024.
93. Australian Government (2017), “*2017 Foreign Policy White Paper*”, p. 42, <https://bit.ly/4aZlAgX>, accessed on 16/4/2024.
94. Australian Government (2024), “*Young Indian officer exchange wraps up*”, Ministry of Defence, <https://www.defence.gov.au/news-events/news/2024-09-04/young-indian-officer-exchange-wraps>, accessed on 23/11/2024.
95. Australian Minister for Foreign Affairs (2013), “*Australia will support India's membership of the Nuclear Suppliers Group*”, Media release, Australian Government, <https://bit.ly/3vCcIO3>, accessed on 16/4/2024.
96. Australian Ministry of Defense (2020), *2020 Defence Strategic Update*, Australian Government, pp. 24-26, <https://www.defence.gov.au/about/strategic-planning/2020-defence-strategic-update>, accessed on 16/4/2024.
97. Axelrod R, Keohane RO (1985), “Achieving Cooperation under Anarchy: Strategies and Institutions”, *World Politics*, 38(1), pp. 226-254.
98. Barnett, E.A (1998), *Security Communities*, Cambridge University Press, p. 91.
99. Ben Lamont (2017), “U.S. arms sales to India are a key question for U.S. strategy in Asia”, *The Strategy Bridge*, <https://thestrategybridge.org/the-bridge/2017/1/11/what-arms-trade-data-says-about-where-the-Quad-stands>, accessed on 8/05/2024
100. Brian Harding (2017), “Southeast Asia’s Role in Geopolitics”, In: *Southeast Asia in an Evolving Global Landscape: Prospects for an integrated region and implications for Canada*, The University of British Columbia, pp. 21-25.
101. Bring Vinod Anand (2019), “*India’s Defence Cooperation with South East Asian Countries: Need for Proactive and Substantive Action*”, VIF Paper, Vivekananda International Foundation, <https://www.vifindia.org/sites/default/files/india-s-defence-cooperation-with-south-east-asian-countries.pdf>, accessed on 12/02/2024.

102. Bruce M. Russett (1971), "An Empirical Typology of International Military Alliances", *Midwest Journal of Political Science*, 2 (15), pp. 262-289.
103. BTI Defense (2022), "BTI Defence and L&T Success on Securing Naval Gun Contract During 2022 Indo Defence Exhibition", *BTI Defense*, available at <http://tinyurl.com/ykhajkda>, accessed on 9/1/2024.
104. Bureau of Political-Military Affairs (2021), "U.S. Security Cooperation with India", U.S Department of State, <https://www.state.gov/u-s-security-cooperation-with-india/>, accessed on 14/05/2024.
105. Camille Morel and Friederike Richter (2021), "Defense cooperation in the 21st century", Report No. 86, Institut de Recherche Stratégique de l'Ecole Militaire, p. 31.
106. Capie, D. (2013), "Structures, Shocks and Norm Change: Explaining the Late Rise of Asia's Defence Diplomacy", *Contemporary Southeast Asia: A Journal of International and Strategic Affairs*, (35), pp. 1-26.
107. Chen Zhuo (2024), *China plans to raise defense spending by 7.2% to \$231b*, Ministry of National Defense of the People's Republic of China, http://eng.mod.gov.cn/xb/News_213114/TopStories/16291642.html, accessed on 14/05/2024
108. Chenoy, K. M & Chenoy, A. M (2007), "India's Foreign Policy Shifts and the Calculus of Power", *Economic and Political Weekly*, 42(35), pp. 3547-3554.
109. Christian Wagner and Siddharth Tripathi (2018), *India's Response to the Chinese Belt and Road Initiative*, SWP Comment, German Institute for International and Security Affairs, https://www.swp-berlin.org/publications/products/comments/2018C07_wgn_Tripathi.pdf, p. 3.
110. Christine M. Leah (2014), "U.S. Military Assistance to India: Building Partner Capacity?", Policy Report, S. Rajaratnam School of International Studies, Nanyang Technological University, p. 4.
111. Christophe Jaffrelot & Aadil Sud (2022), "Indian Military Dependence on Russia", Institut Montaigne, <https://www.institutmontaigne.org/en/expressions/indian-military-dependence-russia>, accessed on 22/06/2024.

112. Colin Geraghty (2012), “India in the Indian Ocean: Recalibrating US Expectation”, *American Security Project*, Washington DC, p. 2.
113. Colonel B S Nagial (2023), “The rising story of the Indian defence industry from importer to exporter”, *The Times of India*, <https://tinyurl.com/5asjekef>, accessed on 5/8/2024.
114. Congressional Research Service (2017), *China-India Rivalry in the Indian Ocean*, IF 10726, Congressional Research Service, Library of Congress.
115. Congressional Research Service (2024), *India-U.S.: Major Arms Transfers and Military Exercises*, In Focus, Congressional Research Service, <https://crsreports.congress.gov/product/pdf/IF/IF12438>, accessed on 13/4/2024.
116. Cottey, A. Forster (2004), *Reshaping Defence Diplomacy: New Roles for Military Cooperation and Assistance*, Oxford University Press, New York
117. Dai, X., Snidal, D., & Sampson, M. (2017), “International Cooperation Theory and International Institutions”, In *Oxford Research Encyclopedia of International Studies*, Oxford University Press.
118. Daily News and Analyses (2014), “Sushma Swaraj tells Indian envoys to Act East and not just Look East”, <https://www.dnaindia.com/india/report-sushma-swaraj-tells-indian-envoys-to-act-east-and-not-just-look-east-2013788>, accessed on 15/8/2024.
119. Daljit Singh (2020), “*The “Indo-Pacific” is Here to Stay*”, Fulcrum, ISEAS - Yusof Ishak Institute, <https://fulcrum.sg/the-indo-pacific-is-here-to-stay/>, accessed on 8/7/2024.
120. David B. Guralnik (1972), *Webster's New World Dictionary*, The World Publishing Company, New York, p. 312.
121. David Brewster (2013), “India’s Defense Strategy and the India-ASEAN Relationship”, *India Review*, 12 (3), pp.151-164.
122. David Brewster (2015), “The Australia-India Framework for Security Cooperation - Another Step Towards an Indo-Pacific Security Partnership”, *Security Challenges*, 11 (1), pp. 39-48.
123. David Capie & Brendan Taylor (2010), “The Shangri-La Dialogue and the institutionalization of defense diplomacy in Asia”, *The Pacific Review*, 23 (3), pp. 359-376.

124. David Envall (2019), *The Quadrilateral Security Dialogue: Towards an Indo-Pacific Order?* Policy Report September 2019, S. Rajaratnam School of International Studies, Singapore.
125. David Michel (2025), “*Can India Cut Off Pakistan’s Indus River Lifeline?*”, Center for Strategic & International Studies, <https://www.csis.org/analysis/can-india-cut-pakistans-indus-river-lifeline>, accessed on 23/5/2025.
126. David Scott (2007), “Strategic Imperatives of India as an Emerging Player in Pacific Asia”, *International Studies*, 44 (2), pp. 121-140.
127. Devin Thorne & Ben Spevack (2017), *Harbored Ambitions: How China’s Port Investments Are Strategically Reshaping the Indo-Pacific*, C4ADS, Washington, <https://c4ads.org/wp-content/uploads/2022/04/Harbored-Ambitions-C4ADS.pdf>, accessed on 30/6/2024.
128. Devirupa Mitra (2017), “India, Pakistan Formally Inducted as Members of Shanghai Cooperation Organisation”, *The Wire*, <https://thewire.in/diplomacy/sco-india-pak-membership>, accessed on 30/6/2024.
129. Dhiraj Mathur (2017), *Smart border management: Indian coastal and maritime security*, PricewaterhouseCoopers Private Limited, p. 4, <https://www.pwc.in/assets/pdfs/publications/2017/smart-border-management-indian-coastal-and-maritime-security.pdf>, accessed on 30/6/2024.
130. Dhruva Jaishankar (2020), “*The Australia-India Strategic Partnership: Accelerating Security Cooperation in the Indo-Pacific*”, The Lowy Institute, <https://www.loyyinstitute.org/publications/australia-india-strategic-partnership-accelerating-security-cooperation-indo-pacific>, accessed on 1/7/2024.
131. Dinesh Kumar Jain (2014), *India’s Foreign Policy*, Distinguished Lectures, Ministry of External Affairs, Government of India, <https://www.mea.gov.in/indian-foreign-policy.htm>, accessed on 1/7/2024.
132. Drab, L (2018), “Defence diplomacy- an important tool for the implementation of foreign policy and security of the state”, *Security and Defence Quarterly*, 20(3), pp. 57-71.

133. Dunn, K., Pelleri, D., & Maeder-Han, K. (2011), "Attacks on Indian students: the commerce of denial in Australia", *Race & Class*, 52(4), pp. 71-88.
134. Dustin Carmack et al. (2022), "*India-U.S. Relations: Priorities in the Next Decade*", Observer Research Foundation and The Heritage Foundation.
135. Edwin H. Fedder (1968), "The Concept of Alliance", *International Studies Quarterly*, 1(12), pp. 65-66.
136. Embassy of India in Beijing (2022), "*Brief on India-SCO Cooperation*", Government of India, https://www.eoibeijing.gov.in/eoibeijing_pages/NDc, accessed on 16/7/2024.
137. Embassy of India in Beijing (2023), "*India-China Political Relation*'s, Political Relations, Indian Government, https://www.eoibeijing.gov.in/eoibeijing_pages/MjM, accessed on 8/5/2024.
138. Embassy of India in Moscow (2022), "*India-Russia Defense Cooperation*", Indian Government, <https://indianembassy-moscow.gov.in/ru/india-russia-defence-cooperation.php>, accessed on 8/5/2024.
139. Embassy of India to Serbia (2014), *United Nations Declares June 21 as "International Day of Yoga"*, Embassy of India, Belgrade, Serbia, <https://eoibelgrade.gov.in/listview/MjQx>, accessed on 8/5/2024.
140. Embassy of India to US (2019), *Brief on India-US relations*, Embassy of India, Washington DC, <https://www.indianembassyusa.gov.in/pages/MzM>, accessed on 08/07/2024.
141. Embassy of Japan (2018, August 1), "*Japan & India initiate cooperative research on Unmanned Ground Vehicles /Robotics*", Government of Japan, https://www.in.emb-japan.go.jp/itpr_en/00_000647.html, accessed on 12/2/2024.
142. Embassy of the Russian Federation in the Republic of India (2018), "*Military and military-technical cooperation*", https://india.mid.ru/en/countries/bilateral-relations/military_and_military_technical_cooperation/, accessed on 12/7/2024.
143. Embassy of India in Russia (2018), "*Ambassador's interview to the Russian International Information Agency Rossia Sevodnya*", Government of India, <https://indianembassy-moscow.gov.in/ambassador-interview-ria-05-12-2018.php>, accessed on 12/7/2024.

144. Ester Sabatino, Edouard Simon, Fara Breuer & Juliette Renaut (2022), *Developing Assessment Criteria for Defense Cooperation*, Working Paper Series No. 9, EsadeGeo-Center for Global Economy and Geopolitics, ENGAGE, Barcelona
145. ETGovernment (2022), “India hands over 12 high-speed Guard Boats to Vietnam under USD 100 million Defence Line of Credit”, *The Economic Times Business Verticals*, <https://government.economictimes.indiatimes.com/news/technology/india-hands-over-12-high-speed-guard-boats-to-vietnam-under-usd-100-million-defence-line-of-credit/92109386>, accessed on 23/11/2024.
146. Eva Pejsova & Zoe Stanley-Lockman (2016), “Japan’s policy shift: arms and transfers”, *European Union Institute for Security Studies*, Alert Issue 41, Union Institute for Security Studies, p. 2.
147. Evelyn Goh (2007), “Great Powers and Hierarchical Order in Southeast Asia: Analyzing Regional Security Strategies”, *International Security*, 32(3), pp. 113-157.
148. Fan Yazhen (2022), “An Analysis of the Adjustment of Vietnam’s Defense Policy in Recent Years and Its Causes”, *International Relations and Diplomacy*, 10(6), pp. 262-276.
149. Flitton D (2020), “Who really killed the Quad 1.0?”, *The Interpreter*, Lowy Institute for International Policy, <https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/who-really-killed-Quad-10>, accessed on 13/4/2024.
150. Franz Stefan Gady (2017), “India, Russia Sign “Military Cooperation Roadmap”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2017/06/india-russia-sign-military-cooperation-roadmap/>, accessed on 12/4/2024.
151. Frederick Kliem (2022), “The EU Strategy on Cooperation in the Indo-Pacific: A Meaningful Regional Complement”, in: *European Strategic Approaches to the Indo-Pacific*, Panorama: Insights into Asian and European Affairs, Konrad-Adenauer-Stiftung, Singapore.
152. Gabriel Dominguez (2022), “India and Japan to deepen ties amid growing Indo-Pacific tensions”, *The Japan Times*, <https://www.japantimes.co.jp/news/2022/09/09/national/india-japan-deepening-ties/>, accessed on 15/05/2024.

153. Gateway House (2012), “*Chinese Defence Minister visits India*”, Gateway House: Indian Council on Global Relations,
<https://www.gatewayhouse.in/events/chinese-defence-minister-visits-india/>,
accessed on 8/7/2024.
154. Gaurav Sharma and Marc Finaud (2020), “India’s Strategic Intent and Military Partnerships in the Indian Ocean Region”, *Strategic Security Analysis*, (10), Geneva Centre for Security Policy - GCSP, p. 5.
155. General Angus J. Campbell (2024), “The India-Australia Defence and Security Partnership in 2024 and Beyond”, *Observer Research Foundation*,
<https://www.orfonline.org/expert-speak/the-india-australia-defence-and-security-partnership-in-2024-and-beyond>, accessed on 15/06/2024
156. Geppert, C.D. (2011). *Politics and Power in the Multinational Corporation*. Cambridge: Cambridge University Press, p. 347.
157. G. Rachman (2017), *Easternization: Asia's Rise and America's Decline from Obama to Trump and Beyond*, Other Press, New York, pp. 32-47.
158. Girish Luthra (2024), “The India-US Defence Technology and Industrial Cooperation: It’s time for delivery”, *Observer Research Foundation*,
<https://www.orfonline.org/expert-speak/the-india-us-defence-technology-and-industrial-cooperation-its-time-for-delivery>, accessed on 8/7/2024.
159. Glenn Fozard (2018), “Historic Australia-India R&D Collaboration Agreement Signed”, *Environmental Clean Technologies Limited*,
<https://ectltd.com.au/historic-australia-india-rd-collaboration-agreement-signed/>, accessed on 10/7/2024.
160. Gouda Abdel-Khalek, Mohammed Gamal Mazloum, Mohammed Ramadan Mohammed El Zeiny (2019), “Military expenditure and economic growth: the case of India”, *Review of Economics and Political Science*, 5(2), pp. 116-135.
161. Gregory Winger (2014), “The Velvet Gauntlet: A Theory of Defense Diplomacy”, In: *What Do Ideas Do?*, ed. A. Lisiak, N. Smolenski, Vienna: IWM Junior Visiting Fellows Conferences, (33), pp. 1-14.
162. Grossman M. (2005), “The Tsunami Core Group: A Step toward a Transformed Diplomacy in Asia and Beyond”, *Security Challenges*, 1(1), pp. 11-14.

163. Gurpreet S Khurana (2008), "India's Defence Cooperation with Other Countries, in Satish Kumar", *India's National Security Annual Review 2008*, KW Publishers Pvt. Ltd, New Delhi, p. 12.
164. Gurpreet S.Khurana (2009), "China-India Maritime Rivalry", *Indian Defence Review*, 23 (4), pp. 1-8.
165. H S Prabhakar (2019), "India-Japan Economic Relations", CPPR-Centre for Strategic Studies, *India and Japan: Growing Partnership and Opportunities for Co-operation*, Centre for Public Policy Research, Kochi.
166. Hanada, R. (2019), *The Role of US-Japan-Australia-India Cooperation, or the 'Quad' in FOIP: A Policy Coordination Mechanism for a Rules-Based Order*, Strategic Japan, Center for Strategic & International Studies, p. 13.
167. Hans J. Morgenthau (1948), The Essence of National Power, in Hans J. Morgenthau, *Politics among Nations: The Struggle for Power and Peace*, Alfred Knopf, pp. 73-79.
168. Harsh V. Pant (2011), "China and India: A Rivalry Takes Shape", E-Notes, *Foreign Policy Research Institute*,
https://www.files.ethz.ch/isn/150894/2011_06_china_india-1.pdf,
accessed on 12/4/2024, p. 2.
169. Harsh V. Pant (2018), *India and Vietnam: A "strategic partnership" in the making*, Policy Brief, S. Rajaratnam School of International Studies, p. 9.
170. Heiduk Felix & Wacker Gudrun (2020), "From Asia-Pacific to Indo-Pacific: Significance, implementation and challenges", *SWP Research Paper*, No. 9/2020, Stiftung Wissenschaft und Politik, Berlin.
171. Helen Milner (1992), "International Theories of Cooperation Among Nations, Strengths, and Weaknesses", *World Politics*, 44 (3), pp. 466-496.
172. Hernaikh Singh (2022), "ASEAN-India Relations: Potential for Further Growth", *ISAS Insights*, Institute of South Asian Studies, National University of Singapore, <https://www.isas.nus.edu.sg/papers/asean-india-relations-potential-for-further-growth/>, accessed on 12/01/2024.
173. High Commission of India in Malaysia (2012), *India - Malaysia defence cooperation*, <https://www.hcicl.gov.in/Defence#panel-4>,
accessed on 3/06/2024.

174. Hoang Thi Ha (2024), *Understanding Vietnam's Foreign Policy Choices Amid Sino-US Rivalry*, Issue 16, ISEAS - Yusof Ishak Institute, pp. 20, https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2024/06/TRS16_24.pdf, accessed on 10/01/2024.
175. Hossein Ebrahim Khani (2021), "The Indo-Pacific Concept, Convergence Amid Diverse Orientations", *Institute of Political and International Studies*, <https://www.ipis.ir/en/newsview/625627/the-indo-pacific-concept-convergence-amid-diverse-orientations>, accessed on 10/05/2024.
176. Humphreys, A. (2017), "Concerts as a mode of ordering in world politics: An ideal-type approach", In H. Müller & C. Rauch (Eds), *Great power multilateralism and the prevention of war: Debating a 21st-century concert of powers* (pp. 46-62), London: Routledge.
177. Husain Haqqani & Narayanappa Janardhan (2023), "The Minilateral Era", *Foreign Policy*, <https://foreignpolicy.com/2023/01/10/minilateral-diplomacy-middle-power-india-israel-uae/>, accessed on 25/6/2024
178. Huynh Tam Sang (2022), "Vietnam's "Four No's" of defence policy are being tested", *The Interpreter*, Lowy Institute, <https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/vietnam-s-four-no-s-defence-policy-are-being-tested>, accessed on 1/8/2024.
179. Ian Hall (2016), "Multialignment and Indian Foreign Policy under Narendra Modi", The Round Table, *The Commonwealth Journal of International Affairs*, 105(3), pp. 271-286.
180. India Brand Equity Foundation (2023), "Rising India's Defence Exports: Make in India Effect", *Ministry of Commerce and Industry*, <https://www.ibef.org/blogs/rising-india-s-defence-exports-make-in-india-effect>, accessed on 15/7/2024.
181. India Observers (2020), "China offers 'training' help to Indian military", *India Observers*, <https://indiaobservers.com/china-offers-training-help-to-indian-military/>, accessed on 15/8/2024.
182. Indian Embassy in Vietnam (2020). *List of Outcomes: India - Vietnam Virtual Summit*, https://www.indembassyhanoi.gov.in/news_letter_detail/?id=151, accessed on 16/2/2024.

183. Indian National Congress (nd), *Dr. Manmohan Singh*, All India Congress Committee, <https://www.inc.in/our-inspiration/dr-manmohan-singh>, accessed on 25/05/2024
184. Indian Navy (2015), *Ensuring Secure Seas: Indian Maritime Security Strategy*, Ministry of Defence, Naval Strategic Publication (NSP) 1.2, p. 5.
185. Indian Navy (2022), “5th Edition of The Joint Indian Navy - US Navy Special Forces Exercise, Sangam-22”, <https://indiannavy.nic.in/content/5th-edition-joint-indian-navy-us-navy-special-forces-exercise-sangam-22>, accessed on 14/1/2024.
186. Integrated Headquarters Ministry of Defence (2007), “Freedom to use the Seas: India’s Maritime Military Strategy”, <https://aldeilis.net/mumbai/1686.pdf>, accessed on 24/1/2024.
187. IISS (2021), “Equipment: India and Vietnam”, *Military Balance*, International Institute for Strategic Studies, <https://www.iiss.org/publications/the-military-balance/>, accessed on 26/5/2024.
188. Issac John (2024), “India set to overtake Germany as 3rd largest economy by 2027”, *Khaleej Times*, <https://www.khaleejtimes.com/business/economy/india-set-to-overtake-germany-as-3rd-largest-economy-by-2027>, accessed on 26/5/2024.
189. Jagannath P. Panda (2020), “India, the Blue Dot Network, and the “Quad Plus” Calculus”, *Journal of Indo-Pacific Affairs*, Fall 2020, Air University Press, pp. 1-22.
190. Jagannath P. Panda (2021), “The Quad Plus and India’s pointed alignment strategy”, Jagannath P. Panda, Ernest Gunasekara-Rockwell, In *Quad Plus and Indo-Pacific: The Changing Profile of International Relations*; Routledge, pp. 34.
191. Jaishankar Dhruva (2019), *The Indigenisation of India’s Defence Industry*, Brookings India Impact Series 082019-01, Brookings Institution India Center, pp. 8-11.
192. Jaishankar, D. (2019), *Acting East: India in the Indo-Pacific*, Brookings India Impact Series 102019-02, October 2019, Brookings Institution India Center.
193. Janne E. Nolan (1991), *Trapping of Power Ballistic Missiles in the Third World*, Brookings Institution, Washington, D.C, p.86.

194. Japan Ministry of Defense (2020), “Defense Cooperation and Exchanges”, *Ministry of Defense*, Government of Japan, <https://www.mod.go.jp/en/sec-cooperation/>, accessed on 13/07/2024.
195. Japanese Ministry of Defense (2022), “*Joint Statement Second Japan-India 2+2 Foreign and Defence Ministerial Meeting*”, Government of Japan, <https://www.mod.go.jp/en/images/2929010c30a6c5e548860ac6bdd9e8f902f8d672.pdf>, accessed on 16/4/2024.
196. John, J. V. (2024), “India, Japan and the Indo-Pacific: Evolution, Consolidation and Limitations of the Strategic Partnership”, *Journal of Asian Security and International Affairs*, 11(4), pp. 515-535.
197. Jeanine Hennis-Plasschaert (2016), “Defence cooperation is only way to retain military capabilities”, *European Defence Agency Information*, <https://eda.europa.eu/news-and-events/news/2016/05/18/defence-cooperation-is-only-way-to-retain-military-capabilities>, accessed on 16/4/2024.
198. Jeff Abramson (nd), “U.S. Arms Sales to India”, *Forum on the Arms Trade*, <https://www.forumarmstrade.org/usindia.html>, accessed on 15/07/2024.
199. Jervis, R. (1978), “Cooperation under the Security Dilemma”, *World Politics* (30), pp. 167-214.
200. Joyeeta B. (2023), “SAARC vs BIMSTEC: The search for the ideal platform for regional cooperation”, *Issue Brief No. 226*, Observer Research Foundation, <https://www.orfonline.org/public/uploads/posts/pdf/20230817234958.pdf> , accessed on 15/5/2024.
201. Jun Yan Chang & Nicole Jenne (2020), “Velvet fists: The paradox of defence diplomacy in Southeast Asia”, *European Journal of International Security*, 5(3), pp. 332-349.
202. KA Muthana (2011), “Military Diplomacy”, *Journal of Defence Studies*, 5 (1), pp. 1-15.
203. Kalevi J. Holsti (1967), *International politics: a framework for analysis*, Englewood Cliffs, N.J., Prentice-Hall.
204. Kanti Bajpai (2019), “India and Japan: Strategic Partners for the 21st Century, CPPR-Centre for Strategic Studies”, *India and Japan: Growing Partnership and Opportunities for Co-operation*, Centre for Public Policy Research, Kochi, p. 9.

205. Kanwal Sibal (2018), "Role of Military Diplomacy in India's Foreign Policy", *World Affairs: The Journal of International Issues*, 23(1), pp. 24-37.
206. Karl Dewey (2024), "Asian defence spending ambitions outstrip growth", *International Institute for Strategic Studies*, <https://www.iiss.org/online-analysis/military-balance/2024/02/asian-defence-spending-ambitions-outstrip-growth/>, accessed on 13/05/2024.
207. Karthik Nachiappan (2021), "India-ASEAN Relations: Riding and Transcending the 'Indo-Pacific' Wave", *The Journal of Indian and Asian Studies*, 2 (2), pp.1-14.
208. Kate Sullivan de Estrada (2023) "India and order transition in the Indo-Pacific: resisting the Quad as a 'security community'", *The Pacific Review*, 36 (2), pp. 378-405.
209. Katherine Foshko (2011), "Re-energising the India-Russia Relationship: Opportunities and Challenges for the 21st Century", *Gateway House Research Paper No. 3*, Gateway House: Indian Council on Global Relations, p. 33.
210. Kei Koga (2018), "ASEAN's Evolving Institutional Strategy: Managing Great Power Politics in South China Sea Disputes", *The Chinese Journal of International Politics*, 11 (1), pp. 49-80.
211. Bintang Ramadhan Yusuf Khadafi, Salahudin, Gonda Yumitro (2023), "The Art of Defense Diplomacy: How New Forms of Diplomacy are Shaping International Relations", *Jurnal Pertahanan*, 9 (1), pp. 53-71.
212. Khilnani S, Kumar R, Mehta PB, Menon P, Nilekani N, Raghavan S, et al. (2012), "Nonalignment 2.0: A Foreign and Strategic Policy for India in the Twenty First Century", *Centre for Policy Research*, <https://urlvn.net/tdxre4h>, accessed on 19/1/2024.
213. Kishore Mahbubani (2008), *The new Asian hemisphere: the irresistible shift of global power to the east*, New York: Public Affairs.
214. Kondoh Hisahiro (2024), *Japan's Strategic Interests in the Global South: Indo-Pacific Strategy*, Center for Strategic & International Studies, Washington, p. 5.
215. Kumar D (2019), "Indian Ocean Region: India as a Net Security Provider - The way ahead", *Journal of the United Service Institution of India*, CXLIX (616), p. 16.

216. Kumar S (2016), “How Modi changed the India-US relationship”, *East Asia Forum*, <http://www.eastasiaforum.org/2016/05/10/how-modi-changed-the-india-us-relationship/>, accessed on 22/04/2024.
217. Kumar, S., Verma, S. S., & Shah, S. H. (2020), “Indo-US Convergence of Agenda in the new Indo-Pacific Regional Security Architecture”, *South Asia Research*, 40(2), pp. 215-230.
218. Kupriianov A. (2019), “Russian and Indian Cooperation in the Indo-Pacific Region in the Context of Sanction”, *International Organisations Research Journal*, 14(3), pp. 117-135.
219. Kusha Anand & Marie Lall (2019), “The debate between secularism and Hindu nationalism - how India’s textbooks have become the government’s medium for political communication”, *India Review*, 21(1), pp. 77-107.
220. Laxman K. Behera (2024), *Examining India’s Interim Defence Budget 2024-’25*, Issue Brief No. 693, Observer Research Foundation, p.4, <https://www.orfonline.org/public/uploads/posts/pdf/20240223183221.pdf>, accessed on 13/1/2024.
221. Lobell, S. (2016), “Realism, balance of power, and power transitions”. In T. Paul (Ed.), *Accommodating Rising Powers: Past, Present, and Future*, Cambridge: Cambridge University Press, pp. 33-52.
222. Lou, C. (2024), “U.S.–India defense cooperation: progress, motivation and constraints”, *China International Strategy Review*, (6), pp. 305–318.
223. Louella Desiderio (2024), “ASEAN to remain among fastest growing regions”, *The Philippine Star*, <https://www.philstar.com/business/2024/01/14/2325581/asean-remain-among-fastest-growing-regions>, accessed on 13/05/2024.
224. Macrotrends LLC (2022), “India Military Spending/Defense Budget 1960-2024”, <https://www.macrotrends.net/countries/IND/india/military-spending-defense-budget>, accessed on 09/03/2024.
225. Mahima Duggal (2022), “Quad 4.0? To Securitize or Not to Securitize”, *Focus Asia Perspective & Analysis*, Institute for Security & Development Policy, p. 3.
226. Malone, David M., C. Raja Mohan, and Srinath Raghavan (2015), *The Oxford Handbook of Indian Foreign Policy*, Oxford Handbooks

227. Mandeep Singh (2023), “India, U.S. advance defense technology initiative”, *Indo-Pacific Defense Forum*, <https://ipdefenseforum.com/2023/08/india-u-s-advance-defense-technology-initiative/>, accessed on 9/7/2024.
228. Marie Izuyama và Yusuke Ishihara (2019), “Australia, India and the Indo-Pacific Concept”, *East Asian Strategic Review*, National Institute for Defense Studies, pp. 9-41.
229. Mark Kenny (2014), “Australia to power India's energy market as Tony Abbott settles terms for uranium trade”, *The Sydney Morning Herald*, <https://byvn.net/67UN>, accessed on 24/7/2024.
230. Mark Rosen, JD, LLM, and Douglas Jackson (2017), “The U.S.-India Defense Relationship: Putting the Foundational Agreements in Perspective”, *Center for Naval Analyses*, https://www.cna.org/archive/CNA_Files/pdf/drm-2016-u-013926-final2.pdf, accessed on 13/6/2024, p. 2.
231. Masood Ur Rehman Khattak (2019), “Indian Military Modernisation: Implications for Pakistan”, *Strategic Studies*, 39(1), 20-40.
232. Matthew Parry (2022), *Australia's strategic view of the Indo-Pacific*, Briefing, European Parliamentary Research Service, [https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2022/698917/EPRS_BRI\(2022\)698917_EN.pdf](https://www.europarl.europa.eu/RegData/etudes/BRIE/2022/698917/EPRS_BRI(2022)698917_EN.pdf), accessed on 13/6/2024.
233. Mazumdar, A., & Statz, E. (2015), “Democracy Promotion in India’s Foreign Policy: Emerging Trends and Developments. Asian Affairs”, *An American Review*, 42(2), pp. 77-98.
234. Menon Shivshankar (2020), *India’s Foreign Affairs Strategy*, Brookings India Impact Series 052020-02, May 2020, Brookings Institution India Center.
235. Michael Green (2024), “Multipolarity in the Indo-Pacific: Lessons for Australia from the past and present”, *The United States Studies Centre*, <https://urlvn.net/dugkkbb>, accessed on 12/04/2024
236. Michael S. Chase, Evan S. Medeiros, J. Stapleton Roy, Eugene B. Rumer, R. Sutter, and R. Weitz (2017), “Russia-China relations: Assessing Common Ground and Strategic Fault Lines”, *Special Report No. 66*, National Bureau of Asian Research, p. 35.

237. Michael Sheehan (1996), *The Balance of Power*, London: Routledge, pp. 98.
238. Micheal Raska & Richard A. Birzinger (2020), “Strategic Contours of China’s Arms Transfers”, *Strategic Studies Quarterly*, Spring 2020, pp. 91-116.
239. Mihir Shekhar Bhonsale (2023), “India’s Role in the Defence Industry of Southeast Asia”, *FACTS Asia Center Inc*,
<https://www.factsasia.org/blog/indias-role-in-the-defence-industry-of-southeast-asia>, accessed on 12/4/2024.
240. Milan Vaishnav (2019), *The BJP in Power: Indian Democracy and Religious Nationalism*, Carnegie Endowment for International Peace, pp. 12-21.
241. Ministry of Defence (2010), *Annual Report 2009-20*, Government of India.
242. Ministry of Defence (2014). *Annual report 2013-2014*, Government of India.
<https://www.mod.gov.in/sites/default/files/AR1314.pdf> , accessed on 3/1/2024.
243. Ministry of Defence (2015), *Annual Report 2014-15*, Government of India.
244. Ministry of Defence (2017), “Admiral Sunil Lanba, Chairman, Chiefs of Staff Committee and Chief of the Naval Staff visits Vietnam”, *Government of India*,
<https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=1504622>,
accessed on 14/4/2024.
245. Ministry of Defence (2017), *Exercise INDRA - 2017: Indo-Russia Joint Exercise*, Government of India,
<https://pib.gov.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=171756>,
accessed on 20/6/2024
246. Ministry of Defence (2021), “Indian Military Contingent Participates in the 6th Edition of Exercise SCO Peaceful Mission 2021 at Orenburg, Russia”, *Government of India*,
<https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=1755021>,
accessed on 20/6/2024.
247. Ministry of Defence (2023), “Pledges India’s Support for UN Peacekeeping operations”, *Government of India*,
<https://pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1983235>,
accessed on 13/12/2024.

248. Ministry of Defence (2023a), “Japan - India Maritime Exercise 2023 (JIMEX 23)”, *Government of India*, <https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=1937586>, accessed on 14/2/2024.
249. Ministry of Defence (2023b), “5th edition of AUSINDEX-23 at Sydney”, *Government of India*, <https://pib.gov.in/PressReleaseDetail.aspx?PRID=1952521>, accessed on 14/2/2024.
250. Ministry of Defence (2023c), “Sea Phase of ASEAN-INDIA Maritime Exercise - 2023”, *Government of India*, <https://www.pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1922815>, accessed on 14/2/2024.
251. Ministry of Defence (2024), “Japan India Maritime Exercise - 24 (Jimex - 24) Commenced at Yokosuka Japan”, *Government of India*, <https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=2024261>, accessed on 8/2/2024.
252. Ministry of Defence (2024a), “Rs 6.22 lakh crore allocated to MoD, the highest among Ministries, in Regular Union Budget 2024-25; 4.79% higher than FY 2023-24”, *Press Information Bureau*, Government of India, <https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=2001375>, accessed on 28/07/2024.
253. Ministry of Defence (2024b), “India's defence stronger than ever as the Govt is bolstering it with Indianness: Raksha Mantri Shri Rajnath Singh”, *Government of India*, <https://pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=2012132>, accessed on 15/04/2024.
254. Ministry of Defence (2024c), “Record over Rs 6.21 lakh crore allocation to Ministry of Defence in Interim Union Budget 2024-25; 4.72% more than FY 2023-24”, *Press Information Bureau*, Government of India, <https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=2035748>, accessed on 27/07/2024.
255. Ministry of Defence of Singapore (2023), “Singapore Co-Hosts ASEAN-India Maritime Exercise”, *Government of Singapore*, <https://s.net.vn/7RZD>, accessed on 03/01/2024

256. Ministry of Defense (2022), *Gifts one million dollars to Air Force Officers Training School at Nha Trang to establish a language & IT laboratory*, Press Release, Government of India, <https://www.pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1832495>, accessed on 15/5/2024.
257. Ministry of External Affairs (2016), “BIMSTEC Leaders' Retreat 2016 Outcome Document”, *Government of India*, <https://urlvn.net/ndrlirb>, accessed on 16/4/2024.
258. Ministry of External Affairs (2016), “Joint statement between India and Vietnam during the visit of Prime Minister to Vietnam”, *Government of India*, <https://by.com.vn/D1eZ7>, accessed on 5/3/2024.
259. Ministry of External Affairs (2017), “Indian Ocean Rim Association and India's Role”, *Government of India*, <https://urlvn.net/bsaunmf>, accessed on 16/4/2024.
260. Ministry of External Affairs (2018), “Prime Minister's Keynote Address at Shangri La Dialogue”, *Government of India*, <https://www.mea.gov.in/Speeches-Statements.htm?dtl/29943/Prime+Ministers+Keynote+Address+at+Shangri+La+Dialogue+June+01+2018>, accessed on 16/4/2024.
261. Ministry of External Affairs (2020), “Brief Note on India-Japan Bilateral Relations”, *Government of India*, https://mea.gov.in/Portal/ForeignRelation/India-Japan_Bilateral_Brief_feb_2020.pdf
262. Ministry of External Affairs (2023b), “Question No-73 Issues in South Asian University”, *Government of India*, <https://www.mea.gov.in/rajya-sabha.htm?dtl/36830>, accessed on 10/7/2024.
263. Ministry of External Affairs (2024), “Joint Statement following the 22nd India-Russia Annual Summit”, Government of India, <https://s.net.vn/XTSd>, accessed on 10/7/2024.
264. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2023a), “Japan-India Relations (Basic Data)”, *Government of Japan*, <https://s.net.vn/ilQ9>, accessed on 5/3/2024.

265. Ministry of Foreign Affairs of Japan (2023b), *New Plan for a Free and Open Indo-Pacific (FOIP)*, Government of Japan, <https://www.mofa.go.jp/files/100477660.pdf>, accessed on 17/7/2024.
266. Mohak Gambhir (2021), *Defence Diplomacy and its Relevance*, Centre for Land Warfare Studies (CLAWS), <https://www.claws.in/defence-diplomacy-and-its-relevance/>, accessed on 17/06/2024.
267. Mohan Malik (2004), *India-China Relations: Giants Stir, Cooperate and Compete*, Special Assessment: Asia's Bilateral Relations, Asia-Pacific Center for Security Studies, <https://urlvn.net/0hdudqe>, accessed on 17/03/2024, p. 2.
268. Moksh Suri (2023), "Acting East on the seas: India's naval cooperation with ASEAN", *The Interpreter*, Lowy Institute, <https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/acting-east-seas-india-s-naval-cooperation-asean>, accessed on 16/08/2024.
269. Moonis Ahmar (2020), "Dynamics of Pakistan-China Relations", *Journal of Security & Strategic Analyses*, VI(1), pp. 86-106.
270. Morgenthau, Hans J (2006), *Politics among Nations: The Struggle for Power and Peace*, Boston: McGraw-Hill Higher Education.
271. Mr Peter N Varghese AO (2018), *An India Economic Strategy to 2035 - Navigating from potential to delivery*, India Economic Section, Australian Department of Foreign Affairs and Trade, p. 298, <https://urlvn.net/kqokses>, accessed on 9/1/2024.
272. Muraviev, A.D., Ahlawat, D. & Hughes, L (2022), "India's security dilemma: engaging big powers while retaining strategic autonomy", *Int Polit* (59), pp.1119-1138.
273. Myanmar Now (2021), "Indian arms maker still selling to Myanmar junta, says activist group", *Myanmar Now*, <https://myanmar-now.org/en/news/indian-arms-maker-still-selling-to-myanmar-junta-says-activist-group/>, accessed on 9/1/2024.
274. N. Tian, D. Lopes Da Silva, X. Liang & L.Scarazzato (2024), *Trends in World Military Expenditure 2023*, SIPRI Fact Sheet, Stockholm International Peace Research Institute, https://www.sipri.org/sites/default/files/2024-04/2404_fs_milex_2023.pdf, accessed on 17/10/2024.

275. Nagao, S. (2018), “Why Japan Needs India as a Defence Partner”, In: Basrur, R., Kutty, S. (eds) *India and Japan. Politics of South Asia*. Palgrave Pivot, Singapore.
276. Narendra Modi (2023), “PM addresses programme marking 20 years celebration of Vibrant Gujarat Global Summit”, <https://www.narendramodi.in/prime-minister-narendra-modi-attends-the-20-years-celebration-of-vibrant-gujarat-global-summit-574407>, accessed on 30/04/2024.
277. Neha Dwivedi (2017), “Can India ‘Connect’ With Central Asia?”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2017/11/can-india-connect-with-central-asia/>, accessed on 20/6/2024.
278. New Services Division (2022), “Third edition of Vietnam-India bilateral army exercise “Ex VINBAX 2022” to begin at Chandimandir in Haryana”, *All India Radio News*, <https://newsonair.gov.in/Main-News-Details.aspx?id=445237>, accessed on 5/3/2024.
279. New Services Division (2023), *Dr. S Jaishankar's Russia Visit Strengthens India-Russia Ties Across During Moscow Visit*, <https://newsonair.gov.in/Main-News-Details.aspx?id=474105>, accessed on 5/3/2024.
280. Ngo Di Lan (2024), “Vietnam’s great power balancing act”, *East Asia Forum*, <https://eastasiaforum.org/2024/02/10/vietnams-great-power-balancing-act/>, accessed on 15/06/2024.
281. Nguyen Hoang Tien, Pham Cong Do, Vo Tan Phong, Phan Van Thuong, Ha Van Dung (2019), “AIIB as a Challenger for IMF and WB”, *American International Journal of Business Management*, 2 (10), pp. 62-68.
282. Nitin Kumar Bharti, Lucas Chancel, Thomas Piketty, Anmol Somanchi (2024), “Income and Wealth Inequality in India, 1922-2023: The Rise of The Billionaire Raj”, *Working Paper No. 2024/9*, World Inequality Lab, p. 34.
283. Nivedita Kapoor (2019), “India-Russia Relations: Beyond Energy and Defence”, *ORF Issue Brief No. 327*, Observer Research Foundation, p. 10.
284. Nye, J. S. (2008), “Public Diplomacy and Soft Power”, *The Annals of the American Academy of Political and Social Science*, (616), pp. 94-109.
285. Nye, J. S. Jr., (2011), “Power and foreign policy”, *Journal of Political Power*, 4(1), pp. 9-24.

286. Observatoire de l'Indo-Pacifique (2021), "India and the Indo-Pacific", *Observatoire de l'Indo-Pacifique*, <https://www.sciencespo.fr/ceri/observatory-indo-pacific/india/>, accessed on 14/3/2024.
287. Oxford Analytica (2015), "India-Russia defence ties to deepen as both diversify", *Expert Briefings*, <https://doi.org/10.1108/OXAN-ES207522>
288. P. Stobdan (2010), *India-Russia Strategic Partnership: Common Perspectives*, Institute for Defence Studies and Analyses, New Delhi.
289. P.S. Raghavan (2020), "The Changing Geopolitical Landscape of India-Russia Relations", In *India's Great Power Politics* (1st ed.), Routledge India.
290. Panda, Jagannath (2020), "Australia in Malabar would strengthen the Indo-Pacific Narrative", *Asia Maritime Transparency Initiative*, <https://amti.csis.org/australia-in-malabar-would-strengthen-the-indo-pacific-narrative/>, accessed on 13/2/2024.
291. Pandit, R. (2017), "Wary of China, India offers Akash surface-to-air missile systems to Vietnam", *The Times of India*, <https://by.com.vn/RGeWf> , accessed on 13/2/2024.
292. Pankaj K Jha & Vo Xuan Vinh (2020), *India - Vietnam and the Indo-Pacific: Expanding Horizons*, Routledge, New York.
293. Paul R. Viotti, Mark V. Kauppi (1987), *International Relations Theory: Realism, Pluralism, Globalism*, Macmillan Pub Co; 2nd Edition, pp. 44.
294. Paul, J. M. (2012), "India-Japan Security Cooperation: A New Era of Partnership in Asia", *Journal of the National Maritime Foundation of India*, 8(1), pp. 31-50.
295. Pauline Eadie & Wyn Rees (2016), *The Evolution of Military Power in the West and Asia: Security Policy in the post-Cold War Era*, Routledge, New York, p. 173.
296. Peri, D. (2022), "Navy's largest exercise Milan to bring together over 35 countries", *The Hindu*, <https://by.com.vn/SxKVq>, accessed on 15/3/2024.
297. Permanent Mission of India to the UN (n.d), "India and United Nations Peacekeeping and Peacebuilding", <https://urlvn.net/qbs6mgn>, accessed on 3/8/2024.
298. Peter J. Katzenstein (1996), *The Culture of National Security: Norms and Identity in World Politics*, New York: Columbia University Press, p. 22.

299. Pooja Bhatt (2021), “Emerging Pillars of India-Japan Relations in the Indo-Pacific”, *Indian Foreign Affairs Journal*, 16(2), pp. 134-152.
300. Prakash Gopal (2024), *India and collective defence in the Indo-Pacific: Possibilities, Prospects and Challenges*, United States Studies Centre, The University of Sydney, New South Wales, p. 3, 24.
301. Prashanth Parameswaran (2016), “Vietnam Unveils New Port Facility for Foreign Warships in Cam Ranh Bay”, *The Diplomat*, <https://thediplomat.com/2016/03/vietnam-unveilsnew-port-facility-for-foreign-warships-in-cam-ranh-bay/>, accessed on 10/2/2024.
302. Premesha Saha (2022), “How India’s BrahMos deal is not just about Philippines but gives a stronger message to the region”, *Observer Research Foundation*, <https://www.orfonline.org/research/how-indias-brahmos-deal-is-not-just-about-philippines>, accessed on 10/4/2024.
303. Premesha Saha (2023), “Great power competition raises concerns within the ASEAN”, *Observer Research Foundation*, <https://www.orfonline.org/expert-speak/great-power-competition-raises-concerns-within-the-asean>, accessed on 11/03/2024.
304. Premesha Saha (2023), “India’s growing strategic footprint in the Indo-Pacific”, *Observer Research Foundation*, <https://www.orfonline.org/expert-speak/indias-growing-strategic-footprint-in-the-indo-pacific/>, accessed on 24/12/2023.
305. Premesha Saha and Angad Singh (2022), “Securing Two Oceans: Bolstering India-Australia Defence Cooperation in the Indo-Pacific,” *ORF Occasional Paper No. 296*, Observer Research Foundation.
306. Press Information Bureau (2015), *PM to Heads of Indian Missions*, Press Release, Prime Minister's Office, Government of India, <https://pib.gov.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=115241>, accessed on 25/5/2024
307. Press Information Bureau (2018), “Inaugural Edition of BIMSTEC MILEX-18 Culminates at Pune with an Impressive Closing Ceremony at Pune on 16 September 18”, *Ministry of Defence*, Government of India, <https://pib.gov.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=183495>, accessed on 17/5/2024.

308. Press Information Bureau (2018), *Achievements in Defence Sector*, Ministry of Defence, Government of India,
<https://pib.gov.in/pressreleaseshare.aspx?prid=1519142>,
accessed on 13/8/2024.
309. Press Information Bureau (2023a), “Aatmanirbharta on the rise: Defence exports reach an all-time high of approx. Rs 16,000 crore in Financial Year 2022-23”, *Ministry of Defence*, Government of India,
<https://pib.gov.in/PressReleaseDetailm.aspx?PRID=1912885>,
accessed on 17/7/2024.
310. Press Information Bureau (2023b), “Indo Japan Joint Training Exercise “Dharma Guardian” to Commence at Camp Imazu in Shiga Province Japan”, *Ministry of Defence*, Government of India,
<https://pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=1899832>,
accessed on 3/8/2024.
311. Press Information Bureau (2023c), “Indian Ocean Naval Symposium- 2023”, *Ministry of Defence*, Government of India,
<https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=1989652>,
accessed on 3/8/2024.
312. Press Information Bureau (2023d), “Ministry of Defence - Year End Review 2023”, *Ministry of Defence*, Government of India,
<https://pib.gov.in/PressReleaseIframePage.aspx?PRID=1989502>,
accessed on 14/2/2025.
313. Press Information Bureau (2023e), “Indian Ocean Naval Symposium (IONS) – 2023”, *Ministry of Defence*, Government of India,
<https://www.pib.gov.in/PressReleaseDetailm.aspx?PRID=1989652>,
accessed on 25/5/2025.
314. Press Information Bureau (2024a), “Defence exports touch record Rs 21,083 crore in FY 2023-24, an increase of 32.5% over last fiscal; Private sector contributes 60%, DPSUs -40%”, *Ministry of Defence*, Government of India,
<https://pib.gov.in/PressReleasePage.aspx?PRID=2016818>,
accessed on 13/8/2024.

315. Press Information Bureau (2024b), “DRDO successfully flight tests Very Short-Range Air Defence System”, *National Informatics Centre*, Government of India, <https://pib.gov.in/PressReleseDetail.aspx?PRID=2010345>, accessed on 3/7/2024.
316. Prime Minister's Office (n.d), *Dr. Manmohan Singh*, National Informatics Centre, Prime Minister's Office, https://www.pmindia.gov.in/en/former_pm/dr-manmohan-singh-2/, accessed on 15/05/2024.
317. Priya Chacko (2014), “The rise of the Indo-Pacific: understanding ideational change and continuity in India's foreign policy”, *Australian Journal of International Affairs*, 68 (4), pp 433-452.
318. Priyanjoli Ghosh (2020), “India’s Indian Ocean Region Strategy”, *Journal of Indo-Pacific Affairs*, pp. 146-150.
319. Qin, Z. Y. (2021), Military affairs. In G. H. Xie (Ed.), *Vietnam country report 2020*, Beijing: Social Science Literature Publishing House, pp.105-108
320. Raghav Bikchandani (2022), “India 3rd largest military spender, 50% defence exports go to Myanmar, shows data from SIPRI”, *ThePrint*, <https://urlvn.net/9uzxxcr>, accessed on 1/1/2024.
321. Raja Mohan (2015), *India's National Security: The Changing International Dimension*, *Discussion Paper, 9th Berlin Conference on Asian Security: International Dimensions of National in Security Concepts, Challenges and Ways Forward*, <https://www.swp-berlin.org/en/publication/indias-national-security-the-changing-international-dimension>, accessed on 15/08/2024.
322. Rajagopalan, R. (2017), *India’s Strategic Choices: China and the Balance of Power in Asia*, Carnegie Endowment for International Peace, Washington, DC.
323. Rajagopalan, R. (2020), “Evasive balancing: India’s unviable Indo-Pacific strategy”, *International Affairs*, 96(1), pp. 75-93.
324. Rajagopalan, R. (2024), *India’s Place in Australia’s National Defense Strategy 2024*, Observer Research Foundation, <https://www.orfonline.org/research/india-s-place-in-australia-s-national-defense-strategy-2024>, accessed on 18/2/2025.

325. Rajan Kumar (2008), *Indo-Russia Defence Cooperation*, Significance of Indo-Russian Relations in 21st Century; Kalpaz Publications.
326. Rajan Menon and Eugene Rumer (2022), *Russia and India: A New Chapter*, The Return of Global Russia, Carnegie Endowment for International Peace, p. 9.
327. Rajaram Panda (2024), “Vietnam's Delicate Great-Power Balancing Act”, *Global Asia*, 19 (1), pp. 100-104.
328. Rajesh Basrur (2017), “Modi’s foreign policy fundamentals: a trajectory unchanged”, *International Affairs*, 93 (1), pp. 7-26.
329. Ravi Shankar (2024), “India Deploys Liaison Officers to Key US Commands”, *BharatShakti.in*, <https://bharatshakti.in/india-deploys-liaison-officers-to-key-us-commands/>, accessed on 12/7/2024.
330. Reuters (2022), “Vietnam to hold arms fair in December as its seeks to diversify supplies, Asia Pacific”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/world/asia-pacific/vietnam-hold-arms-fair-december-its-seeks-diversify-supplies-2024-01-26/>, accessed on 15/06/2024.
331. Rhea Panda & Abeer Tiwari (2022), “Defence Manufacturing in India: Policy, Indigenisation, and Technology”, *India Journal of Projects, Infrastructure and Energy Law*, <https://ijpiel.com/index.php/2022/08/26/defence-manufacturing-in-india-policy-indigenisation-and-technology/>, accessed on 11/2/2025.
332. Richard Javad Heydarian (2018), “Middle Powers Step Up in Asia”, *China-United States Exchange Foundation*, <https://www.chinausfocus.com/foreign-policy/middle-powers-step-up-in-asia>, accessed on 25/5/2024.
333. Richard Weitz (2017), “Russia-China relations: Assessing Common Ground and Strategic Fault Lines”, *Special Report #66*, National Bureau of Asian Research, p. 39.
334. Rob Taylor (2008), “Australia to keep India uranium sale ban - report”, *Reuters*, <https://www.reuters.com/article/nuclear-india-australia-idUKSYD29407620080907/>, accessed on 08 January 2024.
335. Robert G. Patman, Patrick Köllner, Balazs Kiglics (2022), *From Asia-Pacific to Indo-Pacific: Diplomacy in a Contested Region*, Global Political Transitions, Palgrave Macmillan Singapore, p.8.
336. Robert O. Keohane (1986), *Neorealism and Its Critics*, Columbia University Press, New York, p. 7.

337. Roby Thomas (2021), *Indian Defence Diplomacy: A Handbook*, MP-IDSA Monograph Series, No. 74, Manohar Parrikar Institute for Defence Studies and Analyses, p. 20.
338. Rod Thornton (2012), “India-Russia Military Cooperation: Which Way Forward”, *Journal of Defence Studies*, 6 (3), pp. 99-112.
339. Rollie Lal (2010), “Transnational Security Challenges in India”, *Asia-Pacific Center for Security Studies*, pp. 128-139, <https://dkiapcss.edu/wp-content/uploads/2010/06/128-139-Transnational-India.pdf>
340. Rouben Azizian (2004), “Russia-India Relations: Stability amidst Strategic Uncertainty”, *Asia Pacific Centre for Securities Studies*, <https://apps.dtic.mil/sti/pdfs/ADA591913.pdf>, accessed on 18/05/2024.
341. Rup Narayan Das (2010), “India-China Defence Cooperation and Military Engagement”, *Journal of Defence Studies*, 4 (4), pp. 108-121.
342. S. Jaishankar (2020), *The India Way: Strategies for an Uncertain World*, HarperCollins India, New Delhi.
343. S. Jaishankar (2024), *Why Bharat Matters*, Rupa Publications India, New Delhi.
344. Sadhavi Chauhan (2013), “India-Vietnam Defence Cooperation: Slow but Steady Progress”, *ORF Issue Brief No. 60*, Observer Research Foundation.
345. Sajaudeen Nijamodeen Chapparban (2020), “Religious Identity and Politics of Citizenship in South Asia: A Reflection on Refugees and Migrants in India”, *Development*, (63), pp. 52-59.
346. Sakshi Tiwari (2023), *Credited For Getting Su-35 Fighters & S-400 Missiles From Russia, Sanctioned PLA General Is China’s New Defense Minister*, The EurAsian Times, <https://www.eurasiantimes.com/credited-for-getting-su-35-fighters-s-400-missiles-from-russia-sanctioned-pla-general-is-chinas-new-defense-minister/>, accessed on 23/5/2025.
347. Sameer Lalwani, Dr. Frank O’Donnell, Tyler Sagerstrom, & Akriti Vasudeva (2021), “The Influence of Arms: Explaining the Durability of India-Russia Alignment”, *Journal of Indo-Pacific Affairs*, 4 (1), pp. 2-41.
348. Sameer P. Lalwani, Vikram J. Singh (2023), “A Big Step Forward in U.S.-India Defense Ties”, *The United States Institute of Peace*, <https://urlvn.net/cddmbjv>, accessed on 1/7/2024.

349. Sameer Patil (2022), “The importance of India’s defence partnership with Vietnam”, *Observer Research Foundation*, <https://www.orfonline.org/expert-speak/the-importance-of-indias-defence-partnership-with-vietnam>, accessed on 1/7/2024.
350. Samrat Sinha (2017), “The Strategic Use of Peace: Non-State Armed Groups and Subnational Peacebuilding Mechanisms in Northeastern India”, *Democracy and Security*, 13(4), pp. 273-303.
351. Samuel P. Huntington (1999), “The Lonely Superpower”, *Foreign Affairs*, 78 (2), pp. 35-49.
352. Sanjaya Baru (2008), *India and the World - Economics and Politics of the Manmohan Singh Doctrine in Foreign Policy*, ISAS Working Paper No. 53, Institute of South Asian Studies, National University of Singapore, pp. 4-11.
353. Saroj Bishoy (2011), “Defense Diplomacy in US-India Strategic Relationship”, *Journal of Defense Studies*, 5 (1), pp. 64-86.
354. Satoru Nagao (2013), “Japan-India Military Partnership: India is the New Hope for Asia”, *CLAWS Journal*, Winter, pp. 57-78.
355. Sergey I. Lunev & Ellina P. Shavlay (2021) "India as a Global Power: The Strategic Culture Problems", *India Quarterly: A Journal of International Affairs*, 77 (4), pp. 525-541.
356. Shafiah F Muhibat (2022), “Looking beyond the ASEAN Outlook on the Indo-Pacific”, *East Asia Forum*, <https://eastasiaforum.org/2022/07/20/looking-beyond-the-asean-outlook-on-the-indo-pacific/>, accessed on 10/05/2024.
357. Shalini Chawla (2008), “Pakistan Navy: New Capabilities, New Roles?”, *Air Power Journal*, 3 (4), pp. 67-93.
358. Shangliao Sun (2024), “Share of defense import to India from 2019 to 2023, by country of origin”, *Aerospace & Defense Manufacturing*, Statista, <https://www.statista.com/statistics/1345382/india-share-of-defense-import-by-country/>, accessed on 6/8/2024.
359. Shankar Kumar (2019), “India broadens Indo-Pacific vision to include Gulf”, *Governance Now*, <https://www.governancenow.com/news/regular-story/india-broadens-indopacific-vision-to-include-gulf>, accessed on 23/08/2024.

360. Shiv Sahay Singh (2024), “Mamata Banerjee offers shelter to Bangladeshis amid escalating violence”, *The Hindu*, <https://s.net.vn/JTFq>, accessed on 30/07/2024
361. Shivani Sharma (2024), “Rajnath Singh to visit Russia, defence cooperation, INS Tushil in focus”, *India Today*, <https://www.indiatoday.in/world/story/defence-minister-rajnath-singh-to-visit-russia-2641369-2024-11-27>, accessed on 29/11/2024.
362. Shivshankar Menon (2007), “The Challenges Ahead for India's Foreign Policy”, *Air Power Journal*, 2 (2), pp. 1-10.
363. Shivshankar Menon (2020), “Domestic concerns still shape India’s foreign policy”, *East Asia Forum*, <https://eastasiaforum.org/2020/09/15/domestic-concerns-still-shape-indias-foreign-policy/>, accessed on 16/5/2024.
364. Shubhangi Palve (2024), “India, Russia Close To “Landmark” JV Pact On S-400 Triumph AD System; A New Chapter in Defense Alliance?”, *The EurAsian Times*, <https://eurasiatimes.com/india-russia-close-to-landmark-jv-pact-on-s-400/>, accessed on 29/6/2024.
365. Sikata Banerjee (1998), “Political Secularization and the Future of Secular Democracy in India: The Case of Maharashtra”, *Asian Survey*, 38 (10), pp. 907-927.
366. Sikri, R. (2009). *Challenge and strategy: Rethinking India's foreign policy*. SAGE Publications India Pvt Ltd.
367. Jaswinder Singh (2021), “Military Diplomacy: An Appraisal in the Indian Context”, *CLAWS Journal*, 14 (2), pp. 108-124.
368. SIPRI (2008), *SIPRI Yearbook 2008: Armaments, Disarmament and International Security*, Oxford University Press, pp. 176-194.
369. SIPRI (2024), *SIPRI Yearbook 2024: Armaments, Disarmament and International Security*, Stockholm International Peace Research Institute, p. 272.
370. Sophie Boisseau du Rocher (2013), “ASEAN-India Political Cooperation: How to Reinforce a Much-Needed Pillar?” In Prabir De, Suthiphand Chirathivat, *Celebrating the Third Decade and Beyond*, (1st Ed), Routledge, London.
371. Sophie Eisentraut & Bart Gaens (2018), *The Us-Japan-India-Australia Quadrilateral Security Dialogue: Indo-Pacific alignment or foam in the ocean?* FIIA Briefing Paper No. 239, Finnish Institute of International Affairs, p. 4.

372. Soumya Bhowmick (2021), *The Indo-Pacific economics: Inextricable Chinese linkages and Indian challenges*, Raisina Debates, Observer Research Foundation, India
373. Sovinda Po (2023), “Navigating the storm: How ASEAN managed the great power competition through the ASEAN outlook on the Indo-Pacific”, *Journal of Accounting, Finance, Economics, and Social Sciences*, 8(1), pp. 65-79.
374. Sreeram Chaulia (2016), *Modi doctrine: The foreign policy of India's Prime Minister*, Bloomsbury Publishing, pp. 34-52.
375. Sreeram Chaulia (2020), “A self-reliant foreign policy”, *The Hindu*, <https://www.thehindu.com/opinion/op-ed/a-self-reliant-foreign-policy/article32339890.ece>, accessed on 06/05/2024.
376. Sridharan, I. (2017), “Where is India headed? Possible future directions in Indian foreign policy”, *International Affairs*, 93(1), pp. 51-68.
377. State Council of China (2019), *China's National Defense in the New Era*, The State Council Information Office of the People's Republic of China, Foreign Languages Press Co. Ltd., Beijing, China, p. 27.
378. State House (2018), “External Affairs Minister for India handed over Dornier Aircraft to President Danny Faure”, *Office of the President of The Republic of Seychelles*, <https://www.statehouse.gov.sc/news/4003/external-affairs-minister-for-india-handed-over-dornier-aircraft-to-president-danny-faure>, accessed on 23/5/2025.
379. Subham Singh (2014), Why India's defence sector is a true success story, *India Today*, <https://urlvn.net/jpnqk9d>, accessed on 11/2/2025.
380. Suri, K. C., Elliott, C., & Hundt, D (2016), “Democracy, Governance and Political Parties in India: An Introduction”, *Studies in Indian Politics*, 4(1), pp. 1-7.
381. Surinder Mohan (2016), “Ideology, territorial saliency, and geographic contiguity: the beginning of India- Pakistan rivalry”, *International Relations of the Asia-Pacific* (16), pp. 371-407.
382. Takenori Horimoto (2019), “Relations between Japan and India in the Indo-Pacific Age —Transcending the Quad Framework”, *Japan Review*, 3 (2), pp. 54-70.

383. Ted Osius & Marc P. Mealy (2024), *Southeast Asia's Growing Importance to Global Trade*, The Jerusalem Strategic Tribune, <https://jstribune.com/osius-mealy-southeast-asias-growing-importance-to-global-trade/>, accessed on 28/04/2024.
384. Tehmina Arora (2020), "Why Social Harmony Is Important for a Healthy Economy", *The Wire*, <https://thewire.in/economy/violence-economic-impact-india>, accessed on 7/8/2024.
385. Tellis, A. J. (2020), "Waylaid by Contradictions: Evaluating Trump's Indo-Pacific Strategy", *The Washington Quarterly*, 43(4), pp. 123-154.
386. Temjenmeren Ao (2018), *Looking Beyond the 70 Years of India-Thailand Relations*, Issue Briefs, Indian Council of World Affairs, <http://tinyurl.com/3em84uuf>, accessed on 30/11/2024.
387. The ASEAN Secretariat (2019), *ASEAN Outlook on the Indo-Pacific*, Jakarta.
388. The Economic Times (2023), "All political parties united when it comes to national security: Defence Minister Rajnath Singh", <https://bom.so/BR1HJI>, accessed on 18/05/2024.
389. The Economic Times (2023), "India to place liaison officers in US commands to strengthen defence cooperation", *The Economic Times*, <https://economictimes.indiatimes.com/news/defence/india-to-place-liaison-officers-in-us-commands-to-strengthen-defence-cooperation/articleshow/101205895.cms?from=mdr>, accessed on 17/7/2024.
390. The Economist (2022), "India is cutting back its reliance on Russian arms", <https://www.economist.com/graphic-detail/2022/04/14/india-is-cutting-back-its-reliance-on-russian-arms>, accessed on 30/11/2024.
391. The Print (2023), "Defence important pillar of India-Australia partnership for overall security of Indo-Pacific": Rajnath Singh at 2+2 Dialogue, *The Print*, Printline Media Pvt Ltd, <https://urlvn.net/u3p22a5>, accessed on 9/7/2024.
392. Thorsten Wojczewski (2019), "Identity and world order in India's post-Cold War foreign policy discourse", *Third World Quarterly*, 40(1), pp. 180-198.
393. Thomas S. Wilkins (2019), "Does Australia have an "Indo Pacific strategy"?", *Policy Brief*, Japan Institute for International Affairs, p. 3.

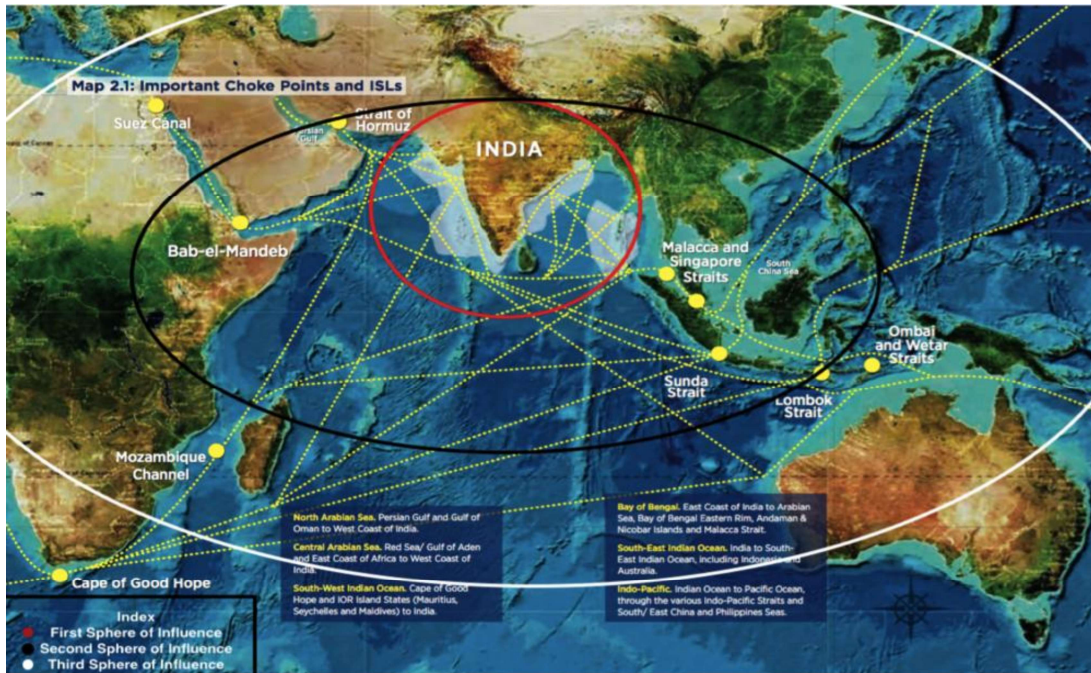
394. Times Now Digital (2021), "India can play role of being net security provider in the region: Rajnath Singh at Aero India", *Bennett Coleman & Company Limited*, <https://s.net.vn/ziID>, accessed on 16/7/2024
395. Toby Dalton & George Perkovich (2016), "India's nuclear options and escalation dominance", *Carnegie Endowment for International Peace*, <https://tinyurl.com/5azhcp2c>, accessed on 20/5/2024.
396. Tom Dyson, Theodore Konstadinides (2013), *European Defence Cooperation in EU Law and IR Theory*, Palgrave Macmillan, p. 113.
397. Tomasz Łukaszuk (2020), "Indian and Australian Maritime Security Doctrines in the Indian Ocean Region in the 21st Century. Christian Bueger's Matrix of Maritime Security Approach", *Polish Political Science Yearbook*, 49(4), pp. 105-127
398. Trading Economics (2024), "India Imports from China of Arms and ammunition, parts and accessories", <https://tradingeconomics.com/india/imports/china/arms-ammunition-parts-accessories>, accessed on 20/10/2024.
399. Tran My Hai Loc (2023), "India's Security Threats from Chinese Military Funding and Economic Development in South Asia", *Global: Jurnal Politik Internasional*, 25 (2), pp. 115-139.
400. U.S Department of Defense (2015), "Framework for the US- India defense relationship", *US Government*, <https://tinyurl.com/3rsn8fr4>, accessed on 20/5/2024.
401. U.S Department of Defense (2017), *Enhancing Defense and Security Cooperation with India*, Fiscal Year (FY) 2017(Pub. L. 114-328), U.S Government, pp. 3-4.
402. U.S Department of State (2005), "International Religious Freedom Report 2005", *Bureau of Democracy, Human Rights, and Labor*, Government of US, <https://2009-2017.state.gov/j/drl/rls/irf/2005/51618.htm>, accessed on 20/5/2024.
403. Ulrich Jochheim, Rita Barbosa Lobo (2023), *Geopolitics in the Indo-Pacific: Major players' strategic perspectives*, European Parliamentary Research Service, p. 4.

404. United Shipbuilding Corporation (2013), *Feature one: Triumph of Strategic Partnership*, No. 4 (17), USC. Strength and Power at Sea.
405. Vayu Aerospace & Defence Review (2020), *Report IV/2020*, Vayu Aerospace Pvt. Ltd, <https://www.vayuaerospace.in/Issue/202010071813439609.pdf>, pp. 12-17.
406. Vikash Chandra (2017), “Modi Government and Changing Patterns in Indian Foreign Policy”, *Jadavpur Journal of International Relations*, 21(2), pp. 98-117.
407. Vinod Anand (2013), “India's Defence Cooperation with South East Asian countries”, *SP's Land Forces*, <https://www.spslandforces.com/story/?id=258>, truy cập ngày 12/5/2024.
408. Vinod Bhatia, Vijai S Chaudhari & Ranjit Singh (2016), *Defence Diplomacy and International Military Cooperation*, Centre for Joint Warfare Studies, India, p. 23.
409. Vipin Narang & Paul Staniland (2012), “Institutions and Worldviews in Indian Foreign Security Policy”, *India Review*, 11(2), pp. 76-94.
410. Viraj Solanki (2021), “India-Vietnam Defence and Security Cooperation”, *India Quarterly*, 77(2), pp. 219-237.
411. Vuving, Alexander (2012), “The Future of China's Rise: How China's Economic Growth Will Shift the Sino-U.S. Balance of Power, 2010-2040”, *Asian Politics and Policy*, 4 (3), pp. 401-423.
412. Wada Haruko (2020), “The “Indo-Pacific” concept geographical adjustments and their implications”, RSIS Working Paper No. 326, S. Rajaratnam School of International Studies, Singapore, p. 11.
413. Waltz, K. N. (1997), “Evaluating Theories”, *The American Political Science Review*, 91(4), pp. 913-917.
414. White House (2022), *Indo - Pacific strategy of the United States*, National Security Council, Government of USA, <https://urlvn.net/pxnfdjt>, accessed on 20/8/2024.
415. White House (2023), *Joint Statement from the United States and India*, Government of USA, <https://urlvn.net/f3mzhttp>, accessed on 20/6/2024.

416. World Bank Group (2018), *Fact Sheet: The Indus Waters Treaty 1960 and the Role of the World Bank*,
<https://www.worldbank.org/en/region/sar/brief/fact-sheet-the-indus-waters-treaty-1960-and-the-world-bank>, accessed on 23/5/2025.
417. Xiao Liang, Zubaida Karim (2025), *Armed Rivalry: Assessing India and Pakistan's Military Buildup Amid Renewed Tensions*, South Asian Voices, Stimson Center, <https://southasianvoices.org/sec-c-oth-r-india-pak-military-spending-trends-5-21-2025/>, accessed on 23/5/2025.
418. Yang Lu (2013), *Dynamics of National Interest and National Identity: A constructivist approach to the India - China relations from 2003 - 2012*, Heidelberg University, pp. 15-21.
<https://core.ac.uk/download/pdf/32584625.pdf>, accessed on 17/7/2024.
419. Yogesh Joshi, Nishant Rajeev and Wini Fred Gurung (2020), *India and the world in Modi's second term*, ISAS Roundtable, The Institute of South Asian Studies, <https://www.isas.nus.edu.sg/wp-content/uploads/2020/12/India-and-the-World-in-Modis-Second-Term-Full.pdf>, accessed on 17/7/2024.
420. Z. Hilali (2001), "India's strategic thinking and its national security policy", *Asian Survey*, 41 (5), pp. 737-764.
421. Zack Cooper & Andrew Shearer (2017), "Thinking clearly about China's layered Indo-Pacific strategy", *Bulletin of the Atomic*, 73 (5), pp. 305-311.
422. А.В. Кортунов (2017), *70-летие дипломатических отношений России и Индии: новые горизонты привилегированного партнерства*, Доклад Российский Совет По Международным Дела́м, № 34 / 2017,
<https://russiancouncil.ru/papers/Russia-India-Report34.pdf>,
accessed on 17/8/2024, pp. 16,31.
423. Центр анализа мировой торговли оружием (2022), *Defexpo India-2022*,
<https://armstrade.org/files/analytics/451.pdf>, accessed on 17/8/2024.

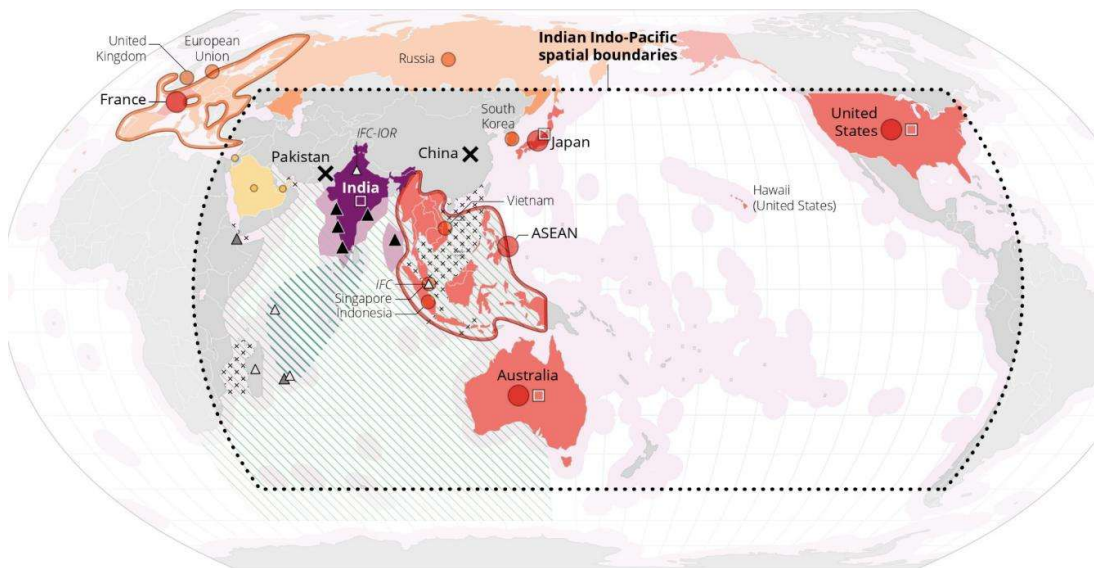
PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phạm vi ảnh hưởng trên biển của Ấn Độ



Nguồn: Indian Navy, 2015, tr. 20

Phụ lục 2: Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương theo cách tiếp cận của Ấn Độ



Nguồn: Hình vẽ được biên tập từ Observatoire de l'Indo-Pacifique, 2021

Phụ lục 3: Các dự án cảng của Trung Quốc liên quan đến các tuyến thông tin liên lạc trên biển Á-Đ-TBD, các nút thắt hàng hải và các thực thể khác



Nguồn: Hình vẽ được biên tập từ Devin Thorne & Ben Spevack, 2017, tr. 26

**Phụ lục 4: Bản dịch tóm tắt phỏng vấn trực tiếp TS. Ananta Swarup Bijendra
De Gurung, Centre for Indo-Pacific Studies, Jawaharlal Nehru University**

Câu hỏi số 1: Theo các báo cáo chính phủ và nghiên cứu thì Ấn Độ không có chính sách quốc phòng chính thức, thay vào đó là các hướng dẫn, quy định để thực hiện. Theo Ông thì đây có được xem là một ưu thế của Ấn Độ khi triển khai các hợp tác quốc phòng phù hợp theo bối cảnh khu vực, thế giới và tình hình trong nước?

Ấn độ không muốn bị phụ thuộc vào bất kỳ một chính sách quốc phòng cụ thể để gây khó xử. Ấn Độ cũng không muốn bị cứng nhắc trong cách sử dụng quốc phòng cho bất kỳ vấn đề nào ở khu vực có thể đi ngược lại với chính sách đó. Vì chính sách không liên kết trước đây và bây giờ là đa liên kết nên Ấn Độ muốn tự chủ chiến lược tùy thuộc theo từng bối cảnh khu vực và các mối đe dọa trực tiếp đến an ninh của Ấn Độ. Bởi Ấn Độ ở sát sườn Trung Quốc nên vấn đề an ninh cũng ảnh hưởng nhiều đến lợi ích quốc gia của Ấn Độ là những nước láng giềng như Pakistan, Bangladesh, Myanmar, Sri Lanka chẳng hạn, nếu đóng khung một chính sách thì sẽ gây nhiều thách thức an ninh mang tính ràng buộc cho Ấn Độ.

Việc không có chính sách quốc phòng cũng có thể được xem là lợi thế, Ấn Độ sẽ tự chủ chiến lược và phát triển thành một cường quốc tiềm năng và có sức ảnh hưởng nhất định trong khu vực. Ấn Độ sẽ linh động với từng đối tác an ninh theo từng trường hợp cụ thể để có thể giải quyết một vấn đề mà Ấn Độ đang bị ảnh hưởng mà không làm ảnh hưởng đến định hướng chung của Ấn Độ hay các nước khác. Tuy nhiên, trong các văn bản quy định và hướng dẫn đều có giới hạn cách thực hiện cũng như cách thức để Ấn Độ triển khai và tính toán được lợi thế chiến lược nhằm tối đa hóa lợi ích của mình.

Một số người chỉ trích Ấn Độ không có chính sách cụ thể, nhưng mỗi quốc gia có 1 hệ thống chính trị riêng, và họ sẽ biết cách làm sao để tồn tại trong môi trường an ninh quốc tế để không ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia của mình. Thêm vào đó, Ấn Độ hiện nay không có chiến lược ADD-TBD, thực tế là tầm nhìn chứ không có chiến lược như các nhà nghiên cứu hay các nước nói, tầm nhìn sẽ giúp Ấn Độ có thể phản ứng lại với các vấn đề trong khu vực.

Câu hỏi số 2: Ông có thấy sự nhất quán giữa các tuyên bố/văn bản đã ký kết với thực tiễn/kết quả triển khai trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác an ninh song phương và đa phương hay không? Nếu không thì do nguyên nhân nào?

Có sự thống nhất giữa các văn bản, ký kết với kết quả thực tế triển khai, chẳng hạn là Việt Nam. Vấn đề thống nhất ở đây là phụ thuộc vào chính sách của cả hai đối tác theo từng giai đoạn. Có thể các cam kết có thể thực hiện trễ hơn dự kiến nhưng nó sẽ được diễn ra.

Câu hỏi số 3: Theo đánh giá của Ông/ Bà thì xu hướng hợp tác quốc phòng Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD từ thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI sẽ diễn ra như thế nào?

Xu hướng hợp tác quốc phòng của Ấn Độ ở thế kỷ thứ 3 vẫn là thúc đẩy hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh chủ chốt hiện tại. Thực tế, Thủ tướng Modi vẫn tiếp tục xu hướng tương tự như hiện tại và không có gì thay đổi quá nhiều trong giai đoạn đầu của nhiệm kỳ 3, nhưng mục tiêu thúc đẩy với ASEAN sẽ là quan trọng nhất và hỗ trợ những quốc gia ở Nam Á để ổn định lại khu vực và hạn chế những rủi ro an ninh. Và sau đó Ấn Độ sẽ có những động thái cứng rắn với Trung Quốc nếu có những vấn đề nào xảy ra, kể cả đất liền và hàng hải. Ấn Độ cũng có những thách thức trong các vấn đề nội bộ trong nước cần phải giải quyết trong thời gian tới, đặc biệt là chênh lệch giàu nghèo, tình trạng đói nghèo.

Bên cạnh đó, Ấn Độ vẫn tiếp tục ưu tiên cho mục tiêu cải thiện vị thế và sức ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực và toàn cầu. Sự dịch chuyển quyền lực có thể xảy ra ở thế kỷ thứ 3 của XXI nhưng không quá rõ nét hay cụ thể và Ấn Độ sẽ tận dụng cơ hội này để dẫn dắt các tổ chức tiểu đa phương trên cả phương diện kinh tế, văn hóa và an ninh phi truyền thống, quốc phòng vẫn được thúc đẩy nhưng không phải là trụ cột ưu tiên trong những tổ chức này. .

**Phụ lục 5: Bản dịch tóm tắt phỏng vấn trực tiếp PGS. TS. Dhananjay Tripathi,
Dean, Department of International Relations, South Asian University**

Câu hỏi số 1: Theo các báo cáo chính phủ và nghiên cứu thì Ấn Độ không có chính sách quốc phòng chính thức, thay vào đó là các hướng dẫn, quy định để thực hiện. Theo Ông thì đây có được xem là một ưu thế của Ấn Độ khi triển khai các hợp tác quốc phòng phù hợp theo bối cảnh khu vực, thế giới và tình hình trong nước?

Đúng là Ấn Độ không có chính sách quốc phòng cụ thể và không có văn bản chính sách quốc phòng là một lợi thế. Tuy nhiên, các văn bản và hướng dẫn do Chính phủ ban hành cũng rất cụ thể và chặt chẽ để cho lĩnh vực hợp tác quốc phòng. Các văn bản này cũng cụ thể cho từng khu vực, sự ưu tiên ở từng quốc gia, khu vực lân cận hay các khu vực khác của ADD-TBD, giúp Ấn Độ có lợi ích hơn trong khu vực. Điều này giúp ích cho Ấn Độ rất nhiều trong việc thực hiện triệt để sự tự chủ chiến lược, thể hiện sự linh hoạt với các vấn đề toàn cầu.

Nếu quy định cụ thể trong chính sách quốc phòng thì rất khó để Ấn Độ thực hiện tự chủ chiến lược, nên các hướng dẫn và văn bản là phù hợp nhất.

Ấn Độ hiện nay cũng không có chiến lược ADD-TBD chỉ có tầm nhìn thôi, vì tầm nhìn để cho Ấn Độ sự chủ động trong việc xây dựng khu vực này tự do- rộng mở và phù hợp với các lợi ích quốc gia của Ấn Độ trong khu vực. Tầm nhìn này là do Ấn Độ nhận thấy những rủi ro từ sự trỗi dậy của Trung Quốc trong khu vực kết hợp với những rủi ro an ninh của Ấn Độ trên hàng hải và đất liền từ Trung Quốc - được xem là 1 cường quốc khu vực. Ấn Độ có 1 tầm nhìn dài hạn vào khu vực này và những hành động được xem là “chiến lược” này chỉ để tập trung vào chính vào sự đối trọng với Trung Quốc.

Câu hỏi số 2: Ông có thấy sự nhất quán giữa các tuyên bố/văn bản đã ký kết với thực tiễn/kết quả triển khai trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác an ninh song phương và đa phương hay không? Nếu không thì do nguyên nhân nào?

Đối với các cơ chế đa phương, việc này phụ thuộc vào vào quốc gia hợp tác với Ấn Độ mong muốn gì từ Ấn Độ. Ấn Độ là 1 cường quốc về quân sự và quốc

phòng nhưng mọi hợp tác không phải được xây dựng trên mục tiêu quốc phòng để xây dựng 1 liên minh chung do Ấn Độ chi phối. Các hợp tác thúc đẩy không được thúc đẩy toàn diện vì thiếu nguồn lực, thiếu sự kết nối cũng như có 1 số cơ chế đa phương đang chịu sự chi phối lớn từ Trung Quốc. Thêm 1 yếu tố nữa là Ấn Độ có chung biên giới với Trung Quốc và vẫn có xung đột nên Ấn Độ phải có những bước đi cẩn trọng để tránh tạo ra nhiều rủi ro khác hay sự cạnh tranh lớn.

Ấn Độ có sự thống nhất trong triển khai và hiện nay 2 đối tác lớn đang ảnh hưởng lớn đến các triển khai của Ấn Độ là Mỹ và Nga. Một số đối tác khác có phần chậm vì vẫn phụ thuộc vào mỗi nước và cách tiếp cận/ chính sách của hai bên.

Câu hỏi số 3: Theo đánh giá của Ông/ Bà thì xu hướng hợp tác quốc phòng Ấn Độ trong khu vực AĐD-TBD từ thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI sẽ diễn ra như thế nào?

Ấn Độ đã và đang thúc đẩy rất tốt hợp tác quốc phòng với các đối tác an ninh như Mỹ, Úc, Nhật, kể cả Việt Nam và vị thế Ấn Độ đang dần được tăng cường. Ấn Độ sẽ vẫn tiếp tục như hiện tại, nhưng rõ ràng Ấn Độ sẽ tận dụng tự chủ chiến lược và tùy thuộc vào sự dịch chuyển quyền lực của nước lớn để xem mình phải thực hiện như thế nào để phụ hợp với định hướng chung của Ấn Độ. Ấn Độ vẫn tiếp tục phát triển công nghệ quốc phòng và trở thành nhà cung cấp an ninh, quốc phòng cho khu vực, đặc biệt là ASEAN.

**Phụ lục 6: Bản dịch tóm tắt phỏng vấn trực tiếp GS. Amit Kumar Mishra Dean,
School of Global Affairs, Dr B. R. Ambedkar University**

Câu hỏi số 1: Theo các báo cáo chính phủ và nghiên cứu thì Ấn Độ không có chính sách quốc phòng chính thức, thay vào đó là các hướng dẫn, quy định để thực hiện. Theo Ông thì đây có được xem là một ưu thế của Ấn Độ khi triển khai các hợp tác quốc phòng phù hợp theo bối cảnh khu vực, thế giới và tình hình trong nước?

Ấn Độ có rất nhiều chính sách toàn diện đề cập đến các vấn đề liên quan đến an ninh tại khu vực biên giới và kể cả hàng hải ở từng khu vực. Trong đó, chính sách quốc phòng của Ấn Độ là một tập hợp các văn bản, hướng dẫn do Chính phủ ban hành. Nếu có một chính sách cụ thể và chi tiết thì không thể nào toàn diện hết các vấn đề rủi ro an ninh mà Ấn Độ đối mặt, vì bối cảnh khu vực và thế giới thường xuyên thay đổi và không ổn định, và đó là lý do không có một chính sách chính thức như Việt Nam và các nước khác. Đây là một lợi thế rất lớn để Ấn Độ tự chủ chiến lược và có thể linh hoạt với các mối quan hệ và giải quyết các thách thức theo bối cảnh trong nước, khu vực và toàn cầu.

Câu hỏi số 2: Ông có thấy sự nhất quán giữa các tuyên bố/văn bản đã ký kết với thực tiễn/kết quả triển khai trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng của Ấn Độ với các đối tác an ninh song phương và đa phương hay không? Nếu không thì do nguyên nhân nào?

Thực tế là có sự nhất quán trong cách Ấn Độ thực hiện và triển khai các hoạt động thực tiễn hợp tác quốc phòng so với các văn bản/ thỏa thuận đã ký, chẳng hạn như Việt Nam. Kết quả đạt được là sự kết nối của các thành tựu hợp tác trước đó của hai nước. Tuy nhiên, đôi lúc cũng sẽ có sự không thống nhất nhưng tùy thuộc vào từng quốc gia, cũng có thể là khi có sự thay đổi ưu tiên cũng như mục tiêu trong chính sách đối ngoại.

Thực tế hợp tác quốc phòng được phát triển do sự cam kết giữa các bên, nên không thể nói là nhất quán hay không mà phải phụ thuộc và ưu tiên và sự tiếp cận/ chính sách của các bên. Ấn Độ hiện nay chỉ có Tầm nhìn chứ không phải là chiến lược. Thực tế cái mà mọi người cho rằng là chiến lược đó chính là cách Ấn Độ thực hiện, việc Ấn Độ triển khai trong các chính sách của mình, chẳng hạn như Thái Bình Dương (IONS) hoặc là chính sách Hành động Hướng Đông thì phần lớn được đánh giá là chiến lược.

Ấn Độ luôn có cách tiếp cận cân trọng với các quốc gia vì Ấn Độ không muốn tạo ra sự can thiệp hay khiến quốc gia đó rơi vào tình huống phải trở thành “địa bàn” cạnh tranh chiến lược của nước lớn, chẳng hạn như Fiji.

Đồng thời, Ấn Độ có tầm nhìn dài hạn để có định hướng rằng mình sẽ làm gì và triển khai những chiến lược nào, và nên làm sao để Ấn Độ có thể tận dụng những “quyền lực mềm” của mình để cải thiện sự ảnh hưởng và vị thế của mình trong khu vực. Cách Ấn Độ triển khai không hung hăng như Trung Quốc.

Những khối đa phương khác như SAARC, SCO.... Thì trụ cột quốc phòng không phải là chính, kinh tế, văn hóa và gia tăng ảnh hưởng mới là quan trọng nhất của Ấn Độ, và Ấn Độ đang thực hiện tự chủ chiến lược ở các cơ chế đa phương này, nhằm mục tiêu đóng góp trên phương diện hòa bình, ổn định chứ không tạo ra sự lôi kéo các nước khác về thành liên minh của mình.

Và ở những mục tiêu quốc phòng cụ thể thì Ấn Độ sẽ ưu tiên dựa theo thế mạnh và ưu tiên của nước đối tác an ninh, và năng lực quốc phòng của hai bên.

Câu hỏi số 3: Theo đánh giá của Ông/ Bà thì xu hướng hợp tác quốc phòng Ấn Độ trong khu vực ADD-TBD từ thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI sẽ diễn ra như thế nào?

ADD là một khu vực gắn liền tự nhiên với Ấn Độ và vị thế tương lai của Ấn Độ cũng có mối liên hệ chặt chẽ với ADD, do đó, Ấn Độ muốn tiếp cận chủ động hơn với các quốc gia các trong khu vực. Ấn Độ đã và đang thúc đẩy chia sẻ thông tin hàng hải phi quân sự với các quốc gia như Sri Lanka, Maldives, và mở rộng ra Singapore, Mauritius, Seychelles. Hải quân của Ấn Độ cũng triển khai hiện diện thông qua nhiều chiến lược để đảm bảo an ninh hàng hải, hỗ trợ nhân đạo ở các nước.

Trong tương lai, khu vực Thái Bình Dương chính là mục tiêu chính ở Ấn Độ, đây cũng là lý do Ấn Độ tham gia vào Quad cũng như mở rộng các mối quan hệ với các nước ở khu vực Thái Bình Dương.

Ấn Độ mặc dù sẽ duy trì các quan hệ hợp tác quốc phòng hiện tại nhưng vẫn phải xem xét lại các thứ tự ưu tiên phù hợp với mục tiêu của Ấn Độ tùy thuộc vào từng quốc gia, có những quốc gia sẽ tập trung vào kinh tế, có những nước sẽ là thị trường đầu tư, có nước sẽ là an ninh - quốc phòng, hoặc sẽ là sự kết hợp, chứ quốc phòng không phải là trụ cột duy nhất.

Ấn Độ sẽ linh hoạt duy trì hợp tác song phương và dùng song phương thúc đẩy đa phương một cách chủ động, vì mục tiêu chính của Ấn Độ hướng đến là sự trỗi dậy hòa bình và xây dựng khu vực tự do, rộng mở và thịnh vượng.

**Phụ lục 7: Biên niên chuyến thăm các cấp giữa Ấn Độ - Mỹ
từ năm 2007 đến năm 2024**

Năm	Ấn Độ sang Mỹ	Mỹ sang Ấn Độ
2007	Bộ trưởng Ngoại giao Pranab Mukherjee (23/9/2007) Thủ tướng M. Singh (điện đàm ngày 15/10/2007)	-
2008	Thủ tướng M. Singh (9/2008; 11/2008)	Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Robert Gate (26-27/2/2008)
2009	Thủ tướng M. Singh (9/2009; 11/2009) Bộ trưởng Quốc phòng R.K. Mathur (11-12/5/2009)	Cố vấn an ninh quốc gia, Tướng James Jones (25-26/9/2009) Bộ trưởng Hải quân Ray E Mabus (27/11 - 1/12/2009) Đô đốc Robert F Williard, Bộ Tư lệnh Thái Bình Dương (2-5/12/2009)
2010	Bộ trưởng Quốc phòng R.K. Mathur (27-28/9/2010) Thủ tướng Manmohan Singh (11/2010)	Đô đốc Gary Roughead -Tham mưu trưởng hải quân (10-12/4/2010) Tướng James Jones, Cố vấn An ninh Quốc gia (14-16/7/2010) Bộ trưởng Quốc phòng Robert M Gates (19-21/10/2010) Tổng thống Barack Obama (6-9/11/2010)
2011	-	Ngoại trưởng Hillary Clinton (18-19/7/2011)
2012	-	Bộ trưởng Quốc phòng Leon Panetta (5-6/6/2012)

2013	Thủ tướng M. Singh (9/2013; 11/2013)	Ngoại trưởng John Kerry (23-25/6/2013)
2014	Thủ tướng Narendra Modi (27-30/9/2014) Bộ trưởng Ngoại giao Sushma Swaraj (25/9/2014)	Ngoại trưởng John Kerry (30/7 - 1/8/2014)
2015	Thủ tướng Narendra Modi (23-28/9/2015)	Tổng thống Barack Obama (24-27/1/2015) Bộ trưởng Quốc phòng Ash Carter (3/6/2015)
2016	Thủ tướng Narendra Modi (31/3/- 1/4/2016 và 6-8/6/2016) Bộ trưởng Quốc phòng Manohar Parrikar (29-30/8/2016)	Bộ trưởng Quốc phòng Ash Carter (11-13/4/2016)
2017	Thủ tướng Narendra Modi (25-26/6/2017)	Cố vấn An ninh Quốc gia H.R. McMaster (18/4/2017)
2018	Phó Tổng thống, Chủ tịch Thượng viện M. Venkaiah Naidu (8-9/9/2018) Bộ trưởng Ngoại giao Sushma Swaraj (9/2018) và Bộ trưởng Quốc phòng Nirmala Sitharaman (2-7/12/2018) Cố vấn An ninh quốc gia Ajit Doval	-
2019	Thủ tướng Narendra Modi (20-27/9/2019)	-
2020	-	Tổng thống Donald J. Trump (24-25/2/2020) Ngoại trưởng Mike Pompeo (26-27/10/2020) Bộ trưởng Quốc phòng Mark T Esper (25-29/10/2020)

2021	Thủ tướng Narendra Modi (24-27/9/2021)	Ngoại trưởng Antony Blinken (27-28/7/2021) Tham mưu trưởng Hải quân, Đô đốc Michael Gilday (11-15/10/2021) Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd J. Austin III (19-21/3/2021)
2022	Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (11-14/4/2022)	Phó cố vấn an ninh quốc gia Daleep Singh (20-31/3/2022) Chủ tịch Ủy ban Quân vụ Hạ viện Adam Smith (13-14/4/2022) Carlos Del Toro, Bộ trưởng Hải quân (17-21/11/2022)
2023	Cố vấn An ninh Quốc gia Ajit Doval (30/1-1/2/2023) Thủ tướng Narendra Modi (21-23/6/2023) Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar (22-30/9/2023)	Đô đốc John C. Aquilino - Tư lệnh Bộ Chỉ huy Mỹ (1-4/3/2023) Bộ trưởng Quốc phòng Lloyd J. Austin III (5/6/2023) Cố vấn An ninh Quốc gia Jake Sullivan (13-14/6/2023) Tổng thống Joe Biden (8-10/9/2023 tham dự G20)
2024	Ngoại trưởng Vinay Mohan Kwatra (10-12/4/2024) Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (23-26/8/2024) Thủ tướng Narendra Modi (21-23/9/2024, tham gia hội nghị Quad)	Đô đốc John C. Aquilino, Tư lệnh Bộ chỉ huy ADD-TBD (21-24/2/2024) Đô đốc Samuel J Locklear, Tư lệnh Bộ chỉ huy Thái Bình Dương (8-11/5/2024)

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Bộ Ngoại giao Ấn Độ và Mỹ (tính đến hết 12/2024)

Phụ lục 8: Số lượng vũ khí Ấn Độ nhập khẩu từ Mỹ (2000-2022)

Lĩnh vực	Vũ khí chiến đấu	Số lượng
Không quân	Trực thăng chiến đấu AH-64 Apache	28 (đã giao 22)
	Tên lửa chống tăng AGM-114 Hellfire	1,354+
	Tên lửa đất đối không Stinger	245
	Radar Longbow APG-78	12
	Trục cánh quạt trực thăng dự phòng	6
	Trực thăng vận tải hạng nặng CH-47 Chinook	15
	Máy bay vận tải C-130 Hercules	13 (đã giao 12)
	Siêu máy bay hạng nặng C-17 Globemaster	11
	Máy bay không người lái MQ-9 Reaper	2
	Bom CBU-97	512
	Động cơ cánh quạt máy bay	234 (đã giao 228)
	Động cơ phản lực cánh quạt máy bay	147 (đã giao 48)
Hải quân	Tàu vận tải đổ bộ lớp Austin	1
	Trực thăng MH-60R Seahawk ASW	24 (đã giao 3)
	Máy bay tuần tra và chống ngầm P-8 Poseidon	12
	Ngư lôi Mk-54 ASW	48 (đã giao 32)
	Trực thăng vận tải hải quân S-61 Sea King	6
	Tên lửa chống hạm Harpoon	53
	Bộ thử nghiệm chung của Harpoon	1
	Tua-bin khí hải quân	24 (đã giao 6)
Quân đội	Radar phản pháo của Firefinder	12
	Lựu pháo M-777 155mm	145 (đã giao 41)
	Đạn pháo dẫn đường M-982 Excalibur	1,200+
	Súng trường tấn công SIG Sauer SIG716	72,400+

Nguồn: Thống kê từ Vụ Khảo cứu Quốc hội, Bộ Quốc phòng Mỹ (2024)

**Phụ lục 9: Biên niên chuyên thăm các cấp giữa Ấn Độ - Nga
từ năm 2007 đến năm 2024**

Năm	Ấn Độ sang Nga	Nga sang Ấn Độ
2007	Tướng Joginder Jaswant Singh - Tham mưu trưởng Lục quân (9/2007)	Tổng thống Vladimir Putin (25-26/1/2007)
2008	-	Ngoại trưởng Sergey Lavrov (16-17/11/2008) Tổng thống Dmitry Medvedev (4-6/12/2008)
2009	Ngoại trưởng S. M. Krishna (20-22/10/2009) Tổng thống Pratibha Patil (2-6/9/2009) Thủ tướng M. Singh (6-8/12/2009)	-
2010	Phó Cố vấn An ninh Quốc gia Alok Prasad (8/6/2010) Ngoại trưởng S. M. Krishna (14-15/11/2010)	Phó Thủ tướng Sergei Semyonovich Sobyanin (15-18/2/2010) Ngoại trưởng Nga Sergey Lavrov (29/11/2010) Tướng N E Makarov, Tổng Tham mưu trưởng Lục lượng Vũ trang (7-9/12/2012)
2011	Đô đốc Nirmal Verma, Tổng Bộ Tham mưu Hải Quân (11-1-8/7/2011) Bộ trưởng Quốc phòng AK Antony (3-5/10/2011) Bộ trưởng Ngoại giao S.M. Krishna, (16-18/11/2011) Thủ tướng M. Singh (15-17/12/2011)	-

2012	-	Phó Thủ tướng Dmitry Rogozin (13-15/10/2012) Tổng thống V. Putin (24/12/2012)
2013	Bộ trưởng ngoại giao Salman Khurshid (2-4/10/2013) Thủ tướng M. Singh (20-22/10/2013)	-
2014	Bộ trưởng Quốc phòng AK Antony (5-6/11/2014)	Phó Thủ tướng Dmitry Rogozin (18/6/2014) Bộ trưởng Quốc phòng Sergey Shoigu (7-8/10/2014) Tổng thống V. Putin (11-12/12/2014)
2015	Thủ tướng N. Modi (23-25/12/2015) Bộ trưởng Quốc phòng Manohar Parrikar (1-3/11/2015)	Bộ trưởng Quốc phòng Sergey Shoigu (21/1/2015)
2016	Sĩ quan chỉ huy Hạm đội phía Đông, Chuẩn Đô đốc S V Bhokare (27/6-1/7/2016)	Tổng thống V. Putin (15-16/10/2016) Bộ trưởng Quốc phòng Sergey Shoigu (26/10/2016)
2017	Bộ trưởng Quốc phòng Raksha Mantri (26-27/4/2017) Thủ tướng Narendra Modi (1-2/6/2017 và 23-26/6/2017)	Đô đốc Vladimir Korolev, Tổng tư lệnh Hải quân (15-17/3/2017)
2018	Bộ trưởng Quốc phòng Nirmala Sitharaman (3-5/4/2018) Đô đốc Sunil Lanba, Tham mưu trưởng Hải quân (26-29/11/2018)	Tổng thống V. Putin (4-5/10/2018) Bộ trưởng Quốc phòng Sergey Shoigu (12-13/12/2018)
2019	Thủ tướng Narendra Modi (4-6/9/2019) Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (5-7/11/2019)	-

	Tham mưu trưởng Không quân, Nguyên soái Không quân Birender Singh Dhanoa (8-13/7/2019) Phó Đô đốc Ajit Kumar P, Tổng tư lệnh Hải quân, Bộ Tư lệnh Hải quân miền Tây (25-27/7/2019)	
2020	Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (3-5/9/2020)	Tổng thống Vladimir Putin (30/11 - 1/12/2020)
2021	Thủ tướng N. Modi (6-7/12/2021)	Bộ trưởng Quốc phòng Sergey Shoigu (6-9/12/2021)
2022	Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Jaishankar (7-8/11/2022)	Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Sergey Lavrov (31/3 - 1/4/2022)
2023	Ajit Kumar Doval, Cố vấn An ninh Quốc gia (07-09/2/2023) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Jaishankar (25-29/12/2023)	Thứ trưởng Ngoại giao Andrey Rudenko (13/11/2023) Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Sergey Lavrov (28/4/2023)
2024	Thủ tướng Narendra Modi (8-9/7/2024, dự hội nghị thượng đỉnh Nga - Ấn Độ thường niên lần thứ 22) Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (9-10/12/2024)	Phó Thủ tướng Denis Manturov (10-12/11/2024)

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Bộ Ngoại giao Ấn Độ và Nga (tính đến 12/2024)

**Phụ lục 10: Biên niên chuyến thăm các cấp giữa Ấn Độ - Nhật
từ năm 2007 đến năm 2024**

Năm	Ấn Độ sang Nhật Bản	Nhật Bản sang Ấn Độ
2007	Thủ hiến Bang Gujarat - N. Modi	Thủ tướng Shinzo Abe (8/2007)
2008	Thủ tướng Manmohan Singh (21-23/10/2008)	Bộ trưởng Quốc phòng Yuriko Koike
2009	Bộ trưởng Quốc phòng AK Antony (8-10/11/2009)	Thủ tướng Yukio Hatoyama (27-29/12/2009)
2010	Nguyên soái Không quân P.V Naik, Tham mưu trưởng Không quân (27-30/9/2010) Thủ tướng M. Singh (24-26/10/2010)	Tổng Tư lệnh Cảnh sát biển Hisayasu Suzuki (1/2010) Bộ trưởng Quốc phòng Toshimi Kitazawa (29/4 - 1/5/2010) Thủ tướng Naoto Kan (10/2010)
2011	Bộ trưởng Quốc phòng AK Antony (11/2011)	Thủ tướng Y. Noda (27-29/12/2011) Bộ trưởng Quốc phòng Toshimi Kitazawa (2-3/11/2011)
2012	Ngoại trưởng S.M. Krishna (7/2012)	Bộ trưởng Quốc phòng Satoshi Morimoto (12/2012) Tổng Tư lệnh Cảnh sát biển Hisayasu Suzuki (1/2012)
2013	Thủ tướng M. Singh (27-30/5/2013) Tổng Tư lệnh Lực lượng Bảo vệ Bờ biển Ấn Độ Muralidharan (2/2013)	Đô đốc Katsutoshi Kawano (24-26/2/2013) Đại tướng Kimizuka Eiji, Tham mưu trưởng Lực lượng Tự vệ mặt đất (5-8/5/2013) Cố vấn Quốc phòng Masanori Nishi (8-10/7/2013) Thủ tướng Shinzo Abe (07/2013) Nhật hoàng Akihito và Hoàng hậu Michiko (30/11- 6/12/2013)

2014	Thủ tướng Narendra Modi (30/8-3/9/2014)	Thủ tướng Nhật Bản Shinzo Abe (25-27/1/2014) Bộ trưởng Quốc phòng Itsunori Onodera (5-8/1/2014)
2015	Bộ trưởng Quốc phòng Manohar Parrikar (30/3-1/4/2015)	Thủ tướng Shinzo Abe (11-13/12/2015)
2016	Thủ tướng Narendra Modi (10-12/11/2016)	Nhật hoàng Akihito (12/2016) Bộ trưởng Quốc phòng Gen Nakatani (7/2016)
2017	Bộ trưởng về các vấn đề Bộ Tài chính, Quốc phòng và Doanh nghiệp, Ông Arun Jaitley (6-8/5/2017)	Thủ tướng Shinzo Abe (13-15/9/2017)
2018	Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi (28-29/10/2018)	Bộ trưởng Quốc phòng Itsunori Onodera (20-21/8/2018)
2019	Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi và Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (9/2023) Tổng thống Ram Nath Kovind (21-23/10/2019) Tổng tham mưu trưởng quốc phòng Bipin Rawat (3-6/12/2019)	Thủ tướng Shinzo Abe (15-16/12/2019) Bộ trưởng Quốc phòng Taro Kono (7-8/1/2019)
2020	Ngoại trưởng S. Jaishankar (10/2020)	Tướng Izutsu Shunji, Tham mưu trưởng, Lực lượng Phòng vệ Trên không Nhật Bản (9/2020)
2021	-	Bộ trưởng Quốc phòng Nobuo Kishi (5/2021)
2022	Thủ tướng N. Modi (23-25/3/2023) Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (7-10/9/2022)	Tham mưu trưởng Lực lượng phòng vệ trên không- Tướng IZUTSU Shunji (25-27/2/2022)

		Thủ tướng K. Fumio (19-21/3/2022) Tướng Kōji Yamazaki, Tham mưu trưởng Liên quân Lực lượng Phòng vệ (04/2022)
2023	<p>Thống chế Không quân Sinha (22-24/01/2023)</p> <p>Phó Đô đốc S. Naithani (26-31/3/2023)</p> <p>Thủ tướng N. Modi (19-21/5/2023)</p> <p>Bộ trưởng Quốc vụ Bộ Ngoại giao Shri V. Muraleedharan (8-10/11/2023)</p> <p>Tướng Anil Chauhan, Tham mưu trưởng Quốc phòng (11-15/12/2023)</p>	<p>Trung tướng Ogasawara Takuto, Phó Tư lệnh Lực lượng Phòng vệ Vũ trang Nhật Bản (12-14/02/2023)</p> <p>Bà Masako Mori, Cố vấn đặc biệt của Thủ tướng (19-22/7/2023)</p> <p>Thủ tướng Kishida Fumio (19-22/3/2023) và (5-11/9/2023)</p>
2024	<p>Ngoại trưởng S. Jaishankar (7-9/3/2024)</p> <p>Tổng tham mưu trưởng Lục quân Upendra Dwivedi (14-17/10/2024)</p>	<p>Bộ trưởng Quốc phòng Kihara (19-20/8/2024)</p>

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Bộ Ngoại giao Ấn Độ và Nhật Bản (tính đến 12/2024)

**Phụ lục 11: Biên niên chuyên thăm các cấp giữa Ấn Độ-Australia
từ năm 2007 đến năm 2024**

Năm	Ấn Độ sang Australia	Australia sang Ấn Độ
2007	Bộ trưởng Ngoại giao E. Ahamed (10/2007 và 12/2007)	Bộ trưởng Quốc phòng Brendan Nelson (10-12/7/2007)
2008	Chủ tịch COSC và Tham mưu trưởng Hải quân (5-8/11/2008)	Bộ trưởng Ngoại giao Stephen Smith (8-12/9/2008)
2009	Bộ trưởng Ngoại giao S.M. Krishna (6-10/8/2009)	Bộ trưởng Ngoại giao Stephen Smith (10/2009) Tu lệnh quân đội Trung tướng Ken Gillespie (5-9/10/2009) Thủ tướng Kevin Rudd (11-12/11/2009)
2010	Bộ trưởng Ngoại giao Preneet Kaur (7-8/8/2010) Tướng V.K Singh, Tham mưu trưởng Lục quân (23-26/8/2010)	Bộ trưởng Ngoại giao Stephen Smith (1-4/3/2010)
2011	Bộ trưởng Ngoại giao Preneet Kaur (1/2011) Phó Tổng thống Shri M.Hamid Ansari (18-30/10/2011)	Bộ trưởng Ngoại giao Kevin Rudd (15/11/2011) Bộ trưởng Quốc phòng Stephen Smith (6-7/12/2011)
2012	-	Thủ tướng Julia Gillard (15-17/10/2012)
2013	Bộ trưởng Quốc phòng A. K. Antony (4-5/6/2013) Tướng quân đội Bikram Singh (3-6/9/2013)	Bộ trưởng Ngoại giao Bob Carr (1/2013) Bộ trưởng Ngoại giao Julie Bishop (15-18/11/2013)
2014	Thủ tướng N. Modi (16-18/11/2014)	Thủ tướng Tony Abbott (4-5/9/2014)

2015	Đô đốc RK Dhowan, Tham mưu trưởng Hải quân (2-7/10/2015)	Bộ trưởng Ngoại giao Julie Bishop (12-15/4/2015) Bộ trưởng Quốc phòng Kevin Andrews (1-3/9/2015)
2016	Chủ tịch Nghiên cứu và Phát triển Quốc phòng Avinash Chander (18-21-4/2016) Tổng tư lệnh quân đội Dalbir Singh (11-14/7/2016)	-
2017	-	Thủ tướng M. Turnbull (9-12/4/2017) Bộ trưởng Ngoại giao Julie Bishop (18-19/7/2017)
2018	Tổng thống Shri Ram Nath Kovind (21-24/11/2018)	Toàn quyền Peter Cosgrove (10-14/03/2018)
2019	-	Bộ trưởng Ngoại giao Marise Payne (8-9/1/2019) Tur lệnh Không quân Gavin Neil Davies (4-7/2/2019)
2020	-	Bộ trưởng Ngoại giao Marise Payne (16-17/1/2020)
2021	-	Bộ trưởng Ngoại giao Marise Payne và Bộ trưởng Quốc phòng Peter Dutton (10-12/9/2021)
2022	-	Thống chế Không quân Mel Hupfield, Tur lệnh Không quân Hoàng gia (9-10/5/2022) Đô đốc Michael Noonan, Tur lệnh Hải quân (25-28/2/2022) Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Quốc phòng Richard Marles (20-22/6/2023)

2023	<p>Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar (18/2/2023)</p> <p>Tướng Manoj Pande, Tham mưu trưởng Lục quân (3/4/2023)</p> <p>Thủ tướng Narendra Modi (22-24/5/2023)</p>	<p>Phó Đô đốc Hark Hammond, Tư lệnh Hải quân (9-11/3/2023)</p> <p>Tham mưu trưởng Lục quân Australia, Trung tướng Richard Maxwell Burr (8-12/3/2023)</p> <p>Thủ tướng Anthony Albanese (8-11/3/2023) và (9-10/9/2023 dự Hội nghị Thượng đỉnh G20)</p> <p>Trung tướng Simon Stuart, Tư lệnh Lục quân (24-27/9/2023)</p> <p>Bộ trưởng Ngoại giao Penny Wong và Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Quốc phòng Richard Marles (19-20/11/2023)</p>
2024	<p>Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar (9-10/2/2024; 3-7/11/2024)</p>	<p>Tư lệnh Hải quân Hoàng gia Australia, Phó Đô đốc Mark Hammond (2-6/4/2024)</p> <p>Bộ trưởng Quốc phòng Greg Moriarty (14-15/10/2024)</p>

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Bộ Ngoại giao Ấn Độ và Australia (tính đến 12/2024)

**Phụ lục 12: Biên niên chuyên thăm các cấp giữa Ấn Độ và Trung Quốc
từ năm 2007 đến năm 2024**

Năm	Ấn Độ sang Trung Quốc	Trung Quốc sang Ấn Độ
2007	Tướng Joginder Jaswant Singh - Tham mưu trưởng Lục quân (21-25/5/2007)	-
2008	Thủ tướng M. Singh (13-15/01/2008) Tham mưu trưởng Không quân F. H. Major (2-6/11/2008)	Đô đốc Hải quân Ngô Thắng Lợi (11/2008)
2009	Đô đốc Sureesh Mehta, Tư lệnh Hải quân (18-25/4/2009) Tướng V.K. Singh, Bộ Tư lệnh phía Đông (31/8 - 3/9/2009)	Thiếu tướng Vương Nhân Hoa Phó Tham mưu trưởng Không quân PLA (10-16/8/2009) Phó Tổng Tham mưu trưởng Cát Chấn Phong (1-6/12/2009)
2010	-	Thủ tướng Ôn Gia Bảo (15-17/12/2010)
2011	Thủ tướng Manmohan Singh (12/4/2011) Thiếu tướng Gurmit Singh - Bộ tư lệnh quân khu Bắc (19-23/6/2011)	-
2012	Phó nguyên soái không quân P.S Mann (10 - 13/1/2012)	Bộ trưởng Quốc phòng Lương Quang Liệt (2-6/9/2012)
2013	Thủ tướng M. Singh (22-24/10/2013) Bộ trưởng Quốc phòng A K Antony (4-7/7/2013)	-
2014	-	Ngoại trưởng Vương Nghị (8-9/6/2014) Chủ tịch nước Tập Cận Bình (17-19/9/2014)

2015	Thủ tướng Narendra Modi (14-15/5/2015)	Tướng Trương Hựu Hiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục vũ khí PLA (27/2 - 2/3/2015) Tướng Lưu Nguyên - Chính ủy Tổng cục Hậu cần PLA (26-27/4/2015) Tướng Phạm Trường Long, Phó Chủ tịch Quân ủy Trung ương (15-17/11/2015)
2016	Tổng thống P. Mukherjee (24-27/5/2016) Bộ trưởng Quốc phòng Manohar Parrikar (16-19/4/2016)	Tướng Triệu Tông Kỳ, Tư lệnh Tư lệnh Chiến khu Tây bộ (8-11/12/2016)
2017	Thủ tướng Narendra Modi (9-10/6/2017)	-
2018	Thủ tướng Narendra Modi (26-28/4/2018) Bộ trưởng Quốc phòng Nirmala Sitharaman (4/2018) Bí thư Bộ Quốc phòng Ấn Độ Sanjay Mitra (11/2018)	Bộ trưởng Quốc phòng Ngụy Phụng Hòa (21-24/8/2018) Ngoại trưởng Vương Nghị (21-24/12/2018)
2019	Bí thư Đối ngoại Vijay Gokhale (22/4/2019) Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishankar (11-13/8/2019)	Chủ tịch nước Tập Cận Bình (11-12/10/2019)
2020	Tổng Tư lệnh Bộ Tư lệnh miền Bắc, Trung tướng Ranbir Singh (7-10/1/2020)	-
2023	-	Bộ trưởng Ngoại giao Tần Cương (2-3/3/2023) Bộ trưởng Quốc phòng Lý Thuợng Phúc (27/4/2023)
2024	-	-

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Bộ Ngoại giao Ấn Độ và Trung Quốc (tính đến 12/2024)

**Phụ lục 13: Biên niên chuyển thăm các cấp giữa Ấn Độ và Việt Nam
từ năm 2007 đến năm 2024**

Năm	Ấn Độ đến Việt Nam	Việt Nam đến Ấn Độ
2007	Chủ tịch Hạ viện Nhân dân - Somnath Chatterjee (22-27/3/2007)	Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (4-6/7/2007)
2008	Tổng thống P. Patil (24-28/11/2008)	-
2009	-	Phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Doan (30/9 - 5/10/2009)
2010	Thủ tướng M. Singh (28-30/10/2010)	Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng (23-24/2/2010)
2011	Chủ tịch Hạ viện Meira Kumar (14-17/5/2011)	- Chủ tịch nước Trương Tấn Sang (11-13/10/2011) - Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương - Hoàng Bình Quân - Phó Chủ tịch Quốc hội - Hồ Xuân Sơn
2012	-	Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (20-21/12/2012)
2013	Phó Tổng thống Mohammad Hamid Ansari (14-17/1/2013) Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Radha Krishna Mathur 7-8/11/2013)	Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng (19-22/11/2013)
2014	Tổng thống Pranab Mukherjee (14 - 17/9/2014)	Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (27-28/10/2014)
2015	Đại tướng Arup Raha, Tư lệnh Không quân Ấn Độ (9-11/9/2015) Cố vấn an ninh quốc gia, Ajit Kumar Doval (3-5/4/2015)	Đại tướng Phùng Quang Thanh (24-26/5/2015)

2016	Thủ tướng Narendra Modi (2-3/9/2016)	Bộ trưởng Quốc phòng - Đại tướng Ngô Xuân Lịch (4-7/12/2016) Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân (8-11/12/2016)
2017	Quốc vụ khanh Bộ Ngoại giao - V.K. Singh (21-22/4/2017) Chủ tịch Ủy ban Tham mưu trưởng kiêm Tư lệnh Hải quân Ấn Độ - Sunil Lanba (3-8/10/2017)	Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Ngoại giao Phạm Bình Minh (03-05/7/2017)
2018	Bộ trưởng Quốc phòng - Nimala Siharaman (12-15/6/2018) Ngoại trưởng Sushma Swaraj (26-28/8/2018) Tổng thống Ram Nath Kovind (18- 20/11/2018) Tổng Tư lệnh quân đội Bipin Rawat (23/11/2018)	Thủ tướng Việt Nam Nguyễn Xuân Phúc (24-26/1/2018) Chủ tịch nước Trần Đại Quang (2-4/3/2018)
2019	Phó Tổng thống Ram Venkaiah Naidu (9-12/5/2019)	-
2020	-	Phó Chủ tịch nước Đặng Thị Ngọc Thị (11-13/2/2020)
2021	-	Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ (15- 19/12/2021)
2022	Chủ tịch Hạ viện - Om Birla (19-21/4/2022) Bộ trưởng Quốc phòng Rajnath Singh (8-10/6/2022) Quốc Vụ Khanh về Ngoại giao Ranjan Singh (25-26/9/2022)	Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn (16-17/6/2022)

2023	<p>Chuẩn đô đốc Gurcharan Singh (19-22/5/2023)</p> <p>Tham mưu trưởng Hải quân Ấn Độ Đô đốc R. Hari Kumar (22-25/7/2023)</p> <p>Bộ trưởng Ngoại giao S. Jaishanka (15-18/10/2023)</p>	<p>Đại tướng Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an (9-10/4/2024)</p> <p>Đại tướng Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (17-20/6/2023)</p>
2024	-	<p>Thượng tá Nguyễn Quang Huy (22-23/6/2024)</p> <p>Thủ tướng Phạm Minh Chính (30/7 - 1/8/2024)</p>

Nguồn: Tác giả tổng hợp theo Bộ Ngoại giao Ấn Độ và Việt Nam (tính đến 12/2024)

Phụ lục 14: Các cuộc họp cấp cao giữa Ấn Độ và SCO từ 2018-2024

Thời gian	Sự kiện
9-10/6/2018	Thủ tướng Narendra Modi dự hội nghị thượng đỉnh SCO tại Thượng Hải
2018	Ngoại trưởng Sushma Swaraj tham dự cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng Ngoại giao SCO tại Bắc Kinh
14-15/06/2019	Thủ tướng Narendra Modi dự hội nghị thượng đỉnh SCO tại Kyrgyzstan
2019	Ngoại trưởng Sushma Swaraj tham dự cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng Ngoại giao SCO tại Bishkek
2019	Bộ trưởng Quốc phòng Shri Rajnath Singh đã tham dự Cuộc họp các nhà lãnh đạo các nước SCO tại Tashkent
13/5/2020	Ngoại trưởng S. Jaishankar tham dự cuộc họp trực tuyến Hội đồng Bộ trưởng Ngoại giao SCO (do đại dịch COVID-19)
10/11/2020	Thủ tướng Narendra Modi dự hội nghị thượng đỉnh trực tuyến SCO do Nga đăng cai tổ chức
16-17/09/2021	Thủ tướng Narendra Modi dự hội nghị thượng đỉnh SCO tại Tajikistan
22-23/6/2021	Cố vấn An ninh Quốc gia Shri Ajit Doval tham gia cuộc họp Hội đồng Thư ký Hội đồng Bảo an SCO
28/7/2021	Bộ trưởng Quốc phòng Shri Rajnath Singh đã tham gia cuộc họp Bộ trưởng Quốc phòng SCO tại Dushanbe
15-16/09/2022	Thủ tướng Narendra Modi dự hội nghị thượng đỉnh SCO tại Uzbekistan
28-29/7/2022	Ngoại trưởng S. Jaishankar dự họp Hội đồng Bộ trưởng Ngoại giao SCO
18-19/8/2022	Phó Cố vấn An ninh Quốc gia Vikram Misri tham dự cuộc họp của Thư ký Hội đồng An ninh SCO tại Tashkent
23-24/8/2022	Bộ trưởng Quốc phòng Shri Rajnath Singh đến Tashkent tham dự Hội nghị thường niên của Bộ trưởng Quốc phòng SCO năm 2022
4/7/2023	Ấn Độ đăng cai tổ chức hội nghị thượng đỉnh SCO hình thức trực tuyến
3-4/7/2024	Ngoại trưởng S. Jaishankar dự hội nghị thượng đỉnh SCO tại Kazakhstan
25-26/4/2024	Bộ trưởng Quốc phòng Shri Giridhar Aramane đến Kazakhstan tham dự Hội nghị thường niên của Bộ trưởng Quốc phòng SCO năm 2024

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Bộ Ngoại giao Ấn Độ và các nước thuộc SCO